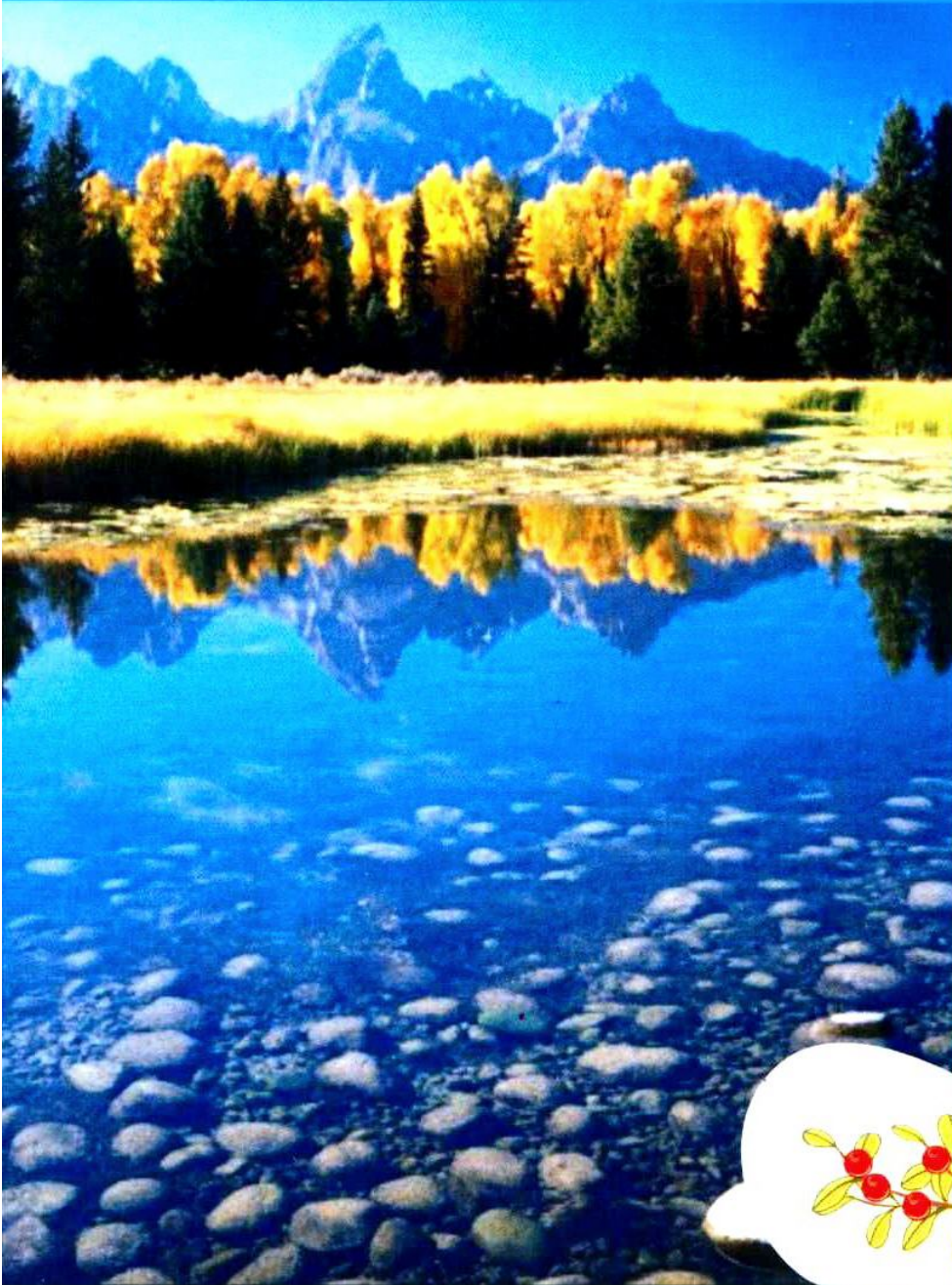


NGUYỄN PHƯƠNG AN - NGÔ TRÍ SƠN
(Biên soạn, tuyển chọn và giới thiệu)

Những bài

**VĂN
MẪU**



DÀNH CHO
HỌC SINH LỚP

10



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN PHƯƠNG AN - NGÔ TRÍ SƠN
(Biên soạn, tuyển chọn và giới thiệu)

Những bài văn mẫu
DÀNH CHO HỌC SINH LỚP
10

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Phần thực hành *Làm văn* lớp 10 Trung học phổ thông vừa chú trọng ôn tập và nâng cao kĩ năng làm các bài văn tự sự, biểu cảm, thuyết minh vừa rèn luyện kĩ năng làm văn nghị luận, đáng chú ý là các đề văn sau:

Kể lại một truyện cổ tích hoặc truyện ngắn mà anh (chị) yêu thích; Hãy tưởng tượng mình là Xi-mông, kể lại câu chuyện "Bố của Xi-mông"; Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống Thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu. Những sự việc gì đã xảy ra? Hãy kể lại câu chuyện đó; Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của anh (chị) về tình cảm gia đình hoặc tình bạn, tình thầy trò theo ngôi kể thứ nhất; Cây lau chứng kiến việc Vũ Nương ngồi bên bờ Hoàng Giang than thở một mình rồi tự vẫn. Hãy kể lại câu chuyện đó theo giọng kể ở ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba (mở rộng truyện Chuyện người con gái Nam Xương); Hãy hóa thân vào những que diêm kể lại câu chuyện theo diễn biến và kết thúc của truyện ngắn "Cô bé bán diêm" (hoặc diễn biến sự việc tương tự, nhưng kết thúc khác); Hãy tưởng tượng mình là Đăm Săn để kể lại trận đánh Mtao Mxây; Viết bài văn tả quang cảnh nhà tù trường Đăm Săn sau khi chiến thắng Mtao Mxây; Cảm nghĩ của anh (chị) về vẻ đẹp một nhân vật văn học mà anh (chị) yêu thích; Viết bài thuyết minh về dòng văn học dân gian Việt Nam với đoàn học sinh nước ngoài đến thăm trường; Anh (chị) hãy giải thích và làm sáng tỏ ý nghĩa của câu ngạn ngữ Hy Lạp: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào"; Sau hai tuần đầu năm học, ban giám hiệu nhà trường muốn biết về tình hình của lớp. Trong trường hợp này cần phải viết loại văn bản nào? Anh (chị) hãy thay mặt lớp viết văn bản đó; Lênin nói: "Tôi không sợ khó, không sợ khổ, tôi chỉ sợ những phút yếu mềm của lòng tôi. Đối với tôi chiến thắng bản thân là chiến thắng vẻ vang nhất". Bằng vốn sống và kinh nghiệm, hãy kể một câu chuyện về "một học sinh tốt, phạm một số sai lầm nhưng đã kịp thời tỉnh ngộ, chiến thắng bản thân; Sáng tác một truyện ngắn (theo đề tài tự chọn) mang ý nghĩa xã hội, có tác dụng giáo dục thiết thực đối với tuổi trẻ hiện nay; Vai trò của cây cối (hoặc của rừng, của các loài động vật hoang dã, của nhiên liệu sạch,...) trong bảo vệ môi trường sống; Hãy viết một bài văn thuyết minh về: một danh lam thắng cảnh hoặc một loại hình văn học, một ngành thủ công Mĩ nghệ, hoặc một đặc sản, một nét văn hóa ẩm thực, một lễ hội truyền thống; Học bài thơ "Thuật hoài" của Phạm Ngũ Lão, có bạn cho rằng: Sự hổ thẹn của tác giả là quá đáng, kiêu kì. Ngược lại, có bạn ngợi ca và cho rằng đó là biểu hiện một hoài bão lớn lao của người thanh niên yêu nước. Hãy cho biết ý kiến của anh (chị)...

Tuy nhiên, vì khuôn khổ nhất định, cuốn sách này chỉ giới thiệu được một số bài viết theo cấu trúc như sau:

- PHẦN MỘT: ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO KĨ NĂNG LÀM CÁC BÀI VĂN TỰ SỰ, BIỂU CẢM, THUYẾT MINH
- PHẦN HAI: RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN

Đây không phải là cuốn văn mẫu để học sinh sao chép. Chính vì vậy, trong mỗi phần thuộc mỗi kiểu văn, sau các đề bài tiêu biểu cho kiểu văn đó, người biên soạn nêu dần ý chi tiết để học sinh hình dung được cách thức, bước đi và hướng thực hành viết bài văn. Như vậy, khái niệm "mẫu" ở đây được hiểu là bài văn do chính học sinh tự viết, tự lựa chọn cách diễn đạt phù hợp của mình.

Cuốn sách chắc sẽ còn những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp để có thể nâng cao chất lượng trong những lần in sau.

Xin chân thành cảm ơn.

NHÓM BIÊN SOẠN

Phần một
ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO KĨ NĂNG
LÀM CÁC BÀI VĂN TỰ SỰ, BIỂU CẢM, THUYẾT MINH

A. ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO KĨ NĂNG
LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ

I. MỘT SỐ LƯU Ý KHI VIẾT BÀI VĂN TỰ SỰ

1. Tìm hiểu đề

- Đề bài yêu cầu tạo lập kiểu văn bản nào (kể chuyện hay miêu tả)? Để tạo lập văn bản ấy cần sử dụng phương thức biểu đạt nào là chủ yếu?

- Nội dung cần biểu đạt là gì?

- Để thực hiện yêu cầu của đề bài, cần chuẩn bị những tri thức và kĩ năng gì?

2. Lập dàn ý

- *Mở bài*

Mở bài theo kiểu trực tiếp hay gián tiếp? Xác định những nội dung cần biểu đạt trong phần Mở bài tùy theo từng cách mở bài.

+ Đối với đề bài kể chuyện: Giới thiệu câu chuyện (tên câu chuyện, chủ đề truyện,...)

+ Đối với đề bài miêu tả: Giới thiệu khái quát về đối tượng miêu tả.

Trong trường hợp đề bài yêu cầu viết đoạn văn thì giới thiệu đối tượng miêu tả ở câu mở đoạn.

- *Thân bài*

+ Đối với đề bài kể chuyện: Kể lại diễn biến câu chuyện theo trình tự mở đầu, diễn biến, kết thúc.

Chú ý: Phát huy trí tưởng tượng để xây dựng nội dung kể phong phú, sinh động; Lựa chọn ngôi kể cho hợp lí (khi nhập vai nhân vật để tự kể về mình thì ngôi kể phải là "tôi"); Có thể kết hợp giữa kể với tả hoặc biểu cảm để câu chuyện thêm sinh động, bộc lộ được thái độ, suy nghĩ của mình về sự việc, chi tiết.

+ Đối với đề bài miêu tả: Tả lại đối tượng theo trình tự nhất định. Đối với văn tả người, chú ý tả từ đặc điểm về chân dung, cử chỉ, hành động đến tiếng nói; có thể điểm xuyết khung cảnh.

Trong trường hợp đề bài yêu cầu viết đoạn, thì đây là phần thân đoạn.

- *Kết bài*

+ Đối với đề bài kể chuyện: Có thể kết bài bằng chính sự kết thúc của câu chuyện hoặc kết bài theo kiểu mở rộng. Tuy nhiên, tốt nhất là biết đưa ra những suy nghĩ, đánh giá của mình về câu chuyện vừa kể đồng thời có thể mở rộng liên

tưởng, tưởng tượng.

+ Đối với đề bài miêu tả: Nêu cảm nghĩ của mình về đối tượng vừa tả.

Trong trường hợp đề bài yêu cầu viết đoạn văn, có thể phần này tương ứng với câu kết đoạn.

3. Gợi ý thực hành

Đề 1: Kể lại một truyện cổ tích hoặc một truyện ngắn mà anh (chị) yêu thích (Ví dụ: *Sọ Dừa, Bến quê, Những ngôi sao xa xôi...*).

Gợi ý: Bài làm phải đảm bảo vừa đúng vừa đủ nội dung cốt truyện. Kể lại câu chuyện bằng lời văn của mình. Tuy nhiên, trong khi kể vẫn có thể dẫn y nguyên câu văn hoặc lời đối thoại của các nhân vật trong tác phẩm. Có thể tham khảo dàn ý dưới đây (kể lại truyện cổ tích *Sọ Dừa*).

(A) Mở bài

- Kể giới thiệu gia cảnh bố mẹ *Sọ Dừa*
- Sự ra đời thần kì và hình ảnh dị dạng của *Sọ Dừa*.

(B) Thân bài

Lần lượt kể các sự việc sau:

- *Sọ Dừa* đi chăn bò cho nhà phú ông những tưởng sẽ rất khó khăn nhưng cậu chăn rất giỏi.
- Phú ông cắt cử ba cô con gái đưa cơm cho *Sọ Dừa*.
- + Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi *Sọ Dừa*.
- + Cô út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với *Sọ Dừa* rất tử tế.
- Cô út nhiều lần bắt gặp *Sọ Dừa* biến thành chàng trai tuấn tú khôi ngô đem lòng yêu thương chàng.
- *Sọ Dừa* đòi mẹ sang hỏi cho mình con gái phú ông.
- Hai cô chị xấu tính nên từ chối. Cô út vì biết được thân hình của *Sọ Dừa* nên cúi mặt, e lệ bằng lòng.
- *Sọ Dừa* đi thi. Trước khi đi còn dặn dò và trao cho vợ những vật hộ thân.
- Hai cô chị bày mưu ác rồi đẩy cô em vào bụng cá.
- Cô em không chết, giạt vào sống ở đảo hoang rồi may mắn nhờ vào những vật hộ thân mà gặp được chồng mình.

(C) Kết bài

- Hai cô chị thấy cô em trở về thì xấu hổ bỏ đi biệt tích.
- Vợ chồng quan trọng từ đây sống hạnh phúc bên nhau.

* Lưu ý: Với kiểu loại đề bài này, người viết phải biết lựa chọn những chi tiết, những sự việc tiêu biểu trong tác phẩm rồi diễn đạt lại bằng văn phong của mình, tránh kể dài dòng, quá tham chi tiết.

Đề 2: Hãy tưởng tượng mình là Xi-mông, kể lại chuyện *Bố của Xi-mông*.

Gợi ý: Đây là kiểu loại để kể chuyện tưởng tượng nhập vai. Muốn làm tốt cần

phải đặt mình vào hoàn cảnh của Xi-mông, biến chuyện của Xi-mông thành lời tự thuật của mình. Có thể xây dựng dàn ý kể chuyện như sau:

(A) *Mở bài*

- Giới thiệu:

+ Tôi là Xi-mông, là con của mẹ Blăng-sốt và bố Phi-líp yêu thương.

+ Thế nhưng, các bạn biết không, trước đây tôi đã vô cùng đau khổ vì bị coi là đứa trẻ không có bố.

(B) *Thân bài*

Kể lại lần lượt các sự kiện trong đoạn trích *Bố của Xi-mông*.

(1) Hôm ấy là ngày đầu tiên tôi đi học:

- Bị bạn bè trêu như thế nào?

- Bản thân đau đớn ra sao? (trong suy nghĩ, hành động,...)

- Cảm giác sợ hãi, muốn lẩn tránh, xa lánh bạn bè

(2) Tôi đã bỏ lên bờ sông, trong đầu vương vấn ý định tự tử ngay lúc ấy.

- Kể lại tâm trạng vô cùng tuyệt vọng lúc ở bờ sông.

- Cảnh vật lúc đó thế nào? Nó khiến "tôi" cảm giác ra sao?

(3) Đang tuyệt vọng, bỗng nhiên có một bàn tay chắc nịch đặt lên vai tôi. Đó là bác thợ rèn Phi-líp.

- Kể lại việc bác thợ rèn nói chuyện với mình ra sao.

- Bác đưa mình về và nói chuyện với mẹ thế nào.

(4) Vô cùng sung sướng khi bác Phi-líp đồng ý nhận làm cha của mình.

- Muốn khoe với các bạn và tự hào vì mình có bố.

(C) *Kết bài*

- Đây là câu chuyện có ý nghĩa nhất đối với bản thân tôi.

- Kể từ ngày ấy tôi luôn hạnh phúc và tự hào vì được sống trong tình thương yêu của cả bố mẹ tôi.

Đề 3: Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống Thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu. Những sự việc gì đã xảy ra? Hãy kể lại câu chuyện đó.

Gợi ý: Đây là loại đề yêu cầu kể chuyện tưởng tượng và sáng tạo. Để làm tốt loại bài này cần phát huy khả năng tưởng tượng liên tưởng (các sự việc, các chi tiết để tạo thành cốt truyện). Yêu cầu các chi tiết, sự việc phải đảm bảo logic, phải phù hợp với tâm lí, tính cách của các nhân vật. Không những thế cách giải quyết được đưa ra cũng phải làm hài lòng người đọc.

Có thể tham khảo một dàn ý dưới đây:

(A) *Mở bài*

- Sau khi an táng cho vợ, Trọng Thủy ngày đêm buồn rầu khổ não.

- Một hôm đang tắm, Trọng Thuỷ nhìn thấy bóng Mị Châu ở dưới nước bèn nhảy xuống giếng ôm nàng mà chết.

(B) *Thân bài*

(1) Trọng Thuỷ lạc xuống Thuỷ cung.

- Vì trong lòng luôn ôm nỗi nhớ Mị Châu nên sau khi chết, linh hồn Trọng Thuỷ tự tìm đến Thuỷ cung.

- Miêu tả cảnh cảnh ở dưới Thuỷ cung (cung điện nguy nga lộng lẫy, người hầu đi lại rất đông...).

(2) Trọng Thuỷ gặp lại Mị Châu.

- Đang ngỡ ngàng thì Trọng Thuỷ bị quân lính bắt vào đại điện.

- Trọng Thuỷ được đưa đến quỳ trước mặt một người mà lính hầu gọi là công chúa.

- Sau một hồi lục vấn, Trọng Thuỷ kể rõ mọi sự tình. Lúc ấy Mị Châu cũng rưng rưng nước mắt.

(3) Mị Châu kể lại chuyện mình và trách Trọng Thuỷ.

- Mị Châu chết, được vua Thuỷ Tề nhận làm con nuôi.

- Mị Châu cứng rắn nặng lời phê phán oán trách Trọng Thuỷ.

+ Trách chàng là người phản bội.

+ Trách chàng gieo bao đớn đau cho hai cha con nàng và đất nước.

- Mị Châu nhất quyết cự tuyệt Trọng Thuỷ rồi cả cung điện tự nhiên biến mất.

(4) Trọng Thuỷ còn lại một mình: Buồn rầu, khổ não, Trọng Thuỷ mong ước nước biển ngàn năm sẽ xóa sạch lầm lỗi của mình.

(C) *Kết bài*

Trọng Thuỷ hoá thành một bức tượng đá vĩnh viễn nằm lại dưới đáy đại dương.

* Lưu ý: Người viết có thể vẫn dựa vào dàn ý nêu trên nhưng có thể chọn nội dung câu chuyện khác, ví dụ:

- Trọng Thuỷ và Mị Châu gặp gỡ nhau. Hai người tỏ ra ân hận. Nhưng rồi họ quyết định từ bỏ mọi chuyện ở dương gian để sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nơi đáy nước.

- Mị Châu gặp Trọng Thuỷ. Nàng phân rõ lí tình về những chuyện lúc hai người còn sống. Hiểu lời vợ, Trọng Thuỷ tỏ ra ân hận, nhận tất cả lầm lỗi về mình. Hai người hứa hẹn sẽ làm những điều tốt đẹp để bù đắp những lầm lỗi trước đây.

Đề 4: Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của anh (chị) về tình cảm gia đình, tình bạn, tình thầy trò theo ngôi kể thứ nhất.

Gợi ý: Kỉ niệm được chọn cần có chọn lọc (phải quan trọng, phải giàu ấn tượng và giàu cảm xúc). Khi kể cần chú ý đảm bảo đúng ngôi người kể (ngôi thứ nhất).

Có thể tham khảo dàn ý như sau:

(A) Mở bài

- Giới thiệu mối quan hệ của bản thân với người mà mình đã có được kỉ niệm giàu ấn tượng và sâu sắc (ông bà, cha mẹ, bạn bè, thầy cô...).

- Kể lại hoàn cảnh nảy sinh kỉ niệm ấy (trong một lần về thăm quê, trong một lần cùng cả lớp đi chơi, đi học nhóm hoặc trong một lần được điểm tốt, hay một lần mắc lỗi được thầy cô rộng lượng phân tích và tha thứ...).

(B) Thân bài

(1) Giới thiệu chung về tình cảm của bản thân với người mà ta sắp xếp (tình cảm gắn bó lâu bền hay mới gặp, mới quen, mới được thầy (cô) dạy bộ môn hay chủ nhiệm...).

(2) Kể về kỉ niệm.

- Câu chuyện diễn ra vào khi nào?

- Kể lại nội dung sự việc.

+ Sự việc xảy ra thế nào?

+ Cách ứng xử của mọi người ra sao?

Ví dụ: Vào giờ kiểm tra, tôi không học thuộc bài nhưng không nói thật. Tôi tìm đủ lí do để chối quanh co (do mẹ tôi bị ốm...). Nhưng không ngờ hôm trước cô có gọi điện cho mẹ trao đổi về tình hình học tập của tôi. Nhưng ngay lúc ấy cô không trách phạt. Để giữ thể diện cho tôi, cô mời tôi cuối giờ ở lại để “hỏi thăm” sức khỏe của mẹ tôi...

- Kỉ niệm ấy đã để lại trong bản thân điều gì? (Một bài học, thêm yêu quý ông bà, bạn bè, thầy cô hơn...).

(C) Kết bài

- Nhấn mạnh lại ý nghĩa của kỉ niệm ấy.

- Tự hào và hạnh phúc vì có được người ông (bà, cha mẹ, bạn, thầy cô...) như thế.

II. THỰC HÀNH VIẾT VĂN TỰ SỰ

Đề 1: Kể lại một truyện cổ tích hoặc truyện ngắn mà anh (chị) yêu thích (Sọ Dừa).

Bài viết

Ngày xưa, có hai vợ chồng một lão nông nghèo đi ở cho nhà một phú ông. Họ hiền lành, chăm chỉ nhưng đã ngoài năm mươi tuổi mà chưa có lấy một mụn con.

Một hôm, người vợ vào rừng lấy củi. Trời nắng to, khát nước quá, thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bèn bung lên uống. Thế rồi, về nhà, bà có mang.

Ít lâu sau, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa con không có chân tay, mình mẩy, cứ tròn lông lốc như một quả dừa. Bà buồn, toan vứt nó đi thì đứa bé lên tiếng bảo.

- Mẹ ơi! Con là người đấy! Mẹ đừng vứt con mà tội nghiệp. Bà lão thương tình để lại nuôi rồi đặt tên cho cậu là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn thế, cứ lẩn lộn lốc chẳng làm được việc gì. Bà mẹ lấy làm phiền lòng lắm. Sọ Dừa biết vậy bèn xin mẹ đến chăn bò cho nhà phú ông.

Nghe nói đến Sọ Dừa, phú ông ngần ngại. Nhưng nghĩ: nuôi nó thì ít tốn cơm, công sá lại chẳng đáng là bao, phú ông đồng ý. Chẳng ngờ cậu chăn bò rất giỏi. Ngày ngày, cậu lẩn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lẩn sau đàn bò về nhà. Cả đàn bò, con nào con nấy cứ no căng. Phú ông lấy làm mừng lắm!

Vào ngày mùa, tới tở ra đồng làm hết cả, phú ông bèn sai ba cô con gái thay phiên nhau đem cơm cho Sọ Dừa. Trong những lần như thế, hai cô chị kiêu kì, ác nghiệt thường hắt hủi Sọ Dừa, chỉ có cô em vốn tính thương người là đối đãi với Sọ Dừa tử tế.

Một hôm đến phiên cô út mang cơm cho Sọ Dừa. Mới đến chân núi, cô bỗng nghe thấy tiếng sáo véo von. Rón rén bước lên cô nhìn thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đang ngồi trên chiếc võng đào thối sáo cho đàn bò gặm cỏ. Thế nhưng vừa mới đứng lên, tất cả đã biến mất tăm, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lẩn lốc ở đấy. Nhiều lần như vậy, cô út biết Sọ Dừa không phải người thường, bèn đem lòng yêu quý.

Đến cuối mùa ở thuê, Sọ Dừa về nhà giục mẹ đến hỏi con gái phú ông về làm vợ. Bà lão thấy vậy tỏ ra vô cùng sùng sốt, nhưng thấy con năn nỉ mãi, bà cũng chiều lòng.

Thấy mẹ Sọ Dừa mang cau đến dạm, phú ông cười mỉa mai:

- Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây.

Bà lão đành ra về, nghĩ là phải thôi hẳn việc lấy vợ cho con. Chẳng ngờ, đúng ngày hẹn, bỗng dưng trong nhà có đầy đủ mọi sính lễ, lại có cả gia nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà của phú ông. Phú ông hoa cả mắt lúng túng gọi ba cô con gái ra hỏi ý. Hai cô chị bĩu môi chê bai Sọ Dừa xấu xí rồi ngúng nguẩy đi vào, chỉ có cô út là cúi đầu e lệ tỏ ý bằng lòng.

Trong ngày cưới, Sọ Dừa cho bày cỗ thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Lúc rước dâu, chẳng ai thấy Sọ Dừa trọc lốc, xấu xí đâu chỉ thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đứng bên cô út. Mọi người thấy vậy đều cảm thấy sùng sốt và mừng rỡ, còn hai cô chị thì vừa tiếc lại vừa ghen tức.

Từ ngày ấy, hai vợ chồng Sọ Dừa sống với nhau rất hạnh phúc. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra rất thông minh. Chàng ngày đêm miệt mài đèn sách và quả nhiên năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Thế nhưng cũng lại chẳng bao lâu sau, Sọ Dừa được vua sai đi sứ. Trước khi đi, chàng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà nói là để hộ thân.

Ganh tị với cô em, hai cô chị sinh lòng ghen ghét rắp tâm hại em để thay làm bà trạng. Nhân quan trạng đi vắng, hai chị sang rủ cô út chèo thuyền ra biển rồi cứ thế lừa đẩy cô em xuống nước. Cô út bị cá kình nuốt chửng, nhưng may có con dao mà thoát chết. Cô dạt vào một hòn đảo, lấy dao khoét bụng cá chui ra, đánh đá lấy lửa nướng thịt cá ăn. Sống được ít ngày trên đảo, cặp gà cũng kịp nở thành một đôi gà đẹp để làm bạn cùng cô út.

Một hôm có chiếc thuyền đi qua đảo, con gà trống nhìn thấy bèn gáy to:

Ồ... ó... o...

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

Quan cho thuyền vào xem, chẳng ngờ đó chính là vợ mình. Hai vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Đưa vợ về nhà, quan trạng mở tiệc mừng mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong nhà không cho ai biết. Hai cô chị thấy thế khắp khởi mừng thầm, tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì, tiệc xong mới cho gọi vợ ra. Hai cô chị nhìn thấy cô em thì xấu hổ quá, lén bỏ ra về rồi từ đó bỏ đi biệt xứ.

Đề 2: Kể lại truyện *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu.

Bài viết

Nhĩ vừa ngồi trên giường bệnh để vợ bón cho từng thìa thức ăn vừa nghĩ, thời tiết đã thay đổi, đã sắp lập thu rồi. Cái nóng ở trong phòng cùng ánh sáng loá loá ở mặt sông Hồng đã không còn nữa.

Vòm trời như cao hơn. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, nơi một vùng phù sa lâu đời của sông Hồng đang phô ra trước khuôn cửa sổ gian gác nhà Nhĩ những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ. Suốt đời, Nhĩ đã từng đi khắp đó đây vậy mà cái bờ bên kia sông Hồng tưởng như gần gũi nhưng lại xa lắc xa lơ bởi anh chưa đặt chân đến đó bao giờ.

Nhĩ khó nhọc nâng cánh tay lên ẩy cái bát miến trên tay của Liên ra. Anh chàng ngửa mặt như một đứa trẻ để cho thằng con lau mặt. Chờ khi đứa con trai đã bung thau nước xuống dưới nhà, anh hỏi vợ:

- Đêm qua lúc gần sáng em có nghe thấy tiếng gì không?

Liên giả vờ không nghe chồng nói. Anh lại tiếp:

- Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?

Liên vẫn không đáp. Chị biết chồng đang nghĩ gì. Chị đưa những ngón tay gầy guộc ầu ỹ vuốt ve chồng, rồi an ủi:

- Anh cứ yên tâm. Vất vả, tốn kém đến bao nhiêu em với các con cũng chăm lo cho anh được.

Nhĩ thấy thương Liên. Cả đời chị đã vì anh mà khổ. Anh thương chị lắm nhưng chẳng biết nói sao.

Ngừng một lát, Liên lại động viên anh:

- Anh cứ tập tành và uống thuốc. Sang tháng mười, nhất định anh sẽ đi lại được.

Nhĩ thoáng chốc quên đi bệnh tật. Anh bị cuốn vào những câu nói bông đùa của Liên. Nhưng rồi, Liên đặt bàn tay vào sau phiến lưng đã có nhiều mảng thịt vừa chai cứng vừa lở loét của Nhĩ. Thế là cái cảm giác mệt mỏi vì bệnh tật lại trở về với anh.

Liên đã đi ra ngoài và dọn dẹp. Chị hầm thuốc cho chồng xong rồi đi chợ. Chờ cho vợ đi hẳn xuống dưới nhà rồi, Nhĩ mới gọi cậu con trai vào và nói:

- Đã bao giờ con sang bên kia chưa? Nhĩ vừa nói vừa ngược nhìn ra ngoài cửa sổ.

Cậu con trai dường như nghe chưa rõ bèn hỏi lại:

- Sang đâu hả bố?

- Bên kia sông ấy!

Tuấn đáp về hững hờ:

- Chưa...

Nhĩ tập trung hết sức còn lại để nói ra cái điều ham muốn cuối cùng của đời anh:

- Bây giờ con sang bên kia sông hộ bố.

- Để làm gì ạ?

- Chẳng để làm gì cả. Nhĩ ngượng nghịu nhận ra sự kỳ quặc trong ý nghĩ của mình. Nhưng anh vẫn tiếp:

- Con hãy qua đò đặt chân lên bờ bên kia, đi loanh quanh đâu đó hoặc vào một hàng quán nào đó mua cho cha cái bánh rồi về.

Cậu con trai miễn cưỡng mặc quần áo, đội chiếc mũ nan rộng vành rồi ra đi.

Vừa nghe Tuấn bước xuống thang, Nhĩ đã thu hết tàn lực lết dần, lết dần trên chiếc phản gỗ. Nhắc mình ra được bên ngoài phiến nệm nằm, anh mệt lử và đau nhức. Anh chỉ muốn có ai đỡ cho để nằm xuống.

Nghe tiếng bước chân ở bên kia tường, Nhĩ cúi xuống thở hổn hển để lấy lại sức rồi cất tiếng gọi yếu ớt: "Huê ơi!".

Cô bé nhà bên chạy sang. Và dường như đã rất quen, cô lễ phép hỏi: "Bác cần nằm xuống phải không ạ?".

- Ủ, ừ... chào cháu, Nhĩ trả lời.

Cô bé chưa vội đỡ Nhĩ. Nó chạy ra ngoài gọi mấy đứa bạn vào và rồi cả bọn cùng giúp Nhĩ nằm ra ngoài tấm nệm. Chúng giúp anh đặt một bàn tay lên bậu cửa sổ và chèn một đồng gối sau lưng. Anh thấy hạnh phúc và càng yêu hơn lũ trẻ.

Ngoài sát ngay sau khuôn cửa sổ, Nhĩ nhìn thấy ở bờ bên kia một cánh buồm vừa bắt gió. Sát bên bờ của dải đất lở bên này, một đám đông đợi đò đang đứng nhìn sang nhưng Nhĩ cứ nhìn mãi mà không thấy bóng thằng con trai đâu cả.

Thì ra thằng con anh đang dán mắt vào một bàn cờ thế. Ngày xưa anh cũng từng mê cờ thế. Và bây giờ, Nhĩ nghĩ một cách vô cùng buồn bã: con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái vòng vèo quanh co. Nhĩ chợt nhớ về cái ngày anh mới cưới Liên. Một cô gái nhà quê nay đã trở thành một người đàn bà thành thị. Tuy vậy cũng như cánh bãi bồi bên sông, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên nét táo tợn và chịu đựng. Và chính nhờ những điều này mà sau bao ngày bôn tẩu, Nhĩ đã tìm thấy một nơi nương tựa ấy chính là cái gia đình bé nhỏ này.

Con đò đã sang quá nửa sông. Và chính giữa lúc Nhĩ đang tưởng tượng mình đội chiếc mũ nan và sang sông như một nhà thám hiểm thì có tiếng người vào. Anh quay lại. Đó là ông cụ giáo Khuyến - người ngày nào cũng ghé qua hỏi thăm sức khỏe của anh.

Hai người đang nói chuyện thì bỗng ông hàng xóm hốt hoảng nhận ra mặt mũi Nhĩ đỏ rưng, hai mắt long lanh, hai bàn tay bấu chặt vào bậu cửa và run rẩy. Anh đang cố thu nhặt hết chút sức lực cuối cùng để đu mình nhò người ra ngoài, giờ một cánh tay làm ra vẻ ra hiệu cho một người nào ngoài đó.

Ngay lúc bấy giờ, chiếc đồ ngang mỗi ngày một chuyến chở khách qua lại hai bên sông Hồng vừa chạm mũi vào cái bờ đất lở dốc đứng phía bên này.

Đề 3: Kể lại câu chuyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.

Bài viết

Những ngôi sao xa xôi là câu chuyện kể về ba cô gái: Thao, Phương Định và Nho trong cùng tổ trinh sát mặt đường. Công việc của họ là ngồi chờ trên cao điểm. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Công việc thật chẳng đơn giản chút nào. Rất gian khổ và gần kề ngay cái chết.

Họ chạy trên cao điểm cả ban ngày ngay bên cạnh những quả bom đang nằm chờ nổ. Nhưng họ anh dũng và vui vẻ. Họ đã quen với những vết thương, với đất bốc khói, không khí bàng hoàng và tiếng máy bay đang gầm lên âm ỉ. Thần kinh lúc nào cũng căng lên như chảo, tim đập nhanh, chân chạy mà biết chắc rằng xung quanh bom sắp nổ. Nhưng rồi khi xong việc, nhìn đoạn đường, họ thấy vui, thở phào nhẹ nhõm và sà ngay về cái căn hầm mát lạnh của mình. Đánh một hơi nước mát cho thật đã, xong thì tất cả nằm dài trên nền đất ẩm nghe ca nhạc hay có thể nghĩ lung tung.

Hôm ấy vào buổi trưa, không gian im ắng lạ. Phương Định ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Cô mê hát, có khi bịa ra cả những lời hát ngớ ngẩn lung tung. Định người Hà Nội và là một cô gái khá với hai bím tóc dày, mềm, cái cổ cao và đôi mắt đẹp. Nhiều anh lái xe quý mến thường gửi thư tán tỉnh cô.

Đang mơ màng suy nghĩ, Định bỗng giật mình. Có tiếng giục của Nho và chị Thao. Họ đã nhận ra tiếng máy bay trinh sát. Cả tổ đã rất quen với việc: cái sự im lặng là sự bất thường. Tiếng máy bay trinh sát và tiếng phản lực gầm gào theo sau.

- Sắp đấy! - Nho quay lưng lại, chụp cái mũ sắt lên đầu. Chị Thao vẫn thông thả nhai mấy chiếc bánh quy. Chị bình tĩnh đến phát bực nhưng lại hay sợ máu. Chị hay diêm dúa nhưng trong công việc, chị cương quyết và táo bạo vô cùng.

Chị Thao cầm cái thước trên tay Định, rồi nói: "Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đứa đi cũng đủ", rồi kéo tay Nho, vác xẻng lên vai đi ra cửa.

Định ở nhà trực điện thoại. Lòng cô nóng như lửa đốt. Xung quanh chỉ thấy khói bom mù mịt và tiếng cao xạ nã nhau chan chát. Định tấn công dữ quá nhưng cũng may các anh cao xạ, thông tin và công binh đã kịp chi viện cho ba cô gái.

Nửa tiếng sau, chị Thao về, bình thần mệt lả và cúi kính. Đại đội trưởng đã có được thông tin. Anh tế nhị cảm ơn ba cô gái.

Nho cũng về, bình thần và ướm sưng. Cô vừa tắm ở dưới suối lên, đẹp và mát mẻ như một que kem trắng.

Cả tổ nghĩ ngợi một lúc rồi tối lại ra đường luôn. Họ đi phá bom trong cái không khí vắng lặng đến kinh người. Ba cô gái thao tác rất nhanh và thành thực. Hai mươi phút sau, một hồi còi, rồi hồi còi thứ hai nổi lên. Những tiếng bom nổ vang trời xé toang không gian yên lặng. Mùi thuốc bom buồn nôn, đất đá rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây.

Thao và Định đã định ra về. Nhưng bất chợt họ phát hiện ra Nho đã bị thương. Hầm của Nho bị sập khi cả hai quả bom của chị cùng phát nổ.

Định và Thao đưa Nho về. Vết thương không sâu lắm nhưng bom nổ gần nên Nho bị choáng. Họ tự lo chăm sóc cho cô gái vì không muốn làm phiền đơn vị. Lát sau, Nho đã thiếp đi.

Hai cô gái ngồi yên lặng nhìn nhau. Họ đang nuốt những giọt nước mắt vào trong vì lúc này phải giữ sao cho cứng cỏi. Chị Thao hát, những giai điệu sai và lạc nhịp. Nhưng cần phải hát. Hát để quên đi và để vững tin hơn.

Có một đám mây, một đám nữa rồi thêm đám nữa kéo đến cửa hang. Bầu trời đen đi và cơn dông ào đến đột ngột như một biến đổi bất thường trong trái tim con người vậy. Ở rừng mùa này hay thế. Trời mưa. Nhưng là mưa đá. Định nhận ra và thích thú cầm một viên đá nhỏ thả vào lòng bàn tay của Nho, vui thích và cuống cuống.

Mưa tạnh và tạnh rất nhanh. Định bỗng thần thờ và nuối tiếc. Nhưng cô không tiếc những viên đá nhỏ. Cô đang nhớ về mẹ, về những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, nhớ bà bán kem, nhớ con đường nhựa... cơn mưa đã vô tình đã xoáy mạnh vào những kỷ niệm trong tâm hồn của cô gái xa quê.

Đề 4: Hãy tưởng tượng mình là nhân vật Xi-mông, kể lại câu chuyện *Bố của Xi-mông*.

Bài viết

Quá khứ của tôi đã có những ngày buồn đau và tuyệt vọng. Nhưng nếu không có những ngày như thế, có lẽ tôi sẽ không cảm thấy hạnh phúc tuyệt vời như chính lúc này đây.

Câu chuyện của tôi xảy ra vào ngày đầu tiên khi tôi bước chân vào lớp một. Hôm ấy tôi mừng vui lắm và thật háo hức vô cùng. Tôi đến trường vui tươi và phấn khởi. Thế nhưng khi tôi vừa chục bước chân vào lớp thì một đám bạn xúm đến vây quanh lấy chân tôi. Một đứa trong đám bắt đầu ném vào tai tôi bao lì xì chua chát mà cho đến bây giờ tôi vẫn chẳng thể nào quên. Tôi bực giận nhưng đành câm lặng bởi đúng là lúc ấy... tôi không có bố. Tôi bật khóc, vậy mà lũ bạn tôi vẫn chưa chịu thôi cái trò chơi quái ác. Buổi học đầu tiên với bao mong đợi đã không thành. Tôi buồn nản và vô cùng thất vọng bỏ ra phía bờ sông.

Trời âm áp và dễ chịu. Ánh mặt trời êm đềm sưởi ấm bãi cỏ. Nước lấp lánh như gương. Tôi muốn nằm ngay ra đó và ngủ đi một giấc nhưng lại không sao ngủ được. Không thể nào quên được những câu nói vừa qua. Đầu tôi choáng váng, chân tay mệt mỏi rã rời. Tôi muốn chìm ngay xuống dưới lòng sông để quên đi tất cả. Nhưng không hiểu sao tôi lại trù trừ không muốn làm ngay. Mắt tôi rệu rã nhìn

theo những đám bọt trên sông.

Đang chán ngán, tôi bỗng thấy một chú nhái con màu xanh lục nhảy nhót dưới chân. Tôi vung tay tóm lấy mà không được. Tôi đuổi theo, vồ hụt ba lần liền rồi mới tóm được hai chân sau của nó. Tôi bật cười nhìn con vật cố giãy giụa để thoát thân. Nó thu mình lại trên đôi cẳng lớn, rồi bật phắt lên, đột ngột duỗi cẳng, ngay đơ như hai thanh gỗ; trong lúc giương tròn con mắt có vành vàng, nó dùng hai chân trước đập vào khoảng không, hươ lên như hai bàn tay. Trò nghịch với chú nhái bỗng gợi cho tôi nhớ về một đồ chơi thuở nhỏ. Và thế là tự nhiên tôi nghĩ đến nhà, đến mẹ. Tôi thấy buồn vô cùng và lại khóc. Người tôi rung lên, tôi sợ, quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện như trước khi đi ngủ nhưng không đọc hết. Nỗi buồn càng lúc càng giăng kín lòng tôi. Tôi chẳng còn nghĩ được điều gì nữa, chẳng nhìn thấy cái gì nữa. Tôi chỉ ngồi ôm mặt và cứ nức nở mãi không thôi.

Thế rồi, bỗng nhiên tôi giật nảy mình. Một bàn tay chắc nịch của ai đó vừa đặt lên vai tôi và tai tôi nghe những lời nói ồm ồm nhưng đầy chia sẻ:

- Có điều gì làm cháu buồn phiền đến thế, cháu ơi?

Tôi quay lại. Một bác công nhân cao lớn, râu tóc đen, quần, đang nhìn tôi bằng ánh mắt nhân hậu vô cùng. Tôi trả lời, giọng nghẹn ngào trong khi mắt vẫn còn ươn ướt:

- Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có bố... không có bố.

- Sao thế - bác ta mỉm cười bảo - ai mà chẳng có bố.

Tôi nói tiếp (một cách khó khăn) trong tiếng nấc:

- Cháu... cháu không có bố.

Tôi nhận ra bác công nhân bỗng nghiêm mặt lại. Và hình như bác đã nhận ra tôi. Bác nói:

- Thôi nào, đừng buồn nữa, cháu ơi, và về nhà với mẹ cháu, với bác đi. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố.

Ngay lúc ấy, tôi không biết lời nói kia có thật hay không. Thế nhưng trên đường về, lòng tôi tràn đầy hy vọng.

- Thưa bác, đây rồi! Nhà cháu ở đây - tôi nói:

Mẹ tôi mở cửa bước ra khi bác công nhân đang mải ngắm ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng và hết sức sạch sẽ của mẹ con tôi. Thấy mẹ tôi, bác e dè, cầm mũ một bên tay và nói:

- Đây, thưa chị, tôi dắt về trả cho chị cháu bé bị lạc ở gần bờ sông.

Không để cho mẹ kịp trả lời, tôi bỗng ôm chầm lấy mẹ rồi òa khóc:

- Không, mẹ ơi, con đã muốn nhảy xuống sông cho chết đuối, vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố.

Đôi má của mẹ tôi cứ thế đỏ bừng lên và đôi mắt gợi một nỗi buồn sâu thẳm. Mẹ ôm tôi vào lòng, hôn lấy hôn để trong nghẹn ngào nước mắt khiến tôi càng nức nở hơn. Nhưng rồi như vừa chợt nghĩ đến một điều gì trước đó, tôi bỗng chạy đến bên bác công nhân và nói:

- Bác có muốn làm bố cháu không?

Tôi hồi hộp đợi chờ, trong khi ấy mẹ tôi ngả vào tường và hai tay ôm ngực. Không thấy trả lời, tôi lại nói, mạnh mẽ và dứt khoát:

- Nếu bác không muốn, cháu sẽ quay trở lại nhảy xuống sông chết đuối.

Đến đây, bác công nhân mới nở nụ cười rồi đáp:

- Có chứ, bác muốn chứ.

Tôi ngây thơ và sung sướng vô cùng. Tôi hỏi tiếp ngay:

- Thế bác tên gì để cháu còn trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên của bác?

- Phi-líp - người đàn ông đáp.

Tôi im lặng một giây để ghi nhớ cái tên ấy vào đầu. Rồi hết cả buồn, tôi vươn hai cánh tay ra nói:

- Thế nhé! Bác Phi-líp, bác là bố cháu.

Tôi sung sướng quá! Bác Phi-líp bước đến nhắc bổng tôi lên, hôn vào hai má tôi, rồi bác rải từng bước dài bỏ đi vội vã.

Sau hôm ấy, tôi lại đến trường. Vừa bước vào cửa lớp, tôi lại nghe một tiếng cười ác ý. Buổi học hôm ấy qua nhanh, lúc tan học, đứa bạn hôm trước lại định trêu chọc tôi. Nhưng tôi lớn tiếng quát vào mặt nó:

- Bố tao ấy à, bố tao tên là Phi-líp.

Khắp xung quanh tôi lại bật lên những tiếng la hét vô cùng thích thú:

- Phi-líp gì?... Phi-líp nào?... Phi-líp cái gì?... Mày lấy đâu ra Phi-líp của mày thế?

Nhưng tôi không trả lời. Tôi một mực tin tưởng và đưa con mắt thách thức bọn kia. Cũng may đúng lúc ấy thầy giáo đến. Bọn bạn kia nhìn thấy thầy bèn giải tán. Còn tôi, tôi cảm ơn thầy rồi cũng ra về. Nhưng khác hẳn mọi hôm, hôm nay tôi hãnh diện và vui mừng lắm.

Câu chuyện của tôi là thế. Bây giờ thì bố Phi-líp đã về ở với mẹ con tôi và lũ bạn cũng không còn trêu tôi nữa. Ngẫm lại, những chuyện ngày xưa thật đáng buồn. Thế nhưng sau tất cả tôi phải cảm ơn, cảm ơn rất nhiều bố Phi-líp của tôi.

Đề 5: Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống Thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp lại Mị Châu. Những sự việc gì đã xảy ra? Hãy kể lại câu chuyện đó.

Bài viết

Trọng Thủy tỉnh dậy thì bàng hoàng nhận ra mình đang ở giữa mênh mông biển nước. Những tảng san hô cứ liên tiếp nối nhau làm che khuất tầm nhìn. Xung quanh chàng lúc ấy chỉ có nước và những đàn cá tung tăng bơi lội.

Trọng Thủy vẫn còn ngơ ngác. Chàng dần bước đi miễn cưỡng và không phương hướng. Thế nhưng vừa ra khỏi đám san hô, Trọng Thủy đã bị bốn năm hình nhân quái lạ mình người đầu tôm cá từ đâu kéo đến trói chặt đưa đi. Trọng Thủy được đưa đến một cung điện nguy nga lộng lẫy, cái mà chàng chưa bao giờ gặp ở trên trần. Những ngôi nhà tráng lệ sáng trưng màu ngọc, có đầy đủ lính canh và

người hầu ra vào tấp nập. Qua bốn năm lần cửa canh như thế, Trọng Thủy bị bắt vào quỳ ở trong đại điện. Một tên lính trong nhóm người kia cũng quỳ xuống và thưa:

- Thưa công chúa! Bọn thuộc hạ bắt được tên này ở ngoài cổng điện. Xem chừng hẳn đến đây có ý gian tà, xin công chúa đưa ra xét tội.

Người ngồi trên kia lên tiếng. Trọng Thủy nghe thấy quen quen nhưng mặt người kia bịt kín nên chàng không nhìn rõ.

- Này, anh kia! Anh từ đâu tới mà lại lạc đến đây?

- Dạ, bẩm! Tôi người trần, vì ngờ người tình đang ở trong giếng nước nên mới lao mình xuống giếng rồi bị lạc đến nơi đây.

- Vậy anh tên gì?

- Tôi là Trọng Thủy, là con trai của Triệu Đà Vương.

- Ta nghe nói ở trên trần, người gây ra nhiều tội ác cho nhân dân Âu Lạc, khiến họ vô cùng oán thán. Điều đó có đúng hay không?

Trọng Thủy vô cùng ngạc nhiên. Không ngờ một người hoàn toàn xa lạ lại biết ngọn ngành mọi chuyện của mình. Biết là không thể chối, Trọng Thủy bèn viện lý do:

- Thực tình tôi cũng là làm theo ý của vua cha.

- Nhà ngươi lại còn định chối tội hay sao? Người ngồi trên điện kia nổi nóng. Nhà ngươi giả vờ sang cầu hòa Âu Lạc, xin cưới công chúa Mị Châu để chờ cơ hội trộm nỏ thần đã là một tội. Tàn bạo hơn, ngươi lại cho quân lính sang giày xéo bờ cõi nước Nam làm cho muôn dân kêu gào trong đau khổ. Không những thế, nhà ngươi còn nhẫn tâm bức chết vua Âu Lạc, bức chết người vợ thủy chung mà gây thơ đại dột của mình. Với bằng ấy tội danh nhà ngươi còn muốn đổ lỗi cho ai?

Trọng Thủy tái mặt, không biết người ngồi trên điện là ai. Nhưng sợ quá, chàng cúi đầu nhận tội:

- Thưa công chúa! Tôi biết mình mang tội lớn nhưng tôi một lòng yêu quý Mị Châu, ngày đêm mong ngóng được gặp nàng để tỏ bày nỗi lòng ân hận.

- Bây giờ nhà ngươi mới hối hận thì có giải quyết được gì đâu?

- Tôi biết vậy. Nhưng ngày xưa, Mị Châu vì rất yêu thương tôi mà nghe tôi tất cả. Tôi yêu thương nàng thật, tôi đã lừa dối trái tim trong trắng của nàng nên tôi day dứt lắm. Đến khi nàng mất đi tôi mới biết dù có là vua Âu Lạc nhưng nếu mất Mị Châu, cuộc sống của tôi cũng chẳng có ý nghĩa gì. Tôi rất muốn gặp nàng để ít nhất được nói với nàng sự hối hận của tôi.

- Trọng Thủy! Chàng hãy ngẩng mặt lên và nhìn xem thiếp là ai?

- Nàng là... Mị Châu!

- Vâng thiếp đúng là Mị Châu. Sau khi thiếp chết đi, vua Thủy Tề đã rất thương tình mà nhận thiếp làm con gái. Vì thế thiếp mới được ở nơi đây.

- Mị Châu! Ta xin lỗi nàng. Vì ta mà nàng phải chịu bao đau khổ. Bây lâu nay ta chỉ ước được gặp nàng. Ta sẵn sàng bỏ đi tất cả để được cùng nàng sống trong hạnh phúc. Hãy tha thứ cho ta.

- Thiếp mừng vì chàng đã nhận ra lầm lỗi. Nhưng chúng ta không thể sống với

TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

LC/

002794

nhau. Nếu làm như vậy, người đời sẽ nhạo báng chúng ta mãi mãi. Không được sống với nhau coi như cũng là một sự trừng phạt xứng đáng với những lỗi lầm quá lớn của chúng ta ở trên hạ giới. Thiếp đã đợi ngày này từ rất lâu rồi và chỉ để được nói với chàng một câu thôi: hãy sống sao cho tốt trong những ngày sắp tới để bù đắp cho những gì mà chúng ta đã gây ra.

Mị Châu vừa nói dứt câu thì cả cung điện nguy nga bỗng biến ngay đâu mất. Xung quanh vắng lặng chỉ còn trơ lại một mình Trọng Thủy. Chàng ân hận mà lặng câm không nói được. Vết nhớ mà chàng đã gây ra có lẽ chỉ có nước biển Đông xô dạt ngàn đời mới mong xóa được.

Trọng Thủy cứ ngồi đó hàng chục ngày đêm. Và rồi không biết tự bao giờ. Chàng đã hóa thành người đá. Sau này hàng mấy trăm năm, có người lặn xuống biển Đông mò ngọc quý vẫn còn nhìn thấy một tảng đá hình người âu sầu khổ não đang dang hai cánh tay ra như cầu xin ai đó một điều gì.

Đề 6: Kể lại một kỷ niệm sâu sắc của anh (chị) về tình cảm gia đình, tình bạn, tình thầy trò theo ngôi kể thứ nhất.

Bài viết

- Hùng ơi! Sao lâu thế? Muộn học mất rồi.

-...?

- Tớ xin lỗi vì đã để cậu phải đợi lâu. Tặng cậu nhân ngày sinh nhật.

Tôi thật bất ngờ khi Hùng cúi nhanh vào tay tôi một đôi dép mới. Nhoẻn miệng cười, tôi nói:

- Sao hôm nay bày vẽ thế. Cậu định chuộc lại lỗi lầm hôm trước hay sao?

Tôi nói ra câu ấy cốt là chỉ nói đùa thôi. Ấy vậy mà không ngờ mặt Hùng xịu hẳn đi. Trông cậu, tôi hối tiếc về những gì mà mình vừa mới nói.

Câu chuyện xảy ra hai tháng trước đây khi tôi với Hùng từ một đôi bạn vô cùng thân thiết trở nên đối nghịch.

Hùng với tôi không cùng xóm nhưng chúng tôi làm bạn với nhau từ khi bước vào lớp một. Từ đó trở đi năm nào chúng tôi cũng học cùng lớp với nhau, ngồi cùng bàn với nhau và chia sẻ với nhau tất cả.

Tình bạn của chúng tôi cũng bởi thế mà bền chặt và thân thiết lắm. Cuộc sống cứ thế trôi đi thật đẹp nếu không có chuyện lớp tôi xảy ra liên tiếp những vụ mất tiền.

Trong gần một tháng hơn một triệu đồng bỗng nhiên không cánh mà bay. Nạn nhân là gần chục bạn lớp tôi, trong đó Hùng bị mất nhiều hơn tất cả.

Không khí ở lớp từ hôm xảy ra chuyện mất tiền bỗng nhiên trở nên căng thẳng. Cô chủ nhiệm rồi cả đoàn thanh niên cũng vào cuộc mà không thể nào tìm ra thủ phạm. Ở trường chúng tôi cũng chịu nhiều áp lực. Một lớp chọn với toàn những học sinh ưu tú mà lại xảy ra chuyện không hay như thế thì tránh sao khỏi những cái nhìn và sự chê bai của các bạn lớp bên. Cứ thế nội bộ lớp tôi bắt đầu lục đục. Một số mối quan hệ có nguy cơ rạn nứt và đổ vỡ. Dẫu vẫn biết 'một mất

mười giờ" nhưng rõ ràng không thể không bức giận khi mình tự nhiên bị cả lớp hoài nghi.

Gần một tháng đã trôi qua vậy mà chuyện ở lớp vẫn không hề tiến triển. Hôm ấy, vẫn như thường lệ, tôi đi học và qua cổng nhà Hùng. Thế nhưng mới gặp tôi, Hùng đã nói:

- Có lẽ từ nay tao chẳng nên tin ai cả.

Tôi nghe thấy lạ, bèn hỏi lại:

- Cậu nói thế nghĩa là sao?

Hùng lạnh nhạt:

- Chẳng sao cả. Có vậy mà còn không hiểu hay sao?

Câu nói của Hùng đáp hẳn vào nhân cách của tôi. Nhưng tôi chưa kịp phản ứng gì thì Hùng quay ngoắt đầu xe đi thẳng.

Vậy là đã rõ, Hùng đã nghi ngờ cả bản thân tôi. Tôi buồn lắm, rệu rã đạp xe tới cổng trường, cấp cạp vào lớp ngồi bên người bạn thân cả buổi mà không dám bắt lời. Mỗi khi tôi trộm nhìn sang, vẻ mặt Hùng lại ánh lên sự bất cần và thách thức. Buổi học hôm ấy trôi qua căng thẳng, chậm chạp và mệt nhọc.

Tan học, lần đầu tiên từ khi bước vào ngôi trường mới, tôi một mình đạp xe vội vã về nhà. Mệt mỏi và chán nản, tôi nằm vật ra giường. Chẳng lẽ tình bạn đẹp đẽ của chúng tôi lại đổ vỡ một cách đơn giản thế ư? Không thể được! Tôi phải nghĩ và phải làm rõ "vụ án" này để chứng minh cho sự trong sạch của mình và quan trọng hơn là để cứu vãn tình bạn của chúng tôi.

Những ngày sau đó là những kỷ niệm rất buồn đối với tình bạn của chúng tôi. Tôi không nói và như thế Hùng càng có lý để ngờ vực gian trá của tôi. Nhưng tôi không chấp nhận, tôi cùng một vài bạn nam trong lớp đã lập thành một nhóm quyết tâm phá vụ án này. Không nghi ngờ bạn nào trong lớp, chúng tôi hướng mũi điều tra vào một số người hay qua lại lớp mình. Không ngờ, chỉ không đầy năm buổi học chúng tôi đã tóm được ngay thủ phạm. Tất cả thế là đã rõ, thủ phạm lấy cắp tiền không phải là học sinh của lớp tôi. Những căng thẳng trong lớp tự nhiên không còn nữa, bạn bè lại hòa nhã và vui vẻ với nhau.

Cũng sau hôm ấy, Hùng đã đến tận nhà tôi và xin lỗi. Tôi chỉ cười và nắm chặt hai bàn tay của nó. Tôi không bao giờ ngờ được giữa tôi và Hùng lại có những ngày như thế. Nhưng quả thực sau tất cả những chuyện này, tôi lại cảm thấy càng yêu quý nó hơn...

- Tớ... tớ cảm ơn và xin lỗi cậu. Tớ chỉ đùa thôi.

Hùng không nhìn thẳng vào tôi:

- Tớ biết mình có lỗi và tớ ân hận lắm. Tớ chỉ mong từ bây giờ cậu vẫn coi mình là bạn.

- Cậu ngốc lắm. Tớ có suy nghĩ gì đâu! Tôi an ủi.

Thế đấy kỷ niệm của tôi và Hùng là thế. Đúng là hạnh phúc là một sự đấu tranh. Hay nói đúng hơn, sau những gian nan ta mới hiểu hết ý nghĩa của hai từ

hạnh phúc. Tôi tự hào về người bạn của tôi. Tôi yêu quý cả sự ngây thơ và chân thành của nó.

Đề 7: Cây lau chứng kiến việc Vũ Nương ngồi bên bờ Hoàng Giang than thở một mình rồi tự vẫn. Hãy kể lại câu chuyện đó theo giọng kể ở ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba.

Bài viết

Họ nhà lau tía chúng tôi đã sống trên bờ Hoàng Giang cả triệu năm rồi. Gia tộc tôi đã trải qua bao nhiêu thế hệ tôi cũng không thể nhớ. Nhưng gia đình tôi thường có thói quen truyền kể cho nhau nghe những "chuyện đời" xảy ra ở trên sông mà các thế hệ cha ông của chúng tôi từng chứng kiến. Bao nhiêu năm đã trôi qua và cũng đã quá già để nhớ về mọi chuyện, thế nhưng tôi vẫn còn nhớ như in cái ngày bi kịch đến với người thiếu phụ Vũ Nương.

Tôi nhớ ngày ấy tôi vẫn còn trẻ lắm. Tôi thường có thói quen thức rất khuya để khỏa mình trong nước dưới những đêm trăng. Nước sông Hoàng Giang ban đêm rất lạnh và dịu mát. Trăng sáng, lại được đùa giỡn với mấy chị cá mương thì thật là thỏa thích.

Hôm ấy, đang uốn mình trong nước, tôi bỗng giật mình khi chợt nghe có tiếng ai đang nức nở. Tôi nín lặng, tiếng khóc ngày một rõ hơn. Không nghi ngờ gì nữa (tôi nghĩ), chắc có ai đó đang gặp một chuyện gì đó rất đau thương. Tôi quên ngay anh nước và mấy chị cá mương khi bắt đầu nghe giọng một người đàn bà than thở:

- Con lạy trời lạy đất, lạy hà bá dưới lòng sông! Thân kiếp con khổ quá. Những mong ngày chồng chinh chiến xa về là ngày gia đình đoàn viên sum họp. Vậy mà cái mong ước ấy giờ tan như mây như khói. Bao năm qua con đã phải chịu muôn ngàn cay đắng. Chồng đi chiến trận nơi xa, một mình con tần tảo chăm mẹ già nuôi con nhỏ. Rồi đến khi mẹ già lâm bệnh, con lại chạy đôn chạy đáo lo đủ chuyện thuốc thang mà vẫn không sao cứu được. Mẹ mất đi, con mất hẳn một nguồn động viên, quan tâm, chia sẻ. Ngay lúc ấy con đã phải tự nhủ mình: Phải nuôi hy vọng. Tất cả mọi điều tốt đẹp, con đã dành cho bé Đản thương yêu. Bao hy vọng được mẹ con con nuôi lớn từng ngày, vậy mà giờ đây ông trời lại hay chơi ác, lại gây cảnh trở trêu mà cướp đi của con tất cả. Con còn sống để làm chi.

Tôi nghe những lời than thở mà đau xót cho người phụ nữ. Sống ở bên sông, tôi đã chứng kiến bao điều nhưng chưa bao giờ thấy chuyện nào đau lòng như vậy. Đằng sau những câu nói sâu não đến nát lòng kia hẳn phải là một bi kịch lớn. Tôi bản khoăn lắm nhưng chưa kịp suy đoán điều gì thì người đàn bà kia lại khóc:

- Bé Đản, con yêu! Mẹ thật có lỗi với con khi mẹ bỏ đi giữa lúc này. Nhưng mẹ đâu có thể chọn được một con đường nào khác. Bố đã nghi ngờ sự thủy chung của mẹ con ta. Vậy là bao công lao của con và mẹ bố đều đổ đi tất cả. Mẹ không thể sống trong sự ngờ vực của cha con. Mẹ không thể có lỗi với bà và chấp nhận những gì xấu xa mà mình không có. Mẹ có danh dự của sự thủy chung và trinh tiết. Mẹ phải giữ được tâm hồn mẹ trong ánh mắt của những người hàng xóm. Mẹ không thể sống. Mẹ sẽ chết để thức tỉnh sự ghen tuông mù quáng của cha con. Đản thương yêu! Mẹ xin lỗi con vì tất cả.

Sau câu nói ấy, mặt nước bắt đầu khua động mạnh. Tôi giạt mình và bàng hoàng nhận ra người đàn bà đang dần thân về phía lòng sông. Yêu thương và oán giận. Nhưng chỉ là một cây lau nhỏ bé, tôi không thể làm được gì hơn. Nước bắt đầu dâng lên đến ngang người rồi đến gần hết cánh tay người phụ nữ. Người đàn bà đau khổ đã quyết trăm mình để giải những oan khiên.

Bờ sông Hoàng Giang vẫn lặng. Gió vẫn thổi mát rượi nhưng trăng đã khuất. Không gian tĩnh mịch đến ghê người khiến tôi vẫn nghe và nghe rất rõ những lời trăng trối cuối cùng của người phụ nữ khốn khổ kia.

- Trương Sinh chàng hỡi! Chàng đã phụ công của thiếp. Như một đứa trẻ thơ nghịch một trò chơi mà không cần suy nghĩ, chàng đã coi thường sự thủy chung của thiếp. Nay tình chồng nghĩa vợ đã chẳng thể dài lâu, thiếp chỉ mong sau cái chết này chàng có thể thấy nỗi đau mà thức tỉnh. Chàng hãy chăm sóc cho con, hãy nuôi dạy để cho nó được nên người.

Con xin lạy ông hà bá. Con là Vũ Nương. Nay vì bị oan mà phải chọn tìm cái chết để giải mối oan tình. Thân này đã nguyện dâng cho hà bá. Nhưng con chỉ mong nếu thực lòng thủy chung son sắt thì xin cho được giải mối oan tình những mong Trương Sinh thức tỉnh. Nhược bằng con đây có chút tư tình thì xin hà bá cứ đây ải mãi mãi dưới tầng địa ngục.

Mặt sông Hoàng Giang đã lặng thình. Tôi không còn nghe bất cứ một lời nói hay một âm thanh nào nữa. Vậy là hà bá đã đón người phụ nữ kia đi nhẹ nhàng nhưng chắc chắn không thanh thản.

Cả cuộc đời sống ở bên sông, chứng kiến dòng đời bao thay đổi với cả nỗi buồn lẫn niềm vui. Có những chuyện tôi đã quên, có những chuyện tôi còn nhớ nhưng không có chuyện nào tệ hại như cái chết của Vũ Nương. Nghe hết câu chuyện ấy, tôi vừa giận anh chồng, lại vừa thương cho người vợ. Họ yêu thương nhau rồi lại tự gây những đau đớn cho nhau. Bao năm đã trôi qua, nỗi oan của Vũ Nương cũng đã được chính người chồng kia giải. Thế nhưng cho đến tận hôm nay tôi vẫn không hiểu được con người thật vĩ đại và cao cả biết bao nhưng tại sao vẫn có những lúc họ ích kỷ và nhỏ nhen làm vậy?

Đề 8: Hóa thân vào những que diêm kể lại câu chuyện theo diễn biến và kết thúc của truyện *Cô bé bán diêm* (hoặc diễn biến sự việc tương tự, nhưng kết thúc khác).

Bài viết

Trời đã tối, cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Giây phút đón giao thừa sắp đến. Vậy mà chúng tôi vẫn cùng cô bé tội nghiệp rong ruổi qua từng con phố. Chúng tôi tự nhủ hãy nằm yên, nằm yên và cầu nguyện để tất cả chúng mình sẽ đi về nhà ai đấy. Chỉ có vậy và chỉ có vậy thôi, cô chủ mới được về nhà để đón Tết trong ấm cúng.

Thế nhưng thật oái oăm thay. Đêm ba mươi, ai còn đi mua diêm làm chi nữa. Giờ này họ đã yên ổn cả rồi. Họ đang ngồi bên lò sưởi và chờ đến giờ phá cỗ. Chúng tôi biết vậy và cả cô chủ nhỏ tội nghiệp của chúng tôi cũng thế. Nhưng cô

vẫn cứ đi, lang thang trong rét mướt và hy vọng. Niềm hy vọng ấy trong cái đêm nay thật quá nhỏ nhoi. Vậy mà nó chỉ chực chờ để tan biến mất.

Trời đã về khuya. Và chúng tôi cảm thấy đôi bàn tay của cô chủ đang cứng lại. Cô dừng lại và ngẫm nghĩ về một điều gì đó. Bỗng đột nhiên, cô rút một trong số chúng tôi ra và quẹt sáng. Anh bạn của chúng tôi bén lửa rất nhanh loáng qua rồi biến đi trên nền than hồng rực. Chúng tôi không biết cô bé nghĩ gì nhưng ánh mắt cô bé rất vui và hình như miệng cô còn ánh lên cả một nụ cười thì phải.

Cô bé duỗi chân ra nhưng dờ dẫm nhìn que diêm vụt tắt. Cô lại bồn thần và suy nghĩ hồi lâu. Chắc cô bé đang lo không bán được diêm, về nhà sẽ bị cha chửi mắng.

Thế rồi, mạnh mẽ hơn, cô lại quẹt lửa anh bạn thứ hai. Lửa lại cháy và sáng rực. Ánh mắt cô bé lại vui lên. Khuôn mặt đỏ hồng rạng rỡ. Nhưng không đầy một phút sau, anh bạn tôi vụt tắt. Trước mặt cô bé chỉ còn là những bức tường lạnh lẽo, dày đặc, tối tăm. Phố xá vẫn vắng teo và lạnh buốt. Tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến nơi hò hẹn.

Cô chủ không còn nghĩ về cha. Cô không còn sợ. Cô quẹt thêm một que diêm nữa. Lần này cảm giác như anh bạn của chúng tôi bốc cháy lâu hơn. Niềm vui cũng dừng lại trên khuôn mặt của cô chủ tôi lâu hơn đôi chút. Không biết lúc này cô bé đang nghĩ đến cái gì, đến cây thông Nô-en hay đến người bà yêu quý.

Cô bé lại quẹt thêm một que diêm nữa. Một ánh sáng xanh tỏa ra xung quanh. Cô bé cười và reo lên hạnh phúc:

- Bà ơi! Cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây thông Nô-en ban nãy. Nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi đây. Trước khi bà về với Thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết nhường nào. Đạo ấy bà từng chủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà. Bà ơi! Cháu van bà, bà xin với Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Anh bạn thứ tư của chúng tôi vụt tắt. Thế là cái ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt cô chủ nhỏ cũng biến mất luôn. Nhưng cô bắt đầu lôi ra tất cả chúng tôi và quẹt sáng. Dường như cô chủ của chúng tôi đang muốn níu kéo một điều gì. Chúng tôi nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Và chúng tôi nhận ra trên khuôn mặt kia đang nở ra một nụ cười mãn nguyện. Một xó tường bỗng vụt sáng lên nhưng cũng chỉ một phút sau nó lại trở về với cái tối tăm lạnh lẽo. Chúng tôi đã thấp lùn những tia sáng cuối cùng còn cô chủ của chúng tôi thì bỗng nhiên gục xuống. Có lẽ cô mệt quá. Cô đã không ăn và không nghỉ suốt những ngày qua nên chắc bây giờ đang đói lả. Chúng tôi thương cô chủ quá và cầu mong sao cho đêm giao thừa qua thật là nhanh.

Sáng ngày mừng một, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng và chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Chúng tôi - những que diêm còn sót lại trong túi của cô chủ đêm qua bỗng nghe thấy tiếng gọi của một người phụ nữ:

- Cháu bé ơi! Cháu bé ơi! Cháu là con cái nhà ai mà ra nông nổi thế này.

Người đi đường cũng bắt đầu xúm lại. Họ tò mò đoán và ngẫm nghĩ cô gái có

đôi má hồng và đôi môi đang cười mỉm nằm giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết hẵn. Người đàn bà khi nãy rẽ đám đông ra để chen vào. Tay bà mang theo một cốc sữa đang còn nóng và một chiếc áo lông cừu đang còn mới. Uống một cách khó khăn vài ngụm sữa, cô chủ đã mơ màng tỉnh lại. Máy người đàn ông giúp người phụ nữ đưa cô chủ về một ngôi nhà nhỏ rồi họ tản mác đi chơi. Bây giờ cô chủ đã tỉnh hẳn và đang ngồi bên lò sưởi.

- Cháu cảm ơn bà! Cô chủ nói.

Người phụ nữ nhanh nhẩu đáp:

- Không có gì đâu cháu ạ! Nhìn cháu ta đã đoán ra tất cả mọi việc rồi. Ta cũng buồn như cháu. Trước đây ta cũng có một cô cháu gái nhưng Thượng đế chí nhân đã rước nó đi. Giờ ta gặp cháu đâu phải chẳng là Thượng đế thương ta mà trả cho ta đứa cháu. Ta tuy nhỏ nhưng rất rộng lòng thương. Nếu cháu muốn, cháu có thể ở đây với ta làm bạn.

Cô bé không đáp lời người phụ nữ. Mắt cô bé rung rung nhìn những bông tuyết đang rơi trắng xóa ngoài khung cửa. Nhưng rồi bỗng nhiên cô quay lại, sà vào vòng tay âu yếm của người thiếu phụ và nức nở: Bà ơi! Bà ơi! Bà thương cháu mà trở về với cháu thật hay sao!

Đề 9: Lê-nin nói: "Tôi không sợ khó, không sợ khổ, tôi chỉ sợ những phút yếu mềm của lòng tôi. Đối với tôi chiến thắng bản thân là chiến thắng vẻ vang nhất". Bằng vốn sống và kinh nghiệm, hãy kể một câu chuyện "Về một học sinh tốt, phạm một số sai lầm nhưng đã kịp thời tỉnh ngộ, chiến thắng bản thân".

Bài viết

Khi tôi tiễn anh bạn của tôi - người mà tôi sẽ kể cho các bạn nghe về cuộc đời anh ấy, đến một ngôi trường mới, tôi đã hỏi: "Anh nghĩ gì về những việc đã qua". Anh đã trả lời tôi mà không hề ngượng ngịu: "Tôi xấu hổ. Nhưng phải biết xấu hổ mới đứng lên và đi được". Tôi nể phục anh ở câu nói ấy sau tất cả những gì đã xảy ra với đời anh.

Hải - tên của anh, là một đứa con ngoan thực sự. Nhà anh nghèo và lam lũ lắm. Bố mẹ anh đều vất vả nhưng họ lại chẳng hợp nhau. Còn họ không hợp vì lý do gì, tôi cũng không biết nữa. Gia đình vốn đã không yên ổn nên Hải phải vừa học vừa chăm chút cho công việc gia đình và lo lắng cho cô em gái chưa đầy sáu tuổi. Công việc bù đầu như thế nhưng Hải là một học sinh rất khá. Hải học tốt tất cả các môn và là một học sinh có nhiều triển vọng (xin nói thêm ở vùng quê nghèo khổ như quê tôi, một học sinh vừa lam lũ lại vừa học giỏi như anh là rất hiếm).

Chín năm học cấp một và cấp hai trôi qua nhanh chóng. Và cũng gần ấy năm vì công việc gia đình mà Hải bỏ mất đi bao nhiêu mơ ước. Đặt chân vào đến cấp ba, Hải đã lớn nhưng lại bắt đầu không chịu được những áp lực của xung quanh. Bố của anh ngày càng quá đáng khiến anh không còn đủ sức vượt qua nỗi khổ. Hải bắt đầu nhụt chí, học hành sa sút và chán nản. Hải lì ra rồi dần dần né tránh đi những lời động viên an ủi của mọi người.

Những buổi học bắt đầu đứt quãng. Bạn bè thì không hiểu vì sao anh quen biết và thân thiết với những đám du côn. Giờ đây không phải là những gốc cây nhiều bóng mát - nơi ngày xưa Hải tranh thủ từng phút để ra đọc sách, mà nơi đến của anh là những quán game. Hải trốn tránh và mất đi tất cả niềm tin (chứ còn gì là niềm cảm phục) của bạn bè và của cả người thầy đáng mến luôn hết lòng với Hải.

Một tháng, hai tháng rồi mấy tháng trôi qua, Hải càng ngày càng sa lầy vào lười biếng. Mải chơi và rất cần tiền. Hải bị lũ du côn bày cho trò trộm cắp. Đối tượng mà anh hướng đến ấy chính là chiếc xe mới nhất của một bạn lớp mình. Hải đã lên kế hoạch và làm vụ ấy rất "ngon" khiến bác bảo vệ phải một phen khổ sở. Thế nhưng mấy ngày sau, người ta thấy tên kẻ trộm dắt chiếc xe kia đi thẳng vào phòng thầy Hiệu trưởng. Không biết cậu bé kia đã nói gì nhưng sau đó Hải đi về lớp rồi hôm sau anh nghỉ hẳn.

Cũng chính hôm ấy, thầy Hiệu trưởng đến lớp chúng tôi. Thầy đã kể lại toàn bộ chuyện lấy cắp xe của Hải. Thì ra, Hải phải lấy trộm xe vì đã nợ một món tiền kha khá ở những chỗ hay qua lại chơi bởi. Lý ra, lấy xe xong, cậu phải mang xe đi bán. Thế nhưng, cậu lại mang xe thẳng về nhà. Hải đã thú thực: khi lấy xe xong cậu bắt đầu ân hận. Nhưng vì sĩ diện, cậu không quay lại trả ngay. Mang xe về nhà bà ngoại để mấy hôm và đành nói dối là xe mượn. Thế nhưng đó cũng là những ngày lương tâm của Hải không ngớt ray rứt. Anh muốn bán quách nó đi để lại chơi bởi tiếp cho quên đi tất cả. Thế nhưng anh lại nghĩ, nếu mình làm như thế thì cũng có nghĩa là mình bán đi nhân cách của mình, bán đi tất cả những gì mà mình đã có. Một mặt anh muốn được giải thoát ngay nhưng mặt khác lại lo, lại sợ. Cứ thế, suốt mấy ngày Hải đã phải tự cắn rứt lương tâm và chắc phải gian nan lắm anh mới vượt qua được chính mình. Và phải chăng cũng chính vì sự thành thật và dũng cảm của anh nên thầy Hiệu trưởng đã là người đầu tiên rộng lòng tha thứ cho anh.

Những ngày sau đó còn là một quãng dài và khó khăn tột cùng với Hải. Cái giá đắt nhất cho những hành động đại dột của anh (chính anh nói thế) là những cái nhìn e ngại và xa lánh của mọi người. Hải đã ân hận và khổ tâm nhiều lắm trên con đường trở về với chính bản thân mình. Thế rồi quá khứ mênh mang cũng có ngày khép lại. Hải đã lấy lại niềm tin bằng sức học và bằng sự cúi đầu thật sự. Mọi người đều đã nhận ra và rộng lòng tha thứ cho anh.

Chúng tôi vừa mới chia tay Hải. Anh đã vượt qua nhiều học sinh giỏi khác để tự tìm cho mình một tương lai. Giờ đây Hải đã không còn phải lo vừa kiếm tiền vừa học nữa. Với riêng tôi, tôi rất tin vào nghị lực và sự cố gắng của anh. Một con người đã dũng cảm vượt qua những ham muốn tầm thường của bản thân, dũng cảm đối diện với lỗi lầm hẳn phải là một người biết cách để vượt qua những khó khăn khác lớn hơn. Tôi tin vào Hải, tin vào sự trở về mãi mãi của con người chân thật trong anh.

Đề 10: *"Tôi tên là Oanh liệt. Cái tên này cậu chủ đặt cho tôi nhờ những trận đấu oanh liệt của tôi trên các sỏi chọi trong làng. Vậy mà giờ đây, cậu chủ lại bỏ rơi tôi để chạy theo những trò chơi mới".*

Dựa theo những lời tâm sự trên, hãy viết một truyện ngắn - bằng giọng kể ở ngôi thứ nhất - kể về số phận và nỗi niềm của một con gà chọi.

Bài viết

Tôi tên là Oanh liệt. Vâng cái tên này cậu đã đặt cho tôi đúng vào cái ngày tôi hạ gục đối phương để vươn lên làm bá chủ trên sỏi chọi gà. Ôi cái ngày huy hoàng ấy đối với tôi sao mà đáng nhớ biết bao. Vậy mà giờ đây, quá khứ của tôi mãi mãi chỉ là quá khứ.

Tôi sinh ra trong một gia đình đông đúc có tới trên dưới chục anh em. Mẹ tôi hiền lành và chăm chỉ. Bà thường rong ruổi đi rất nhiều nơi để kiếm về cho anh em chúng tôi những miếng mồi thơm ngon và bổ. Nhờ mẹ mà anh em chúng tôi đứa nào đứa nấy đều có dáng vóc và sức khỏe khác thường. Từ khi còn rất nhỏ, chúng tôi đã được dự báo sẽ trở thành những chiến binh hùng mạnh.

Thực ra người để lại cho anh em chúng tôi nhiều ấn tượng hơn cả lại là bố của tôi. Khi còn trẻ bố tôi hùng tráng và oai phong lắm. Nghe nói bố tôi đã từng qua tay nhiều ông chủ và giành được nhiều giải thưởng trên khắp các sỏi gà. Khi bố tôi sắp không thi đấu nữa, anh em chúng tôi cũng được xem ông lên đài vài trận nữa. Những trận ấy ông đều thắng cả và quả thực ông đã trở thành một tấm gương lớn, trở thành niềm kiêu hãnh cho cả gia tộc chúng tôi.

Anh em tôi lớn lên tất cả đều đi theo con đường của bố. Ông cũng chính là người dạy anh em chúng tôi những thế đánh đầu tiên. Bao giờ cũng vậy, đã thành lệ, cứ một anh em nào đó trong gia đình của tôi sắp đi theo một ông chủ mới thì bố mới truyền cho những thế đánh tuyệt vời để chiến đấu và để hộ thân. Ngày tôi đi theo chủ mới, bố cũng dạy tôi điều đó.

Ông chủ của tôi nghe đâu là một người ham mê gà chọi lắm. Ông đã từng đi khắp nơi để chọn gà và tôi cũng chưa hiểu lý do nào khiến ông chủ lại chọn lựa gia đình của chúng tôi. Tôi cứ nghĩ ông chủ tôi già lắm thế nhưng khi gặp tôi mới biết ông còn rất trẻ và vì thế, từ đấy để cho thân thiết tôi đổi gọi ông là cậu chủ.

Ngày đầu tiên về nhà mới, cậu chủ rất chăm chút cho tôi. Cậu cho tôi ở trong một ngôi nhà rộng rãi và thoáng mát. Tôi nghĩ nó thật xứng đáng với cái vóc dáng và sự oai vệ của tôi. Đúng một tháng sau đó, tôi bước vào một sỏi chọi chính thức lần đầu tiên. Hôm ấy tôi gặp một cậu choai hung hăng lắm. Cậu ta to khỏe và lực lưỡng hơn tôi nhưng những miếng đòn thì xem ra dỡ ẹc. Chính vì thế mà chỉ chưa đầy ba hồ đấu, tôi đã hạ gục cậu choai kia.

Hôm ấy cậu chủ hí hửng và vui mừng lắm. Cậu đã bế tôi đi để khoe mẽ khắp với bạn bè. Cậu nói cậu tin tôi sẽ là một con chọi oanh liệt nhất. Nghe những lời nịnh nọt của cậu chủ, tôi kiêu hãnh lắm.

Kể từ ngày ấy, tuần nào tôi cũng tung hoành trên các sỏi chọi khắp đó đây. Cậu chủ quả là người đi nhiều và biết nhiều nơi thật. Những lần cùng cậu chủ đi chu du như thế, tôi đã tha hồ học được thêm nhiều miếng đánh khác nhau. Kinh

nghiệm trận mạc của tôi ngày càng thêm dày dặn. Thú thực trong những lần ra quân ấy, có trận tôi hạ gục đối thủ rất nhanh nhưng có trận tôi cũng suýt nữa thì toi mạng. Nhưng trong tất cả những lần như thế, nhờ những miếng đánh gia truyền, cuối cùng tôi đều đã áp đảo được đối phương.

Trong đời chiến, đã dự bao nhiêu lần, tôi cũng không nhớ. Nhưng có hai trận đấu mà tôi không thể nào quên. Trận thứ nhất là trận tranh giải quán quân với một anh chọi nổi danh đã từng ẩm cái giải ấy một năm về trước. Nghe đâu, người ta gọi anh là Hùng xám. Và quả thực khi mạnh, thế đánh của hắn ta dữ thật. Mỗi lần hắn ta vỗ cánh vung chân là một lần đối phương phải tối tăm mặt mũi, nhưng khi yếu hắn ta lại thủ thế rất vững vàng. Nghe nói mấy anh bạn trước đây của tôi đều bị nó đánh cho tàn phế.

Hôm ấy, trời nắng rất to. Tôi với nó đánh đã hết bốn hồ mà không phân chia thắng bại. Hai bên đều mệt lử, chỉ còn tinh thần là vẫn vững vàng thôi. Sang hiệp thứ năm, tôi bị Hùng xám cựa cho toác đầu chảy máu. Nhưng nghĩ đến danh dự của cha tôi, tôi đã quyết dùng miếng đánh hiểm cuối cùng. Ấy là miếng đánh mà bố tôi đã dạy trước khi tôi về nhà cậu chủ. Bố tôi dặn kỹ nếu không thực sự rơi vào lúc lâm nguy, tôi không được phép dùng thế đó. Quả nhiên thế đánh thật là hiểm ác. Chỉ cần vung ra hai cựa, tôi đã lấy đi đôi mắt của đối phương. Trận chiến hôm ấy kết thúc, phần thắng thuộc về tôi nhưng tôi chẳng lấy gì làm vui mừng lắm.

Sau lần ấy, tôi yếu hẳn đi. Hai tháng sau, tôi theo cậu chủ lao vào một cuộc thách đấu. Nhưng lần này tôi bại rất nhanh bởi một tay mặt mày còn non choẹt. Trận đấu kết thúc nhanh và cậu chủ thì vô cùng thất vọng. Sau trận ấy, đến một tháng sau tôi chẳng thấy cậu chủ để ý đến tôi. Tôi nghĩ chắc cậu không còn dùng tôi nữa. Giờ đây chắc cậu lại đi tìm một chú choai khác thay tôi. Nhưng không, cậu chủ không chơi gà chọi nữa. Nghe nói cậu có nhiều trò chơi mới ham thích hơn cơ. Cậu thường đi từ rất sớm và về rất muộn. Hắn hừ lắm cậu mới rẽ qua vút vài năm gạo cho tôi nhưng lại chẳng thêm ngó ngang gì.

Cuộc sống của tôi cứ thế trôi đi buồn tẻ và chán nản. Giờ đây, tôi không làm trận nữa và cũng chẳng được sống những ngày có ý nghĩa như của cha tôi. Tôi đang nằm đây và chờ đợi. Tôi mơ về quá khứ và chờ đợi về một điều tôi sẽ đến ở tương lai. Ôi cái kết cục cho một chiến binh oanh liệt thật là buồn tẻ. Tôi không trách giận và đâu có quyền trách giận cậu chủ tôi. Cuộc đời của tôi dành cho chiến trận. Và khi không còn sức mà đánh nhau được nữa thì sự tồn tại của tôi cũng đâu có ích chi. Với tôi hiện tại thật là đáng tiếc nhưng một quá khứ oai hùng cũng đủ để tôi cảm thấy tự hào và kiêu hãnh với cha tôi.

Đề 11: Sáng tác một truyện ngắn (theo đề tài tự chọn) mang ý nghĩa xã hội, có tác dụng giáo dục thiết thực đối với tuổi trẻ hiện nay.

Bài làm

Vở của các con đâu?

Năm tôi 13 tuổi, bố gọi tôi và hai cậu em trai vào phòng đọc sách. Tôi rất lấy làm hứng chí. Gọi là phòng đọc sách nhưng chúng tôi biết thừa nó là phòng trò

chơi, nơi những “người đàn ông” thường cùng đua xe, câu cá nhựa hoặc xem phim.

- Mỗi đứa mang một cuốn vở và một cái bút tới đây! - Bố ra lệnh ngay khi chúng tôi vừa bước tới cửa phòng.

Chúng tôi đứng sững nhìn nhau lo lắng! Yêu cầu của bố nghe rất bất thường và đáng e ngại - cứ như là sắp làm bài tập ấy.

Khi đã tìm được vở và bút cho mình, quay lại “phòng chơi”, chúng tôi thấy bố đã bày sẵn bàn với ba cái ghế nhựa, kèm theo một tấm bảng lớn treo trên tường. Bố chỉ chúng tôi ngồi vào ghế nhựa, chứ không phải là cái ghế đệm bông êm ái, dù nó chỉ cách chúng tôi có một gang tay.

- Bố muốn các con phải tập trung hết sức, bố nói như một buổi kinh doanh - đó là lý do các con cần ngồi ghế nhựa, chứ không phải là ghế đệm bông!

Ngay lập tức chúng tôi rên lên:

- Mẹ đâu rồi ạ? Hay là chúng ta đợi mẹ! - cậu em út tính kế hoãn binh.

- Có lâu không ạ? - Cậu em kế tôi thở dài.

Tôi thì chỉ ngồi im lặng trên ghế nhựa cứng đơ.

- Mẹ đi chợ phải vài tiếng nữa mới về, và việc này không liên quan đến mẹ, bố nói. - Và việc này kéo dài bao lâu là tùy thuộc ở các con. Các con càng hợp tác thì chúng ta càng hoàn thành nhanh chóng. Hiểu không?

- Rồi ạ! Chúng tôi đáp lại uể oải.

- Từ bây giờ chúng ta sẽ có buổi học vào các sáng thứ bảy. Chỉ “những người đàn ông” chúng ta mà thôi. Bố sẽ dạy các con những gì bố đã học về cuộc sống. Đó là trách nhiệm của bố để chuẩn bị cho các con thành những người đàn ông - những người sẽ đóng góp cho cộng đồng và cho cả thế giới. Trách nhiệm này, bố thấy rất quan trọng và nghiêm túc.

Tôi ngắt lời:

- Bố sẽ dạy bọn con mọi điều về cuộc sống ạ?

- Tất cả những gì có thể.

- Nhưng như thế thì mãi mãi cũng không học hết!

- Có thể...- Bố nói nhỏ, vẻ suy nghĩ, rồi bắt đầu viết lên bảng - có thể lắm...

Trong suốt ba năm, dù khoẻ hay ốm, bố vẫn giữ đúng lịch dạy chúng tôi về kĩ năng và những ứng xử đời sống vào thứ bảy hàng tuần. Bố dạy rất nhiều: Vệ sinh cá nhân, tuổi dậy thì, các nghi thức xã giao, cách đối xử bình đẳng, sự kính trọng người già, tôn trọng những người phụ nữ, đạo đức nghề nghiệp, quản lý tiền nong, trách nhiệm với cộng đồng... Chúng tôi viết kín hết cuốn vở này đến cuốn vở khác.

Năm nay, tôi đã 16 tuổi và đã trở thành một học sinh Trung học phổ thông, những bài học đã bớt dần đi. Tôi và các em cũng đã lớn lên dần. Chúng tôi bắt đầu bận rộn và cũng bắt đầu vấp vấp với những khó khăn. Những lúc ấy, chúng tôi thường ngồi lại, nghĩ tới những điều bố cho ghi trong vở ngày xa, vì những điều ấy trước đây bố đã từng nhắc tới.

Mới đây, bố gọi riêng tôi ra và nói:

- Bố sẽ dạy con đến khi con 18 tuổi, phần còn lại của "bài học" con bắt đầu phải tự gom nhặt trong cuộc sống mà thôi!

Tôi khoanh tay lễ phép:

- Thưa bố! Giờ đây con đã hiểu những việc làm của bố từ trước đến nay. Con chỉ mong sau này mỗi khi đi xa trở về, bố lại chữa những bài tập về cuộc sống hết sức phong phú này cho con.

Đề 12: So sánh lời nói, cử chỉ, hành động của hai nhân vật Đăm Săn và Mtao Mxây. Hãy nhận xét về cách đánh giá khác nhau của tác giả dân gian đối với hai nhân vật này.

Bài viết

Đăm Săn là bộ sử thi nổi tiếng, là niềm tự hào của nhân dân Tây Nguyên. *Đăm Săn* là nhân vật chính là đại diện, biểu trưng cho sức mạnh của các cộng đồng người Tây Nguyên trong buổi đầu xây dựng và bảo vệ buôn làng. Vì thế, người Tây Nguyên dùng những ngôn từ, hình ảnh đẹp nhất để ca ngợi sự dũng mãnh của chàng.

Trong đoạn trích này, hai nhân vật Mtao Mxây và *Đăm Săn* đều được tả bằng ngôn ngữ hào sảng của sử thi song lại được miêu tả với hai cảm hứng khác nhau. Với *Đăm Săn*, đó là cảm hứng ngợi ca. Với Mtao Mxây là cảm hứng phê phán. Hai người đều tài giỏi nhưng hành động và ngôn ngữ của họ lại khác nhau.

Ngôn ngữ của *Đăm Săn* là ngôn ngữ của người anh hùng đại diện cho chính nghĩa. Mtao Mxây cướp vợ của *Đăm Săn*. Vì danh dự của mình, *Đăm Săn* đi đòi vợ. Chàng đến khiêu chiến với Mtao Mxây bằng tinh thần thượng võ của người anh hùng. Nhưng Mtao Mxây lại là kẻ xấu, hấn buông lời chọc tức chàng "Ta không xuống đâu... Tay ta còn đang bận ôm vợ hai chúng ta ở trên này cơ mà". Hấn cũng sợ *Đăm Săn* có hành động đâm lén. Nhưng *Đăm Săn* không phải là người như vậy. Chàng coi thường Mtao Mxây và đó cũng là thái độ của người Ê Đê đối với Mtao Mxây. *Đăm Săn* coi hấn không bằng con lợn nái, con trâu, "như con gà làng mới mọc cựa... chưa ai giẫm phải mà đã gãy mất cánh. Đều nhằm mục đích trêu tức đối phương những hai nhân vật này có hai cách nói khác nhau thể hiện một nét bản chất quan trọng ở họ. Một người đầy tinh thần thượng võ, một người ti tiện.

Hình dáng, vũ khí chiến đấu của hai người được miêu tả không giống nhau. Với Mtao Mxây "khiên hấn tròn như đầu cú, gươm hấn óng ánh như cái cầu vồng... dáng tần ngần do dự, mỗi bước mỗi đắn đo, giữa một đám đông mịt mù như trong sương sớm". Hấn có vẻ thiếu tự tin và lo sợ trước *Đăm Săn*. Tác giả còn ví "khiên hấn lạch xạch như quả mướp khô". Thế nhưng lời lẽ của hấn lại rất huyền hoang "Có cậu, ta học cậu... có thần Rông ta học thần Rông". Tự hấn cũng nhận hấn là kẻ chuyên đi xâm lược "là một tướng chuyên đi đánh thiên hạ, bắt tù binh...". Thế rồi, Mtao Mxây đã thất bại thảm hại trước *Đăm Săn*, "Mtao Mxây tháo chạy...". Cuối cùng hấn đã phải hèn nhất van xin dưới tay *Đăm Săn*. *Đăm Săn* đã chiến thắng thật vẻ vang.

Ngược lại với Mtao Mxây, *Đăm Săn* lại được miêu tả với những ngôn ngữ khác. Cử chỉ, hành động và ngôn ngữ của chàng đều rất oai phong. Chàng hiên ngang thách đấu với Mtao Mxây bằng một tinh thần thượng võ. Chàng cho kẻ thù

múa khiên trước. Vẻ đẹp của chàng trong chiến đấu được miêu tả "Mỗi lần xốc tới, chàng vượt một đôi tranh... vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây".

Tác giả dân gian đã miêu tả hành động của Đăm Săn rất tỉ mỉ. Chàng hiện lên như một đấng thần linh, đối lập hoàn toàn với hình ảnh Mtao Mxây trong đoạn trích. Khiên của Mtao Mxây "kêu lạch xạch như quả mướp khô" thì khi Đăm Săn múa "Chàng múa trên cao, gió như bão..."

Bằng ngôn ngữ kể chuyện rất hồn nhiên và ngây thơ, tác giả dân gian đã tạo dựng hai nhân vật anh hùng ở hai tuyến khác nhau, qua đó khẳng định sức mạnh cộng đồng.

Đề 13: Viết đoạn văn miêu tả nhà tù trưởng Đăm Săn khi chiến thắng Mtao Mxây.

Bài viết

Đăm Săn là một tù trưởng giàu mạnh nhất trong những tù trưởng giàu mạnh. Với sức mạnh bạt núi ngăn sông chàng đã chiến thắng được tù trưởng Mtao Mxây. Và làng của Đăm Săn đã mạnh lại càng mạnh hơn. Mừng chiến thắng buôn làng đã mở hội, đó là một ngày hội thật vui vẻ, thật nô nức và đầy tự hào. Cả buôn làng âm vang tiếng chiêng quý, tiếng vòng nhạc rung, cỏ cây, núi rừng và con người cùng ca khúc khải hoàn. Rượu tràn ra khắp nhà, gương mặt mọi người đều hân hoan và đầy tự hào.

Nhà Đăm Săn đông nghịt khách, tôi tớ chật ních nhà, thức ăn đầy nhà, hoa nở khắp buôn. Họ vui mừng trong chiến thắng, họ tự hào vì tù trưởng của họ là người anh hùng và buôn làng của họ ngày càng giàu mạnh.

Nổi bật trong ngày hội mừng chiến thắng ấy là hình ảnh oai hùng như bậc thánh thần của Đăm Săn. Chàng là biểu tượng cho sức mạnh của cả cộng đồng. Đăm Săn thật oai phong, chàng nằm trên võng, tóc thả trên sàn, húng tóc chàng ở dưới là một cái nong 'hoa', "Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, nói không biết chán". Niềm vui của Đăm Săn tràn cả sang cây cỏ, núi rừng, trải khắp buôn làng. Đăm Săn đẹp như một dũng tướng "Ngực quấn chéo một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến... Đăm Săn vốn đã ngang tàng từ trong bụng mẹ". Đăm Săn oai hùng và được buôn làng trân trọng như một vị thần. Cả buôn làng của Đăm Săn đã ăn mừng chiến thắng suốt cả mùa khô. Họ vui mừng và tự hào về vị tù trưởng can trường của mình.

Đăm Săn là biểu tượng văn hoá đầy tự hào của nhân dân Tây Nguyên. Đó là một trong những hình tượng nghệ thuật đẹp nhất của văn học dân gian Việt Nam.

III. THAM KHẢO

Mở lời về cội xưa Kinh Bắc

Chỉ hai tiếng "Kinh Bắc" thôi đã đủ gợi lại cho mỗi người Việt chúng ta một quá vãng đẹp, hào hùng có lúc đến bi tráng, một không gian xa mà vẫn biêng biếc gần gũi chan chứa yêu thương của dân tộc.

Trên đầu, nghe vi vút tiếng bay ngựa sắt đưa Thánh Gióng về Trời, một ông

Giống đánh tan giặc xâm lược vừa xong đã trút bỏ giáp trụ mà đăng vân.

Về phía Tây, dòng Tiêu Tương còn mãi mãi vẳng lên tiếng hát Trương Chi “Người thì thậm xấu” hân lời ca vẫn da diết yêu, ai oán nhớ, ta vẫn nghe dòng lệ Mị Nương ràn rụa rơi xuống chén gỗ bạch đàn như một điệu hồ cầm tiếc hận đăng đăng và thương xót không cùng.

Hãy tạm kể từ khi có một ông vua do Hoà thượng Lý Khánh Văn chùa Tiêu Sơn “nhặt” được ở một cái bọc ai đặt vào số cổng chùa lúc chập tối, nhà sư mở bọc thấy một chú bé sơ sinh còn đỏ hỏn, đem về nuôi đến lớn khôn, dạy chú bé cả văn cả võ, đến năm chú 17 tuổi, hòa thượng đưa cậu con nuôi ấy vào Hoa Lư làm lính, trải hơn mười lăm năm đánh Đông dẹp Bắc, có đức độ lớn, tài năng và chí khí cao, người dũng sĩ anh hùng ấy đã được quân dân và các hiền sĩ, các tăng lữ tôn vinh lên ngôi nối nghiệp nhà Tiền Lê đã suy tàn do hôn quân bạo chúa Lê Ngọa triều coi máu người như nước lã.

Lý Thái Tổ mở đầu một triều đại, một thời kỳ quốc gia đủ mạnh, một chính thể đường bệ với giường mối vững vàng, có nền văn hóa văn minh và nhân văn cao đẹp rạng rỡ.

Có thể nói Lý Công Uẩn là ông vua duy nhất trong lịch sử dân tộc được dân “bầu” lên, một bậc minh quân tài trí với đức độ của Phật Thích Ca, đã xây dựng nền dân chủ đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Từ khi vua Lý dời đô từ Hoa Lư ra đến mép dòng sông lớn Hồng Hà đặt tên kinh đô là Thăng Long, vàng, chỉ tạm kể từ đó thôi, vùng Kinh Bắc đã được các triều đại kế tiếp (Trần, Hồ, Hậu Lê, Mạc, Lê Trung Hưng, Trịnh) gọi là “phên dậu của Kinh kỳ”. Thế nào là phên dậu? Tre nứa thế thôi cho đúng với nền văn minh lúa nước và sắc thái văn hóa Luy Lâu nhưng đích thực trấn Kinh Bắc xưa là bức tường thành vững chắc nhất để giữ gìn đất nước, chống chọi với bao phen bão tố ào xuống từ phương Bắc. Bão thốc qua đây rồi những Thánh Gióng xưa tan nó cũng từ đây. Cũng qua đây những con em của Tổ quốc Việt, từ Châu Hoan, Châu Ái xa xôi, từ Nam Hà, Thái Bình, Ninh Bình bao la ruộng đồng màu mỡ, những con em đất nước cứ lẳng đặng “đi lên xứ Lạng cùng anh” mà chặn bão, ngăn lũ luân phiên theo thời hạn “ba năm trấn thủ lưu đồn”. Bởi có nhiều người đi không về nữa nên khí thiêng trời Nam đất Việt mới phóng lên nơi địa đầu Tổ quốc một nàng Tô Thị vọng phu “đau thương bằng Thánh”¹. Gần ngay kinh kỳ, còn rung động tiếng thơ bi ai, sầu tư nàng công chúa Ngọc Hân khóc nhớ người chồng, người anh hùng “áo vải cờ đào giúp dân dựng nước”.

Xa chút nữa, đứng giữa lòng Kinh Bắc, hỏi đã bao nhiêu đời huê tình Quan họ, Lý sang sông, Lý con sáo, Lý cây đa đã phả hơi thở nồng nàn vào *Truyện Kiều*, tiếng kêu đứt ruột của người trai, người gái Kinh Bắc?

Cũng chỉ cách vài dặm đường quê, tiếng hát cô gái hái chè đã bắc cầu vàng cho một nhan sắc nghiêng nước sông Đuống, sông Cầu để bước lên đài vinh quang lộng lẫy, để rồi làm nghiêng, làm sụp cơ đồ Chúa Trịnh hơn hai trăm năm “phi đế

¹ Chữ trong thơ của Đặng Đình Phương

phi bá, quyền khuynh thiên hạ”.

Lại qua một con sông sắc nước nâu hồng, hai bờ cát trắng, con sông có lẽ từ nghìn năm vẫn “nằm nghiêng nghiêng” trần trọc không ngủ, thao thức, trần trụi suy tư về số phận quê hương. Qua đó để thấy đôi mắt cực kỳ hiền hậu, vô cùng sắc sảo của một cô gái 20 tuổi đứng tựa cây lan bên cổng Chùa Dầu mà quyến rũ một Lý Thánh Tông tài trí. Để rồi đôi mắt kỳ diệu ấy lại trị vì đất nước, làm cho thần dân nhà Lý an cư lạc nghiệp, xanh rờn hạnh phúc tầm tang ngô lúa trong hương khói màu Thiên. Tên người con gái kỳ diệu ấy đã thành tên Đền Bà Tấm, phải chăng cô Tấm từ cổ tích bước ra làm thành dáng đẹp cao quý thiêng liêng nhất của triều đại Lý?

Hạnh phúc người Kinh Bắc hẳn đã “cao như núi, dài như sông”² thì những nỗi oan khiên cũng đến lệch trời xô đất. Nỗi oan Mị Châu, nàng công chúa nửa huyên sử mà có người phán xét là “Trái tim nhầm chỗ”³ đời đời còn làm đau lòng người Việt đến nỗi tượng thờ cũng phải chém đầu, liệu có một nhà thơ nào, một nhà sử học nào viết sách minh oan? Không, trái tim Mị Châu vẫn là trái tim trong sáng đến nay vẫn đều đều nhịp đập của tình yêu cho hàng triệu người Việt Nam thương cảm xót xa vì cái mệnh trời đa đoan, khắc nghiệt.

Hơn nghìn năm sau Mị Châu oan khuất lại đến nỗi oan ngất trời của một bậc đại trí thức Gia Bình đời Lý Thần Tông đem dâng hiến tất cả trí tuệ, tài năng làm cho dân bình nước trị, giữ vững được từng tấc đất cho xứ sở, không để giặc ngoại xâm dòm ngó tước đoạt, vị trạng nguyên đầu tiên trong lịch sử văn hóa dân tộc, một con người tận tụy vì dân vì nước như thế mà bị vu cáo âm mưu giết vua cướp ngôi nhà Lý rồi bị truất quyền, bị lưu đày lên vùng ma thiêng nước độc. Đến khi già yếu, muốn về chết ở xứ quê nơi mình được chôn nhau cắt rốn mà lê lét vượt đèo lội suối gồng sức hàng tháng trời, đến lúc chỉ còn cách ngôi nhà tổ phụ có chín mươi dặm cỏ thì trút hơi thở cuối cùng bên bờ sông Đuống. Vậy đến bao giờ nỗi oan ấy được làm sáng tỏ hoàn toàn để oan hồn Lê Văn Thịnh được giải sạch ám khí còn nhập nhòa đen trắng mà bay lên bầu trời Kinh Bắc, bầu trời Việt Nam sáng toả lung linh và màu nhiệm như sao Khuê, sao Đẩu? Bao giờ ở Hà Nội này, ở kinh thành Thăng Long bất tử, nơi Lê Văn Thịnh đã để lại một sự nghiệp chính trị, văn hóa vĩ đại, nơi ông đứng đầu Nhà nước hơn chục năm ròng rã, bao giờ có một tên phố lớn Lê Văn Thịnh hay ít ra cũng có một học viện, một nhà trường mang tên Lê Văn Thịnh?

- Bao giờ?

Ồi những con sông những triền núi, những gò cao, đồi thấp những bến những thuyền, những chùa chiền miếu mạo, đền đài, lăng tạ của đất Kinh Bắc cổ kính và thanh tao, một dáng mây về sớm, một con chim lẻ bạn sang chiều, đến cả một sợi cỏ may, một búp măng tre đều còn ứ đọng tinh hoa của nền văn hóa văn minh đồng bằng Bắc Bộ. Kể từ một thiền sư ẩn Độ đưa Đạo Phật (nghĩa là đưa từ bi hỉ xả, bác ái, công bằng và hòa bình hạnh phúc) vào cắm rễ rồi đâm chồi nảy lộc từ Chùa Dầu

² Thơ Tố Hữu

³ Thơ Tố Hữu

(Thuận Thành) toả ra khắp nước Đại Việt, từ thế kỷ thứ nhất của công nguyên. Lại cũng nơi Luy Lâu ấy sang thế kỷ thứ hai, Đạo Nho, Đạo Lão cũng bước theo Đạo Phật vào hội nhập thành nền tảng vững chắc, uy nghi và cao khiết cho văn hóa Việt Nam nảy nở, lan toả suốt nghìn năm đến đời Lý (1010) hòa hợp thành "tâm giáo đồng nguyên" tạo ra sức mạnh dựng nước, giữ nước, yên dân, bảo vệ dân tộc Việt Nam đi hẳn vào cõi xanh tươi của thanh bình và nhân ái.

Một mảng giang sơn như thế ắt sinh ra nhiều nhân tài qua nhiều thế kỷ. Khí thiêng sông núi hun đúc ra một Trần Thị Tần ở làng Bự Xim, Tiên Du, Kinh Bắc. Bà Trần Thị Tần lại cảm thụ khí thiêng sông núi Hồng Lĩnh Lam giang do làm vợ ba tể tướng Nguyễn Nghiễm mới sinh ra được một đại thi hào cho giang sơn gấm vóc mọi miền. "Văn chương nét đất", đại thi hào Nguyễn Du nói thế, hẳn nhờ quê mẹ Kinh Bắc, quê cha Hồng Lĩnh.

Vùng Luy Lâu, từ thế kỷ thứ nhất được coi là thủ đô chính trị văn hóa đất Giao Châu, Lĩnh Nam, trải dài 18 thế kỷ lại sinh ra một nhà thơ lớn nữa, Nguyễn Gia Thiều khóc chào đời ở Thuận Thành và khóc cho tài sắc của bao nhiêu cung phi bị chôn vùi thân thế nơi đế đô.

Luy Lâu, từ lâu lại sinh ra một nghệ thuật độc đáo, có thể nói là chỉ có một, đó là nghệ thuật múa rối nước mà bây giờ, thế giới phương Tây ngưỡng mộ, coi đó là "một loại hình nghệ thuật độc đáo tuyệt vời của phương Đông huyền bí". Chỉ qua một con sông, văn hóa Luy Lâu lại kết tinh vào dân ca, tình ca và ban cho cuộc sống tâm tình đầy ước mơ khao khát của chúng ta một chuyện Từ Thức gặp tiên dạo chơi dưới trần để thành tên Tiên Du quá đẹp cho một huyện nho nhỏ, xinh xinh, có chùa Phật Tích, chùa Bách Môn, chùa Tiên Sơn, đặc biệt ở Phật Tích đã diễn ra cuộc hôn phối tuyệt vời giữa nghệ thuật điêu khắc Chăm-pa và Đại Việt. Quan họ cũng là cuộc hôn phối mê say giữa dân ca đồng bằng và trung du nằm trong vùng văn hóa Luy Lâu, văn hóa Sông Hồng của nước Đại Việt với dân ca nước Chàm của các vương triều mang dòng họ Chế từ thế kỷ XI, thế kỷ rực rỡ nhất của vương triều Lý. Suốt chiều dài lịch sử, tiếng hát quan họ sớm chiều cảm thấm nâng cho tuổi trẻ cất cánh bay lên bầu trời của yêu thương và hạnh phúc. Suốt chiều rộng của quê hương, những bức tranh Đông Hồ tạo thêm niềm vui đời thường cho những người chân lấm tay bùn, để đọng lại trong tâm hồn mỗi người dân Kinh Bắc, mỗi con em nước Việt những dáng vẻ, màu sắc, đường nét tiêu biểu của đời sống đơn sơ chất phác mà sâu đậm qua nhiều thế hệ.

HOÀNG CẨM

(*Văn xuôi Hoàng Cẩm* - NXB Văn học., 1999)

Tháng hai, tương tư hoa đào

Đã lâu lắm, chúng mình không được tin tức của nhau, Quỳ nhỉ. Chiến tranh cắt đứt ân tình của hai ta, thôi đành lấy câu vận mệnh để khuây dần thương nhớ vậy.

Nhưng thương nhớ kỳ lạ lắm. Có những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi cố nhớ lại nét mặt của người thương, mà không hiểu tại sao con mắt, miệng cười và mái tóc xoã trên hai bờ vai tròn trĩnh lại lu mờ như thể chìm đắm trong khói

sông. Mà trái lại có những kỷ niệm rất bé nhỏ, rất tầm thường lại hiện ra rõ rệt, không suy suyển một ly trong trí óc của người nặng nợ lưu ly, nằm buồn trong gác nhỏ ngâm câu thơ nhớ vợ:

Ủ ê nét liễu sâu tuôn gió

Thôn thức tình tơ lệ ướt bào

Hoa tử còn đâu duyên tác hợp

Mây bay rồi nửa giấc chiêm bao!

Tôi nhớ những buổi tối đi trên con đường toà án ngan ngát mùi hoa sữa, nhớ những đêm trăng hai đứa dắt nhau trên đường Giảng Võ xem chèo, những đêm mưa ngâu, thức dậy thổi một nồi cơm gạo vàng ăn với thịt con gà mái ấp. Bao trùm tất cả những niềm thương nỗi nhớ ấy, tôi nhớ nhất một đêm cuối giêng, đầu hai năm ấy, hai đứa mới quen nhau, cùng ăn chung một quả vú sữa của một người bạn phương Nam gửi ra cho, rồi đánh tam cúc cho tới nửa đêm về sáng.

Bây giờ, ngồi xem én nhạn bay, có lúc tôi cũng bỏ một quả vú sữa ra ăn, nhưng ăn thì lại nhớ đến một đêm tháng hai đã mất “để cho mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa”.

Yêu cái đêm tháng hai ấy không biết chừng nào, nhớ những buổi đánh tam cúc và rút bất không biết thế nào mà nói.

Lúc ấy, Tết đã hết từ lâu, mọi người trở lại với công việc thường ngày như cũ, nhưng mùa xuân vẫn còn phôi phôi trong lòng người, khách đa cảm nhìn vào đâu cũng thấy diễm tình bát ngát. Vừa hôm nào đi lễ ở Đống Đa, hôm nay đã là hội chùa Vua; mười ba là hội Lim; rằm tháng giêng đi các chùa lễ bái; rồi là chùa Trầm, rồi trẩy hội Phủ Giầy, rồi xem tế thần ở Láng, đi về qua Giảng Võ, rẽ vào xem rước vía ở miếu Hai Cô; vài hôm sau lại đi hội Lộ, trở về xem rước ở đình Thiên Hương, ghé qua đình Ứng xem tế thần và đến đêm thì đi xem hát tuồng Tàu ở đền Bạch Mã...

Ở bất cứ hội hè nào, đàn bà con gái cũng đẹp nồn nà. Hoa rét còn đọng ở lộc cây, ngọn cỏ. Những con mắt cười với những con mắt, những bàn tay muốn nắm lấy những bàn tay. Lòng người ấm áp muốn gửi sự ấm áp cho những người thương mến. Quái lạ, sao cùng là đất nước mà ở miền Bắc trời lạnh lạnh nên thơ đến thế, mà ở nhiều miền khác thì lúc ấy trời lại nóng, rôm sảy cắn nhói muốn làm cho ta cào rách thịt ra. Ăn cái gì cũng không ngon vì mệt quá. Đêm ngủ chẳng đầy giấc vì càng uống nước đá lại càng háo người. Cái máy lạnh mở cho hết cỡ cũng chẳng làm thấm được tấm lòng yêu thương mệt nhọc. Người con gái đa tình xa nơi phân tử đêm nằm bỗng thấy buồn tê tê ở trong lòng vì chợt nhớ đến một câu hát cũ còn nhớ được lúc mẹ ru, khi còn bé, ở đất Bắc xa xôi:

Buồn vì một nỗi tháng hai

Đêm ngắn ngày dài, thua thiệt người ta!

VŨ BẰNG

(Thương nhớ mười hai)

***Diễn văn trong buổi tiệc trà chúc mừng “Phế đồ”
được giải thưởng văn học Femina của nước Pháp***

Cảm ơn nhà doanh nghiệp, ngài Chương Công Hiếu đã tổ chức buổi tiệc trà này. Cảm ơn các bạn đã đến đây họp mặt trong lúc đang hết sức bận rộn và trong thời tiết lạnh giá.

Khi mấy người bạn ngỏ ý tổ chức buổi tiệc trà này, tôi đã từ chối. Tôi nghĩ, tuy nguyên do gặp mặt là “Phế đồ” được giải văn học Femina của Pháp, song đối với tôi, được nhận giải này không quan trọng. Bởi vì sách nhà văn viết ra còn có người đọc, còn có người tiếp tục xem là được an ủi rồi, mà tôi thì cũng dần dần đi ra khỏi bóng tối. Nhưng tôi không chối từ được lòng tốt của các bạn. Bằng hình thức dân dã, mọi người gặp mặt nhau với tư cách bạn bè tại thôn trang Hưu Nhân, và tôi đã đến. Ý nghĩ hiện giờ của tôi là: Giải thưởng này của nước Pháp, nước Pháp lại là một nước lớn về tiểu thuyết, xét cho cùng nó uốn nắn sửa lại sự hiểu nhầm về cuốn sách này sẽ có lợi, lại càng có nhiều người tìm đọc, đem lại cho tác giả niềm tự tin trong sáng tác. Nhưng tôi cũng không có ý định nói nhiều đến chuyện được giải hay không được giải, mà dành thời gian đó bàn về văn học nghệ thuật, trao đổi về những điểm mạnh điểm yếu trong sáng tác của tôi thời gian gần đây. Như vậy cuộc họp mặt càng có ý nghĩa.

Tôi đã bước sang tuổi trung niên, được mắt nhất thời nhìn nhận không nặng nề như trước đây. Chính vì vậy, tôi vẫn đang sáng tác, hơn nữa càng có thể bình tĩnh hòa nhã. Tôi sáng tác là do mạng sống của tôi đòi hỏi phải viết, tôi đâu có định làm người giữ bất đồng chính kiến, cũng không phải để trút xả oán hận gì của cá nhân, và càng không phải vì tiền. Tôi yêu Tổ quốc mình, yêu dân tộc Trung Hoa, yêu chuộng và quan tâm theo dõi cuộc cải cách của Nhà nước, tôi viết về thời đại này bằng sự quan sát và góc độ cảm thụ của mình. Nhưng nỗi lo nghĩ dần vật này thường bị một số người hiểu sai, hoặc đọc tác phẩm của tôi một cách có định kiến, đó là điều bi ai của tôi. Nhưng tôi vững tin, văn học là việc nói đạo lý lớn, cần phải có sự kiểm nghiệm của thời gian và không gian, mà mọi chuyện không vừa lòng xảy ra thì tôi phải kiểm điểm bản thân trước, nếu là do năng lực của tôi yếu kém thì chỉ có thể tiếp tục cố gắng, không có cách lựa chọn nào khác.

Điều may mắn là tôi được sống ở Tây An, sống trong những năm tháng Trung Quốc đang có cuộc cải cách vĩ đại, sống ở thời kỳ thế giới thay đổi tới mức càng ngày càng nhỏ. Các vị tới dự hôm nay có các nhà văn, nhà phê bình, học giả, giáo sư, nhà biên tập, nhà báo, các già làng ở quê hương, thầy giáo trường cũ và những người làm các ngành nghề khác. Chính các vị luôn luôn quan tâm theo dõi sáng tác của tôi, mới cho tôi sức mạnh sinh tồn và sáng tác. Xuân về trong ao, vệt biết ấm; cây cỏ bao dung, chim mới đậu. Đó là câu tôi phải ghi lòng tạc dạ suốt đời.

Ở đây tôi còn muốn bày tỏ một ý nữa, lúc còn trẻ tôi thường có những ý nghĩ ngông cuồng và cảm giác thất bại vì danh lợi. Bây giờ nghĩ lại, cảm thấy buồn cười. Trải qua chuyện đời, tôi không dám nói mình đã nhuần nhuyễn chín chắn, nhưng ít nhất tôi đã biết thông cảm và bao dung. Tôi không ghi nhớ và thù hận những người những việc đã từng gây rắc rối, thậm chí làm tổn thương đối với tôi với bất cứ mục

đích và phương thức nào. Tôi hiểu mỗi người có môi trường sinh tồn của bản thân, mỗi người có phương pháp tư duy của mình, dù chính diện hay phản diện, bất luận là lọt tai hay trái tai, đối với tôi đều là một món của cải; là một con người sống trên đời, tôi đều vui vẻ chấp nhận. Mẹ tôi đã nói với tôi: Khi mang thai tôi, lúc đầu nằm mơ thấy một con rắn khổng lồ cuốn ngang lưng, sau đó nằm mơ lạc giữa vườn đào hạt, mẹ tôi cứ hái mãi, nhặt mãi, đựng đầy túi. Nếu nói theo mê tín, thì trong mạng tôi có một phần là số đào hạt, mà đào hạt thì đập ra mới ăn được, cho nên tôi cần có sự rèn đập từ phía này sang phía kia mới thành công cụ có ích.

Tôi không có gì có thể báo đáp lại các vị, chỉ có tiếp tục viết tác phẩm, không để hy vọng của mọi người hẫng hụt.

Cầu xin Trời xanh, hãy để cho tình hữu nghị của chúng ta còn mãi mãi.

Sáng ngày 14 tháng 11 năm 1997

GIÀ BÌNH AO

Chất thơ

En-ri-cô, con đã bắt đầu hiểu chất thơ của trường học rồi. Nhưng cho đến nay, con chỉ mới thấy trường học từ bên trong thôi. Nhà trường đối với con sẽ còn đẹp hơn và nên thơ hơn rất nhiều, ba mươi năm sau nữa, khi con dẫn các con của con đến trường và con thấy nhà trường từ bên ngoài như bố thấy hiện nay.

Trong khi chờ tan học, bố đi dạo ở các đường phố vắng chung quanh toà nhà, và bố nhìn thấy các cửa sổ ở tầng dưới chỉ có các cánh cửa chớp khép lại thôi. Từ một cửa sổ bố nghe tiếng một cô giáo nói to: “Ôi! Nét sổ của chữ *t* gì mà khiếp thế này! Không phải như thế đâu, con ạ. Bố con mà trông thấy thế thì sẽ bảo thế nào?”

Ở một cửa sổ bên cạnh, tiếng một thầy giáo đang đọc to chậm chậm: “Tôi mua năm chục mét vải, giá bốn li-ra rưỡi một mét, tôi bán lại...”

Xa chút nữa, tiếng một cô giáo đọc to: “Thế là Pi-ê-tơ-ri Mic-ca, cái ngòi đã chậm...”

Từ một lớp bên cạnh, nổi lên những tiếng trẻ rì rầm chứng tỏ rằng thầy giáo đi ra ngoài một lúc. Bố đi mấy bước và nghe tiếng một em bé đang khóc, tiếng cô giáo rầy la hay dỗ dành. Từ những cửa sổ khác vọng ra những đoạn thơ, tên họ của những người nổi tiếng và nhân hậu, những châm ngôn về đạo đức, về lòng dũng cảm, về lòng yêu Tổ quốc.

Rồi tiếp đến những lúc im lặng. Bấy giờ, người ta có thể nghĩ là trường học bỏ không, hình như nó không có thể nào chứa nổi bảy trăm học sinh.

Bỗng những tiếng cười vang phá tan sự im lặng, vì một thầy giáo vui tính đã nói một câu đùa...

Những người qua đường dừng chân lại nghe, và tất cả đều nhìn với mối thiện cảm, toà nhà đang chứa biết bao tuổi thanh xuân và biết bao niềm hy vọng ấy.

Bỗng nhiên, người ta nghe ồn ào những tiếng sách vở gấp lại, những tiếng bước chân thành thịch, tiếng ồn ào như ong vỡ tổ lan từ tầng dưới lên gác trên, như có một tin vui bất ngờ vừa truyền đến. Đó là bác gác cổng đang đi hết lớp này đến

lớp khác, nhắc lại cái chữ "Finis" theo lễ thức.

Nghe những tiếng ồn ào ấy, một đám đông đàn bà, đàn ông, thiếu nữ, thanh niên, chen chúc ở các cửa ra vào chờ đón con mình, em mình, cháu mình, trong khi các em bé xịu ra khỏi lớp đến tìm mẹ của mình. Cuối cùng thì học trò xếp hàng dài đi ra, chân dậm thành thịch; và bố mẹ đón con, hỏi dồn dập: "Con có thuộc bài không? - Hôm nay có nhiều bài tập không? - Ngày mai phải học bài gì, phải làm bài gì? - Bao giờ thi hàng tháng?..."

Có những bà mẹ đáng thương, tuy không biết đọc, cũng giở vở của con ra, xem các bài tính và hỏi số điểm: "Chỉ tám thôi à? - Mười và được khen à? - Đọc bài được chín à?..."

Thế rồi họ lo ngại, họ vui mừng, họ hỏi các thầy giáo, nói về chương trình, về thi cử...

Đẹp để thay, cao quý thay việc giáo dục! Và bao la biết bao điều hứa hẹn của ngành giáo dục đối với thế giới này!

Bố của con".

ÉT-MÔN-ĐÔ ĐƠ A-MI-XI

Làng trong hoài vọng

Một ngôi làng nhỏ bé, khiêm nhường nép mình bên nhánh sông đào tớm mùa phẳng lặng. Hai cây gạo mở cửa ra thế giới đầu làng, xù xì gốc ba bốn đứa trẻ ôm không xuể, tương truyền do các cụ từ xưa trồng để mơ ước cho làng đủ gạo ngày mấy bữa cơm. Tuổi thơ tôi ở đó - bè bạn cùng giỏ cua, vó, rọ, nơm, chài; đồng hành cùng đường xống trâu, áo toại, nón lá...

Chẳng biết nguyên cớ gì, khi chợt nghĩ đến làng, lần nào cũng thế - dường như mùi bùn hoai hăng hắc cứ nghẹn dâng đầy ngực. Mỗi lần như thế tôi lại nhớ đến bà. "Suốt đời bà không đi đâu bởi xa làng một ngày là không chịu được". Được nghe bà nói nhiều lần nhưng tôi chẳng hiểu gì. Rồi một ngày bà tôi thăm thăm theo ông, về cõi. Tôi lẫn vào đám trẻ cùng trang lứa trong làng, còm cọc, rồi cũng lớn lên như cỏ như cây, như khoai như lúa. Nhận giấy báo được vào đại học, tôi búi ngùi thắp hương vái trước ban thờ: "Cháu xin phép từ mai xa bà, cháu sẽ đến trường chắc toàn người lạ, nhưng cháu lay bà hãy yên tâm". Và tôi háo hức suốt đêm. Mờ sáng hôm sau, khi ngược nhìn hai cây gạo đầu làng, hít một hơi thở thật sâu, xao xuyến mùi khói sớm thân thuộc tôi mới bàng hoàng nhận thấy một nỗi buồn mơ hồ đồn nghệt. Đời làng, lần đầu tiên trong đời tôi thăm thía lời bà nội, song không kịp nữa. Tôi lặng thìn một vài chấm lửa bập bùng trong bếp nhà hàng xóm và nghe rộn rục những âm thanh quen thuộc của một ngày mới bắt đầu. Tôi ngoái nhìn ra nghĩa trang, có cảm giác bà tôi cũng đang mỉm cười nhìn theo cháu nội.

Có một điều rất lạ: xa làng, cả khi trong mơ tôi cũng thấy làng rất rõ. Ngôi làng cổ như nhiều ngôi làng tôi biết, nhưng tôi cũng biết: chẳng nơi đâu giống được làng mình. Cũng "tiếng làng, tiếng nước" nhưng âm sắc của mỗi ngôi làng chẳng lẫn được đâu. Làng, dường như không chỉ là một đơn vị hành chính, một

quần thể tự hợp dân cư mà còn ẩn chứa bao điều thiêng liêng hơn thế. Ngày xưa "phép vua thua lệ làng" - tôi nghe nói thời phong kiến lệ làng ngất lăm. Người ngoài đâu muốn, nếu không có mấy trăm viên gạch thất đầu dám rước gái làng tôi? Bởi vì làng giữ "lệ". Lệ xưa không phải là luật nhưng ai dám không theo? Cứ xem con cái cha, xem người sống "xanh vỏ đỏ lòng" hay gặp khó làm ngơ... lập tức "bia miệng tiếng đời", cả làng tránh mặt! Cái cộng đồng nhỏ bé đâu chỉ mấy chục mái tranh lẫn ngói quây quần bên nhau ấy tự hình thành chuẩn mực - một thứ chuẩn mực của tình làng nghĩa xóm, tắt lửa tối đèn "không ai nắm tay nhau ngày đến tối", một thứ chuẩn mực lấy thuận hậu bao dung làm gốc. Không lý luận cao siêu mà vững như đá tảng, như heo may đầu mùa thấu tận tâm can. Thời gian trôi đi lặng lẽ, đem theo cả tiếng thở dài của nỗi người những khi giáp hạt, làng khi ấy là "một miếng khi đói bằng một gói khi no". Chuyện hay, gương tốt được làng truyền tụng, có khi theo suốt đời người. Nét đẹp tự nó có một giá trị vững bền. Điều chứng tai gai mắt không qua được dân làng. Thì đấy, cả làng cùng ăn nước trong một giếng, thức cùng một nồi âu lo. Cái giếng đầu làng xây tự đời nào đời nào, quanh năm trong mát, ai ở xa về vục lên nón nước, khoả mặt vào đấy sẽ thấy như được trút hết bụi trần, như lại bắt đầu một bầu trời trong khiết. Người làng tôi có giọng riêng sền sệt, như tín hiệu để nhận nhau ở mọi phương trời. Lũ trẻ con chúng tôi lớn lên từ sau lũy tre làng, từ thế giới của rất nhiều chuyện kể mà sau này con cháu muốn nghe chắc không thể tìm trong thư viện. Nhưng đừng lo, bao giờ làng cũng có người cao tuổi - đó là thư viện của muôn đời. Bươn bả kiếm sống, có người mải mê, mụ mẫm quên lối về làng hoặc vì một lý do gì không thể trở về, nhưng làng vẫn đấy, tự nguyện một biểu tượng thủy chung chẳng khác một bến bờ.

Hôm nay tôi về làng, kịp ăn rằm tháng bảy. Đứng dưới gốc cây gạo, tôi bồi hồi nghĩ đến những người đã qua đây. Niềm mơ ước ấm no của làng bây giờ vẫn sum suê toả bóng, mặc dù làng đã hết nỗi lo ăn. Rằm tháng bảy - ngày "xoá tội vong nhân", nhà ai cũng nhộn nhịp khác thường. Mâm cỗ dù to dù nhỏ, mua sắm dù ít dù nhiều, sang hèn bất luận nhưng nhà ai cũng nấu một nồi cháo hoa, múc bày la liệt để cúng những hương hồn lang thang vô chủ. "Trần sao âm vậy", tục làng truyền lại như một lời nhắc nhở hãy biết động lòng trắc ẩn. Đêm, nằm trong ngôi nhà ấm áp tuổi thơ, tôi không sao chợp mắt. Biết làm sao, khi đang ở giữa làng mình mà nhớ làng da diết. Cuộc sống nơi phố thị đầy vật chất và tinh thần không quá thiếu, nhưng dường như nỗi nhớ làng là không gì bù đắp. Có phải vì mình là người nhà quê, cái "tiếng làng, tiếng nước" đã ăn vào máu thịt nên đã nghĩ quá đi chăng?

Nghe những đợt gió khe khẽ thổi từ khu vườn luôn qua song cửa, không nhìn ra tôi cũng có thể hình dung vườn trăng đang quanh quẽ. Nhập nhòa bao gương mặt, nhập nhòa những tháng ngày thơ ấu thấm đẫm bản hàn và ngợp tràn hạnh phúc bên những người thân. Tiếng gà gáy sang canh rộn rã. Theo quy luật, từng thời khắc lại lặng lẽ trôi đi, nhưng nỗi đau đáu hoài vọng về làng thì nguyện đừng phai nhạt...

Hà Nội 1999-2000
NGUYỄN TRỌNG HOÀN

B. ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO KĨ NĂNG LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

I. MỘT SỐ LƯU Ý KHI VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM

1. Tìm hiểu đề

- Đề bài yêu cầu tạo lập kiểu văn bản nào? Để tạo lập văn bản ấy cần sử dụng phương thức biểu đạt nào là chủ yếu?

- Nội dung cần biểu đạt là gì? Trực tiếp hoặc gián tiếp bày tỏ tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, thái độ và sự đánh giá của người viết đối với đối tượng được nói tới.

- Để thực hiện yêu cầu của đề bài, cần chuẩn bị những tri thức và kĩ năng gì?

2. Lập dàn ý

a) Mở bài

Giới thiệu khái quát về đối tượng cần biểu cảm.

b) Thân bài

Triển khai nội dung cần biểu cảm:

- Phát biểu cảm tưởng về một tác phẩm văn học: cần nêu được lý do biểu cảm (cái hay, cái đẹp, ấn tượng cụ thể) về tác phẩm đó.

- Nêu suy nghĩ (hay cảm xúc) về một sự vật, hiện tượng, vấn đề: cần nêu được bối cảnh nảy sinh cảm xúc, diễn biến cảm xúc.

c) Kết bài

Đưa ra nhận định, đánh giá tổng quát về nội dung biểu cảm.

3. Gợi ý thực hành

a) Đề 1: Từ một số bài ca dao than thân đã học hoặc đã đọc, hãy phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

- Em đã được học hoặc đọc những bài ca dao than thân nào? Thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ được tác giả dân gian khắc họa ra sao?

- Em đã có những hiểu biết gì về xã hội cũ (xã hội phong kiến)? Trong xã hội ấy, người phụ nữ phải chịu những áp lực, ràng buộc gì?

- Người phụ nữ trong xã hội ngày nay ra sao?

Chú ý: Cần tập trung vào chủ đề nổi khốn khổ, tủi nhục của thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ và sự bất công, thiếu bình đẳng, thái độ xem thường của xã hội xưa kia đối với họ; mở rộng liên hệ, so sánh với quan niệm về bình đẳng nam - nữ, đề cao vai trò của người phụ nữ trong xã hội ngày nay. Bài viết phải thể hiện được thái độ của em đối với quan niệm của xã hội trước kia về người phụ nữ: sự đồng cảm, thương cảm trước số phận tủi cực của người phụ nữ đồng thời phê phán tư tưởng bất công, thiếu bình đẳng, coi thường người phụ nữ.

b) Đề 2: Cảm nghĩ về một bài ca dao, dân ca mà anh (chị) yêu thích.

- Chọn một bài ca dao mà em yêu thích nhất.
- Bài ca dao đó nói lên điều gì? Nghệ thuật của bài ca dao đó đặc sắc ra sao?
- Bài ca dao đó gợi cho em những suy nghĩ, xúc cảm gì?

c) Đề 3: Cảm tưởng của anh (chị) về bài thơ *Tổ lòng* của Phạm Ngũ Lão.

- Ôn lại những kiến thức đã học và những điều em đã thu hoạch được khi đọc - hiểu tác phẩm *Tổ lòng* của Phạm Ngũ Lão.

- Tập trung phát biểu suy nghĩ riêng của mình về giá trị của bài thơ, đồng thời bộc lộ thái độ tình cảm của mình đối với tư tưởng, tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài thơ.

d) Đề 4: Quan sát một cánh đồng lúa chín hoặc một khu nhà cao tầng đang xây và nêu lên những cảm xúc, suy nghĩ của mình.

- Lựa chọn đối tượng: cánh đồng lúa chín hoặc một khu nhà cao tầng đang xây.
- Vận dụng quan sát và thể nghiệm, phát huy liên tưởng, tưởng tượng để bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của mình về đối tượng.
- Trong bài viết, nên chú ý kết hợp biểu cảm với miêu tả, lồng những suy nghĩ, cảm xúc của mình vào những hình ảnh cụ thể của đối tượng.

e) Đề 5: Những suy nghĩ của anh (chị) khi nhìn những em bé không nơi nương tựa.

- Sử dụng yếu tố quan sát và thể nghiệm khi nói về những em bé không nơi nương tựa.
- Bài viết phải bộc lộ được một cách chân thực sự đồng cảm, tình thương, những xúc động chân thành của người viết trước những cảnh đời éo le.

g) Đề 6: Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm đã học.

Mở bài

- Viễn Phương là một nhà thơ tiêu biểu của miền Nam. Tháng 4/1976 sau 1 năm giải phóng đất nước. Khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa khánh thành, nhà thơ cùng đoàn đại biểu miền Nam ra thăm Hà Nội vào lăng viếng Bác.

- Bài thơ *Viếng lăng Bác* được Viễn Phương viết với tất cả tấm lòng thành kính biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau của một người con từ miền Nam ra viếng Bác lần đầu.

Thân bài

1. Khổ thơ thứ nhất

- Tác giả đã mở đầu bằng câu thơ tự sự: "Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác".
- + "Con" và "Bác" là cách xưng hô ngọt ngào thân thương rất Nam Bộ, thể hiện sự gần gũi, kính yêu đối với Bác.
- + "Con ở miền Nam" - ở một địa danh xa xôi nghìn trùng, ra đây mong được gặp Bác; đất nước đã thống nhất, Nam Bắc đã sum họp một nhà, vậy mà Bác không còn nữa.

+ Nhà thơ đã cố tình thay đi từ *viếng* bằng từ *thăm* để giảm nhẹ nỗi đau thương mà vẫn không che giấu được nỗi xúc động của cảnh tử biệt sinh ly.

+ Đây còn là nỗi xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam sau bao năm mong mỏi bây giờ mới được ra viếng Bác.

- Hình ảnh đầu tiên mà tác giả thấy được và là một dấu ấn đậm nét là "hàng tre" quanh lăng Bác "Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát".

+ Hình ảnh hàng tre trong sương đã khiến câu thơ vừa thực vừa ảo. Đến lăng Bác nhà thơ lại gặp một hình ảnh hết sức thân thuộc của làng quê đất Việt: là cây tre. Cây tre đã trở thành biểu tượng của dân tộc Việt Nam.

+ "Bão táp mưa sa" là một thành ngữ mang tính ẩn dụ để chỉ sự khó khăn gian khổ. Nhưng dù khó khăn gian khổ đến mấy cây tre vẫn "đứng thẳng hàng", "đứng thẳng hàng" là một ẩn dụ mang tính khẳng định tinh thần hiên ngang bất khuất, sức sống bền bỉ của dân tộc.

2. Khổ thơ thứ hai

- Hai câu thơ đầu:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

+ Hai câu thơ được tạo nên với những hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ sóng đôi.

Câu trên là một hình ảnh thực, câu dưới là hình ảnh ẩn dụ

+ Ví Bác như mặt trời là để khẳng định sự trường tồn vĩnh cửu của Bác, giống như sự tồn tại vĩnh viễn của mặt trời tự nhiên.

+ Ví Bác như mặt trời: nói lên sự vĩ đại của Bác, người đã đem lại cuộc sống tự do cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi đêm dài nô lệ.

+ Nhận thấy Bác là một mặt trời trong lăng rất đỏ - đây chính là biểu tượng sáng tạo riêng của Viễn Phương, nó thể hiện được sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác.

- Ở hai câu thơ tiếp theo:

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân

+ Hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác được tác giả ví như tràng hoa, dâng lên Bác. Cách so sánh này vừa thích hợp và mới lạ, diễn ra được sự thương nhớ, tôn kính của nhân dân đối với Bác.

+ "Tràng hoa" là hình ảnh ẩn dụ những người con từ khắp miền đất nước về đây viếng Bác giống như những bông hoa trong vườn Bác được Bác ươm trồng, chăm sóc nay nở rộ ngát hương về đây tụ hội kính dâng lên Bác.

3. Khổ thơ thứ ba

1) Tác giả đã diễn tả cảm xúc và suy nghĩ của mình khi vào trong lăng

- Khung cảnh và không khí thanh tĩnh như ngưng kết cả thời gian và không gian trong lăng:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

+ Cả cuộc đời Bác ăn không ngon, ngủ không yên khi đồng bào miền Nam còn đang bị quân thù giày xéo. Nay miền Nam đã được giải phóng, đất nước thống nhất mà Bác đã đi xa. Nhà thơ muốn quên đi sự thực đau lòng đó và mong sao nó chỉ là một giấc ngủ thật bình yên.

hồn dân tộc Việt Nam: giản dị, thanh cao nhưng bất khuất, kiên cường, vượt qua "bão táp mưa sa" để "đứng thẳng hàng".

+ Thông qua hình ảnh "Hàng tre xanh xanh" tác giả như muốn ca ngợi sức sống bất diệt của dân tộc Việt Nam trước những thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên và lịch sử. Hàng tre bên lăng đã ru giấc ngủ ngàn thu của Bác, gắn bó với Người mãi mãi.

2) Nối tiếp với những cảm nhận lúc ban đầu, nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc của mình về Bác qua hình ảnh ẩn dụ đặc sắc "Ngày ngày... rất đỏ".

+ Mặt trời của tự nhiên đem lại sức sống cho muôn loài. Mặt trời thật đỏ gợi lên sự liên tưởng và so sánh.

+ Bác Hồ của chúng ta cũng là một mặt trời. Bác đã dẫn lối, soi đường cho nhân dân ta đi lên từ trong đêm tối nô lệ đến với cuộc đời tự do, độc lập, hạnh phúc như bây giờ.

Song sự ngưỡng mộ và lòng thành kính đã được tác giả đưa đến đỉnh cao hơn. Đó là sự hình dung về dòng người đang nối tiếp dài vô tận hàng ngày đến viếng lăng Bác bằng tất cả tấm lòng thành kính và thương nhớ, hình ảnh đó như những tràng hoa kết lại dâng người "ngày ngày... mùa xuân". Hai từ ngày ngày được lặp lại trong câu thơ như tạo nên một cảm xúc về cõi trường sinh vĩnh cửu.

3) Từ cảm xúc thành kính ngưỡng mộ, ở khổ thơ thứ ba là những cảm xúc thương xót và ước nguyện của nhà thơ. Hình ảnh Bác như vầng trăng sáng dịu hiền trong giấc ngủ bình yên là một hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp thanh thản, phong thái ung dung và thanh cao của Bác. Người vẫn đang sống cùng với nhân dân đất nước Việt Nam thanh bình tươi đẹp. Mạch cảm xúc của nhà thơ như trầm lắng xuống để nhường chỗ cho nỗi xót xa qua hai câu thơ "Vẫn biết... ở trong tim"...

+ Hình ảnh "trời xanh" là hình ảnh ẩn dụ nói lên sự trường tồn bất tử của Bác. Trời xanh thì còn mãi mãi trên đầu, cũng giống như Bác vẫn còn sống mãi mãi với non sông đất nước. Đó là một thực tế.

+ Thế nhưng, nhìn di hài của Bác trong lăng, cảm thấy Bác đang trong giấc ngủ ngon lành, bình yên mà vẫn thấy đau đớn xót xa "mà sao nghe nhói ở trong tim". Dù rằng Người đã hoá thân vào thiên nhiên, đất nước, nhưng sự ra đi của Bác vẫn không sao xoá đi được nỗi đau xót vô hạn của cả dân tộc, ý thơ này diễn tả rất điển hình cho tâm trạng và cảm xúc của bất kỳ ai đã từng đến viếng lăng Bác.

4. Ở khổ thơ cuối

Cảm xúc của nhà thơ khi trở lại miền Nam đối với Bác vô cùng chân thành và xúc động "Mai về miền Nam thương trào nước mắt".

+ Câu thơ như bộc lộ rất chân thành nỗi xót thương vô hạn bị kìm nén cho tới phút chia tay và tuôn thành dòng lệ.

+ Trong cảm xúc nghẹn ngào, tâm trạng lưu luyến ấy, nhà thơ như muốn được hoá thân để mãi mãi bên Người "Muốn làm... chốn này".

Diệp ngữ muốn làm được nhắc tới ba lần cùng với các hình ảnh liên tiếp con chim, đoá hoa, cây tre như để nói lên ước nguyện tha thiết của nhà thơ muốn là Bác yên lòng, muốn đền đáp công ơn trời biển của Người. Ước nguyện của nhà thơ vừa chân thành, sâu sắc đó cũng chính là những cảm xúc của hàng triệu con người miền Nam trước khi dời lãng Bác sau những lần đến thăm người.

Kết bài

- Với lời thơ cô đọng, giọng thơ trang nghiêm thành kính, tha thiết và rất giàu cảm xúc, bài thơ đã để lại ấn tượng rất sâu đậm trong lòng người đọc. Bởi lẽ, bài thơ không những chỉ bộc lộ tình cảm sâu sắc của tác giả đối với Bác Hồ mà còn nói lên tình cảm chân thành tha thiết của hàng triệu con người Việt Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

- Em rất cảm động mỗi khi đọc bài thơ này và thầm cảm ơn nhà thơ Viễn Phương đã đóng góp vào thơ ca viết về Bác những vần thơ xúc động mạnh mẽ.

II. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM

Đề 1. Hãy ghi lại những cảm nghĩ chân thực của anh (chị) về người thân yêu nhất của anh (chị).

Bài viết

Bố mẹ tôi công tác xa quê, công việc khiến bố mẹ tôi phải thường xuyên thay đổi chỗ ở. Vì thế, năm tôi lên ba tuổi, bố mẹ cho tôi về ở với bà nội.

Năm đó, bà tôi đã gần bảy mươi tuổi. Bà tôi lưng hơi còng, nên trông bà rất già. Tôi ở cùng với anh trai và bà nội. Buổi sáng, bà đưa anh trai tôi đến trường rồi lại đưa tôi đến trường Mẫu giáo. Buổi trưa, bà đi đón cả hai anh em. Còn buổi chiều bà cho chúng tôi tha hồ chơi đùa với những đứa trẻ cùng xóm.

Bà tôi có khuôn mặt rất hiền từ và một cặp mắt rất nhanh nhẹn. Bà thuộc nhiều ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, nhất là truyện Nôm. Bà thuộc từ câu đầu đến câu cuối của cuốn *Truyện Kiều*. Bà đọc *Kiều* không sai một câu nào, tôi mượn được của cô giáo dạy Văn tôi hồi lớp 9 cuốn *Truyện Kiều* để xác minh điều này. Bà còn kể chuyện *Hoàng Triều*, chuyện *Phạm Công - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*... Kho tàng truyện cổ tích của thì vô cùng phong phú. Đêm nào tôi cũng được nghe bà kể chuyện. Và mỗi đêm là một câu chuyện mới. Khi kể chuyện bà thường hỏi ý kiến của tôi về các nhân vật rồi bà giảng giải, theo cách của bà, nhiều khi khác với sự giảng giải của cô giáo, về các câu chuyện. Tôi rất thích thú phân bình luận của bà. Hằng đêm, một bàn tay bà phe phẩy chiếc quạt làm bằng lá cọ (bà không thích quạt điện vì nó làm bà thấy mệt), một tay bà lùa xuống dưới mớ tóc chấy nắng của tôi gãi nhẹ. Đó là cảm giác mà tôi thích nhất. Giọng kể chuyện rủ rủ của bà bên tai đưa tôi vào những giấc ngủ êm đềm với bao nhiêu điều tốt đẹp.

Bình thường, bà tôi rất khoẻ mạnh, bà chăm sóc cả hai anh em tôi rất chu đáo, khiến chúng tôi luôn cảm thấy đầy đủ, không bị thiệt thòi khi bố mẹ vắng nhà thường xuyên. Nhưng những lúc trái nắng trở trời, bà rất hay bị đau lưng. Bà thường bảo tôi lấy rượu ngâm gừng rồi bóp cho bà. Những lúc đó tôi thấy thương bà vô cùng. Bố tôi bảo, bà đau lưng vì lúc trẻ phải gánh nhiều lúa và làm nhiều việc nặng. Bà tôi còn biết cả chữ Hán, bố tôi bảo đó là do cụ tôi dạy bà học chữ.

Tôi rất yêu bà và luôn tự hào về bà nội của mình. Sống bên bà tôi luôn cảm thấy rất bình yên. Bà đã cho tôi một tuổi thơ thật diệu kì. Tôi rất yêu môn Văn và thích học Văn. Bố tôi bảo, đó là vì tôi được hưởng một chút ít dòng máu của cụ truyền lại cho bà và bà truyền lại cho tôi.

HỒNG MAI

Đề 2. Nêu cảm nghĩ nổi bật nhất về một câu chuyện đã học mà anh (chị) không thể nào quên.

Bài viết

Trong những tác phẩm văn học đã được học ở cấp hai, truyện ngắn *Bến quê* của nhà văn Nguyễn Minh Châu (chương trình lớp 9) để lại trong tôi một ấn tượng rất mạnh mẽ. Tôi chưa đến tuổi của anh Nhĩ để thấm thía đủ cái triết lí sâu sắc mà nhà văn gửi gắm ở niềm khao khát hướng ra bến quê phía bên kia sông, nhưng tôi đã phần nào cảm nhận được nỗi niềm nuối tiếc của anh khi anh nằm trên giường bệnh đếm những ngày còn lại của cuộc đời mình.

Thói thường người đời vẫn coi thường hiện tại, mãi mê đuổi theo những hư danh phía trước mà không nhận ra những giá trị đích thực của những gì mình đang có. Nhà văn Nguyễn Minh Châu qua *Bến quê* đã muốn nói với mọi người triết lí sâu xa ấy. Là nhà văn luôn có những phát hiện mới mẻ về những điều quen thuộc và giản dị của cuộc sống, ông đã phát hiện ra những nỗi băn khoăn, day dứt, nuối tiếc của con người khi đứng trước những gì đã qua. Anh Nhĩ đã từng đi rất nhiều nơi, cả cuộc đời anh chạy theo danh vọng mà anh quên mất cái bến quê trước cửa nhà. Anh không có thời gian để ý đến nó. Khi nằm trên giường bệnh, không còn khả năng đi lại, anh mới nhận ra rằng cái bến quê ấy hấp dẫn biết bao nhiêu. Anh bừng ngộ ra rằng anh đã chạy theo hư danh mà bỏ qua mất một điều quan trọng và vô cùng quý giá với mình. Anh ân hận vì cả cuộc đời anh mới chỉ sang cái bến sông ấy có hai lần, và một lần là ngày cưới của anh.

Mỗi con người đều có một bến quê trong lòng mình, nhưng không phải ai cũng nhận ra nó quý trọng và thiêng liêng để mà giữ gìn trân trọng khi còn đủ sức. Nhĩ nuối tiếc khi anh nhận ra cái bến quê ấy hấp dẫn với anh biết nhường nào và anh đã gửi gắm cả niềm khao khát ấy vào đứa con trai. Anh nhờ nó đi dò sang sông để mua cho anh bất cứ thứ gì phía bên kia sông ấy. Nhưng thằng bé, cũng như anh khi còn trẻ, không thể nhận ra những tâm sự của cha. Nó lại mãi chơi nên bị lỡ chuyến dò ngang cuối cùng trong ngày. Thằng bé không vội vã bởi nó còn quá nhiều thời gian để sống, bởi với nó cái bến sông ấy cũng rất bình thường. Thằng bé sẽ lại giống như cha và như tất cả mọi người, không thể nhận ra sự đáng quý và

đáng trân trọng của những gì đang trong tầm tay.

Một người bệnh nặng, không còn khả năng đi lại, ngắm cái bến sông qua khung cửa sổ, khó khăn nhích từng tí một trên giường để được ngắm cái bến sông. Và nuối tiếc vì mình đã vô tình với quê hương, với những điều bình dị và vô cùng quý giá. Cốt truyện chỉ đơn giản vậy thôi nhưng chứa đựng cả một vấn đề nhân sinh rất lớn. Điều nhà văn nói đến trong tác phẩm này cũng không phải là hoàn toàn mới: Phải biết trân trọng những gì mình đang có và đã có, không nên quá mãi mê với những hư danh mà quên mất giá trị của hiện tại. Văn học đã từng nói về điều này. Những Nguyễn Minh Châu đã có một cách thể hiện thật giản dị và sâu sắc. *Bến quê* là câu chuyện về sự bừng ngộ của một con người ở những ngày cuối cùng của cuộc đời. Vì thế sự bừng ngộ ấy còn có ý nghĩa như một sự thức tỉnh đối với những ai đang sống, hăm hở để tiến đến tương lai và còn tiếp tục bỏ lại phía sau những điều nuối tiếc.

Cuộc sống không thể không có những tiếc nuối. Song nếu để mình phải nuối tiếc quá nhiều hoặc nuối tiếc những điều thiêng liêng nhất mà mình trót đánh mất nghĩa là đã bỏ phí một quãng đời quý giá.

HỒNG MAI

Đề 3. Cảm nghĩ về một nhân vật văn học mà anh (chị) yêu thích.

Bài viết

Thời nay, mọi người, nhất là thanh niên học sinh, thường coi nhẹ lý tưởng sống, vì thế họ không còn yêu thích những nhân vật như Paven Coocsaghin (nhân vật chính trong tiểu thuyết *Thép đã tôi thế đấy* - một cuốn sách gối đầu giường của thanh niên Việt Nam từ những năm 60 đến 80). Riêng tôi, tôi vẫn không thể không yêu thích và trân trọng những người như các anh, những người luôn sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân để sống vì cộng đồng, xây dựng một cuộc sống chung ngày càng tốt đẹp hơn. Và tôi tin, trong thời buổi này vẫn còn rất nhiều bạn trẻ có niềm yêu thích giống như tôi.

Nguyễn Thành Long là một nhà văn mà tên tuổi đã trở thành quen thuộc với bạn đọc yêu thích truyện ngắn Việt Nam hiện đại. Tôi yêu thích truyện ngắn của ông bắt đầu từ truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*. Truyện đã để lại cho tôi những ấn tượng sâu sắc và giúp tôi có những suy nghĩ chín chắn hơn trong cuộc sống. Nói đúng hơn, tôi yêu thích truyện ngắn này chính bởi tôi yêu thích nhân vật chính của truyện.

Câu chuyện có một cái tên rất đời thường, đời thường như chính mảnh đất Sa Pa luôn ẩn hiện trong mây mờ với những vạt rừng trắng muốt hoa mạn, hồng tươi hoa đào. Nhân vật chính của truyện là anh thanh niên trông coi trạm khí tượng. Anh hai mươi bảy tuổi, nhận công tác được bốn năm, sống một mình giữa núi cao heo hút, nơi đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét. Tôi thần phục anh vô cùng. Tuy sống trong điều kiện thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần nhưng anh vẫn rất yêu đời, vẫn say mê làm việc với một tinh thần trách nhiệm cao. Biết làm chủ cuộc đời, biết lo toan sắp xếp cuộc sống riêng ngăn nắp, ổn định, anh nuôi gà, trồng hoa, đọc

sách. Anh là người có nghị lực phi thường, anh đã vượt qua được tất cả, vượt qua được nỗi buồn của sự nhàm chán và sự cô đơn. Ở nơi heo hút ấy, điều đáng sợ nhất là nỗi cô đơn. Anh thèm người, thèm khát một điều đời thường nhất, nhưng cũng là quan trọng nhất đối với mỗi người. Vì thế, mỗi khi có khách, anh vô cùng vui sướng. Khi gặp ông bác sĩ già và cô kĩ sư trẻ, niềm vui của anh khiến cho cô gái vô cùng xúc động.

Tôi yêu mến người thanh niên ấy không chỉ bởi anh đáng yêu trong cách sống mà còn bởi anh cả sự đáng yêu trong những điều anh nghĩ. Anh cô đơn "thèm tiếng người" nên nghĩ ra cách lấy cây gỗ chặn đường để được nói chuyện trong giây lát với những người đi đường. Điều ấy chẳng có gì là xấu, không có nỗi nhớ người, nhớ nhà như vậy thì anh không còn gần gũi với chúng ta nữa.

Công việc mà người thanh niên ấy cùng bao nhiêu đồng nghiệp của anh đang làm cao cả xiết bao. Họ đã hy sinh những khát vọng, những ham muốn cá nhân, chấp nhận mọi nỗi khổ cực, mà nỗi khổ cực khó vượt qua nhất là sự cô đơn, để mang đến những bản tin dự báo thời tiết. Sự hy sinh của các anh làm nên hạnh phúc và cuộc sống bình yên cho mọi người. Các anh đã đánh đổi hạnh phúc của cá nhân mình để làm giảm đi những bất trắc cho cuộc sống của tất cả chúng ta. Cao cả vậy nhưng anh vẫn rất khiêm tốn. Khi người họa sĩ già muốn vẽ anh, anh đã ngượng ngùng và anh muốn giới thiệu với họa sĩ những người đáng được vẽ hơn anh. Bởi còn nhiều ngọn núi cao hơn và những người thanh niên có lí tưởng sống cao đẹp như anh.

Anh thanh niên ấy đã để lại trong tôi một niềm cảm mến vô bờ. Tôi không thể không nghĩ về cuộc sống cô đơn mà các anh phải chịu đựng. Chính tình yêu con người, tình yêu cuộc sống đã khiến anh có đủ can đảm để bám lấy trạm khí tượng và thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm và niềm say mê công việc. Nhà văn đã xây dựng được một nhân vật vừa thật đời thường, vừa thật cao đẹp. Nội dung câu chuyện đơn giản, lại thể hiện một tư tưởng cũng không mấy hấp dẫn, song với những chi tiết nghệ thuật đặc sắc nhà văn dùng để xây dựng nhân vật người thanh niên, câu chuyện đã khiến người đọc thích thú và xúc động.

Những trang viết của nhà văn Nguyễn Thành Long về một trong những người làm nhiệm vụ trông coi trạm khí tượng trên núi cao đã để lại trong tôi nhưng tình cảm tốt đẹp. Tôi đã nhận ra rằng: yêu thương con người và sống thật tốt đẹp sẽ mang lại cho ta một cuộc sống vui vẻ và thật sự có ý nghĩa.

HỒNG MAI

Đề 4. Hãy phát biểu cảm nghĩ về một bài thơ hoặc một nhà thơ mà anh (chị) yêu thích.

Bài viết

Giống tất cả mọi người dân Việt Nam, tôi yêu tiếng nói của dân tộc mình, thứ tiếng nói lên bổng xuống trầm đầy cảm xúc. Vì thế tôi yêu những câu lục bát uyển chuyển và đầm thắm chứa chan tình cảm. Vì lẽ đó, cũng chẳng có gì là lạ, là đặc biệt khi tôi yêu văn học nước mình, và tôi say mê *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Tôi say mê Kiều bởi ở Kiều tôi thấy Nguyễn Du, một Nguyễn Du của tài và tình, một

Nguyễn Du có tình yêu tha thiết với dân tộc và tấm lòng nhân hậu đầy cảm thông đối với những kiếp người bất hạnh. Mà bất hạnh nhất trong xã hội xưa là người phụ nữ - những con người hồng nhan bạc phận.

Tôi muốn nói về sự kính trọng của tôi đối với đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Cả dân tộc ta đã kính trọng ông nhưng tôi vẫn muốn thể hiện những tình cảm của mình đối với người thi nhân đa tài mà đa đoan ấy.

Điều đầu tiên khiến tôi yêu quý và kính trọng Nguyễn Du chính là tình cảm của ông dành cho con người. Ông là con người có tấm lòng nhân hậu. Có lẽ, đây chính là yếu tố quan trọng để ông có được những tác phẩm văn học chứa đựng những giá trị nhân đạo sâu sắc. Người thi nhân đa đoan, viên quan đại thần dòng dõi của triều Lê ấy không biết đã bao lần "Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa". Chính ông đã tự nhận ra rằng, người thi nhân bất hạnh bởi thi nhân luôn là người tự vận nỗi đau, nỗi bất hạnh của người khác vào mình (Phong vận kì oan ngã tự cư). Lòng nhân hậu khiến ông luôn rất nhạy cảm với nỗi đau khổ của người khác, vì thế những thi phẩm của ông luôn đầm đìa nước mắt: nước mắt của nàng Kiều, nước mắt của người ca nữ đất Long Thành và của nàng Tiểu Thanh. Họ đều là những con người tài hoa, tài sắc song toàn mà mệnh bạc. Nhà thơ đồng cảm và đau nỗi đau của những người ấy không đơn giản chỉ là sự cảm thông của con người đối với con người. Nỗi đau của Nguyễn Du còn là sự nuối tiếc, xót xa trước sự ra đi của những tài năng. "Cái tốt đẹp thì khó bền", "hoa thường hay héo cỏ thường tươi", đó là quy luật của cuộc đời. Sự vô tình của con người trước nỗi đau, trước giá trị của cái đẹp cũng là lẽ thường. Biết vậy Nguyễn Du vẫn luôn trần trở day dứt:

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

"Tấm lòng thơ vẫn tình đời thiết tha" (Tố Hữu) chính là điều khiến ông luôn được người đời trân trọng.

Điều thứ hai khiến tôi say mê Nguyễn Du chính là bởi tài năng. Nguyễn Du yêu tiếng Việt nên ông đã sử dụng thành công và làm tiếng Việt phong phú thêm bao nhiêu. Bao nhiêu năm nay chúng ta đọc và say mê *Truyện Kiều* một phần bởi cái giọng điệu lục bát dễ đọc, dễ thuộc, dễ nghe. Nguyễn Du đã gửi gắm ở *Truyện Kiều* một tình yêu lớn đối với tiếng nói và thể thơ dân tộc. Ông dùng những từ ngữ, những cách diễn đạt gần gũi với tiếng nói của nhân dân. Dân dã mà vẫn thật hay, vẫn uyên bác và giàu chất nghệ thuật. Ví như những bức tranh bốn mùa của ông:

*Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Tiếng Việt đẹp hơn, giàu âm thanh, hình ảnh và sắc điệu hơn bởi khả năng sáng tạo của ông. *Truyện Kiều* đã đưa thể hiện một cách phong phú nhất khả năng biểu hiện của tiếng Việt và khả năng biểu cảm của thể thơ lục bát.

Có biết bao nhiêu lí do để ta trân trọng đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, và lí do lớn nhất, chính đáng nhất chính là nhân cách cao đẹp của ông, kết quả của sự kết hợp hài hoà giữa tài và tình Nguyễn Du.

HỒNG MAI

Đề 5. Từ một số bài ca dao than thân đã học hoặc đã đọc, hãy phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

Bài viết

Ca dao là tiếng hát cất lên từ cõi lòng những người bình dân. Trong đó, có không ít những câu ca thể hiện nỗi lòng của những người phụ nữ. Họ là những người bị coi thường trong chế độ xã hội phụ quyền với tư tưởng "trọng nam khinh nữ". Qua những bài ca dao than thân về thân phận những người phụ nữ trong xã hội cũ, phần nào tôi hiểu được nỗi đau khổ mà họ phải chịu đựng.

Trong xã hội ấy, họ bị tước đi những quyền lợi cơ bản của con người. Họ bị biến thành nô lệ cho những luật lệ, những ràng buộc nghiêm khắc của lễ giáo phong kiến và những quan niệm cổ hủ lạc hậu. Họ không có quyền quyết định số phận mình mà hoàn toàn phụ thuộc vào người khác bởi quy định "tam tòng" quá nghiêm khắc của Nho giáo "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử" (ở nhà theo bố mẹ, lấy chồng nghe lời chồng, chồng chết phụ thuộc con). Điều ràng buộc ấy dẫn theo bao nhiêu bất hạnh của người phụ nữ, vì thế họ cất lên tiếng hát than thở về thân phận bị động của mình:

*Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

*Thân em như hạt mưa sa
Hạt vào giếng ngọc, hạt ra ruộng cày.*

*Thân em như giếng giữa làng
Người không rửa mặt, người phàm rửa chân.*

Họ so sánh "Thân em..." với rất nhiều thứ, thể hiện nhiều bình diện khác nhau song vẫn có một điểm chung là: khẳng định giá trị của bản thân và than vãn về số phận phụ thuộc của mình. Dù là "tấm lụa đào" quý giá hay "giếng giữa làng" mát trong thì họ vẫn không biết tương lai như thế nào. Những hình ảnh so sánh ấy làm nổi bật thân phận bơ vơ, bất trắc của họ. Họ không thể tự quyết định số phận của mình. May mắn thì được chỗ yên lành hạnh phúc, bất hạnh thì bị rơi vào chốn lao đao và dù trong hoàn cảnh nào họ cũng phải chấp nhận bởi thân "cá chậu chim lồng":

*Cá chậu chim lồng biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thưa nào ra*

Vì phụ thuộc nên học phải lấy chồng khi còn ít tuổi, người phụ nữ là nạn nhân đau khổ nhất của nạn tảo hôn:

*Bướm vàng đậu đọt mù u
Lấy chồng càng sớm, lời ru càng buồn.*

Đọt mù u non nớt đã bị bướm vàng đến đậu và quấy phá. Cũng như người phụ nữ, càng làm vợ sớm thì càng khổ nhiều. Họ gửi nỗi buồn vào lời ru bởi không thể

tâm sự cùng ai. Những cô gái bị ép gả khi còn tuổi niên thiếu đã dẫn đến những bi kịch số phận, đã có những câu ca dao tự trào đầy cay đắng xót xa:

*Lấy chồng từ thừa mười ba
Đến nay mười tám thiếp đã năm con.*

hay:

*Ra đường thiếp hãy còn son
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng.*

Vì nạn tảo hôn, vì những hủ tục lạc hậu ấy mà người con gái trong xã hội xưa không được hưởng tuổi thanh xuân. Chưa kịp lớn, chưa kịp hiểu cuộc đời thì họ đã phải gắn cuộc đời mình với con thơ, phải chịu cảnh làm dâu trăm chiều cay đắng. Bao nhiêu gánh nặng cuộc đời đè nặng lên đôi vai gầy guộc của người phụ nữ.

Quá nhiều bất trắc đón đợi người phụ nữ trên con đường đời, vì thế họ luôn mang trong mình những nỗi lo âu, khắc khoải. Số phận bấp bênh, hạnh phúc mong manh quá đổi. Có được người yêu thương chân thành đã khó, giữ được người ấy và được sống chung lại càng khó hơn bởi họ đâu có quyền tự lựa chọn hạnh phúc cho mình. Quan niệm "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy" đã tước đi của người con gái quyền được tự lựa chọn hạnh phúc cho mình. Bao nhiêu bất trắc, âu lo về số phận được gửi trong những câu ca dao đầy tâm sự:

*Hòn đá đóng rong vì hòn nước chảy
Hòn đá bạc đầu vì hời sương sa
Em thương anh không dám nói ra
Sợ mẹ hằng đất, sợ cha hằng trời
Em với anh cũng muốn kết đôi
Sợ vắng mây bạc trên trời mau tan*

Bao nhiêu ràng buộc, bao nhiêu bất trắc trút lên vai cô gái để cô phải mang trong lòng mình những nỗi lo âu. Thân phận yếu đuối của người phụ nữ trong xã hội xưa đã được thể hiện trong rất nhiều câu ca dao như thế. Thân phận con cò, con vạc lầm lũi, gầy guộc, vất vả kiếm sống, số phận lênh đênh đã trở thành một biểu tượng quen thuộc trong dân ca ca dao để chỉ người phụ nữ. Điều đó cho ta thấy, trong xã hội cũ, khi con người chưa có sự bình đẳng giới thì người phụ nữ phải chịu thiệt thòi như thế nào.

Ngày nay, xã hội đã tiến bộ, nam nữ đã bình quyền, người phụ nữ đã được sống hạnh phúc hơn. Mặc dù không thể có sự bình đẳng tuyệt đối, nhưng người phụ nữ ngày nay đã được xã hội quan tâm đúng mực. Họ đã được phát huy hết khả năng của mình, được chủ động quyết định số phận của mình. Tuy đây đó còn nhiều bất công, người phụ nữ còn chịu thiệt thòi, song so với người phụ nữ thời xưa thì xã hội đã tiến một bước rất dài. Chúng ta sẽ loại bỏ dần những quan niệm lạc hậu, không phù hợp để người phụ nữ được quyền sống hạnh phúc, để những lời ca dao than thân được thay thế bằng những khúc ca vui.

HỒNG MAI

Đề 6. Cảm nghĩ về một bài ca dao, dân ca mà anh (chị) yêu thích.

Bài viết

Mỗi chúng ta đều được lớn lên trong tiếng ru ngọt ngào của bà, của mẹ. Tuổi thơ của chúng ta luôn được đắm chìm trong tiếng sáo diều vi vút trong trẻo và những lời ru, những câu chuyện cổ tích chứa chan nghĩa tình. Và ở nơi đó chúng ta học được bao nhiêu điều hay, lẽ phải. Rất khéo léo và trữ tình, cha ông ta đã gửi gắm những lời giáo dục đạo đức trong những câu ca ngọt ngào. Em đã vô cùng xúc động và thấm thía khi nghe câu ca dao:

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Đây là câu ca dao vô cùng quen thuộc đối với mỗi người. Câu ca đơn giản và vô cùng dễ hiểu nhưng nội dung lại rất sâu sắc và thấm thía. Bài ca dao nói đến công ơn to lớn của cha mẹ và giáo dục đạo lí làm con. Nhân dân ta đã ví công lao của cha mẹ với những hình ảnh hùng vĩ, to lớn. Công cha sừng sững như Thái Sơn - ngọn núi lớn. Hình ảnh so sánh mạnh mẽ và hùng vĩ, vững chãi. Tục ngữ đã có câu: "Con không cha như nhà không nóc". Người cha là chỗ dựa vững chắc cho những đứa con. Hình ảnh so sánh mang đầy ý nghĩa. Ngọn núi Thái Sơn biểu tượng cho sự vững chãi của người cha. Và càng thú vị hơn khi tìm hiểu ý nghĩa của cặp "Công cha - nghĩa mẹ". Cha có công nuôi dưỡng giáo dục, mẹ là người mang nặng đẻ đau và sinh thành ra ta. Công cha lớn bao nhiêu thì nghĩa mẹ vô tận bấy nhiêu. Bên cạnh người cha vững chãi như Thái Sơn là mẹ hiền với bao yêu thương. "Nước trong nguồn" vừa trong lành, mát rượi vừa không bao giờ vơi cạn. Hai hình ảnh tạo nên những biểu tượng nghệ thuật đầy ý nghĩa. So sánh giản dị, đời thường mà sao sâu sắc đến vậy. Hai hình ảnh so sánh vừa có ý nghĩa biểu tượng, vừa thể hiện được tính chất của "công cha - nghĩa mẹ". Cha là núi Thái Sơn bởi cha là người che chở, là chỗ dựa và cũng là đỉnh cao để con hướng tới. Còn mẹ luôn dịu dàng, chăm sóc, yêu thương. Tình thương của mẹ là dòng sữa ngọt lành nuôi ta lớn lên, là lời ru ngọt ngào đưa ta vào những giấc ngủ êm đềm, là những bữa cơm ngon, làn gió mát. Tình thương của cha mẹ dành cho con là vô bờ, chỉ có thể so sánh với những gì vĩ đại nhất của thế giới này. Cha dạy cho ta cuộc sống, dạy ta cách sống và là chốn bình yên nhất để ta hướng đến mỗi khi nỗi nhọc nhằn của cuộc sống đè nặng lên vai. Mái nhà thân yêu, nơi có mẹ có cha ta chính là bến đỗ bình yên và an toàn trong cuộc đời mỗi con người. Nhà thơ Nga Êxênin đã từng viết về mẹ như thế:

*Chỉ mẹ là niềm vui ánh sáng diệu kì
Chỉ mình mẹ giúp đời con vững bước*

Vì thế mỗi chúng ta phải biết thương yêu, quý trọng cha mẹ, dù còn nhỏ hay đã trưởng thành đều phải biết nghe lời cha mẹ, phải sống cho trọn đạo hiếu. Cha ông đã từng nói:

*Cá không ăn muối cá ươn
Con cưỡng cha mẹ, trăm đường con hư*

Bài ca dao đã nhắc nhở bốn phận làm con của mỗi người. Mỗi chúng ta đều cảm nhận được tình yêu thương mà cha mẹ đã dành cho mình, chúng ta tự biết mình phải sống, phải lao động và học tập như thế nào để không phụ công nuôi dưỡng, thương yêu của mẹ cha. Làm một người tốt, đó là sự trả ơn, là đạo hiếu lớn nhất mà mỗi người con có thể đền đáp cho những nỗi nhọc nhằn của cha mẹ.

HỒNG MAI

Đề 7. Cảm xúc của anh (chị) khi đứng trước cánh đồng lúa chín.

Bài viết

Hè đã về, bố mẹ quyết định cho tôi về thăm quê ngoại. Quê ngoại tôi ở xa nên đây là lần đầu tiên tôi được về thăm. Từ trung du được về đồng bằng, tôi thấy rất nhiều điều mới lạ, nhưng điều lạ nhất và tôi thích thú nhất chính là những cánh đồng lúa trải rộng tít tắp tới tận chân trời. Nơi tôi đang sống không có những cánh đồng rộng như thế.

Vừa bước xuống xe, tôi đã choáng ngợp trước cánh đồng. Nơi tôi đứng nhìn thẳng ra cánh đồng lúa đang độ chín. Có lẽ đã bắt đầu vào mùa thu hoạch. Cánh đồng lúa trải một màu vàng óng, trông như một tấm thảm khổng lồ. Xa xa có mấy bác nông dân đang hối hả gặt lúa, người bó, người gánh, người ôm. Có lẽ họ đều rất mệt nhưng niềm vui vì có một vụ mùa thắng lợi đã biểu hiện rất rõ trên những gương mặt hân hoan.

Cánh đồng lúa trải rộng trước mắt mang đến cho tôi bao nhiêu cảm xúc. Trong lúc chờ cậu tôi ra đón, tôi vào ngồi nghỉ ở một hàng nước ven đường, dưới một gốc cây sĩ già rất lớn. Tôi thả hồn mình cùng những làn gió nhẹ đưa trên tấm thảm vàng. Bông lúa trĩu nặng sẽ rung rinh nô đùa cùng gió. Năm nay được mùa lớn. Nhìn những hạt lúa mẩy vàng tôi thầm nghĩ: không biết có bao nhiêu giọt mồ hôi rơi xuống thước đất kia, bao nhiêu trí tuệ của con người dồn vào để rồi đất mẹ rút ruột mình ra tạo nên những hạt thóc mẩy vàng. Tôi chợt nhớ đến câu ca dao:

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi hừng bát cơm đầy

Rẻ thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Ngày nay, khoa học kỹ thuật phát triển, người nông dân phần nào đã được giải phóng sức lao động, nhưng những giọt mồ hôi ấy vẫn rơi bởi thiếu bàn tay con người thì không thể có được bất cứ thứ gì trên trái đất này. Cánh đồng lúa chín ấy là sự trả công xứng đáng của thiên nhiên dành cho con người. Tôi vô cùng biết ơn và khâm phục những kĩ sư nông nghiệp, những nhà bác học đã nghiên cứu ra những giống lúa phù hợp với đất đai và khí hậu quê hương. Biết ơn những người nông dân một nắng hai sương đã biến những công trình khoa học thành hiện thực, đã mang đến cho đất nước những mùa vàng bội thu.

Nắng tháng năm vẫn trải rộng trên cánh đồng gay gắt, gương mặt của những cô thôn nữ thêm ửng hồng khoẻ mạnh. Nụ cười tươi làm gương mặt họ bừng sáng.

Quê hương đã thật sự vào mùa. Tôi thấy yêu quê ngoại vô cùng và tự hào về quê hương đất nước mình. Quê hương mình đã thật sự đổi thay. Với những người biết yêu đồng ruộng như cha ông chúng ta, quê hương mình sẽ ngày càng giàu đẹp.

HỒNG MAI

Đề 8. Suy nghĩ của anh (chị) khi nhìn những em bé không nơi nương tựa.

Bài viết

Mỗi lần đi trên đường phố, gặp những đứa trẻ lang thang bán báo, đánh giày, tôi lại chợt nhớ đến câu hát "Mô côi tội lắm ai ơi, đói cơm khát nước biết người nào lo, đói cơm khát nước, biết người nào thương". Câu hát ấy từng làm nức nở bao người. Thật tội nghiệp những đứa trẻ còn đang ở tuổi đến trường lại phải nai lưng ra kiếm sống. Các em đã phải hứng lấy tất cả những bụi bặm của cuộc đời. Hàng ngày phải đương đầu với biết bao khó khăn của cuộc sống, phải đối diện với hầu hết những căn bệnh của xã hội, làm thế nào để các em có thể giữ gìn được sự trong sáng cho tâm hồn mình.

Mỗi em đều có những hoàn cảnh sống riêng, có những con đường riêng để rồi các em sớm gặp nhau trên đường đời. Khi những bạn nhỏ như các em được cha mẹ nâng niu, chăm bẵm, lo lắng cho từng bữa ăn giấc ngủ, được đến trường với những bộ quần áo mới đất tiền và được đưa đón thương yêu thì các em với đầu trần chân bưng bải trên khắp các con đường ngõ phố để kiếm sống. Để rồi khi thì bị hắt hủi, khi bị đánh đuổi và cả những khi nhịn đói chịu rét trên hè phố hay ghế đá công viên. Trước khi đến với đám bạn nơi đường phố, chắc rằng nhiều em cũng có gia đình. Nhưng rồi hoàn cảnh xô đẩy đã cướp đi của các em cha mẹ và gia đình. Có em mất cha mất mẹ vì thiên tai lũ lụt, có em thì bỏ quê ra đi vì nghèo quá. Nhưng cũng có em thì bỏ nhà đi bụi, nhưng số đáng trách này không nhiều. Thương tâm nhất là những đứa trẻ vô thừa nhận. Mẹ các em sinh ra các em rồi đang tâm vứt bỏ. Các em lớn lên trong những trại trẻ mồ côi rồi phải tự ra đường kiếm sống.

Những đứa trẻ ấy ngay từ nhỏ đã phải chịu bao nhiêu thiệt thòi, khổ cực. Các em không được vui chơi, không được đến trường. Đã có lúc tôi vô tình được chứng kiến cảnh các em cùng nhau nô đùa trong công viên. Bên cạnh đó là liệt những nón áo, hòm đánh giày, báo, những túi đựng ni lông đồng nát. Các em vui đùa thật vô tư. Nhưng nếu có khách gọi là chúng lại lao ra tranh nhau khách. Những nụ cười hồn nhiên vô tư lại được thay thế bằng vẻ mặt thật khắc nghiệt. Tôi thương chúng vô cùng nhưng tôi chẳng có nhiều tiền để cho chúng. Mỗi người tự lo cho mình có cuộc sống yên ổn đã quá mệt nhọc rồi, liệu mấy ai còn đủ thời gian rảnh để suy nghĩ xem số phận những đứa trẻ ấy sẽ ra sao. Hay chúng lại trở thành những kẻ phạm tội, để rồi khi tạm biệt đường phố chúng lại đến với song sắt nhà tù.

Nhìn những đứa trẻ lang thang trên đường phố với một tương lai mờ mịt, trong lòng tôi dấy lên bao nhiêu cảm xúc. Giá như, những người quyền cao chức trọng bớt ăn chơi xa xỉ, những thanh niên con nhà giàu bớt những cuộc ăn chơi thâu đêm suốt sáng thì chắc rằng sẽ có rất nhiều em nhỏ đáng lang thang kia có được một chốn bình yên để đi về, có được một chỗ ấm áp để trú chân trong những mùa đông

rét mướt.

Cuộc sống còn bộn bề những lo toan và còn bao nhiêu bất trắc. Sẽ vẫn còn những đứa trẻ lang thang, không nhà không cửa, không người che chở yêu thương. Chỉ mong rằng, những bậc cha mẹ biết nghĩ hơn, sinh ít con để đảm bảo cuộc sống cho chúng, những bà mẹ hãy có trách nhiệm hơn khi đã trót sinh ra một đứa trẻ. Đừng vì cuộc sống của riêng mình mà nỡ bỏ rơi đứa con do mình dứt ruột đẻ ra. Và cũng mong rằng chúng ta sẽ quan tâm giúp đỡ để hạn chế những thiệt hại do thiên tai bão lụt gây ra, để những đứa trẻ không phải rời bỏ gia đình, quê hương bản quán mà đi tha phương cầu thực... Còn biết bao cảnh ngộ đáng thương tâm, nếu mỗi chúng ta đều biết sống nhân hậu hơn thì xã hội sẽ tốt đẹp hơn, và chắc hẳn trên đường phố sẽ bớt đi những mảnh đời côi cút, chấp vạ.

Nhân dân ta vốn có truyền thống "Lá lành đùm lá rách", đã khuyên chúng ta:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Lời dạy đầy tình nghĩa ấy chắc rằng sẽ lay động lương tâm mỗi con người, để trái tim ta không bị chai sạn trước những mảnh đời đáng thương hơn mình. Khi trái tim con người còn biết rung động với niềm vui và nỗi buồn của đồng loại, khi ấy cuộc sống vẫn thật tuyệt vời. Những em nhỏ mồ côi kia rồi sẽ được cộng đồng yêu thương, sẽ chia bất hạnh và cuộc sống của các em sẽ bớt nhọc nhằn hơn.

HỒNG MAI

Đề 9. Cảm tưởng của anh (chị) về bài thơ *Tỏ lòng* của Phạm Ngũ Lão.

Bài viết

Tỏ lòng là bài thơ nói về chí làm trai theo quan niệm Nho giáo xưa. Bài thơ đã xây dựng nên một hình tượng đẹp về người anh hùng thời loạn: một tráng sĩ hiên ngang tay cầm ngang ngọn giáo, đánh đông dẹp bắc để lập công danh. Bài thơ khiến ta nhớ đến bài ca dao:

Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng.

Đó là tiêu chuẩn lí tưởng của người đàn ông trong bất cứ thời đại nào. Trong thời loạn, chí khí ấy lại càng cần thiết. Phạm Ngũ Lão đã hình tượng hoá quan niệm của Nho gia về đáng nam nhi. Đây là một quan niệm đúng đắn và cao đẹp. Là con người, dù là đàn ông hay đàn bà, dù là già hay trẻ đều phải có trách nhiệm với đất nước, với quê hương, với cộng đồng, hướng chí là người tráng sĩ sinh ra trong thời loạn. Họ phải biết mang sức lực, tài trí của mình ra giúp dân, giúp nước, bảo vệ sự ổn định của xã hội. Với những bậc quân tử xưa, đền nợ nước, báo ơn vua là lí tưởng và mục đích sống của họ. Như Nguyễn Công Trứ từng nói:

Đã sinh ra ở trong trời đất

Phải có danh gì với núi sông.

Nếu họ không thực hiện được con đường công danh ấy, họ sẽ cảm thấy hổ

thẹn với mọi người. Cả cuộc đời người quân tử chỉ có một lí tưởng duy nhất để theo đuổi đó là lập công danh. Con đường mà Nho giáo đã vạch sẵn cho tất cả các đấng nam nhi là "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Tư tưởng này đã trở thành một động lực thôi thúc các nhà Nho phát huy tài trí của mình ra giúp nước. Nhà Nho tiến bộ của thế kỷ XX - Phan Bội Châu - cũng đã từng thể hiện một cách hùng hồn và đầy nhiệt huyết cái chí khí ấy của người anh hùng thời loạn:

*Làm trai phải lạ ở trên đời
Há để càn khôn tự chuyển dời
Trong khoảng trăm năm cần có tớ
Sau này muôn thuở há không ai?*

Tư tưởng ấy đã làm nên một hình tượng đẹp thể hiện khát vọng cứu nước trong văn học Việt Nam:

*Muốn vượt biển đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi*

Trong suốt mấy ngàn năm lịch sử, đất nước ta đã phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh vệ quốc. Một đất nước nhỏ bé luôn đứng trước nguy cơ bị xâm lược nên ý thức giữ nước đã trở thành ý thức có tính chất bản năng của mỗi người dân. Vì thế mà hình tượng đẹp nhất về người anh hùng bao giờ cũng là người anh hùng thời loạn. Trong đó hình tượng người tráng sĩ trong *Tỏ lòng* là một hình tượng có vẻ đẹp lí tưởng, bởi thời kì lịch sử ấy, nhà Trần với ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông đã viết lên những trang sử vô cùng chói lọi trong thiên sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Sau người tráng sĩ ấy còn biết bao hình tượng đẹp nữa, trong đó không thể không kể đến những anh bộ đội cụ Hồ, những anh vệ quốc quân trong kháng chiến chống Pháp, những anh giải phóng quân - chàng Thạch Sanh của thế kỉ XX - trong kháng chiến chống Mĩ...

Người anh hùng với lí tưởng cao đẹp đã từng đánh đông dẹp bắc, từng làm nên cái khí thế "nuốt sao Ngưu" dũng mãnh ấy, khi nhìn lại sự nghiệp của mình vẫn mang những niềm trân trọng day dứt:

*Công danh nam tử còn vương nợ
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu*

Đây là cái thẹn của một nhân cách cao đẹp. Như thế vẫn chưa thoả mộng công danh, người quân tử không có điểm dừng trong sự nghiệp công danh của mình. Phạm Ngũ Lão với *Tỏ lòng* đã thể hiện một nhân cách cao đẹp của người tướng lĩnh, con người suốt cuộc đời khao khát lập công, khao khát mang sức lực và tài trí của mình ra giúp nước. Bài thơ là niềm tự hào của mỗi chúng ta về truyền thống đạo đức, truyền thống yêu nước của cha ông ta.

Đề 10: Hãy ghi lại cảm nghĩ chân thực của anh (chị) về những ngày đầu tiên bước vào trường Trung học phổ thông.

Bài viết

Thế là tôi đã vào học ở trường Trung học phổ thông được ba tuần. Ba tuần thật đầy ấn tượng, bởi mỗi khi bước chân đến lớp, tôi lại khám phá thêm được nhiều điều bất ngờ, thú vị từ bạn bè, từ ngôi trường mới và từ cuộc sống học sinh Trung học phổ thông còn đầy mới mẻ với tôi.

Đã chín lần tôi được dự lễ khai giảng năm học mới, vậy mà trước lễ khai giảng năm nay - năm thứ mười, tôi vẫn không khỏi hồi hộp và lo lắng. Bố mẹ cũng phải ngạc nhiên về sự hồi hộp của tôi, về một đứa vốn nghịch ngợm và mạnh bạo như tôi mà cũng bồn chồn như thế. Không nôn nao sao được khi niềm mong ước và mục tiêu phấn đấu của tôi đã trở thành hiện thực. Với tôi, ngôi trường mới xa lạ đấy nhưng cũng quen thuộc như một cố nhân.

Suốt bốn năm học Trung học cơ sở, ngày nào đi học tôi cũng đi qua ngôi trường ấy. Đã nhiều lần tôi dừng lại để nhìn vào, để mong ước và để quyết tâm. Từ ngoài cổng, tôi nhận thấy sự đổi thay sắc lá của những hàng cây to thẳng tắp trong sân trường. Ngôi trường cũng duyên dáng hơn cùng với sự đổi thay của dòng sông Hưng Long quen thuộc, nơi mà tất cả lũ trẻ chúng tôi chẳng lạ lẫm gì. Đặc biệt truyền thống học tập của nhà trường là điều cuốn hút đối với chúng tôi. Tôi mơ ước, rồi kiêu hãnh, tự hào khi được trở thành một phần thân yêu của ngôi trường ấy.

Lòng tôi vẫn hồi hộp không yên. Những môn học sẽ khó hơn, có nhiều quy định mới của nhà trường mà tôi sẽ phải nghiêm túc thực hiện. Các thầy cô thì có khi tôi đã quen gương mặt nhưng chưa được trực tiếp học bao giờ, bởi thế mà chắc có nhiều điều lạ lẫm! Và lại thêm bạn bè nữa chứ. Có một số bạn học cùng lớp 9 với tôi nhưng còn biết bao nhiêu là bạn mới. Có chơi vui như lớp cũ của mình không? Có đoàn kết và thân thiện?... Lại nữa, ai cũng bảo học Trung học phổ thông là quan trọng. Nó bước đệm để bắt đầu định hướng cho tương lai. Thế đấy, đầu óc tôi cứ hoa lên bao nhiêu ý nghĩ. Những ý nghĩ làm tôi phấp phồng không yên. Tôi mang theo tất cả những cảm xúc tự hào, hãnh diện, hồi hộp, bồn chồn ấy đến trường trong buổi lễ khai giảng đầu tiên.

Buổi lễ hôm ấy ngắn gọn mà sâu sắc. Tôi đặc biệt ấn tượng với bài diễn văn của thầy Hiệu trưởng. Tôi lắng nghe và ngấm trọn những lời của thầy về trách nhiệm của mỗi học sinh khi được học tập ở một ngôi trường giàu truyền thống. Tôi xúc động và băng khuông man mác khi nghe một học sinh lớp mới phát biểu những cảm xúc đầu tiên.

Buổi lễ tan, chúng tôi học ngay những bài học mới. Đúng như chúng tôi cảm nhận, kiến thức mới, lạ và khá khó. Thế nhưng sự trầm lắng chỉ thấy ở lớp tôi trong buổi học đầu tiên. Những ngày sau đó, quen bạn, quen thầy, chúng tôi tự nhiên đã sôi nổi hẳn lên. Lớp học háo hức và thân thuộc chẳng khác gì khi đang học trong lớp chín.

Cuối tuần, chúng tôi bắt đầu tham gia lao động. Phải góp một cái gì đó cho ngôi trường mới, ta mới thêm quý thêm yêu. Ngày lao động tuần đầu tiên thật là

thích thú. Sân trường có nhiều cây to nên có bao nhiêu lá rụng. Hôm trước trời lại mới mưa nên lá rụng càng nhiều. Lá ướt lẹp chẹp. Cả lớp mang chổi đi mà không dùng được bèn cứ thế thi nhau nhặt lá bằng tay! Có cậu con trai hí hửng mang đến tặng cô bạn gái chiếc lá vàng thật đẹp, cô bạn xúc động cảm ơn, chẳng ngờ đằng sau mặt lá có chú sâu đang ngoan ngoãn ẩn mình. Đám con gái kêu ré lên sợ hãi, còn bọn con trai ha hả cười đắc chí, rồi lại xin lỗi, lại bắt đền bằng những chiếc kẹo thủ sẵn từ ở nhà đi! Giờ lao động vì thế mà chẳng thấy mệt nhọc, chỉ thấy vui nhộn, chỉ nghe thấy tiếng cười. Đám con trai mới lớn thích “làm anh” thiên hạ nên chỉ cần một giọng con gái thỏ thẻ “anh ơi” là cả Thế Anh, Tuấn Anh, Hải Anh, Ngọc Anh đều quay lại và xoắn xuýt. Tôi cũng hân hạnh được tặng một cái tên mới “Diệp còi”! Những trận cười giòn giã bật ra. Cả lớp vui và thân thiện, gắn bó như một gia đình nhanh không kể nổi.

Những hồi hộp, lo lắng, băn khoăn, lả lẫm nhanh chóng bị khoả lấp đi. Không khí học tập của lớp tôi ngày càng tốt. Một cách rất tự nhiên và rất âm thầm, tôi và cậu bạn “hàng xóm” ngồi bên bắt đầu “đua sức” trong học tập. Đứa nào cũng cố gắng tìm ra lời giải nhanh nhất, làm bài tập đầy đủ và chính xác nhất để đến lớp trao đổi cho nhau và lại học thêm ở bạn một điều mới lạ.

Tuổi mười sáu chóng buồn và cũng nhanh vui. Mới học cùng nhau tôi cũng chưa thật hiểu hết về hoàn cảnh và tính cách của từng người trong lớp. Nhưng tôi tin, thời gian sẽ giúp cả lớp tôi ngày một gắn bó hơn và học tập cùng sẽ tiến bộ hơn. Những ngày đầu bỡ ngỡ bước vào trường Trung học phổ thông của tôi là như thế. Đối với tôi, nó sẽ là những ngày đáng nhớ, là những kỷ niệm ngọt ngào không thể nào quên.

Đề 11: Hãy ghi lại những cảm nghĩ chân thực của anh (chị) về thiên nhiên và đời sống con người trong thời khắc chuyển mùa.

Bài viết

Ngày bé, tôi luôn háo hức mỗi khi năm mới đến. Nhưng bất chợt một hôm, tôi nhận ra mái tóc cha đã thoảng điểm một vài sợi trắng. Từ đó, tôi hiểu rằng bước đi của thời gian không phải chỉ tính bằng năm. Tôi bắt đầu chú ý hơn đến tháng, đến mùa. Khoảnh khắc chuyển mùa bỗng trở thành một mốc thời gian lắng đọng trong tôi. Tôi yêu và thích những khi trời đất giao mùa, nhất là khi trời chuyển từ mùa hạ sang mùa thu mát mẻ.

Những hạt mưa xuân lất phất bay, những chồi biếc trên cành cây đã điểm hay những cơn mưa ào ào, xối xả gọi mùa hè... tất cả những đổi thay nhiệm màu của trời đất ấy đều khiến lòng tôi xao động. Và hơn tất cả, thời khắc giao mùa giữa hạ và thu bao giờ cũng làm tôi phấp phồng đến lạ lùng! Có lẽ bởi tôi yêu mùa thu nhất trong năm, tôi đợi thu về như đợi một người bạn đi xa quay trở lại...

Thu sang thật là dịu nhẹ khi bỗng một ngày ai đó nhận ra, bầu trời dường như trong hơn, cao và xanh hơn. Cái nắng rất bông, đỏ lửa của mùa hè đã dịu đi nhiều lắm. Bên kia, vài đốm lửa thoát ẩn hiện giữa nền lá xanh sẫm của những bác phượng già. Có phải phượng đã chắt chiu bao nhiêu gió, bao nhiêu nắng, bao nhiêu

mưa của hạ để chung lộc nên những bông phượng rực đỏ cuối mùa ấy mà tạm biệt hạ và để đón thu sang? Dọc theo hai dãy phố, sắc nắng cũng đã nhạt màu. Nó không còn ngăn ngắt tím đến nao lòng nữa. Con sông trước nhà không còn cuộn lên ngầu đỏ. Dòng sông trở nên dịu dàng, e ấp như cô bé tuổi mười lăm. Tất cả giăng giăng xung quanh ngôi nhà quen thuộc một không khí êm êm, dịu mát, mềm mại, khiến ta mỗi khi thức dậy đều mang một cảm giác băng khuâng.

Mới mấy hôm trước đây thôi ai cũng ngại ra đường vì nắng gắt, vì những cơn mưa bất chợt ập xuống không báo trước bao giờ, vì sấm chớp thỉnh thoảng, nhưng hôm nay ta lại thêm được thông dong đạp xe dưới những hàng cây tán rộng. Ta bắt gặp những cô bé, cậu bé ngồi sau lưng mẹ xúng xính, hân hoan. Thì ra bé con đang được mẹ dẫn đi chuẩn bị đồ dùng cho năm học mới. Ôi! Cái ngày đầu tiên tôi đi học thoáng vậy mà đã đến cả chục năm. Thời gian trôi qua nhanh thật! Miên man trong dòng ký ức, tôi nghe trong hơi gió thoảng thoảng hương hoa sữa chưa kịp nồng, mới chỉ đủ gọi ra những vương vấn dịu êm.

Thu đến, dường như ai cũng gượng nhẹ hơn. Nhịp sống chùng chình hơn, không còn quá ồn ào, hối hả. Những công sở, những ngôi trường sau lúc tan ca lặng ngắt, trầm tư. Những bến đò, những bờ sông, buổi chiều cũng bắt đầu hoang vắng. Trời chiều hơi se lạnh. Phải chăng vì thế mà mọi người chỉ mong sớm quay quần ấm cúng bên bữa cơm chiều. Một thoáng băng khuâng, tôi nhớ tới lời cha: thời gian chảy trôi, mọi sự cũng đổi thay, cuộc sống sẽ có thêm ngã rẽ, hãy tự tìm lấy hạnh phúc cho mình. Tôi vẫn băn khoăn "thế nào là hạnh phúc". Chợt tôi nhìn sang bên kia con phố, một cụ bà dừng đẩy xe lăn, lấy ra chiếc ghế con, ngồi xuống ngay bên cạnh. Ông đang nghiêng đầu về phía bà. Bà giờ quyển sách khá dày, giấy màu nâu xỉn, chậm rãi đọc và ông lim dim mắt lắng nghe. Tôi bỗng hiểu thế nào là hạnh phúc. Hạnh phúc ấy là khi ta được mãi bình yên bên những người yêu quý. Hạnh phúc giản đơn và bình dị thế thôi.

Trời đất chuyển mùa, lòng ta cũng nao nao bao nhiêu cảm xúc. Ta nhớ nhung, nuối tiếc, ta hí hửng, vui tươi... Ta thấy mình mỗi ngày thêm mỗi lớn, thấy mình phải sống sao cho có ý nghĩa hơn với bước đi của nhịp thời gian.

Đề 12: Cảm nghĩ về một người thân yêu nhất của anh (chị).

Bài viết

Mỗi lần trời trở rét là nội của tôi lại đau. Như những lần còn ở dưới quê, lần này cũng thế, tôi ngồi cạnh vừa kể chuyện vừa bóp chân cho nội. Thỉnh thoảng, nội mở mắt nhìn tôi cười rất hiền từ.

Năm tuổi, từ thành thị tôi về quê sống với nội theo yêu cầu của bố. Bố tôi nói, nội ở quê một mình buồn lắm, không ai trò chuyện lúc rảnh rỗi, cũng tội. Thế là tôi chuyển hẳn về sống ở quê. Căn nhà nhỏ tự dựng có hai bà cháu. Những lúc đi chợ xa, nội gửi tôi sang bên nhà hàng xóm. Tuy là con gái nhưng tính tôi thì nghịch hết con trai nên mỗi khi tôi tung tăng, chạy nhảy cùng với lũ bạn trong làng về là nội lại phải lôi ngay tôi đi tắm. Tôi ghét tắm thế nên mỗi lần như vậy chẳng khác nào tôi đang hành nội. Những lúc rảnh rang, nội lại kể cho tôi nghe những câu chuyện

cổ tích. Chuyện cô Tấm hiền lành, Thạch Sanh dũng cảm, chuyện chàng Lý Thông ở ác... Sau mỗi lần như thế, nội lại khuyên tôi: sau này lớn lên cháu phải chăm chỉ, hiền lành, tốt bụng. Có vậy, cháu mới được nhiều người yêu mến.

Những ngày tháng ở quê, nội thường nhờ một anh hàng xóm sang dạy chữ cho tôi. Buổi tối, tôi thường lảng sợ ma, trốn không học bài đi ngủ sớm. Nội kiên nhẫn thắp đèn thức cùng tôi. Nội nói: rèn nét chữ cũng là rèn nét người cháu ạ! Thế là tôi lại cặm cụi ngồi tập viết. Nhưng chính vì thế mà giờ đây tôi phải cảm ơn bà bởi nếu không có những hôm như vậy thì chữ tôi chắc bây giờ xấu lắm. Và quan trọng hơn là nhân cách tôi sẽ ra sao?

Năm ấy, mẹ tôi sinh thêm em bé. Khi em cứng cáp, bố về quê nội. Bố ở lại thăm bà mấy bữa, sửa lại hàng rào, lợp lại ngói cho bà. Tối ngày chuẩn bị lên thành phố, bố bảo tôi lên trên ấy mấy bữa để giúp mẹ tôi chăm sóc em khi bố đi công tác. Tôi không muốn rời xa nội, nhưng nội cứ dỗ dành tôi lên trên ấy với mẹ ít ngày rồi trở lại. Thế là tôi lại về thành phố. Lúc bố đi công tác vừa xong cũng là lúc tôi đến tuổi phải bước chân đến lớp. Ở quê nội trường học rất xa, nội lại già và yếu nên bố quyết định tôi không về quê nữa. Tôi sẽ ở lại và học ở đây. Tôi đành chấp nhận. Tôi yêu nội lắm, hình ảnh nội luôn hiện lên trong tâm trí của tôi - một người bà hiền từ, nhân hậu. Suốt những năm xa nội tôi luôn tự hỏi: không biết nội có thay đổi nhiều không? Tôi muốn đặt cho nội hàng loạt câu hỏi để nói lên niềm khao khát được về thăm nội của tôi.

Tôi học ở thành phố đến năm lớp bảy thì bố đón hẳn nội ra sống với nhà tôi. Ngày đón nội, tôi theo bố mãi ra ga. Tôi vui mừng lắm. Tôi cứ mơ màng hình dung về nội. Nhưng khi nội bước ra khỏi toa tàu, tôi không thể cầm được hai dòng nước mắt. Nội đã già hơn rất nhiều so với sự tưởng tượng của tôi. Lưng nội đã còng rạp xuống, da mặt nhăn nheo, duy chỉ có ánh mắt và nụ cười của nội là không thay đổi. Nó vẫn gợi sự hiền từ và nhân hậu như xưa.

Những ngày sau đó, tôi không giấu nổi sự vui mừng vì được sống trong vòng tay thương yêu của nội. Nhưng nội thì có vẻ khó khăn để làm quen với cuộc sống mà tôi biết là nội không hoàn toàn mong muốn. Bố cũng như tôi rất hiểu điều này nên thường xuyên an ủi nội. Lâu dần, nội đã quen và sống vui hơn.

Giờ đây, tôi thực sự vô cùng hạnh phúc vì không phải xa nội nữa. Nội ơi! Giờ con đã lớn, con đã học Trung học phổ thông. Con đã dần hiểu được những lời dạy của nội khi xưa về việc rèn giũa nét người. Con sẽ làm cho nội vui trong suốt quãng đời từ đây của nội. Mong sao những việc làm của con sẽ làm vui đi những nhọc nhằn của nội khi xưa.

Đề 13: Nêu cảm nghĩ nổi bật nhất về một câu chuyện đã học mà anh (chị) không thể nào quên.

Bài viết

Chúng ta đã từng học qua những truyện ngắn như *Lão Hạc*, *Tắt đèn* và chắc không mấy ai trong số chúng ta lại không trầm trồ thán phục tài năng nghệ thuật của Nam Cao hay Ngô Tất Tố. Với riêng tôi, dù đã đọc đi đọc lại truyện ngắn *Lão*

Hạc của Nam Cao rất nhiều lần nhưng dường như lần nào tôi cũng lại tìm thấy thêm được một vài điều lý thú. Nó cuốn hút tôi, lay động tôi, khi thì gọi trong tôi sự căm thù, khi lại gọi về chan chứa những yêu thương.

Lão Hạc là sản phẩm của một tấm lòng nhân đạo cao cả. Nó là tình yêu thương, là sự ngợi ca, trân trọng người lao động của Nam Cao. Giống như Ngô Tất Tố cùng nhiều nhà văn thời đó, Nam Cao đã dựng lên hình ảnh người nông dân Việt Nam trước Cách mạng với những phẩm chất đáng quý, đáng yêu: chăm chỉ, cần cù, giàu tình yêu thương và giàu đức hy sinh.

Trước cách mạng, Nam Cao say sưa khám phá cuộc sống và tính cách của người nông dân. Trong các tác phẩm của ông, môi trường và hoàn cảnh sống của nhân vật chính thường gắn liền với cái nghèo, cái đói, với miếng ăn và với các định kiến xã hội đã thấm sâu vào nếp cảm, nếp nghĩ vào cách nhìn của con người ở nông thôn.

Lão Hạc cũng vậy, suốt đời sống trong cảnh nghèo và cái đói. Lão đã dành hầu như cả đời mình để nuôi con mà chưa bao giờ nghĩ đến mình. Lão thương con vô bờ bến: thương khi con không lấy được vợ vì nhà ta nghèo quá, thương con phải bỏ làng, bỏ xứ mà đi để ôm mộng làm giàu giữa chốn hang hùm miệng sói. Và đọc truyện ta còn thấy lão đau khổ biết nhường nào khi phải bán đi cậu Vàng, kỷ vật duy nhất của đứa con trai. Không bán, lão biết lấy gì nuôi nó sống. Cuộc sống ngày thêm một khó khăn. Rồi cuối cùng, đến cái thân lão, lão cũng không giữ được. Lão ăn củ chuối, ăn sung luộc. Nhưng lão nghĩ, lão “không nên” sống nữa. Sống thêm, nhất định lão sẽ tiêu hết số tiền dành dụm cho đứa con mình. Vậy là, thật đớn đau thay! Lão Hạc đã phải tự “sắp xếp” cái chết cho mình. Cuộc sống của nông dân ta trước Cách mạng ngọt ngạt đến không thở được. Nhìn cái hiện thực ấy, ta đau đớn, xót xa. Ta cũng căm ghét vô cùng bọn địa chủ, bọn thực dân gian ác.

Lão Hạc chết. Cái chết của lão Hạc là cái chết cùng đường, tuy bị thương nhưng sáng bừng phẩm chất cao đẹp của người nông dân. Nó khiến ta vừa cảm thương vừa nể phục một nhân cách giàu tự trọng. Lão chết nhưng đã quyết giữ cho được mảnh vườn, chết mà không muốn làm lụy phiên hàng xóm.

Đọc *Lão Hạc* ta thấy đâu phải chỉ mình lão khổ. Những hạng người như Binh Tư, một kẻ do cái nghèo mà bị tha hoá thành một tên trộm cắp. Đó là ông giáo, một người trí thức đầy hiểu biết nhưng cũng không thoát ra khỏi áp lực của cảnh vợ con rách áo, đói cơm. Cái nghèo khiến ông giáo đã phải rút ruột bán đi từng cuốn sách vô giá của mình. Nhưng cái thứ ấy bán đi thì được mấy bữa cơm? Vậy ra ở trong truyện tất cả đã đều là lão Hạc. Lão Hạc phải oằn mình mà chết trước thử hỏi những người kia có thể cầm cự được bao lâu?

Vấn đề nổi bật được thể hiện trong *Lão Hạc* là niềm tin và sự lạc quan của nhà văn vào bản chất tốt đẹp của con người. Thế nhưng điều quan trọng hơn mà nhà văn muốn nhấn gởi đó là một lời tố cáo. Nó cất lên như là một tiếng kêu để cứu lấy con người. Từ chiều sâu của nội dung tư tưởng, tác phẩm nói lên tính cấp bách và yêu cầu khẩn thiết phải thay đổi toàn bộ môi trường sống để cứu lấy những giá trị chân chính và tốt đẹp của con người.

Lão Hạc cho ta một cái nhìn về quá khứ để mà trân trọng nhiều hơn cuộc sống hôm nay. Nó cũng dạy ta, cuộc sống là một cuộc đấu tranh không phải chỉ đơn giản là để sinh tồn mà còn là một cuộc đấu tranh để bảo toàn nhân cách.

Đề 14: Hãy phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về một bài thơ hoặc một nhà thơ mà anh chị yêu thích.

Bài viết

Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải là một bài thơ trong trẻo, thiết tha. Nó là phần tinh túy nhất của một con người luôn khát khao cống hiến, khát khao sống có ý nghĩa. Nó là tiếng lòng của nhà thơ và cũng là của tất cả những ai ham mê cái cuộc sống trần gian rất đẹp đẽ này.

Mùa xuân nho nhỏ ra đời khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh. Chắc hẳn, vào những ngày cuối cùng ấy, sau những chiêm nghiệm về cuộc sống với tất cả tình yêu, Thanh Hải muốn tiếp tục cất lên tiếng hát của “con chim chiền chiện” để góp nên một “mùa xuân nho nhỏ” cho cuộc đời, cho con người và cho đất nước yêu thương.

Với thể thơ 5 chữ, với cách ngắt nhịp nhanh, gọn mà vẫn có độ dư ba, bài thơ đã dâng lên trong lòng tôi cảm giác rộn ràng, náo nức. Những gam màu trong trẻo, những hình ảnh đẹp, tươi sáng và đầy sức sống trong mỗi câu thơ cứ thấm dần vào trái tim tuổi trẻ của tôi.

Mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước được nhà thơ cảm nhận trong sự căng đầy của nhựa sống, trong nhịp sống đang hồi hả và trong sự tươi non mơn mớn của những hi vọng vào tương lai. Giữa màu xanh yên bình của dòng sông xuân, sắc tím biếc của bông hoa không hề lạc lõng, chông chênh. Nó bám chắc vào lòng sông như một sợi dây vô hình làm nên sức sống. Trên cái nền màu dịu êm của “sông xanh” và “hoa tím biếc”, tiếng hát trong vắt của con chim chiền chiện vút cao, ngân vang đến bất tận đến trời xanh. Từng tiếng, từng tiếng chim trong veo hay tiếng nhịp thở của khí xuân hoà vào trời đất, vang vọng vào trong lòng người như những “giọt tâm hồn” sáng long lanh. Tiếng hát ấy khiến ta không thể đứng đưng mà khiến ta phải thốt lên tiếng gọi rủ về cái khát khao muốn nắm bắt, muốn “đưa tay hứng”.

Không tách mình khỏi khí xuân của thiên nhiên, đất nước trong công cuộc chuyển mình đi lên cũng rộn ràng, hồi hả. Sức sống của đất nước không chung chung, trừu tượng mà nó biểu hiện ra ở “sức xuân” của mỗi con người. Mùa xuân trên lưng lính, lộc xuân trong tay người nông dân. Mỗi bước đi của người gieo thêm một chồi biếc, một mầm non. Và cứ thế, sức xuân của đất nước lại dâng lên như những lớp sóng xôn xao. Đất nước phấn chấn, hứng khởi trong một nhịp thở mới, hồi hả khẩn trương. Niềm tin mới của dân tộc được chấp cánh từ truyền thống bốn nghìn năm dựng nước. Thế nên, dầu biết có những vất vả và gian lao nhưng cả nước “vẫn đi lên phía trước” với một quyết tâm không mệt mỏi.

Những câu thơ của Thanh Hải đầy ắp hình ảnh, màu sắc và âm thanh. Nó tạo

nên một không khí sôi nổi, háo hức, phơi phới vui tươi. Nó là một bức tranh tươi sáng sắc màu, là một bản nhạc rộn ràng tiết tấu trong trẻo, ngân nga và gợi cảm. Điều đặc biệt là: bức tranh thiên nhiên, bức tranh đất nước đầy sức sống ấy đã được nhà thơ cảm nhận khi ông đang ở vào cái giây khắc sắp lìa đời. Trên giường bệnh, nhà thơ vẫn mở rộng hồn mình, lắng nghe và đón nhận tất cả những thanh âm xao động của cuộc sống ngoài kia. Ông vẫn lắng nghe từng bước đi rất khẽ của đời. Bốn bức tường của phòng bệnh không thể ngăn cách cuộc đời với nhà thơ, những cơn đau của bệnh tật không làm giảm ý chí, bầu nhiệt huyết và niềm tha thiết yêu đời trong trái tim của người nghệ sĩ. Cái nghị lực phi thường ấy đáng để ta phải nâng niu và trân trọng xiết bao.

Bài thơ khép lại trọn vẹn trong tâm hồn và sự say sưa của người đọc bằng một ước nguyện thật chân thành và mãnh liệt biết bao. Nó thực là một khát khao đang bùng cháy: muốn được làm một nhành hoa như bông hoa tím biếc kia, muốn làm con chim hót vang trời những giọt long lanh như con chim chiền chiện. Cái khát khao không hề gợi một chút gì về hình ảnh khổ đau của một con người đang chết. Nó giống cái mãnh liệt và rạo rực của một sức thanh xuân đang tràn trề nhựa sống và khát khao cống hiến cho đời.

Nhiều người đã từng đồng ý với tôi rằng: những người trẻ tuổi đọc *Mùa xuân nho nhỏ* có thể tìm ra lý tưởng sống cho mình, còn với những người đã dâng cả tuổi thanh xuân cho đất nước thì vẫn thấy mình còn có thể làm được nhiều hơn. *Mùa xuân nho nhỏ* quả đã không chỉ là niềm say mê của riêng tôi. Nó xứng đáng là một bài thơ hay trong tủ sách quý của muôn người.

Đề 15: Cảm nghĩ về một nhà thơ, một bài thơ mà anh (chị) yêu thích.

Bài viết

Chẳng hiểu sao, mỗi lần nhắc tới Nguyễn Đình Chiểu, là mỗi lần xuất hiện trong tôi những cảm xúc rất đặc biệt, phải chăng vì ông là một trong những nhà văn đặc biệt nhất trong lịch sử văn học Việt Nam? Đặc biệt từ cuộc đời riêng đến cả sự nghiệp văn chương. Tôi quý trọng ông không chỉ bởi những áng văn hay, những vần thơ kiệt xuất, mà tôi quý ông trước hết ở chính cuộc đời, chính con người ông.

Xuất hiện vào nửa cuối thế kỷ XIX, như một "ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Việt Nam", Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho dân tộc một di sản văn hóa lớn lao và một tấm gương cao khiết về nhân cách, đạo đức. Sống giữa thời kì can qua bán loạn của đất nước, cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là cuộc đời thấm đầy bất hạnh, khổ đau. Nỗi bất hạnh cá nhân: mất mù, quỵện vào nỗi bất hạnh chung: nước mất nhà tan, rên xiết trong tâm hồn nhân đạo của người. Song, chưa một phút giây nào bi lụy, khuất phục, Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương anh dũng, kiên cường trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước. Người bảo vệ đất nước không phải bằng ngọn giáo, mũi tên, mà bằng thơ văn - nó chính là vũ khí sắc nhọn để Nguyễn Đình Chiểu trở thành một người chiến sĩ đứng bảo vệ cho văn hóa, cho độc lập muôn đời trên xứ sở. Trở lại dòng lịch sử hơn trăm năm qua, nhiều người không khỏi ngỡ

ngang đặt một câu hỏi lớn: vì sao thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có sức mạnh, có sức ám ảnh cao đến vậy? Và từ bấy đến nay, mỗi lần ta thắc mắc, ta lại tìm đến cuộc đời người, cuộc đời ấy sẽ trả lời cho ta tất cả. Nguyễn Đình Chiểu đã sống với lòng yêu nước thương dân đến tận cùng, nó thấm thía vào hồn người để rồi uất đọng, dư ba, ngân vang mãi trong mỗi vần văn, câu thơ thuở ấy. Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu chính là một bài thơ đẹp của dân tộc nhiệm vụ, là một tấm gương trong sạch, thanh khiết để bao thế hệ đời sau soi bóng. Người đã sống vậy, và đã sáng tác văn chương. Văn chương Đỗ Chiểu là tâm hồn người, là chính cuộc đời người vậy.

Khi đất nước còn chưa có bước chân của ngoại xâm, Nguyễn Đình Chiểu - một nhà nho tài năng đã sớm phải chịu một số phận bất hạnh, nhiều đắng cay và cũng đầy ngang trái. Chưa có dịp lục tìm tiểu sử của người, ta hãy đọc *Lục Vân Tiên*, chiêm ngưỡng nhân vật Lục Vân Tiên để thấy ẩn khuất sau hình tượng ấy một Nguyễn Đình Chiểu. Ta thấy rõ được chính cảm xúc sâu xa, chính những suy nghĩ chân thực, những tình cảm nồng cháy trước cuộc đời của người là cảm hứng cho nhà thơ viết *Lục Vân Tiên*.

Con người cụ càng đáng kính trọng hơn trong buổi "tang thương" của đất nước, quê hương. Giờ đây trong con người Nguyễn Đình Chiểu nỗi đau riêng chìm xuống đáy tâm tư, để hiện lên tha thiết một nỗi đau dân tộc, một nỗi thương người cháy bỏng không nguôi. Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tác thật nhiều tác phẩm có giá trị. Không thể cầm gươm trực tiếp đánh giặc như bao người có đôi mắt sáng thì người viết thơ để kêu gọi, để cuốn theo tiếng gọi giang sơn nồng cháy, thắp lên niềm tin, lòng yêu nước ở mỗi con người:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Người đã sống một cuộc đời không mệt mỏi để đấu tranh cho chính nghĩa. Cuộc đời người là một bó hoa thơm ngọt ngào nhất dâng lên cho đất mẹ Việt Nam. Người đau nỗi đau cho những đứa trẻ sống trong cảnh loạn li.

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy

Mất ổ đàn chim dáo dác bay

Phải là một người có trái tim lớn mới nghe, mới cảm nhận chính xác được hình tượng ấy. Người đã sống giữa lòng dân, gần gũi với nhân dân để hiểu được những gì thân quen. Để rồi từ đó người tỏ bày lòng căm phẫn với quân thù, người đã có thái độ bất hợp tác bởi "đất chung đã mất, đất riêng còn sá gì" khi bọn thực dân muốn mua chuộc cụ.

Tuy bị mù nhưng với cụ:

Thà cho trước mắt như mù

Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân

Hay:

Thà dui mà giữ đạo nhà

Còn hơn có mắt ông cha không thờ.

Đọc những câu thơ ấy, trong tôi chợt hiện lên một câu hỏi: rằng nếu không phải là cụ Đồ Chiểu thì một người gặp hoàn cảnh như cụ thì có làm được như thế hay không? Mù nhưng người vẫn sống tốt, sống đẹp để góp phần chống lại tội ác tày trời mà thực dân Pháp đã giày xéo trên đất nước ta. Và người đã sống cao hơn chúng ta, cụ Đồ Chiểu đã sống và sáng tạo vì nhân dân, đất nước. Người là một nhà giáo, một thầy thuốc, một nghệ sĩ vĩ đại của chúng ta.

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là một chân lí, một lẽ sống để hướng văn chương tới giá trị chân - thiện - Mĩ. Người đã viết đúng tâm hồn mình, cuộc đời mình để muôn đời sau, chúng ta thán phục và biết ơn. Và chắc hẳn lòng ta bỗng như đẹp hơn khi được đọc những sáng tác của người - cái thế giới của cuộc đời tâm hồn cao khiết ấy.

ĐẶNG THỊ THU TRANG

Đề 16: Nêu cảm nghĩ nổi bật nhất về câu chuyện đã học mà anh (chị) không thể nào quên.

Bài viết

Trong cuộc sống có nhiều sự việc đi qua mà không bao giờ trở lại. Tuy nhiên chính bản thân sự việc đó lại để lại trong ta những kỉ niệm khó phai nhòa. Đọc một tác phẩm cũng vậy, có những câu chuyện ta chỉ đọc một lần nhưng nó lại khắc sâu vào tâm trí mỗi chúng ta mãi mãi, riêng với bản thân tôi, truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã để lại trong tôi những dư ba, ấn tượng mà có thể nói, đến bây giờ tôi vẫn không bao giờ quên. Đặc biệt là qua đoạn trích cùng tên, với nhân vật bé Thu và ông Sáu với những tình cảm cha con đầy tha thiết và xúc động.

Ông Sáu khi đi kháng chiến, có một đứa con gái đầu lòng chưa đầy một tuổi. Trong những năm tháng kháng chiến, vợ của ông cũng đến thăm ông vài lần và lần nào ông Sáu cũng bảo mang con đến. Tuy nhiên vì chiến trường miền Đông đầy ác liệt nên vợ của ông không dám đưa Thu - tên con gái họ đi. Và ông chỉ được nhìn con qua những tấm ảnh nhỏ mà thôi. Và giờ đây, khi trở về thì tình cha con ấy lại trở dậy trong lòng ông, ông cảm thấy nôn nao. Ngay lập tức, khi xuống thuyền, ông thấy một đứa bé chừng bảy, tám tuổi, tóc ngang vai thì ông Sáu biết ngay đó là con mình rồi chưa chờ xuống cập bến, ông đã nhún chân nhảy thót lên bờ, vội vàng bước những bước dài rồi kêu: "Thu! con". Điều đó thể hiện một tình cảm của người cha một cách tự nhiên, quá xúc động. Chính điều này đã làm cho tôi cảm thấy dường như chính lúc này đây trái tim của người cha tội nghiệp reo lên đầy sung sướng khi sau tám năm trời mới được nhìn thấy mặt con và dường như ông cũng mong sự đáp lại tình cảm của con. Nhưng con bé lại đầy ngơ ngác, lạ lùng, không biết đó là ai. Còn ông Sáu thì vẫn đầy xúc động miệng nói không thành lời, giọng lắp bắp: "Ba đây con"! Lúc đó chính là lúc tình cảm của người cha trào lên đến đỉnh điểm và không thể toát ra bằng lời vì ông đã quá xúc động. Sau đó ngay lập tức Thu đã chạy vào nhà còn ông Sáu thì đứng sững lại đó có lẽ do quá bất ngờ trước hành động của con. Tuy nhiên theo tôi thấy, thái độ, cách cư xử của Thu là

hoàn toàn hợp lý vì Thu là một đứa trẻ và Thu cũng chưa bao giờ gặp người đó. Còn ông Sáu thì đầy thất vọng, ngỡ ngàng trước cách cư xử của con.

Sau đó, ông Sáu vẫn cố gắng để con nhận ra mình là cha. Cả ngày ông chẳng đi đâu xa, suốt ngày ở bên con, săn sóc, vỗ về con. Tuy nhiên càng gần gũi để kéo gần khoảng cách cha con bao nhiêu thì con bé lại càng đẩy ra bấy nhiêu. Ông chỉ mong có một điều là được gọi mình một tiếng "ba". Chỉ một tiếng "ba" mà thôi! Đó là một mong muốn mà với người khác có thể là điều hoàn toàn bình thường, nhưng với ông Sáu điều đó thật khó khăn. Những hành động của ông Sáu giúp đỡ con hay vỗ về nó đều bị con bé phản ứng lại. Nhưng chính cái tình cha đó đã giúp ông kiên trì vượt qua. Đến một bữa cơm, khi ông gấp trứng cá to, vàng bỏ vào bát nó thì bất thần con bé hất ra, cơm văng tung toé và không kịp suy nghĩ gì ông đã đánh một cái vào mông nó. Chính điều này đã làm ông hối hận và theo tôi thì dường như lúc đó ông muốn lại nói với nó: "Ba xin lỗi con, thực tình ba không muốn đánh con". Còn Thu thì có lẽ hơi hối hận vì việc làm của mình.

Trong ba ngày nghỉ ngắn ngủi, ông đã ở bên con nhưng con không nhận. Giờ đây ngày chia tay bà con làng xóm ông định mang theo nỗi buồn đó. Nhưng trong lúc không ai ngờ đến đó, một tiếng kêu đã xé lòng ông: "Ba... a...a... ba". Đó là tiếng "ba" đầy xót xa nghe sao mà xé lòng ta đến thế! Tiếng "Ba" đó là sự dồn nén trong Thu tám năm nay và bây giờ nó vỡ tung ra từ ngay trong sâu thẳm đáy lòng con bé. Tiếng "ba" với nó là điều khát khao hơn mọi đứa trẻ khác vì ngay từ nhỏ nó đã không có tình yêu thương của cha. Giờ đây tiếng "ba" vang lên đầy tự nhiên, ngỡ ngàng trong giây phút cuối cha con chia tay. Và bây giờ nó muốn có ba, nó bật khóc vì hạnh phúc, nó hôn tóc, hôn cổ và hôn với vết thẹo dài trên má của ba nó nữa. Thành ra lí do nó không nhận ba là do vết thẹo đó, nó thấy ra lí do nó không nhận ba là do vết thẹo đó, nó thấy trong ảnh ba nó khi đánh Tây thì nó mới hiểu ra. Nhưng vừa nhận ra thì cũng là lúc phải chia tay. Sung sướng và có lẫn sự xúc động ông ôm con và tạm biệt nhưng con bé không muốn ba phải đi. Cho đến khi ông hứa mua cho nó một chiếc lược thì nó mới để cho ba nó đi.

Ở chiến trường tuy chiến tranh đầy ác liệt nhưng anh vẫn cố công làm bằng được chiếc lược ngà.

Trong khi làm, anh cảm thấy vui vui như đứa trẻ nhận được quà. Anh cố gắng làm tỉ mỉ, thận trọng cố công như người thợ bạc. Khi chiếc lược được làm xong anh cảm thấy sung sướng vì mình như đã thực hiện được phần nào lời hứa. Sau đó anh lại khắc trên sống lưng chiếc lược "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Hàng đêm nhớ con anh lại đem lược ra ngắm chải lên đầu cho lược thêm bóng, mượt. Điều đó đã làm cho tôi xúc động về tình cảm đầy thiêng liêng của người cha dành cho con. Rồi một chuyện không may xảy ra, đó là anh Sáu hi sinh. Trong giờ phút cuối cùng, tuy không đủ sức trăng trối, nhưng phải chăng tình cha con vẫn sống và trỗi dậy trong con người anh. Anh đưa chiếc lược cho Ba - một người đồng đội thân thiết và nhìn Ba hồi lâu như trăng trối rằng: "Hãy đưa chiếc lược này đến cho Thu". Cái nhìn đó có thể nói rằng đó là cái nhìn của sự nhờ cậy, tin cậy, gửi gắm cả tâm hồn anh qua đó. Đọc đến đây, tôi cảm thấy như mình đang sống cùng nhân vật, trong cùng một hoàn cảnh và tôi cảm thấy có một cái gì đó bức bối, ngột ngạt

trong tôi. Phải chăng tôi quá xúc động? Đó là sự xúc động trước tình cha con đầy thiêng liêng, cao quý, nó có thể trỗi dậy ngay cả khi con người ta đang đối mặt giữa sự sống và cái chết. Khi nhân vật Ba nhận lời thì anh mới nhắm mắt tức ước nguyện xem như được chấp nhận.

Sau này, bác Ba đã gặp Thu - giờ đây là cô gái giao liên đầy dũng cảm và bác đã trao lại kỉ vật đó cho Thu.

Qua tác phẩm chúng ta có thể thấy vì hạnh phúc của con người cha sẵn sàng làm tất cả và ngay khi chúng ta sắp chết thì tình phụ tử nó luôn trỗi dậy. Nó giúp cho tôi nhận thấy tình phụ tử là một tình cảm đầy thiêng liêng và đáng trân trọng. Đồng thời qua đây tôi cũng muốn gửi gắm một bức thông điệp: Chúng ta cần phải giữ gìn và quý trọng tình phụ tử vì đó là tình cảm đầy thiêng liêng.

TRỊNH THỊ THU TRANG

III. THAM KHẢO

Kính Bác yên giấc nghìn thu

trong cảnh thanh bình và tươi sáng của Tổ quốc

... Hôm nay chúng ta họp cuộc mít tinh trọng thể này để kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại trong niềm vui chiến thắng của cả nước.

Hôm nay, với niềm xúc động vô hạn, mọi người chúng ta đều muốn báo cáo với Bác về điều mà Bác căn dặn nhiều lần trong bản *Di chúc*. "Cuộc kháng chiến chống Mĩ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn".

Thưa Bác, điều căn dặn khẩn thiết đó, nhân dân Việt Nam ta đã hoàn thành một cách rất tốt đẹp, và hôm nay chúng tôi kính dâng lên Bác bông hoa của chiến thắng, bông hoa của những hạt giống mà Bác đã gieo, bông hoa tươi thắm của mùa xuân nghìn năm có một.

Làm xong một việc lớn, giờ đây chúng tôi suy tính đến một việc lớn khác mà Bác đã căn dặn trong đoạn cuối cùng của bản *Di chúc*:

"Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Cũng trong bản *Di chúc*, phần trên có hai vắn thơ:

Còn non, còn nước, còn người

Thắng giặc Mĩ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay

Những vắn thơ nặng trĩu tình non nước và phảng phất khí phách anh hùng của những người phải chiến thắng, sẽ chiến thắng và hôm nay, thưa Bác, đã chiến thắng!

Có bao giờ non sông đất nước ta tươi đẹp và hùng vĩ như hôm nay lúc khói lửa đã tan và đỉnh núi Trường Sơn cùng dòng sông Cửu Long một màu xanh biếc dưới bầu trời trong sáng vô cùng!

Con người Việt Nam ta, nhân dân Việt Nam ta, thì như Bác đã biết, đó là những người giàu nhiệt tình cách mạng, giàu lòng dũng cảm và trí thông minh, giàu sức lao động và tài năng sáng tạo, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản. Và hôm nay sau chiến thắng, càng vươn lên phía trước, đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng để giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Như vậy, thưa Bác, việc lớn này nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất định sẽ làm. Và trong tương lai không xa, cũng trong một buổi họp thân tình như hôm nay, chúng tôi sẽ báo cáo tin mừng với Bác và sẽ kính dâng lên Bác bông hoa của thắng lợi!

Kính Bác yên giấc nghìn thu trong cảnh thanh bình và tươi sáng của Tổ quốc muôn vàn thân yêu.

PHẠM VĂN ĐỒNG

(Lời khai mạc tại cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 1975)

C. ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO KĨ NĂNG LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH

I. MỘT SỐ LƯU Ý KHI VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH

1. Tìm hiểu đề

- Đề bài yêu cầu tạo lập kiểu văn bản thuyết minh. Để tạo lập văn bản thuyết minh, cần sử dụng phương thức biểu đạt như thế nào?

- Nội dung cần biểu đạt là gì? Trình bày, giới thiệu, giải thích,... nhằm làm rõ đặc điểm cơ bản của một đối tượng, cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên và xã hội.

- Để thực hiện yêu cầu của đề bài, cần chuẩn bị những tri thức và kĩ năng gì?

2. Lập dàn ý

a) Mở bài

Nêu đối tượng cần thuyết minh.

b) Thân bài

Nêu cụ thể vấn đề, nội dung thuyết minh theo một trình tự nhất định. Ví dụ: thuyết minh về một đặc sản của quê hương, cần nêu giới thiệu tỉ mỉ về đặc sản đó. (Nếu là một sản phẩm, cần nêu cách chế biến hoặc cách làm).

c) Kết bài

Nêu vai trò, ý nghĩa, giá trị của vấn đề được thuyết minh.

3. Gợi ý thực hành

Đề 1: Vai trò của cây cối (hoặc của rừng, của các loài động vật hoang dã, của nhiên liệu sạch,...) trong việc bảo vệ môi trường sống.

Gợi ý:

- Cây cối, rừng, động vật hoang dã, nhiên liệu sạch,... có vai trò gì đối với cuộc sống của chúng ta? Nên dẫn chứng? (Ví dụ: chức năng điều hoà không khí, duy trì sự cân bằng sinh thái, ngăn chặn lũ lụt, lở đất, làm phì nhiêu cho đất, làm giảm sự ô nhiễm môi trường,...).

- Thế nhưng, hiện nay, ở nhiều nơi, loài người chúng ta vẫn đang làm những việc có hại đối với môi trường. Những việc đó là gì? (chặt phá rừng bừa bãi, săn bắt các loài thú hoang dã, quý hiếm vô tội vạ...).

- Chúng ta phải làm gì để phát huy vai trò của rừng, của cây cối... trong việc bảo vệ môi trường sống? (tuyên truyền tích cực về vai trò quan trọng của rừng, của cây xanh, xử lý nghiêm minh những người vi phạm luật bảo vệ rừng, đồng thời tích cực nghiên cứu để tìm ra những nguồn năng lượng mới, những nguồn nhiên liệu sạch).

Chú ý: Phần quan trọng nhất cần tập trung làm rõ vẫn là vai trò của cây cối, của rừng,... đối với môi trường sống. Có thể thuyết minh bằng lý lẽ nhưng cũng có thể đưa vào bài viết những số liệu tin cậy mà em đọc được trên sách báo hoặc nghe trên đài, ti vi...

Đề 2: Tác hại của ma túy (hoặc của rượu, thuốc lá,...) đối với đời sống của con người.

Gợi ý:

- Tác hại của ma túy, rượu, thuốc lá... đối với cuộc sống của chúng ta như thế nào?

+ Đối với mỗi cá nhân: Ma túy, rượu, thuốc lá... làm tổn hại sức khoẻ, giảm sự minh mẫn và năng suất trong lao động, giảm trí nhớ và tuổi thọ...

+ Đối với gia đình và xã hội: người nghiện trở thành gánh nặng cho gia đình về vật chất và tinh thần. Họ còn gây những ảnh hưởng xấu tới xung quanh: gây ồn ào; gây mất trật tự xã hội; làm nảy sinh các tệ nạn khác một cách nhanh chóng; làm tổn hại sức khoẻ của những người cùng sống trong gia đình hay làm việc trong cùng cơ quan; về lâu dài, con cái của những người mắc nghiện nếu được sinh ra chắc chắn cũng ở trong tình trạng suy nhược,...

- Nhận thức của con người về tác hại của những chất gây nghiện này ra sao? (con người biết khá rõ về tác hại của những chất này nhưng vì một số kẻ tham lợi mà những chất gây hại nêu trên vẫn còn tồn tại khá phổ biến ở khắp nơi trên thế giới).

- Tình trạng nghiện ngập trong giới học sinh, sinh viên hiện nay ra sao? (khá phổ biến, chủ yếu là đua đòi học theo người lớn).

- Chúng ta phải làm gì để ngăn chặn những tệ nạn nêu trên? (tuyên truyền, động viên tích cực người thân, bạn bè để mọi người hiểu rõ tác hại của chúng và tìm cách lánh xa các chất gây hại đó. Thêm nữa, nhà nước cần có biện pháp hạn chế khâu sản xuất. Cũng cần xử lý thật nghiêm minh những người sử dụng chất gây nghiện trái phép, hoặc sử dụng tại những nơi công cộng gây ảnh hưởng lớn tới sức khoẻ của nhiều người...).

Đề 3: Một kinh nghiệm học văn hoặc làm văn.

Gợi ý:

- Kinh nghiệm học văn hoặc làm văn đó là gì? (kinh nghiệm học thuộc thơ, kinh nghiệm tóm tắt truyện, kinh nghiệm xây dựng dàn ý, kinh nghiệm mở bài, kết bài, đưa dẫn chứng,...).

- Mô tả lại quá trình trải nghiệm của bản thân để có được kinh nghiệm ấy? (Bạn học được điều đó ở đâu? Từ sách vở, từ thầy cô hay do bản thân tự nghĩ ra và đã thực hiện thành thực nhiều lần? Kinh nghiệm của bạn đã được kiểm chứng hay chưa? Nó đạt hiệu quả thế nào? Thầy cô và bạn bè đã đánh giá về điều đó ra sao? Bản thân bạn tự thấy kinh nghiệm đó nếu được phổ biến cho người khác thì có gặp khó khăn trong việc áp dụng hay không? Hiệu quả sẽ thế nào?).

- Phổ biến lại kinh nghiệm đó (trình bày rõ ràng, dễ hiểu, sử dụng các cụm từ như: Trước hết, bước thứ hai là, cuối cùng,...)

Lưu ý: Bài viết trình bày kinh nghiệm trước hết phải đúng, phải khoa học và ít nhiều phải mang tính khả thi. Tuy nhiên, lời văn trong bài không vì thế mà thiếu đi cảm xúc. Một kinh nghiệm hay được truyền đạt lại bằng những câu văn truyền cảm, chân thực và nhiệt huyết thì càng thu hút và thuyết phục người nghe.

II. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH

Đề 1: Viết bài thuyết minh về bộ phận văn học dân gian với một đoàn học sinh nước ngoài đến thăm trường.

Bài viết

Đất nước chúng tôi tuy vô cùng nhỏ bé song dân tộc chúng tôi rất tự hào với truyền thống văn hoá mà cha ông bao thế hệ đã tích tụ và truyền lại cho chúng tôi. Trong nền văn hoá dân gian đó có một bộ phận rất quan trọng đó là văn học dân gian. Những tác phẩm văn học dân gian ấy là nơi "Cho tôi nhận mặt ông cha của mình". Do điều kiện lịch sử xã hội, do quan niệm thẩm Mĩ và đặc điểm văn hoá riêng chúng tôi không có được những bộ sử thi đồ sộ như Ramayana, Ôđixê... song chúng tôi cũng rất đỗi tự hào với kho báu văn học dân gian vô cùng đa dạng, phong phú và vô cùng quý giá của chúng tôi.

Văn học dân gian cho chúng tôi những lời ru ngọt ngào từ thửa còn nằm nôi. Đó là ca dao, một bộ phận quan trọng làm nên nền văn học và văn hoá dân gian của dân tộc. Ca dao không chỉ là khúc hát du dương đưa em thơ vào giấc ngủ mà đó còn là những câu nói hàm súc chứa đựng bao lời khuyên dạy về đạo lí làm người, những bài học nhân sinh. Ví dụ:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Rất nhiều nét văn hoá của dân tộc có lúc có nơi bị ai đó coi là xa lạ, thì chúng tôi lại tìm thấy trong truyện dân gian Việt Nam. Truyện dân gian là nơi thể hiện và lưu giữ những tư tưởng nhân sinh cao cả của người xưa như "ở hiền gặp lành", "người ngay thì được Phật Tiên độ trì", là nơi gửi gắm một niềm tin bất diệt "cái

Thiện luôn chiến thắng cái Ác".

Tục ngữ lại là nơi chứa đựng những đúc kết kinh nghiệm sản xuất, những triết lý về cuộc sống, những thái độ ứng xử, quan niệm về cuộc sống... Mỗi thế hệ góp thêm một phần và cho đến nay, dân tộc tôi đã có một kho tàng tục ngữ rất đáng tự hào. Các bạn có thể tìm thấy rất nhiều điều hay trong những câu nói rất ngắn gọn, mộc mạc, gần gũi mà có những ý nghĩa rất sâu xa của cha ông chúng tôi. Đó là "Không thấy đổ mầy làm nên", "Một giọt máu đào hơn ao nước lã", "Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn"...

Truyện cười dân gian sẽ mang đến cho các bạn những phút giây thư giãn vô cùng bổ ích. Bằng những câu chuyện vui kể về những tình huống rất đời thường, truyện cười không chỉ có tác dụng giải trí mà ý nghĩa sâu xa hơn còn là những lời khuyên răn, những bài học làm người, châm biếm thói hư tật xấu trong xã hội, những tính xấu của con người. Truyện cười phần lớn hướng đến mục đích phê phán và châm biếm cái xấu...

Các dân tộc thiểu số ở miền núi thì có truyện thơ, người Tây Nguyên thì có các pho sử thi kể một cách đầy tự hào về các anh hùng dân tộc và ca ngợi sức mạnh cộng đồng...

Chúng tôi rất tự hào về kho tàng văn học dân gian của dân tộc mình. Bởi văn học dân gian giúp cho chúng tôi hiểu dân tộc mình hơn và tự hào với những gì cha ông đã để lại cho chúng tôi.

Đề 2: Thuyết minh về một danh lam, thắng cảnh hoặc một di tích ở địa phương.

Bài viết

Có ý kiến cho rằng: Trong nền văn hóa cổ nước ta có rất nhiều viên ngọc bị che lấp bởi lớp bụi thời gian mà nhiệm vụ của chúng ta là phải tìm tòi, bảo vệ cho nó sáng mãi. Khu di tích lịch sử văn hóa chùa Dầu là một viên ngọc như thế. Xây dựng từ những năm đầu Công nguyên, chùa Dầu lại mang một giá trị đặc biệt của trung tâm truyền giáo đạo Phật đầu tiên ở nước ta.

Chùa Dầu nay thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xưa thuộc Tống Khương, huyện Luy Lâu, quận Giao Chỉ.

Từ xa xưa người dân nơi đây thường sống bằng nghề trồng dâu nuôi tằm, dân gian vẫn thường gọi là vùng dâu hoặc kẻ dâu. Chất mộc mạc thôn dã và giản dị nơi đây đã góp phần không nhỏ tạo lên nét đẹp dân gian tự nhiên của chùa.

Khoảng đầu Công nguyên một số nhà sư từ Ấn Độ đi theo đường biển vào Luy Lâu để truyền đạo. Nhanh chóng chùa đã trở thành một trung tâm truyền giáo đạo Phật đầu tiên để từ đây lan rộng sang Lạc Dương (Trung Quốc) và một số nơi khác. Bấy nhiêu thôi cũng đã đủ làm cho chúng ta tự hào và trân trọng bởi ý nghĩa của giá trị văn hóa nơi đây. Nhưng không dừng lại ở đó, chùa còn đào tạo được 500 vị tăng ni, dịch được 15 bộ kinh, làm được hàng chục bảo tháp có các vị cao tăng nổi tiếng đã đến đây trụ trì như Mậu Bát, Pháp Hiền, Chi Y Cương Nương, Khâu Đà La...

Ban đầu chùa Dầu chỉ là một cái am nhỏ, sau phát triển lên thành một ngôi

chùa với tên gọi đầu tiên là Cổ Châu tự (nghĩa là một viên ngọc quý).

Đến thế kỷ thứ II sau Công nguyên (khoảng 187-226, thời Sĩ Nhiếp) hệ tư pháp được ra đời chùa Dâu thời bà Pháp Vân nên gọi là Pháp Vân tự. Vào thế kỷ XIV (1313), có thể nói đây là đợt hưng công lớn nhất. Dưới đời vua Trần Nhân Tông, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã cho xây lên chùa to lớn như ngày nay: Chùa có hàng trăm gian, tháp chín tầng, cầu chín nhịp mà bao đời nay khách từ muôn phương vẫn về đây chiêm ngưỡng. Hành động ấy, việc làm ấy của ông cha ta thời xưa đã thể hiện ý thức dân tộc, sự tôn trọng, đề cao văn hóa, bản sắc dân tộc. Chùa Dâu được coi là nơi rất thiêng liêng nên đã có lần chùa được gọi là Diên Ứng tự (tức cầu gì được nấy). Điều đó đã được minh chứng qua các đời vua của triều đại xa xưa cũng từng về chùa Dâu như vua Lý Thánh Tông cầu tự (tức cầu con) và gặp được nguyên phi Ý Lan khi đi thuyền trên sông Dâu. Năm Đinh Tị 1737 có rất nhiều vua chúa cung tần Mĩ nữ qua lại lễ Phật cầu đảo thăm chùa, văn cảnh,...

Với diện tích khoảng 1730m² trên khu đất rộng bằng phẳng nằm cạnh sông Dâu, chùa được xây dựng mang đậm phong cách nghệ thuật, kiến trúc của thời Lý, Trần do được tu sửa vào thời kỳ này. Quan trọng nhất là tháp Hòa Phong, tháp có chín tầng song trải qua thời gian lịch sử lâu dài nay chỉ còn ba tầng có chiều cao khoảng 15m. Chân tháp hình vuông, trong lòng tháp có bốn bệ gạch bốn bên, trên mỗi bệ là một tượng hộ pháp bằng gỗ cao 1,6m. Ở tầng hai của tháp có biển đá khắc chữ "Hòa Phong tháp". Đặc biệt hơn nữa tháp dùng để đặt các xá lợi, bên trên là một chiếc khánh đồng và một chiếc chuông đồng lớn có niên đại từ 1893. Màu thời gian đã bao phủ lên tháp những lớp rong rêu xanh màu cổ kính. Song có thể nói giá trị của tháp Hòa Phong trong quần thể di tích chùa Dâu là không nhỏ bởi đã gây sự chú ý đặc biệt của khách du lịch thăm quan từ bốn phương về đây.

Đến với chùa Dâu ngoài cảnh quan đồ sộ, chúng ta còn được chiêm ngưỡng những pho tượng quý giá như Pháp Vân, Kim Đồng, Ngọc Nữ, những bức phù điêu chạm khắc trên những bức trống, cốn, giá chiêng mà ngày nay ít khi có được. Tất cả đều được tạc và rèn đúc rất tinh xảo trong bàn tay các nghệ nhân đời xưa. Tiêu biểu đó là tượng Pháp Vân cao 1m85cm tạo trong thế ngồi ở tòa sen toàn thân sơn màu cánh gián. Với chân dung tai to, lông mày cong lá liễu, cổ cao ba ngón tay phải dơ 5 ngón lên trời, trong lòng bàn tay có một viên ngọc sáng. Nét thanh thoát, mềm mại của bức tượng đã toát lên vẻ nhân từ, độ lượng của nhà Phật thiêng liêng, cao quý.

Ta còn nhận thấy rằng tín ngưỡng Phật giáo Ấn Độ đan xen trong tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam như thờ các vị thần: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Gắn liền vào đó là những mong ước cho mùa màng bội thu, cơm no áo ấm cho mọi chúng sinh của nhân dân khi trời đất được mưa thuận, gió hòa.

Một điểm đáng nói nữa trong công trình kiến trúc của chùa Dâu là hình chạm trổ trên đá. Đó là phong cảnh thiên nhiên chim muông, hoa lá, đặc biệt là rồng. Theo một số nhà nghiên cứu thì một số hiện vật bằng đá, gạch đất nung trang trí có hình vẽ rồng phần lớn là kiến trúc nghệ thuật rồng có niên đại vào thời Lí Trần. Con rồng không chỉ là biểu tượng văn hóa quý trong di sản văn hóa vật thể mà còn

hiện diện rất phong phú trong di sản văn hóa phi vật thể. Nó đi vào đời sống hôm nay như một nhu cầu văn hóa không thể thiếu trong các lễ hội.

Ngày nay kiến trúc của chùa Dâu vẫn giữ nguyên như cũ: Nhà tiền thất, tháp Hòa Phong, Tiền Đường, tòa Tam Bảo, Thượng Điện, Hạ Điện, Hậu Đường, hai dãy hành lang,... Tuy nhiên thì cầu chín nhịp và Điện Tam quan đã không còn.

Hằng năm cứ vào ngày 8 tháng 4 âm lịch, không ai bảo ai người dân từ thập phương đều kéo về nơi đây lễ Phật cầu may. Đó cũng là ngày hội chính của chùa Dâu, ngày mà bà Man Nương sinh hạ.

Hội Dâu mở trong 3 ngày: mồng 7, mồng 8, mồng 9 âm lịch với một quy chế rất chặt chẽ. 11 kiệu Phật được rước ra ngoài trời, đi khắp 12 làng xã trong Tổng Khương. Các kiệu Phật được phong áo rất long lẫy uy nghi.

Gắn với lễ hội còn có các trò chơi dân gian như thi cướp nước, múa trống, múa gậy, múa sư tử. Ban đêm có hát chầu văn, hát chèo, hát trống quân,... Đi theo các pho tượng rước còn có các tán, lọng, tù và, trống chiêng... tất cả đã tạo nên cho ngày hội thêm đông vui, náo nhiệt.

Về với chùa Dâu ta còn được nghe kể rất nhiều chuyện, truyền thuyết dân gian về Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, về sự tích giữa ông Khâu Đà La và bà Man Nương đầy ly kỳ, hấp dẫn.

Trong hiện tại và tương lai chùa Dâu mãi là một nơi mang đậm màu sắc dân tộc Việt Nam, là một nơi mang nhiều ý nghĩa lịch sử sâu sắc.

Không biết tự bao giờ, hội Dâu đã thành lịch trong dân gian với những câu ca quen thuộc:

Mồng bảy hội Khám

Mồng tám hội Dâu

Mồng chín dâu dâu

Cũng về hội Gióng.

Đồng thời chùa Dâu - hội Dâu đã trở thành tiếng gọi tâm linh đối với tất cả mọi người:

Dù ai đi đâu, về đâu

Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về

Dù ai buôn bán trăm nghề

Tháng tư, ngày tám, nhớ về hội Dâu.

Ngược dòng lịch sử, bóc trần từng lớp bụi thời gian ta mới thấy hết được ý nghĩa và vẻ đẹp truyền thống của khu di tích văn hóa chùa Dâu. Tôi tin rằng cả ngày hôm nay và mai sau viên ngọc quý đó sẽ mãi được trường tồn và bảo vệ bởi những lớp người tiến bộ của xã hội chủ nghĩa. Để chùa Dâu xứng đáng với tên gọi là một trung tâm Phật giáo đầu tiên của nước ta. Niềm tự hào ấy không chỉ của những người dân Kinh Bắc mà của cả dân tộc, của cả trang sử vẻ vang trong nét đậm đà bản sắc quê hương.

VƯƠNG THỊ NHUNG

Đề 3: Giới thiệu một di tích, thắng cảnh của quê hương.

Bài viết

Ai đã từng đến Thuận Thành - miền quê bên kia sông Đuống - một vùng đất vốn có lịch sử lâu đời và hội đủ những truyền thống, bản sắc văn hóa của nền văn hiến Kinh Bắc. Đến Thuận Thành du khách sẽ được thưởng thức những làn điệu quan họ mượt mà, đầm thắm, những điệu chèo êm ả trên sông, đắm say cùng với nghệ thuật múa rối nước ở Đồng Ngự. Dòng tranh dân gian Đông Hồ nổi tiếng còn mãi với thời gian... Trong muôn vàn di tích lịch sử chúng ta không thể nhắc đến một nghệ thuật kiến trúc đồ sộ, có giá trị tinh thần về đời sống tâm linh của con người. Chùa Bút Tháp là một đại diện tiêu biểu cho ý nghĩa ấy.

Cách Hà Nội khoảng 30km chúng ta đang đi trên lộ trình đến xã Đình Tổ. Kìa ngã tư Dâu kia rồi, phía trước là chùa Dâu, nhưng theo ý kiến đông của du khách chúng ta sẽ đi thăm chùa Bút Tháp trước. Xe đã đỗ trước cổng chùa, xin mời tất cả du khách xuống xe rồi chúng ta cùng vào văn cảnh. Ô, một cổng chùa được trở khắc rất tinh xảo hiện ra trước mắt du khách và tôi - một hướng dẫn viên du lịch. Với nhiệm vụ của mình, tôi tự hào giới thiệu cho du khách biết: "Chúng ta đang đứng tại làng Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành và trước mặt quý khách đây chính là ngôi chùa có tên trùng với tên làng tức "Chùa Bút Tháp". Nó còn có tên chữ Hán là "Ninh Phúc tự" được khắc trên cổng chùa. Vào sâu trong khuôn viên chùa du khách ai nấy đều nhạc nhiên bởi cảnh sắc đẹp lạ thường như chốn "bồng lai tiên cảnh". Phía trước tiền đường là một ao sen tỏa hương thơm, dịu mát, thanh thoát của nhà Phật. Cây cối xung quanh chùa uy nghiêm lạ thường. "Chùa Bút Tháp là một ngôi chùa cổ nằm ven bờ nam sông Đuống, tương truyền, chùa được khởi dựng vào đời Trần Nhân Tông (1258 - 1278). Lúc đầu, chỉ là một ngôi chùa nhỏ, đến thế kỷ XVII chùa đã trở nên nổi tiếng do nhà sư Hòa thượng Chuyết Chuyết trụ trì". Như quý khách đã biết tôi vừa giới thiệu về nguồn gốc của chùa. "Tại sao Hòa thượng Chuyết Chuyết trụ trì mà chùa lại trở nên nổi tiếng; cô có thể giải thích cho tôi được không?". Đó là câu hỏi của một vị khách nước ngoài nói tiếng Việt vẫn còn sôi. "Thưa ông, câu hỏi của ông thật là thú vị, có thể mọi người ở đây cũng chưa biết hết, tôi xin nói để mọi người cùng nghe: Trước đây, đời sống nhân dân rất khổ cực, cơm ăn không no, áo mặc không đủ, chính Hòa thượng Chuyết Chuyết đã thấu hiểu nỗi khổ của nhân dân, ông đã quyên góp, giúp đỡ những người dân nghèo. Vì vậy đức hạnh của Hòa thượng đã được nhiều người biết đến. Và tất cả nhân dân đều rất kính trọng Hòa thượng. Bởi vậy năm 1644, Hòa thượng mất đi - đó là một sự mất mát lớn đối với nhân dân, tuy nhiên ông là người có đức hạnh cao nên được vua Lê phong là: "Minh Việt Phổ Giác Quảng Tế Đại Đức Thiên Sư". Tiếp đấy người trụ trì chùa này là thiền sư Minh Hạnh, một học trò xuất sắc của Hòa thượng Chuyết Chuyết". Mời quý khách vào tiếp trong này chúng ta cùng thăm quan. "Năm 1646, Hoàng thái hậu Diệu Viên (Trịnh Thị Ngọc Chúc) đã rời bỏ cung thất về đây tu hành. Thấy chùa bị hư nát nhiều bà cùng con gái là công chúa Lê Thị Ngọc Duyên xin phép chúa Trịnh Tráng, rồi bỏ tiền của, ruộng lộc ra công đức, cùng với nhà sư trụ trì là Minh Hạnh trùng tu lại. Đến năm 1647 chùa mới được trùng tu xong với quy mô to lớn như ngày nay". Bước vào gian

chính, tất cả quý khách ai nấy đều ngạc nhiên bởi kiến trúc chạm khắc tinh xảo từ những cái nhỏ nhất đến những bức tượng Phật to lớn. "Chùa Bút Tháp được kiến trúc theo kiểu nội công ngoại quốc, bao gồm 10 ngôi nhà với 162 gian, nằm trên một trục dài hơn 100 mét. Cụm kiến trúc chính lần lượt từ phía ngoài vào là các công trình: Tam Quan Gác Chuông, nhà Tiền Đường, Thiên Hương, Thượng Điện, Cầu Đá, Tích Thiện Am (tòa cử phẩm Liên Hoa), Nhà Trung, Phủ Thờ và Hậu Đường. Nơi chúng ta đang đứng đây là nhà Tiền Đường phía trước - nơi du khách vừa đi qua là Tam Quan và Gác Chuông. Ngoài ra còn có hai dãy hành lang, mỗi dãy 26 gian chạy dọc từ hồi nhà Tiền Đường ra phía sau như ôm gọn lấy cụm kiến trúc trên. Bên phải chùa, phía sau là nhà Tổ có ngọn tháp đã nổi tiếng. Đó là Tháp Báo Nghiêm, cao trên 13m hình cây bút (Tháp Bút). Đằng sau chùa (phía Bắc) là ngọn tháp đá Tôn Đức cao trên 10 mét. Cạnh chùa phía Đông, trước nhà Tổ là giếng Tiên, miệng giếng bằng đá chạm hình các cánh hoa sen. Dừng lại bên cạnh giếng Tiên, nhìn xuống giếng ai cũng thấy rõ khuôn mặt mình phản lại. Tôi không giải thích gì mà hình như mọi người cũng hiểu được ý nghĩa của tên gọi giếng này nên không ai múc nước giếng cả. Phía bên kia du khách chụp ảnh kỷ niệm, quay lại toàn bộ cảnh mình vừa đi qua... Thấy mọi người bớt mệt, chúng tôi lại tiếp tục đi. Ra khỏi Tiền Đường, đi dọc dãy hành lang, du khách có thể nhìn bao quát cảnh chùa. "Chùa Bút Tháp là một công trình kiến trúc cổ còn khá hoàn chỉnh, ngôi chùa là cả một công trình điêu khắc đồ sộ trên hai chất liệu đá và gỗ". Quý khách hãy để ý mà xem đa số những pho tượng ở đây đều là những bức chạm gỗ tinh xảo, đặc biệt là trước cửa Tam Bảo và tòa Đại Hùng Bảo Điện ở ngay trước mắt quý khách. Các khảm thờ ở nhà Thiên Hương, Thượng Điện, những bức chạm khắc đá trên các cây tháp đá, cầu đá và lan can đá chạy xung quanh nhà Thượng Điện... Tất cả những công trình đó đều phản ánh thế giới tự nhiên như chim muông, hoa lá rất độc đáo và sinh động, là những tác phẩm tiêu biểu của nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thế kỷ XVII.

Đặc biệt hơn, chùa Bút Tháp càng nổi tiếng gần xa bởi hệ thống các tác phẩm điêu khắc tượng Phật cổ tiêu biểu như tượng Thuyết Sơn, hai tòa Tam Thanh - Tam Thế, tượng Văn Thù và Phổ Hiền bồ tát... Các vị thấy thế nào? Quả là những kiệt tác đúng không? Tuyệt vời - một du khách nói. Cô có thể dẫn chúng tôi đi xem nốt pho tượng nổi tiếng nhất ở chùa được không?". Xin quý khách đừng vội, chỉ lát nữa thôi chúng ta sẽ trông thấy. Nhưng trước hết mời quý khách hãy chiêm ngưỡng thêm vẻ đẹp của các pho tượng chân dung về những người có công xây dựng chùa Bút Tháp được đẹp như ngày nay, bao gồm tượng Tổ chùa và tượng hậu Phật như tượng: Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ, tượng Minh Hạnh thiền sư... cũng là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc nhất của loại hình tượng hậu Phật ở thế kỷ XVII.

Mời quý khách sang bên này, đây chính là pho tượng mà các vị muốn xem. Nó có tên là Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay hay tên chữ Hán là "Thiên thủ thiên nhãn". Pho tượng chính là hiện thân của thế giới nhà Phật, đồng thời thể hiện thế giới tâm linh của con người chúng ta thời xưa cũng như ngày nay phải không các bạn? "Vây, cô ơi cho tôi hỏi pho tượng này do ai khắc mà khéo léo tài tình thế, trước đây tôi đã từng được xem rất nhiều pho tượng nhưng chưa cái nào độc đáo

giống cái này". "Quý khách thật có con mắt thẩm Mĩ biết nhìn nhận nghệ thuật đây. Pho tượng này do nghệ nhân Trương Tiên Sinh Phụng - một người có tay nghề cao trong làng nghề trạm khắc thời bấy giờ tức năm Bính Thân (1656), là một kiệt tác vào loại độc nhất vô nhị trong các di sản văn hóa điêu khắc cổ xưa ở đất nước Việt Nam chúng tôi.

Tôi cũng giới thiệu thêm để quý khách cùng biết về đời sống tâm linh của người dân đất nước tôi thời ấy: Nhân dân Việt Nam rất coi trọng đôi bàn tay và đôi con mắt và có quan niệm rằng: "Giàu hai con mắt, quý hai bàn tay". Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, là cánh cửa quan trọng nhất để đón nhận tri thức, còn đôi bàn tay là công cụ lao động giúp con người sống tốt hơn. Vì vậy nghệ nhân Trương Tiên Sinh đã rất khéo léo và sáng tạo khi khắc pho tượng này. Chỗ độc đáo, sáng tạo ở đây chính là nghìn mắt kết hợp với nghìn tay. "Xin hỏi có quý khách nào ở đây biết nghìn mắt ở đâu không ạ?". "Tôi mạn phép xin nói - Một bà nước ngoài trông có vẻ rất quý phái - Tôi đã từng được nhìn thấy pho tượng này trên tivi, nếu tôi nhớ không nhầm thì trên mỗi đầu ngón tay là một con mắt có phải không cô?". Xin cảm ơn bà, rất chính xác đấy ạ! Các vị hãy để ý mà xem, vừa nói tôi vừa chỉ vào đầu ngón tay của pho tượng. "Đây chính là con mắt, vì nó rất nhỏ nên quý khách không nhìn thấy, và tất cả các ngón tay của Phật đều có một con mắt". Theo quan niệm của nhà Phật trí tuệ và công cụ kết hợp với nhau sẽ làm nên tất cả. Điều đó là một triết lý đúng đắn và xác thực của nhà Phật về cuộc sống thời bấy giờ.

Ngoài ra, trong chùa còn nhiều đồ thờ tự khác được chạm khắc trang trí hoa văn sơn son, thếp vàng lộng lẫy đã thể hiện tư tưởng tình cảm và óc thẩm Mĩ, bàn tay tài khéo sáng tạo của những người thợ nghệ sĩ dân gian xưa.

Trải qua nhiều thế kỷ, ngôi chùa đã được trùng tu, tôn tạo nhiều lần, lần gần đây nhất vào năm 1993 với sự giúp đỡ tài trợ của Nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức, toàn bộ chùa Bút Tháp đã được trùng tu đẹp đẽ và hoàn thành vào năm 1995. Di tích chùa Bút Tháp được Nhà nước công nhận và xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và kiến trúc nghệ thuật năm 1962.

Như vậy, tôi vừa giới thiệu và cùng du khách thăm quan văn cảnh chùa Bút Tháp, bây giờ xin mọi người cho biết cảm xúc của mình về cảnh chùa Bút Tháp. Xin mời bà: "Tôi rất thích phong cảnh ở chùa Bút Tháp, nó rất đẹp và làm cho tôi cảm thấy thoải mái hơn". Rất cảm ơn bà, thế còn ông thì sao, ngài Jack: "Ồ vâng, tôi cũng rất thích phong cảnh ở đây, tôi rất ấn tượng về nghệ thuật trạm khắc, điêu khắc ở đây, đặc biệt là pho tượng "Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay". Tôi nghĩ sau chuyến đi này tôi sẽ ở lại Việt Nam một thời gian dài"... Cảm ơn tất cả mọi người, còn đối với tôi - một người con của đất Thuận Thành, tôi rất tự hào về quê hương nơi mình sinh ra và lớn lên có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đẹp, có truyền thống, tinh thần ham học sản sinh ra bao vị trạng nguyên, tiến sĩ. Chính vì vậy, chùa Bút Tháp đã làm tăng thêm vẻ đẹp của quê hương, đời sống tinh thần của người dân, đồng thời nhắc nhở con cháu chúng tôi đời sau phải biết tự hào truyền thống quý báu của cha ông mình, về sự sáng tạo nghệ thuật độc đáo, tạc tượng, đúc chuông, trạm khắc... tất cả đều bắt nguồn từ đời sống của nhân dân.

Hội chùa Bút Tháp mở hàng năm vào ngày 24 tháng 3 âm lịch, thu hút hàng

trăm phật tử, khách thập phương gần xa về trải hội tham quan du lịch. Với những giá trị đặc sắc và nổi bật của mình, chùa Bút Tháp không những là một di tích Phật giáo độc đáo nhất của vùng đồng bằng Bắc Bộ, mà còn xứng đáng là một điểm du lịch văn hóa đầy hấp dẫn bổ ích, một địa chỉ hành hương của đồng bào cả nước và du khách nước ngoài.

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Đề 4: Thuyết minh về một tác giả văn học.

Bài viết

Nguyễn Tuân (1910 - 1987) là nhà văn lỗi lạc xuất sắc nhất của văn học Việt Nam, một cây bút tiên phong của nền văn học mới. Con người và sự nghiệp văn học Nguyễn Tuân với những nét phong cách nổi bật tài hoa, uyên bác đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng độc giả.

Nguyễn Tuân quê ở Nhân Mục, thôn Thượng Đình, nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân - Hà Nội. Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho khi Hán học đã tàn. Thân sinh của Nguyễn Tuân là cụ Nguyễn An Lan, tú tài khoa thi Hán học cuối cùng. Một nhà nho tài hoa bất đắc chí có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng và phong cách Nguyễn Tuân.

Ông học đến cuối bậc thành chung thì bị đuổi vì tham gia cuộc bãi khoá phản đối mấy giáo viên người Pháp nói xấu người Việt Nam. Năm 1930, do "xê dịch" không có giấy phép qua Lào sang Thái Lan, ông bị tù. Ra tù, ông bắt đầu nghiệp cầm bút bằng việc viết báo, viết văn. Nhưng ông chỉ thực sự nổi tiếng từ năm 1938 với các tác phẩm *Một chuyến đi*, *Vang bóng một thời*... Năm 1941, ông lại bị bắt giam vì giao du với những người hoạt động chính trị. Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Tuân trở thành một cây bút tiêu biểu hết lòng phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến, giữ chức Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam từ 1948 - 1958. Ông mất ngày 28/7/1987 tại Hà Nội. Với những đóng góp to lớn và có giá trị cho nền văn học nước nhà, năm 1996, ông được Nhà nước phong tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật.

Con người Nguyễn Tuân là một trí thức giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Ông yêu tiếng mẹ đẻ, trân trọng những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc, những kiệt tác văn chương trung đại, những lời ca tiếng hát của mỗi miền quê, các món ăn truyền thống, dân dã... Ở Nguyễn Tuân, ý thức cá nhân phát triển rất cao. Với ông, viết văn là để thể hiện cái tôi một cách kì cùng. Con người ông rất mực tài hoa, uyên bác, thông hiểu sâu sắc nhiều ngành khoa học và nghệ thuật. Ông cũng là một nhà văn biết quý trọng thật sự nghề nghiệp của mình, coi nghề thuật là một hình thái lao động cực kì nghiêm túc, thậm chí nghề thuật là một sự khổ hạnh (những đứa con hoang). Những đặc điểm ấy về con người Nguyễn Tuân có ảnh hưởng lớn đến phong cách nghệ thuật của ông.

Nguyễn Tuân thử bút ở nhiều thể loại truyện ngắn hiện thực trào phúng, thơ, nhưng mãi đến đầu năm 1938 mới nhận ra sở trường của mình và thành công với: *Một chuyến đi* (1938); *Thiếu quê hương* (1940), *Chiếc lư đồng mắt cua* (1941). Sự

nghiệp của ông có thể chia làm hai chặng khá rõ rệt trước và sau Cách mạng tháng Tám từ một nhà văn lãng mạn chuyển thành nhà văn cách mạng.

Trước Cách mạng, Nguyễn Tuân sáng tác xung quanh ba đề tài chính.

"Chủ nghĩa xê dịch" thể hiện cái tôi lãng tử của nhà văn theo bước chân qua những miền quê để đi tìm cảm giác mới lạ, "thay thực đơn cho các giác quan". Tuy Nguyễn Tuân tìm đến với chủ nghĩa xê dịch "như một phản ứng bất lực trước thời cuộc nhưng với đề tài này, ông đã thể hiện được những cảnh sắc và phong vị quê hương đất nước bằng một ngòi bút đầy trù mên và tài hoa, qua đó nhà văn bày tỏ được tấm lòng yêu nước thiết tha trong tác phẩm của mình: *Một chuyến đi, Thiếu quê hương...*

Ở đề tài "vang bóng một thời", nhà văn đi tìm và làm sống lại vẻ đẹp riêng của một thời xưa cũ với những phong tục văn hóa, những thú tiêu dao lành mạnh, tao nhã, gắn với những con người thuộc lớp nhà nho tài hoa bất đắc chí. Những sáng tác này thể hiện một cách kín đáo và ý nhị tấm lòng yêu mên, trân trọng những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. Tác phẩm chính là tập truyện ngắn *Vang bóng một thời*.

Đề tài đời sống tâm trạng bi quan của một cái tôi hoang mang, bế tắc, tìm cách thoát li trong đàn hát, trong rượu và thuốc phiện, qua đó ta thấy được tâm trạng khủng hoảng của lớp thanh niên đương thời. Nhưng đôi khi ở đó vẫn vút lên "niềm khao khát một thế giới tinh khiết, thanh cao, được nâng đỡ trên đôi cánh của nghệ thuật". Tác phẩm chính là *Chiếc lư đồng mắt cua, Tàn đèn dầu lạc...*

Sau Cách mạng, lòng yêu nước và sự bất mãn với chế độ thực dân đã đưa Nguyễn Tuân đến với Cách mạng và kháng chiến. Sáng tác của ông trong thời kỳ này tập trung phản ánh hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, ca ngợi quê hương đất nước, ca ngợi nhân dân anh hùng, tài hoa trong chiến đấu và sản xuất. Tác phẩm *Đường vui* (1949), *Tình chiến dịch* (1950), *Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi* (1972), *Sông Đà* (1960).

Dù ở giai đoạn nào, Nguyễn Tuân cũng có một phong cách nghệ thuật độc đáo mà biểu hiện chính là sự tài hoa, uyên bác.

Trước Cách mạng, Nguyễn Tuân được biết đến như là một nhà văn duy Mĩ. Ông trân trọng và đề cao cái đẹp. Với ông, cái đẹp chỉ tồn tại trong một thời xưa cũ, do vậy, ông đi tìm và làm sống dậy cái đẹp của thời xưa và phê phán, chối bỏ xã hội trên phương diện văn hóa. Nguyễn Tuân quan niệm xã hội đương thời là "xã hội cơ khí giết chết cái đẹp". Ông cũng nhìn con người ở phương diện tài hoa, nghệ sĩ, tập trung miêu tả những nhà nho tài hoa bất đắc chí, đứng cao hơn hoàn cảnh. Nhân vật của ông trong giai đoạn này mang dáng dấp của những con người "đặc tuyển". Nguyễn Tuân đi tìm cảm giác mới lạ, "cái nguồn sống bông bột tắc lối thoát (*Tóc chị Hoài*) trong "xê dịch" và trụy lạc.

Ông có một lối viết tự do, phóng túng, vừa đỉnh đặc, cổ kính lại vừa trẻ trung, hiện đại không chỉ dùng vốn ngôn ngữ văn học phong phú, ông còn sử dụng hiểu biết về nhiều ngành nghệ thuật, khoa học khác như hội họa, điện ảnh, âm nhạc, quân sự, võ thuật... để gợi dựng hình tượng, đem đến người đọc nhiều liên tưởng thú vị.

Sau Cách mạng ông vẫn tiếp tục khẳng định nét tài hoa, uyên bác những cũng có những thay đổi rõ rệt. Cũng nhìn con người trên phương diện văn hóa nhưng Nguyễn Tuân không còn đối lập xưa và nay mà tìm được sự ám áp của cuộc đời. Cái đẹp không chỉ có trong thời xưa cũ mà còn có trong thiên nhiên, đời sống lao động sản xuất và chiến đấu. Chất tài hoa nghệ sĩ không chỉ có ở những con người đặc tuyển mà còn có ở đại chúng nhân dân, ngay trong nghề nghiệp của họ như anh bộ đội, chị dân quân, người lái đò sông Đà. Ông cũng không còn đối lập cái phi thường với cái bình thường. Nét tài hoa hòa lẫn với những tâm tư rất bình dị, rất người. Giọng văn không còn khinh bạc, mà có thì chỉ để ném vào mặt kẻ thù cướp nước, bán nước và các mặt tiêu cực của xã hội.

Với những nét độc đáo và riêng biệt nói trên, Nguyễn Tuân tìm đến với thể loại tùy bút như một tất yếu và có công nâng tùy bút lên đỉnh cao. Do đó, ông được mệnh danh là "ông hoàng" của thể loại tùy bút. Tùy bút Nguyễn Tuân cũng đã thể hiện rõ phong cách phóng túng của ông. Các sáng tác này giàu có thông tin và tính thời sự cao, có nhiều yếu tố truyện. Nhà văn đã xây dựng được một lối sự việc, các nhân vật được miêu tả một cách kỹ lưỡng, có tính cách riêng, đi sâu vào tâm lí. Lời văn kết hợp triết luận, trữ tình bàn bạc một cách thoải mái. Qua đó ta thấy được tâm hồn phóng túng, sức liên tưởng tưởng tượng bất ngờ, táo bạo của nhà văn, không tồn tại ở thể tĩnh tại mà nhìn trong chiều sâu thời gian và chiều rộng không gian. Ngôn ngữ nghệ thuật của Nguyễn Tuân giàu có, đa dạng, một mặt thể hiện cảm xúc trữ tình của một cái tôi uyên bác mà trẻ trung, hiện đại; mặt khác thể hiện sự tinh tế, giàu cảm xúc thẩm Mĩ, đầy chất thơ và khả năng tạo hình. Câu văn co duỗi nhịp nhàng.

Nguyễn Tuân là nhà văn suốt đời tìm kiếm và khẳng định cái đẹp, một định nghĩa về người nghệ sĩ. Ông có đóng góp to lớn cho quá trình hiện đại hóa văn xuôi tiếng Việt, đặc biệt là thể loại tùy bút. Ông xứng đáng là một nghệ sĩ lớn một nhà văn hóa lớn của dân tộc.

NGUYỄN THỊ HẢI

Đề 5: Thuyết minh về một tác giả văn học.

Bài viết

Ngày 6-6-1799 đã trở thành ngày đáng nhớ không chỉ của những người trong dòng họ Puskin mà còn là của nước Nga và của cả nhân loại - Ngày thiên tài thơ Alêchxan Xecghêevits Puskin ra đời. Người đã dùng "phép nhiệm màu thi ca" mang lại niềm vinh quang kiêu hãnh cho nước Nga và tạo ra những biến đổi to lớn trong thế giới văn hoá tinh thần trong đất nước.

Xuất thân từ dòng họ quý tộc lâu đời và quyền quý vào loại bậc nhất nước Nga thời bấy giờ, Puskin được dạy dỗ một cách chu đáo. Mặc dù đến đời ông Xecgây Livôvits - cha của Puskin, kinh tế gia đình có phần sa sút song Xecgây Livôvits rất coi trọng việc dạy dỗ học hành cho con cái, duy trì nếp sống văn hoá trong gia đình bởi thế ông đã mời rất nhiều gia sư giỏi về nhà dạy học. Puskin yêu thích thơ văn một phần do thiên tính, một phần thừa hưởng từ một số người trong gia đình, đặc

biệt là ông chú - nhà thơ Vaxili Livôvits. Từ những buổi bình thơ đọc văn diễn kịch tại nhà do chú tổ chức, hồn thơ Puskin được nuôi dưỡng từ đó.

Ngoài những yếu tố ấy, Puskin còn được tiếp xúc cảm nhận vốn thơ ca dân gian từ bà ngoại, lão bộc Nikita Côdolôp, và nhũ mẫu Aria Rôđiônôpna. Họ đã gieo vào tâm hồn của cậu bé Puskin những giá trị tinh thần quý báu của con người Nga, đất nước Nga. Bà ngoại thường dạy cháu tiếng Nga, bởi mặc dù bà rất tự hào vì cậu cháu yêu quý thông minh học giỏi, nói tiếng Pháp như người Pháp nhưng bà cũng không hề muốn cháu bà, một người Nga mà lại nói tiếng Nga như một người nước ngoài. Còn lão bộc Nikita quả là một kho truyền thuyết can trường hào hiệp, thương người sẵn sàng ra tay giúp kẻ yếu. Nhưng Puskin thích nhất vẫn là được nghe nhũ mẫu Aria hát những ca khúc dân gian Nga và nghe bà kể chuyện cổ tích, mặc dù bà không biết chữ nhưng lại có một trí nhớ tuyệt vời. Những bài hát, những câu chuyện có một sức hút kỳ diệu trong tâm hồn ông và trở nên thật gần gũi, tất cả đã in vào tâm trí ông suốt cuộc đời. Cho đến mãi sau này hình ảnh nhũ mẫu vẫn thường xuất hiện trong thơ Puskin với những tình cảm đậm thắm:

Bạn thân thiết trong những ngày cơ cực

Nguồn mến thương nâng bước cuộc đời con.

Sau này, quãng thời gian học tập ở trường Lixê đã để lại nhiều kỉ niệm đẹp trong lòng Puskin. Trong kỳ thi thơ 1815 do trường tổ chức, ông đã viết bài *Những kỉ niệm hoàng hôn* ghi nhớ lại thời kỳ cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1912 của nhân dân Nga đánh lại đội quân xâm lược của Napôlêông. Bài thơ được đón nhận nhiệt liệt và nhà thơ Giucôpxki không ngần ngại tiên đoán về Puskin là *Người khổng lồ tương lai*. Cùng quãng thời gian sáu năm học tập ở trường, Puskin đã cho ra đời những bài thơ hay trẻ trung trong sáng...

Sau khi tốt nghiệp trường Lixê, Puskin đứng giữa hai sự lựa chọn. Nhận sự bổ nhiệm làm thư ký bộ ngoại giao ở Pêtéc-bua hay tiếp tục niềm đam mê văn chương, dâng hiến đời mình cho những lý tưởng cao cả. Có sự lựa chọn ấy là bởi đời sống chính trị ở nước Nga đang trở nên gay gắt, chính phủ Nga Hoàng ngày càng phản động. Trước tình hình đó, nhiều trí thức tiến bộ đã tập hợp nhau lại lập ra những tổ chức bí mật chống Nga Hoàng. Puskin cũng hoà mình vào không khí cách mạng đó. Và những bài thơ có nội dung chống Nga Hoàng một cách gay gắt ra đời: *Tự do* (1817), *Những câu chuyện thần thoại Nôen* (1818), *Gửi Sadaep* (1818)... Tất nhiên những vần thơ đó không được in nhưng lại được rất nhiều người chép tay và thuộc lòng. Điều đó đã khiến Nga Hoàng Alêchxan I nổi giận và lo sợ trước những vần thơ 'gây náo loạn' và đòi "phải tống cổ Puskin đi Xibia"- cũng có nghĩa là bị tống vào cũi chết.

Nhưng được sự giúp đỡ của bạn bè, Puskin chỉ bị đày đi phương Nam bốn năm (1820 - 1824) sau đó bị quản thúc tại trại áp quê nhà Mikhailôpxcôie hai năm (1824 - 1826). Ở đó ông tiếp xúc với những người chiến sĩ thẳng thắn và càng ý thức một cách sâu sắc về giá trị, bản chất đích thực của tự do. Bởi thế cảm giác về tự do thường trực trong con người nhà thơ, chỉ cần có một cơ hội cũng đủ bật lên câu chữ. Puskin đã viết hàng loạt bài thơ ca ngợi tự do: *Ánh mặt trời của bạn*

ngày đã tắt (1820), *Người tù* (1822), *Con chim nhỏ* (1823), *Người gieo giống tự do trên đồng vắng* (1823)...

Ngoài ra nhà thơ còn muốn thử thách mình ở một thể loại lớn hơn: Trường ca, và ở một phương pháp mới: lãng mạn. Ông đã thành công với bản trường ca *Rutxlan và Lutmila* (1820) - tác phẩm đã đưa ông lên ngang hàng với nhiều nhà thơ Nga nổi tiếng đương thời. Đặc biệt nhà thơ Giucôpxki, người từng mệnh danh là "đã phát hiện ra chủ nghĩa lãng mạn cho văn học Nga" đã tặng Puskin một bức chân dung của chính ông với lời đề tặng: "Thầy chiến bại tặng học trò chiến thắng". Đối với nhà thơ trẻ tuổi, đây quả là một phần thưởng to lớn quý giá. Bản trường ca không hề bắt chước mô phỏng những tác phẩm văn học dân gian mà nó được hoàn thiện như một tác phẩm độc lập, in đậm dấu ấn cá tính sáng tạo, tự do nồng nhiệt của tác giả. Không dừng lại ở đó, Puskin đã sáng tạo thêm hàng loạt những bản trường ca xuất sắc khác như: *Người tù Kapka* (1820-1821), *Anh em kẻ cướp* (1821-1822), *Đoàn người Sigan* (1824) phản ánh sự bất mãn không thoả hiệp của thanh niên tiến bộ đương thời với trật tự xã hội hiện hành. Với những tác phẩm này, Puskin được coi là nhà thơ hàng đầu của khuynh hướng lãng mạn tích cực trong văn học Nga đầu thế kỷ XIX.

Bị dày sang phương Bắc, tự lòng Mikhailôpxcôie Puskin tiếp tục sáng tác vở bi kịch lịch sử *Bôrit Gôđunôp* và viết tiếp tiểu thuyết thơ *Epghêni Ônêghin* còn dang dở, thể hiện những trăn trở về lẽ sống và hạnh phúc cá nhân của tầng lớp thanh niên quý tộc.

Trở về Pêtéc-bua sau 6 năm lưu đày, Puskin tiếp tục làm thơ, viết kịch bằng thơ, viết truyện ngắn, viết báo. Đặc biệt ông cưới Natalia Gôn-sa-rô-va - cô gái xinh đẹp nhất Matxcô-va năm 1831. Trong khoảng thời gian này tuy hạnh phúc trong cuộc sống gia đình nhưng Puskin luôn cảm thấy ngột ngạt nặng nề bởi mối bất hoà của nhà thơ với Nga Hoàng. Nhưng càng buồn đau, ông vẫn tìm thấy niềm vui trong thi ca. Trong hoàn cảnh xót xa tột độ ấy, Puskin cho ra đời những tác phẩm bất hủ. Tiểu thuyết thơ *Epghêni Ônêghin* được hoàn thành trong thời điểm đó và được xem là cuốn "Bách khoa toàn thư của đời sống Nga", trở thành kiệt tác của văn học thế giới. Tiếp theo là chùm truyện ngắn nổi tiếng: *Người trưởng trạm*, *Phát súng*, *Bão tuyết*, *Cô tiểu thư nông dân*, *Con đầm pic*, *Con gái viên đại úy*... với những tư tưởng mới mẻ, với những bài học có giá trị với con người..

Hơn hết, nhà thơ vẫn giữ được hồn thơ trong trẻo đầm thấm thiết tha mặc dù đang sống trong những ngày buồn đau ảm đạm giữa một triều đình đầy nhỏ nhen xấu xa. Bởi vậy một chút rung động nhỏ nhoi cũng gợi nên những vần thơ "xao xuyên tâm hồn" như "bông hoa nhỏ", "ngoại và anh", "cô và em"...

Sau khi viết bài *Đài kỷ niệm*, Puskin linh cảm thấy một tai hoạ nào đó đang đến gần. Và quả như vậy, tên Pháp lưu vong Đăng-tex đã quấy rối hạnh phúc gia đình, bôi nhọ thanh danh Puskin. Để giữ gìn danh dự, Puskin buộc phải quyết đấu. Ông bị Đăng-tex sát hại vào tháng 1 năm 1837.

Lo sợ bạo loạn trước cái chết của Puskin, chính quyền Nga Hoàng cố ý tổ chức mai táng Puskin một cách lặng lẽ. Một tờ báo địa phương chỉ kịp đưa tin:

"Mặt trời của thi ca Nga lặn mất rồi. Puskin đã tạ thế, tạ thế giữa độ tuổi tràn trề sung sức bỏ dở sự nghiệp lớn lao! Chúng tôi không đủ sức nói nhiều về ông và cũng chẳng cần thiết. Bất kì một trái tim Nga nào cũng đều biết cái giá của sự tồn tại không thể bù đắp được này. Và bất cứ trái tim Nga nào cũng sẽ quặn đau". Vâng! Chính cái tin đó đã khẳng định vị trí to lớn của nhà thơ lỗi lạc trong trái tim con người nước Nga.

Không chỉ đóng góp vào kho tàng văn học Nga những tác phẩm có giá trị mà Puskin còn đóng góp vào phong cách nghệ thuật thêm phong phú. Do ảnh hưởng từ gia đình mà tác phẩm của ông đậm đà tính dân tộc, phong vị Nga, sử dụng thi liệu hình ảnh từ văn học dân gian Nga. Ngoài ra, Puskin còn có công lớn trong việc đưa trường ca, kịch có giá trị trong nền văn học Nga. Đồng thời góp phần nâng ngôn ngữ đời sống trở thành ngôn ngữ văn học giàu giá trị. Như vậy, tên tuổi Puskin đã trở thành biểu tượng của văn học Nga, thơ ông gần gũi mọi tâm hồn Nga. Gorki coi Puskin là "khởi đầu của mọi khởi đầu".

Tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp văn học và phong cách nghệ thuật của Puskin ta càng khẳng định vai trò to lớn của nhà thơ trong nền văn học Nga và của cả thế giới. Những sáng tác của Puskin đã bồi đắp cho văn học Nga qua hai thế kỉ và cho tới bây giờ chúng ta cũng có thể khẳng định như thế.

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

Đề 6: Thuyết minh về tác gia văn học Xuân Diệu.

Bài viết

Xuân Diệu là một tác gia lớn của nền văn học Việt Nam, một nhà thơ xuất sắc có đóng góp lớn vào quá trình hiện đại hóa thơ ca Việt Nam. Ông là con người toàn tâm, toàn trí, toàn hồn, nhiệt thành cống hiến sự sống cho thơ ca, chạy đua với thời gian để giành giật lấy từng phút giây của cuộc đời.

Nói đến Xuân Diệu (1916 - 1985), trước hết phải nói đến cuộc đời của nhà thơ. Xuân Diệu là bút danh, tên thật là Ngô Xuân Diệu. Cha ông là Ngô Xuân Thọ, vốn quê ở xã Trảo Nha, nay là thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ tú tài kép Hán học, vào Bình Định dạy học, lấy vợ là Nguyễn Thị Hiệp, sinh ra Xuân Diệu tại Gò Bồi, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Xuân Diệu thuở nhỏ sống ở quê mẹ, đến năm mười tuổi sống với cha.

Xuân Diệu trải qua quá trình đào tạo quy củ. Thuở nhỏ học chữ Nho và chữ Quốc ngữ với cha, sau đó học ở trường Bưởi (Hà Nội) và trường Khải Định (Huế).

Năm 1940, Xuân Diệu đỗ tham tá nha Thương chính vào làm ở ti Thương chính Mĩ Tho (nay thuộc tỉnh Tiền Giang). Sau 4 năm làm công chức, ông thôi việc, ra Hà Nội sống bằng nghề viết văn. Xuân Diệu là người thứ hai sau Tản Đà, một con người dám sống hết mình với nghiệp văn chương cao đẹp.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, Xuân Diệu hăng hái hoạt động văn nghệ phục vụ hai cuộc kháng chiến. Năm 1948, Xuân Diệu được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam. Sau đó, ông là Ủy

viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa 1, 2, 3 (1957 - 1985). Ông được Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa Dân chủ Đức bầu làm Viện sĩ thông tấn (1983).

Xuân Diệu đã được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - năm 1996).

Sự thành công của Xuân Diệu được quyết định bởi nhiều yếu tố nhưng không thể không kể đến ảnh hưởng to lớn của con người nhà thơ đối với sự nghiệp văn học của ông.

Xuân Diệu là một con người có tinh thần lao động nghệ thuật đầy đam mê và bền bỉ ngay từ thuở nhỏ "cha đằng ngoài, mẹ ở đằng trong - Ông đồ Nghệ đeo khăn gói đỏ". Xuân Diệu trước hết học được ở cha - ông đồ Nghệ đức tính cần cù, kiên nhẫn trong học tập, rèn luyện tài năng và lao động nghệ thuật. Ở Xuân Diệu, học tập, rèn luyện và lao động sáng tạo vừa là một quyết tâm khắc khổ, vừa là một lẽ sống, một niềm say mê lớn.

Thế Lữ đã từng nhận xét về Xuân Diệu: "Một tâm hồn đắm thắm và rất dễ cảm xúc". Sinh ra và lớn lên ở quê mẹ, sống giữa thiên nhiên phóng khoáng với những ngọn gió nồm và những con sóng biển đã tác động đến hồn thơ nồng nàn, sôi nổi của ông. Phải sống trong hoàn cảnh éo le, ông là con vợ lẽ, phải xa mẹ từ nhỏ và thường bị hắt hủi. Vì thế, thơ ông luôn thể hiện tâm hồn khao khát tri âm, khao khát giao cảm với đời một cách mãnh liệt và da diết. Đúng như ý kiến của một nhà phê bình đã đánh giá: "Xuân Diệu là nhà thơ của niềm khát khao giao cảm với đời".

Về quá trình đào tạo: Một mặt, ông tiếp thu, học hỏi văn hóa phương Đông từ người cha là một nhà nho, tìm về vốn tri thức cổ, văn hóa truyền thống một cách tích cực. Mặt khác, Xuân Diệu là một trí thức Tây học, đã hấp thụ ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, đặc biệt là Pháp và các nhà văn thuộc trường phái tượng trưng một cách có hệ thống. Vì thế có thể tìm thấy ở nhà thơ sự kết hợp hai yếu tố cổ điển và hiện đại, Đông và Tây trong tư tưởng và tình cảm thẩm Mĩ. Trong đó yếu tố Tây học, hiện tại ảnh hưởng sâu đậm hơn.

Xuân Diệu là một tài năng nhiều mặt: làm thơ, viết văn, nghiên cứu phê bình văn học, dịch thuật. Đặc biệt, ông nổi tiếng là một nhà thơ xuất sắc với mười lăm tập thơ. Đối với Xuân Diệu, làm thơ, văn không chỉ để khẳng định tài năng mà còn là một cách giao cảm với đời, khẳng định sự hiện hữu của mình trong cuộc đời.

Lao động nghệ thuật suốt hơn một nửa thế kỷ, Xuân Diệu đã để lại cho đời một sự nghiệp văn học xuất sắc. Là một con người tài năng nhiều mặt, ở lĩnh vực nào Xuân Diệu cũng có những đóng góp lớn nhưng nói đến Xuân Diệu trước hết phải nói đến một nhà thơ, một cây đại thụ của thơ ca hiện đại Việt Nam. Sự nghiệp sáng tác thơ của Xuân Diệu có thể chia làm hai giai đoạn: Trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Xuân Diệu được xem là nhà thơ lãng mạn tiêu biểu của phong trào Thơ mới với hai tập thơ xuất sắc *Thơ thơ* (1938) và *Gửi hương cho gió* (1945). Xuân Diệu đã đem đến Thơ mới nguồn cảm hứng mới lạ của một hồn thơ sôi nổi, thiết tha yêu đời, thể hiện niềm khát khao giao cảm tận độ với

cuộc đời bằng một cái tôi cá thể ý thức thật rõ giá trị của bản thân trước thế giới.

Nhà thơ bộc lộ niềm khát khao giao cảm nồng cháy, cuồng say trước cuộc đời, bắt nguồn từ quan niệm sống tích cực của cái tôi cá nhân cá thể ý thức sự hiện hữu của bản thân trong cuộc đời và khát khao sống cháy sáng.

Xuân Diệu không muốn hòa lẫn cái tôi của mình vào biển đời mờ mờ nhân ảnh mà khẳng định mình là đỉnh Hi Mã Lạp sơn, "là Một, là Riêng, là Thứ nhất":

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm

Trong khi các nhà thơ mới khác đối lập cái tôi của mình với cuộc đời như tìm đến chốn bồng lai tiên cảnh như Thế Lữ, tìm về chốn quê như Đoàn Văn Cừ thì Xuân Diệu hòa lẫn cái tôi của mình vào cuộc đời trần thế, yêu đời tận tuỵ đắm say cuộc đời.

Xuân Diệu là nhà thơ của mùa xuân, tình yêu và tuổi trẻ. Thơ Xuân Diệu luôn thể hiện lòng yêu đời, ham sống đến cuồng nhiệt, niềm khát khao chiếm lĩnh và hưởng thụ những giá trị tươi đẹp của cuộc sống. Cái tôi Xuân Diệu được giải phóng khỏi ước lệ phi ngã cổ điển, nhìn đời bằng cái nhìn xanh non, biếc trời, đầy trẻ trung. Thiên nhiên và con người mang sức trẻ tình tứ sâu sắc, một thế giới xuân đời ngồn ngộn hương sắc, tinh vi huyền diệu:

Của ong bướm này đây tuần tháng mật

Này đây hoa của đồng nội xanh rì

Này đây lá của cành tơ phơ phất

Của yến anh này đây khúc tình si.

(Vội vàng)

Thơ ca trung đại, tình gắn với nghĩa. Một số nhà thơ như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương nói được tình yêu cả về tinh thần và thể xác nhưng chỉ đến Xuân Diệu, khát vọng về tình yêu mới được thể hiện thành thực và mãnh liệt nhất, đem đến đương thời những ý tưởng mới mẻ và táo bạo.

Trong thơ Xuân Diệu, cảm thức thời gian được bắt nguồn từ quan điểm nhân sinh mới mẻ. Xuân Diệu với tâm hồn nhạy bén ý thức được sự chảy trôi của thời gian một đi không trở lại nên luôn mang trong mình nỗi ám ảnh, lo sợ. Nhà thơ muốn chạy đua với thời gian để giành giật sự sống, tận hưởng từng phút giây của cuộc đời, thể hiện niềm ham sống lành mạnh.

Bên cạnh niềm yêu say cuộc đời, thơ Xuân Diệu cũng thể hiện nỗi buồn chán, hoài nghi, cô đơn. Do Xuân Diệu là một nhà thơ, một nghệ sĩ theo khuynh hướng lãng mạn, đòi hỏi cái hoàn Mĩ, tự nuôi mình bằng những ảo mộng cuộc đời, luôn thèm muốn giao cảm vô biên tuyệt đỉnh với cuộc đời, nên khi gặp phải hoàn cảnh xã hội tầm thường giả dối, sống trong đất nước mất chủ quyền, bản thân là người dân mất nước, chịu vòng nô lệ khao khát dang hiến nhưng gặp phải xã hội kim tiền, Xuân Diệu rơi vào chán nản, hoài nghi, cô đơn, "buồn tịch mịch ngay trong cả những điều ấm nóng tươi vui":

*Tôi là con nai bị chiều đánh lưới
Không biết đi đâu giữa sầu bóng tối.*

Yêu đời, thiết tha với cuộc sống nhưng mang trong mình nỗi chán nản, hoài nghi, cô đơn. Hai trạng thái cảm xúc này tưởng như đối lập nhưng lại rất thống nhất của một hồn thơ khát khao giao cảm mãnh liệt với cuộc đời, của một cái tôi có thể ý thức đầy đủ về sự hiện hữu và giá trị của bản thân trước thế giới.

Thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám 1945 cũng thể hiện sự cách tân về nghệ thuật đầy mới mẻ và táo bạo Xuân Diệu đem đến nguồn thi tứ mới mẻ: Thơ xưa khi viết về nỗi cô đơn thường tạo ra không gian trống trải, thiếu vắng con người, còn đối với Xuân Diệu, ngay cả khi con người và cảnh vật ở bên mình, nhà thơ vẫn cảm thấy cô đơn:

*Dù tin tưởng chung một đời một một
Em là em, anh vẫn cứ là anh*

(Xa cách)

Tình yêu trong thơ Xuân Diệu không diễn tả bóng gió, ước lệ như thơ xưa mà hiện lên với ý nghĩa đầy đủ nhất, trọn vẹn nhất, là sự hòa hợp về linh hồn và thể xác.

Hình ảnh thơ mới mẻ, táo bạo, mang đậm cảm giác phồn thực:

*Trăng ác mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay mơn trớn về trần đầy.*

Thơ Xuân Diệu với những hình ảnh đầy rẫy tính cảm giác, được cảm nhận bằng tất cả các giác quan:

Con gió xinh thì thào trong lá biếc

hay:

Hương hiu hiu, nên gió cũng ngọt ngào

Từ ngữ sử dụng mới lạ, táo bạo, rất Tây:

Hơn một loài hoa đã rụng cành

hay:

Lòng anh thôi đã cười lòng em

Cách ngắt nhịp mới, lạ (4 / 2 / 1):

Đàn ghê như nước lạnh trời ơi

Câu thơ của Xuân Diệu mang đậm yếu tố khẩu ngữ, có tính chất đối thoại, mang màu sắc luân lí:

*Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.*

Có nhiều khó từ, câu hỏi, cảm thán. Giọng điệu sôi nổi, cuồng nhiệt, đắm say.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Xuân Diệu trở thành nhà thơ cách mạng, hòa mình vào cuộc sống mới, nhiệt thành phục vụ cách mạng. Thơ nở rộ với nhiều tập thơ lớn: *Riêng chung* (1960), *Mũi Cà Mau - Cầm tay* (1962), *Một khối hồng*

(1964), *Tôi giàu đôi mắt* (1970), *Thanh ca* (1982).

Nếu trước đây, Xuân Diệu mang trong mình nỗi cô đơn hoài nghi trước cuộc đời thì sau cách mạng, nhà thơ đã nhanh chóng hòa nhập, tìm được sự tri âm. Cảm hứng thơ vì thế tươi vui và ấm áp.

Trước lệ sa ta oán hận đất trời

Nay lệ hòa ta lại thấy đời vui

Tình yêu có sự chung thủy, sum vầy, yêu thương, ấm áp.

Đề tài phong phú hơn, mở rộng hơn. Ngòi bút hướng đến Đảng, nhân dân, cuộc sống lao động mới.

Cảm hứng mới, đề tài mới, nội dung mới đòi hỏi cách thể hiện mới. Ngòi bút của Xuân Diệu không thể đi theo lối cũ đường quen. Xuân Diệu học tập lời ăn tiếng nói của nhân dân, ngôn ngữ giản dị, gần với đời sống, tuy có lúc còn vụng về, dễ dãi.

Anh không xứng là biển xanh

Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng.

Giọng điệu thơ phong phú, không chỉ đơn thuần là giọng trữ tình mà còn mang giọng trầm hùng cổ kính của sử ca như trong trống ca *Ngọn quốc kỳ* hay mang hơi thở triết lý như trong *Lệ*:

Máu của linh hồn là nước mắt

Còn rơi biết đến thuở nào thôi

Giọng đối đáp giao duyên như trong bài *Hỏi*:

Ai làm cách trở đôi ta

Vì anh vụng ngược hay là vì em?

Trăng còn đợi gió chưa lên

Hay là trăng đã tròn trên mái rồi?

Ta còn gặp ở thơ Xuân Diệu sau Cách mạng giọng thơ chính luận, tự sự trữ tình, trào phúng đả kích.

Bên cạnh sáng tác thơ, Xuân Diệu còn viết văn xuôi, nghiên cứu phê bình văn học và dịch thuật. *Phấn thông vàng* (1939) và *Trường ca* (1945) là hai tập văn xuôi đặc sắc của ông. Xuân Diệu còn để lại những tập tiểu luận, phê bình có giá trị: *Tiếng thơ*, *Phê bình giới thiệu thơ*, *Dao có mài mới sắc...*

Xuân Diệu là nhà thơ lớn trong văn học hiện đại, nhà thơ lớn của dân tộc. Bài học Xuân Diệu để lại cho đời là tinh thần lao động nghệ thuật cần cù, là niềm tin yêu tha thiết đối với con người, là ý thức chân thành đối với văn chương. Dù đã qua hơn nửa thế kỷ nhưng thơ Xuân Diệu vẫn đầy sức hấp dẫn và lôi cuốn các thế hệ độc giả.

NGÔ THÙY DUNG

III. THAM KHẢO

Nhà văn Ngô Ngọc Bội và thể kí

Có thể nói: Ngô Ngọc Bội là nhà văn có sở trường viết về nông thôn. Nếu chỉ nhìn vào những ấn phẩm của ông, trừ những bài kí viết về đề tài chiến đấu thời chống Mĩ, còn lại tất thấy - kể cả truyện ngắn, tiểu thuyết đề viết về nông thôn (hay nói rộng ra là đề tài nông nghiệp) vẫn chưa đủ căn cứ. Có không ít nhà văn sinh ra ở nông thôn, sống ở nông thôn nhiều năm mà viết về nông thôn không được, hoặc chật vật lắm mà thành công không nhiều. Tuy có thâm niên công tác ở Hà Nội, nhưng những trang viết về nông thôn của Ngô Ngọc Bội vẫn luôn tươi mới, hấp dẫn, có nhiều trang đặc sắc. Ông từng quan niệm: trong các thể loại văn chương, thể kí là một thứ đoản đao. Nó có khả năng đáp ứng tức thời, tả xung hữu đột, sắc nhọn, quyết liệt, cũng chẳng kém phần văn chương. Kí vừa có khả năng thông tin tin tức vừa giàu tính Mĩ cảm.

Từ những bài kí đầu tay in trên báo *Văn học*, Ngô Ngọc Bội đã sớm bộc lộ một cách viết khá riêng. Bản tính năng động, chân tình, cởi mở và nhạy cảm đã tạo ra lợi thế về phương pháp tiếp cận và thể hiện vấn đề trên trang kí. Chỉ nhìn đầu đề những bài kí của ông, cũng đủ hiểu những miền đất ông qua, những con người ông gặp và thời sự cuộc sống mà kí của ông chuyển tải mấy chục năm rông. Ông có mặt ở hầu khắp những điểm nóng, những phong trào, khi thì vận động khai hoang, lúc đắp đê chống lụt, khi ở mặt trận, lúc ở công trường... và ngòi bút vừa xông xáo, trữ tình vừa suy tư, dí dỏm tạo nên trang viết vừa đáp ứng được nhu cầu chiến lược vừa văn chương. Ngay trong những bài kí mang tính chất "phong trào", Ngô Ngọc Bội cũng thiên về cảm hứng trữ tình, và dường như ông sử dụng trữ tình thành một thủ pháp nghệ thuật đặc dụng trong kí. Ở đó tác giả vừa có điều kiện bộc lộ hết mình, vừa có điều kiện làm cho đối tượng sống động trên trang viết.

Ngô Ngọc Bội không lệ thuộc vào những số liệu - cái mà nhiều người thường cho là linh hồn của bài kí. Ông dùng số liệu như một thứ yếu, cùng lắm mới phải cho vào bài viết với điều kiện số liệu đó phải có sức gợi. Cái quan trọng trong bài kí ngoài tính thời sự nóng bỏng còn ở phẩm chất văn chương, ở hình tượng đời sống. Thông thường, muốn viết kí người ta phải thâm nhập thực tế. Ngô Ngọc Bội cũng vậy, nhưng ông không lấy các báo cáo của cơ sở làm "bà đỡ" cho những trang kí của mình, mà phải nghe, phải thấy và phải nghĩ. Ông không ưa cách nhìn một chiều, kể cả nơi có thành tích mà cảm hứng chung là ca ngợi. Ngay từ phóng sự *Đồng Lực*, một điển hình tiên tiến của Vĩnh Phú những năm 1960, mặc dù đã dự Đại hội chiến sĩ thi đua, nghe báo cáo và nghe mọi người tán dương, Ngô Ngọc Bội vẫn phải tìm về tận cơ sở để tìm hiểu ngọn ngành rồi sau đó mới lên bài kí.

Việc tiếp xúc với số liệu, sự kiện mới chỉ là bước một của bài kí. Ngô Ngọc Bội thường tâm sự: "Khốn khổ cho tôi, khi chưa có cảm xúc thì viết một dòng, thậm chí một chữ cũng không viết nổi". Cảm xúc thường xuất hiện trước tình huống, vậy viết như thế nào để có tình huống - đó là vấn đề mấu chốt để nảy sinh cảm xúc. Ngô Ngọc Bội khi viết thường phải *hám* lấy thực tế, chứ không phải *hám sát* thực tế. Đến cơ sở, khi đã tìm được vấn đề, ông thường bắt đầu làm việc kịch liệt "sáng, trưa,

chiều, tối, tứ chi và năm giác quan phải căng ra mà lăn lộn, thăm thú, tìm tòi, giả định, giả thuyết, lật ngược lật xuôi” chứ không chỉ ghi chép một cách thụ động. Ông hay tìm vào những tình tiết, chi tiết có sức nổ, sức cháy - nhất là tâm lí tình cảm con người. Những “hạt nhân” đó đưa được vào đúng chỗ, nó chói ngời làm thành ấn tượng cho người nghe, người đọc. Câu chuyện con cá mè chết mà đem bán bỏ quỹ (*Đồng Lực*), chuyện hướng dẫn bà con nông dân cắm cày (*Trở lại một vùng sau lũ lụt*), chuyện con gà mẹ bị rũ con ở lại đem bán (*Nỗi riêng khép mở*) hay cảnh tượng tập tính của các loài sinh vật trên bãi biển, phản ứng của loài chim trong rừng sú (*Rừng của biển*)... ai đã nghe, đã đọc một lần thì có thể nhớ mãi được.

Khi viết kí, Ngô Ngọc Bội thường tham gia trong cuộc với đối tượng. Ông hoà vào nhịp sống của đối tượng mà chiêm nghiệm, mà nghĩ suy. *Thư viết từ quán Hàu* kể chuyện bộ đội trong tuyến lửa Quảng Bình. *Đêm Trường Sơn*, *Hòn Cốc cụ* kể về đời sống bộ đội Trường Sơn hay kể chuyện *Rừng của biển*... luôn có sự tham gia của tác giả. ông lăn lộn cùng vui buồn, gian khổ của thực tế mà viết. Trong bút kí *Trở lại một vùng sau lũ lụt* có đoạn: “Chúng tôi quý mến nhau từ những buổi “đào sông kê ruộng”, những tối sinh hoạt đội, những buổi gặt lúa thi. Và cả lúc các cô dạy tôi xén lúa. Tôi luôn uốn nắn cho các cô cách cắm cày: “*Ai lại cắm cày như cắm chày giã cua thế, trông thô lắm. Chỉ cần ba đầu ngón tay cắm trên đốc cày thôi. Cắm cày cũng nhẹ nhàng như người cầm bút*”. Tình đời, tình người làm cho những trang kí của Ngô Ngọc Bội sinh động, tươi tắn là vì vậy. Ngòi bút viết kí của ông thật đa dạng: khi hồn nhiên ào ạt, lúc trầm tĩnh lắng sâu, lúc lại khoan thai tỉ mỉ... nhưng xuyên suốt là cái nhìn ấm áp, nhân hậu từ bản chất của vấn đề. Tuy ở những trang kí đó không nhiều những xung đột gay gắt như trong tiểu thuyết hay truyện ngắn của ông, nhưng thủ pháp “tia lade” của ông lại tỏ ra đặc dụng trong những đoạn, những pha ông chủ định chia thẳng, xoáy sâu vào vấn đề, làm cho chúng bùng cháy lên khiến người đọc bị lôi cuốn, say mê. Ngô Ngọc Bội khá linh hoạt trong việc điều khiển “tia lade” trong bài kí - khi thì luận giải khúc chiết, khi liệt kê nổi bật, lúc trữ tình gợi cảm... và gây được bất ngờ thú vị. Chẳng hạn, khi viết về cây cối ông kết thúc thế này: “Tôi chợt cao hứng ngâm một câu ca dao nói về chiều “*Chẳng ham bông cúc bông hồng - Ham cô bán chiếu qua sông nặng đò*”. Chị Khải cũng là cô hàng chiếu đấy nhỉ? Chị Khải nhìn tôi mồm mỉm cười, rồi hỏi một câu thật hóm: “Thế hồi anh cưới chị ấy, ông chủ hôn có trải cho anh một cặp chiếu lồng hay không? - Có chứ (*Ngô Ngọc Bội trả lời - N.T.H*). Ngày ấy mẹ tôi mua cho tôi một đôi chiếu mới tinh màu trắng như ngà. Đêm hôm ấy tôi còn nhớ nguyên cái mùi cối phơi được nắng đượm cả hương vị mặn của vùng biển, vị nồng của mồ hôi người dệt chiếu và mùi bồ kết. Chẳng biết những cái buồng tân hôn ở bên châu Âu họ có trang trí những thảm cối bà con ta dệt không nhỉ, chị Khải thu mua có thấy cái mùi thơm của cối hay không?” (*Mùi thơm của cây cối*). Chất trữ tình, dí dỏm quán quện ấy không phải là gia vị, dấm ớt trong bữa ăn mà có tác dụng nâng giá trị bài kí lên rõ rệt. Trang kí của ông có lẽ vì thế mà sống động, có khi đọc lên, người ta giật mình nhận ra cái đẹp, cái giàu hoặc vấn đề mà mình từng băn khoăn, trăn trở. Trong *Mùa ngô ở Nhà Sản* ông viết: “Năm giờ chiều hôm sau chuyến xe ngược Tây Bắc. Qua ngày thứ hai xe vượt khỏi dốc Chiềng Đông. Rồi

ngã ba Cò Nòi hiện ra, “Không khí ngô” bắt đầu: Ngô vươn qua đồi thấp, ngô len lỏi vào các thung lũng. Ngô chạy sang đường số 6, từ cây số 257 đến cây số 283. Ngô quật sang đường 17 về phía Tây Nam, ngô thấp thoáng sau những rặng cây hoa ban. Màu ngô chín vàng nhạt, làm biến đổi cái màu xanh bao la của rừng”... Bức tranh cuộc sống đẹp được tái hiện bằng đoạn văn vừa gợi hình, gợi cảm vừa giàu tính hội họa và điện ảnh. Tốc độ miêu tả nhanh, mạnh, tạo cảm giác choáng ngợp, lôi cuốn. Có khi, nhà văn dừng lại đặc tả bức tranh hiện thực một cách trực diện và vừa tả, vừa bình: “Loại tám cẳng hai càng đẹp nhất, rục rờ nhất và cũng dị dạng nhất, là con còng kê. Khi tất cả các con còng kê bò lên mặt bùn dưới ánh nắng ban mai, nó giống như ai vừa mới bung rở ột phật thủ chín mọng tung ra phơi, hay là một vùng trồng lạc, khi mầm lạc đội đất giương hai cái tai mầm còn vương màu cùi hạt đỏ au lên nhìn bầu trời. Con còng kê đực to nhất cũng chỉ bằng ngón tay, nhưng cái càng phía trái cũng to bằng cái thân của nó, lại dài gấp đôi thân. Càng chả tương xứng với thân tí nào mà lại rất hài hoà, ngộ nghĩnh. Giống như những tác phẩm của nhà đại danh họa cách điệu lên vậy. Càng và chân còng kê đỏ rục rờ. Mai màu rêu xanh bóng lộng, có hoa văn như hoa đá. Càng to hình như là một thứ vũ khí tự vệ, vì khi có động thấy nó giơ lên che chở cho toàn thân, kênh càng, dữ tợn và nhay bén. Nó đánh bật cả bộ lưỡi câu chùm khi có người định buông câu ra ngoặc nó vào giỏ, và chạy thoát. Trái lại, chiếc càng bên phải lại chỉ nhỏ xíu, bằng nửa cái chân thường, cái càng này cũng rất linh hoạt liên lấu, giống như cái thìa con xúc thức ăn vào miệng. Đôi mắt con còng kê mới thật là kì lạ. Cọc mắt cao tới một phân rưỡi, dài hơn cả chiều ngang của thân nó; khi giương mắt lên nó nghênh ngang như cái cọc đèn biển tự hành dương dương tự đắc, chậm chạp quay đảo tứ phía, giống như cái vĩ sắt của trạm radar. Đôi mắt nghiêng ngó một phút, chừng mõi, chúng lại tự hạ hai cọc mắt xuống hố mắt, nằm dẹp xuống hai bên mép mai. Lập tức từ dưới miệng bật ra hai cái thanh vẩy gấp sẵn thành ba gấp, dẫu kín miệng vươn dài lên vượt mắt. Tuồng như nó đắp nước cho mắt khỏi bị khô, để luôn luôn tỉnh táo. Thiên nhiên thật kì lạ! Trong khi đó con còng cái lại không có càng to, chỉ có hai càng rất nhỏ duyên dáng, lon ton vun vén luôn tay... (*Rừng của hiên*). Đọc đoạn văn lên vừa có khoái cảm được chiêm ngưỡng một cảnh tượng bãi biển kì thú, vừa được bồi dưỡng những tri thức đời sống bổ ích. Trang kí của Ngô Ngọc Bội có không ít những đoạn văn như thế. Một đôi chèo, một đồng cối, đồng muối, đôi sơn... được miêu tả trong trạng thái hoạt động bao giờ cũng lấp lánh đâu đó ánh mắt say mê và nhịp đập tinh tế nhạy cảm của trái tim người viết. Có lẽ cái tâm khi trở thành linh hồn cho các con số, sự kiện, chi tiết, thì con số, sự kiện... mới dồi dào sức sống và lay động.

Với kí, Ngô Ngọc Bội không câu nệ đề tài. Ông đến với biển, với rừng, với đồi, với đồng ruộng, với Trường Sơn, nhiều khi viết đi viết lại mà lần nào cũng háo hức, mới lạ. *Tình cát sỏi* là bài kí vừa sinh động, hấp dẫn, vừa ấm áp tình người, tình đời, đã được trao giải A cuộc thi viết kí của Đài tiếng nói Việt Nam tổ chức năm 1982-1984. Ở bài kí này, công việc “bòn tro đãi sạn” - đề tài xưa nay rất ít người viết quan tâm, ngòi bút của Ngô Ngọc Bội bộc lộ rõ khả năng quan sát nhạy cảm đặc biệt kết hợp với sở trường phân tích tâm lí, do đó những gian khổ, vui

buồn âm thầm trên sông nước của những người khai thác cát được phản ánh nổi bật cùng với những suy nghĩ, trở trăn của họ.

Có một vấn đề Ngô Ngọc Bội đặt ra như một nguyên tắc khắt khe cho mình, đó là: nếu cảm xúc chưa chín, nếu viết ngắc ngứ thì coi như vứt bỏ, giống như bông hoa đã thụ phấn nhưng không đậu quả. Chính vì thế, kí của ông tuy không khỏi có đoạn thô tháp, dàn trải nhưng đó không phải là những đoạn "chín ép". Bút pháp trữ tình là chất men làm cho kí lấp lánh âm vang xa rộng nên có đoạn ông không dừng lại được.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Có một Hoàng Cầm văn xuôi

Vậy là bài thơ *Bên kia Sông Đuống* đã qua tuổi năm mươi, và tác giả của nó - nhà thơ Hoàng Cầm cũng đã vượt xa ngưỡng cửa "xưa nay hiếm". Tất nhiên, Hoàng Cầm không chỉ có *Bên kia Sông Đuống*, có *Hội yếm bay* hay *Cỏ Bồng thi*, *Chùa Hương*, *Mưa Thuận Thành...* (thơ) mà Hoàng Cầm còn có *Kiều Loan*, *Hận Nam Quan*, *Lên đường* (kịch). Và, nếu thơ của Hoàng Cầm đã từng làm rung động hàng nghìn, hàng vạn con tim suốt hơn nửa thế kỉ qua; nếu kịch của ông từng "làm nên bão táp trên sàn diễn và trong lòng khán giả" một thời... thì văn xuôi của ông (tập *Văn xuôi Hoàng Cầm*, do NXB Văn học và Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây ấn hành cuối năm 1999) dường như còn có sức hấp dẫn "cộng hưởng" từ đời sống tâm lí sáng tạo của một người làm thơ và viết kịch.

Cuốn sách dày 320 trang, tập hợp 25 bài viết của tác giả trong khoảng từ 1973 đến 1997. Có thể tạm chia *Văn xuôi Hoàng Cầm* bao gồm các tiểu thể loại: *truyện*, *tự truyện*, *hồi ức*, *phê bình*, *ghi chép*, *thư từ*. Điều đáng nói là: ở từng tiểu thể loại ấy, Hoàng Cầm đều thể hiện được ấn tượng khá rõ nét về những phương diện đa dạng của một bút lực tài hoa.

Men đá vàng là một truyện (nếu có thể được gọi như vậy) khá lạ - nhất là vào thời điểm ra đời của nó (1973). Câu chuyện được viết theo một "kết cấu lỏng", kể về hành trình của một người trai trẻ khám phá nghệ thuật gốm Bát Tràng; không phải là những phân tích đặc tính lí hoá vật liệu mà qua thủ pháp *hiện thực - huyền ảo*, tác giả lôi cuốn người đọc vào thời gian mờ nhòe "không năm tháng" với hành tung của một *số phận và tình người* - cô Phong Kiều đi tìm chồng là Phù Du. Sự biến ảo mang tính huyền thoại của câu chuyện ngầm chứa trong cái lõi của nó là ca ngợi khổ công lựa chọn và chế tác, cũng như nghệ thuật tinh diệu của người dân xứ gốm nổi tiếng dân gian. Hơi văn Hoàng Cầm đậm đặc chất thơ, men đá vàng của gốm lấp lánh trong men đá vàng của văn; và dường như năng lượng thẩm Mĩ cùng yếu tố tâm linh đã tạo nên "dòng chảy cảm xúc" thực sự cuốn hút và tươi xanh ở "Mở lối xưa về Kinh Bắc", khi ông đặt bút khơi nguồn vào mạch văn hoá Luy Lâu, với những chấm phá đặc sắc về huyền thoại tiếng hát Trương Chi, Từ Thức gặp Tiên, sức quyến rũ mê hồn của lời ca quan họ hay những điệu lý huê tình... thì năng lượng đó như bỗng trào lên ngọn bút, không cưỡng được: "*Ơi những con sông những triền núi, những gò cao, đồi thấp những bến những thuyền, những chùa*

chiến miếu mạo, đèn đài, lăng tạ của đất Kinh Bắc cổ kính và thanh tao, một dáng mây về sớm, một con chim lẻ hạn sang chiều, đến cả một sợi cỏ may, một húp măng tre đều còn ứ đọng tinh hoa của nền văn hoá văn minh đồng bằng Bắc Bộ" (tr. 33). Có lẽ Hoàng Cầm đã làm thơ và cũng viết văn xuôi bằng cảm hứng chủ đạo ấy xuyên suốt những *Sông Đuống bắt nguồn từ đâu*, *Tám nhịp tuần du*, *Nhớ lan man về cái đình*. Một đêm, giữa toà soạn báo *Quân Việt Bắc* (do Nguyễn Hồng chủ biên), bất thần được nghe tin quê mình "nơi nào dân bị tàn sát nhiều ít, ngôi chùa nào bị đại bác phá sập, ngôi đình nào chúng lập sở chỉ huy, làng nào đã lập tề, trường học nào bị đốt trụi" - nhất là cảnh tượng làng Hồ (Lạc Thổ) của ông trong những ngày chiến đấu ác liệt... thì Hoàng Cầm không ngủ được, "lòng ngổn ngang như bãi cỏ rối lút người... các âm thanh chèn lấn rối bốn bề, và trên bức vách, các hình thù ngả nghiêng theo ánh đèn sở lắt lay. Một lúc lâu thì những hình ảnh rõ nét nhất hiện lên bức vách, cứ như quay vòng nhường chỗ lẫn cho nhau. Quanh khuôn mặt dẫu dãi của mẹ tôi, có các bộ mặt khác như đậu chên vênh vào đấy: vợ tôi, các con tôi... rồi thời gian như đẩy lùi các hình ảnh âm thanh về một quá khứ xa... rất xa, có lẽ về thời Luy Lâu, về thời Lý, Trần" (tr. 169-170). Đây là khởi nguồn từ ý thức đến vô thức của lí do ra đời *Bên kia sông Đuống* hồi tháng 4/1948, mà kết quả của nó là một thi phẩm được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Cũng dường như luôn ám ảnh và được tiếp sức bởi mạch nguồn truyền thống, khi viết những bài thơ (được tập hợp trong *Về Kinh Bắc*), ông đã: "chìm về một quê hương xa, có thực mà như ảo ảnh, là ảo ảnh mà tưởng như gần gũi đâu đây, cứ chập chờn năm tháng và bảng lảng trời mây, xanh mơ mong manh màu kỉ niệm..." (tr. 189). Nếu như trong *Sông Đuống bắt đầu từ đâu*, vô thức chỉ là yếu tố ban đầu gợi ra những câu thơ (giọng như hát, như than thở, như ru em) trong trẻo vang vọng trong đêm:

Em ơi! Buồn làm chi

Anh đưa em về sông Đuống

Ngày xưa... cát trắng phẳng lì

hoặc dẫn dắt toàn bộ cuộc *tri ngộ âm dương* bằng lời văng vẳng như từ thời nào xa xưa mà tác giả ghi lia lịa trong bóng tối mờ ở *Tám nhịp tuần du*: "Váy đình Bảng buông chùng cửa vông..."; thì trong *Nhớ lan man về cái đình*, ý thức và vô thức ấy lại hoà nhuyễn thành phương tiện đặc thù nhằm tái hiện một kí ức phong tục và sinh hoạt văn hoá đồng bằng sông Hồng xưa.

Có cảm giác Hoàng Cầm không phải viết văn mà điều khiển dòng tâm thức của mình chảy xoắn xuýt trên những trang chữ nghĩa. Ông hồi ức nhiều sự kiện quan trọng của đời sống văn nghệ Việt Nam những năm trước Cách mạng tháng Tám 1945, trong kháng chiến chống Pháp và thời kì mới hoà bình trên miền Bắc. "Sau giờ viễn khách đi" là những nét phác hoạ khá ấn tượng của tác giả về đời sống "một thập kỉ khói lửa, máu và nước mắt", "trong ánh sáng mờ tỏ của sân khấu" có nỗi niềm đau đáu của nhiều kịch tác gia muốn nói lên những tâm tư nguyện vọng của mình với đất nước, với dân tộc, nhưng "chỉ cần phì phào một hơi thở yêu nước, hoặc loé lên một ý chí phản kháng bằng mũi kim thôi là bị cắt xén, thậm chí bị xoá sạch" (như các vở: *Kiểu Loan*, *Hận Nam Quan*, *Lên đường* của Hoàng Cầm), vì thế họ đành phải mượn những đề tài lịch sử, dã sử, "có khi tận đâu tận đâu ấy" rồi sáng

tác và cho ra mắt nhằm gửi gắm chút ít tấm lòng một người dân nước Việt (vở *Cô Sơn* của Nguyễn Bính, *Bóng giai nhân* của Yến Lan, *Dương Quý Phi* của Thế Lữ...). Cũng là hồi ức, *Thép gang hoà quyện tình ca* và *Ngày trở về Hà Nội* là hai bài viết xúc động. Trong *Thép gang hoà quyện tình ca*, tác giả kể lại chuyện Đại tướng Nguyễn Chí Thanh với màn quan họ trong đêm mừng công chiến thắng Điện Biên Phủ (tháng 5-1954) với nhiều chi tiết cảm động, cung cấp cho người đọc những tư liệu quý hiếm và bổ ích không chỉ về kiến thức dân ca quan họ mà còn thể hiện vẻ đẹp giản dị và bản lĩnh anh hùng của một vị tướng trong đời thường, cùng với cách nhìn nhận, định hướng cho một nền nghệ thuật cách mạng. Cùng với *Thép gang hoà quyện tình ca*, *Ngày trở về Hà Nội* ghi lại không khí lịch sử náo nức của quân và dân ta trong những ngày hoà bình đầu tiên và cuộc diễu hành hoành tráng tiếp quản Thủ đô.

Bên cạnh những trang hồi ức lấp lánh về quá trình sáng tạo một số tác phẩm của mình, Hoàng Cầm còn viết *Múa sạp thấu lòng Tử Phác*, *Cái gì thúc đẩy thơ*, *Trăm tư trước linh cữu Trần Dần* - đó là những bài viết về chân dung văn nghệ sĩ bằng hữu với lòng trân trọng và cả sự tri âm sâu sắc. Đặc biệt, khi giới thiệu tác phẩm của các nhà thơ khác, Hoàng Cầm viết cẩn thận và kĩ lưỡng, dường như bao giờ ông cũng chỉ đưa ra nhận định sau khi đã đọc và lí giải, cắt nghĩa một cách khách quan. Chẳng hạn, trong bài *Nghĩ tản mạn trong Bóng chữ Lê Đạt*, trước hết ông tự nhận: "Tôi chỉ có chút ít kinh nghiệm, và không có khả năng phê bình, phân tích thật rạch ròi" và sau đó ông chia bài viết của mình thành các phần: *Khoái cảm*, *Phân vân* và *Thử đi sâu vào một bài thơ xuất sắc nhất trong Bóng chữ* rồi mới kết luận: "Tập thơ *Bóng chữ* là một cột mốc, có thể nói là mới, một dấu son trên đường thơ đầy khó khăn, gian khổ của Lê Đạt và có lẽ cũng là con đường gian truân của một số thi sĩ". Hoặc trong bài *Núi xanh biển vắng* (nhân đọc bài thơ *Biển vắng* của Trịnh Thanh Sơn), sau khi tâm đắc từng câu một với tác giả bài thơ, ông viết: "Đọc kĩ bài thơ, riêng tôi lại thấy còn nhiều chữ thừa". Ông chỉ ra từng chữ, rồi ở câu cuối bài thơ ông giữ nguyên và bình: "*Anh / ngồi / rót / biển / vào / chai*. Rót thế thì rót đến bao giờ mới hết hơi thì nhân mắc nợ? Một nhịp suy tư sâu lắng bằng sáu từ, sáu âm đều đều mà bất tận. Câu kết thúc bất ngờ, sắc như nước, nặng như từng khối đá rơi, cả một trời biển cô đơn rót vào một chai lồng lộng có thể chỉ bằng cái chai rượu Lúa Mới là cùng nhưng thực sự là cái chai cao rộng chứa cả một thế giới nhớ nhung, quạnh quẽ của anh, lúc chiều đã tắt, tắt luôn cả hi vọng và ước mơ" (tr. 216). Dung công, trọng thị và trọng sự trình bày ý kiến một cách thấu tình đạt lí, khen hay chê đều rõ ràng, cộng với sự nhạy cảm và rung động tinh tế, những bài phê bình (về tác giả và tác phẩm) của Hoàng Cầm vì thế đạt tới một chất lượng cao.

Cùng với thơ, văn xuôi của Hoàng Cầm cũng hàm chứa tiềm năng nghệ thuật. Sinh động và riêng giọng điệu, khi đọc xong tập sách - xin phép dùng lại chữ của nhà thơ - đúng là thấy *thực sự được "khoái cảm"*! Và còn một "khoái cảm" nữa, ấy là khi đọc đến *Ba lá thư gầy* và *Thư cuối năm gửi con gái ở Mỹ* - Hoàng Cầm viết với thái độ thiết tha "phản tỉnh", thể hiện những tâm trạng giằng co day dứt, lựa chọn lối sống để khẳng định nhân cách của một nghệ sĩ đa tài đa đoan - đó cũng là những "bảo hiểm" đáng kính trọng cho những trang viết của ông.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Phần hai

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG
LÀM VĂN NGHỊ LUẬN**

I. MỘT SỐ LƯU Ý KHI VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. Tìm hiểu đề

Làm bài văn nghị luận cần lưu ý:

- Xác định rõ đối tượng hay vấn đề đưa ra để nghị luận.
- Chọn phương thức thể hiện phù hợp: bình luận, giải thích hay chứng minh?
- Bài viết cần dùng lập luận diễn giải hay qui nạp?
- Xác định luận điểm, nêu luận cứ và luận chứng.

2. Lập dàn ý

a) *Mở bài*

- Nêu vấn đề cần nghị luận.

b) *Thân bài*

Triển khai vấn đề nghị luận:

- Luận điểm
- Luận cứ
- Luận chứng

c) *Kết bài*

Nêu ý nghĩa hoặc tầm quan trọng của vấn đề nghị luận.

3. Gợi ý thực hành

Đề 1. Vai trò của sách đối với đời sống nhân loại.

Gợi ý: Cần sử dụng các thao tác giải thích, phân tích, bình luận để triển khai các ý cơ bản sau:

- Sách là gì? Người ta dùng sách để làm gì?
- Không có sách, cuộc sống con người sẽ thế nào?
- Sách có vai trò như thế nào đối với đời sống xã hội?
- Cần làm gì trước tình trạng xem nhẹ vai trò của sách trong xã hội công nghiệp hiện đại, khi công nghệ thông tin, nghe nhìn phát triển ồ ạt?

Để có tư liệu cho việc tạo lập các ý theo định hướng trên, hãy đọc lại bài *Bàn về đọc sách* của Chu Quang Tiềm trong *Ngữ văn 9*, tập hai.

Đề 2. Anh (chị) hãy trình bày những suy nghĩ của mình về lòng dũng cảm.

Gợi ý: Vận dụng các thao tác giải thích, bình luận, chứng minh để thể hiện những suy nghĩ riêng của mình về *lòng dũng cảm*. Cần huy động những hiểu biết

về lịch sử, văn học hoặc những chuyện có thật trong cuộc sống mà em đã được nghe, được chứng kiến làm dẫn chứng cho những bàn luận của mình.

- Người như thế nào là người dũng cảm?
- Lòng dũng cảm có những biểu hiện nào?
- Lòng dũng cảm có ý nghĩa quan trọng như thế nào trong cuộc sống của mỗi người và của cộng đồng?

Đề 3. Quan niệm của anh (chị) về một bài thơ hay.

Gợi ý: Cần vận dụng các thao tác bình luận, phân tích, chứng minh để thể hiện suy nghĩ của mình về tiêu chuẩn để đánh giá một bài thơ hay. Cần kết hợp giữa việc trình bày lí thuyết với việc liên hệ, phân tích, nêu cảm nghĩ của mình đối với những ví dụ cụ thể, nhất là các bài thơ đã được đọc - hiểu trong chương trình Trung học cơ sở hoặc Trung học phổ thông.

- Thơ hay thì nội dung phải như thế nào? (Cảm xúc chân thực; Nội dung có sự thống nhất cao giữa cái riêng và cái chung, giữa cảm xúc của một người với cảm xúc của nhiều người,...)
- Thơ hay thì hình thức biểu đạt phải như thế nào? (kết cấu, nhạc tính, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ,...)
- Nội dung và hình thức của một bài thơ hay phải kết hợp với nhau ra sao?

Đề 4. Bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ qua một số tác phẩm văn học trung đại đã học: *Đọc “Tiểu Thanh kí”* (Nguyễn Du), *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm), *Cung oán ngâm* (Nguyễn Gia Thiều).

Gợi ý: Đề bài đưa ra ba tác phẩm và một vấn đề có tính khái quát. Cần vận dụng thao tác phân tích, bình luận song cũng phải có kĩ năng tổng hợp khi thực hiện yêu cầu của đề này. Nội dung phản ánh và hình tượng trung tâm của ba tác phẩm là những luận cứ mà người viết cần phân tích để làm nổi rõ luận điểm về bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Có thể tham khảo sự lập ý và cách triển khai ý dưới đây:

- Ba tác phẩm (*Đọc “Tiểu Thanh kí”* của Nguyễn Du, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm và *Cung oán ngâm* của Nguyễn Gia Thiều) có điểm gì chung? (Đều phản ánh bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ)
- Thân phận, tình cảnh, nỗi bất hạnh của ba người phụ nữ trong ba tác phẩm có gì khác nhau? (nàng Tiểu Thanh, người chinh phụ, người cung nữ)
- Mỗi nhân vật mang một nỗi khổ riêng, song những nỗi niềm riêng ấy cho ta thấy tấn bi kịch chung của người phụ nữ trong xã hội cũ như thế nào?
- Có thể liên hệ so sánh như thế nào với người phụ nữ hiện nay?
- Em có suy nghĩ gì về giá trị nhân đạo của các tác phẩm thể hiện bi kịch của người phụ nữ?

Đề 5. Bài học về nhân cách mà anh (chị) rút ra từ các câu chuyện về Thái phó Tô Hiến Thành và Thái sư Trần Thủ Độ.

Gợi ý: Đề bài yêu cầu từ những câu chuyện về các nhân vật lịch sử người viết

tự nêu lên những suy nghĩ về bài học nhân cách. Để thực hiện tốt yêu cầu của đề bài này, cần tập trung vận dụng thao tác bình luận, giải thích. Có thể tham khảo sự lập ý và cách triển khai ý dưới đây:

- Thái phó Tô Hiến Thành và Thái sư Trần Thủ Độ được khắc họa nổi bật ở điểm nào trong các câu chuyện lịch sử? Tại sao có thể coi hai ông là tấm gương sáng về đức độ, nhân cách?

- Em rút ra bài học gì về nhân cách từ những câu chuyện về hai nhân vật lịch sử? Ý nghĩa của bài học ấy là gì? (Bài học về đức tính chính trực, thẳng thắn, chí công vô tư, lòng quả cảm, trung thực, tinh thần yêu nước,...)

- Có thể liên hệ được không giữa những gì diễn ra trong câu chuyện lịch sử ngợi ca nhân cách của Tô Hiến Thành và Trần Thủ Độ với đời sống xã hội hiện nay?

- Em có thể áp dụng bài học ấy vào cuộc sống, công việc học tập,... của mình như thế nào?

Đề 6. Ngạn ngữ Hi Lạp có câu: "Học vấn có chùm rể đáng ghét nhưng hoa quả lại rất ngọt ngào".

Anh (chị) hiểu như thế nào về ý kiến trên?

Dàn ý:

I- Mở bài

- Nêu tầm quan trọng của học vấn đối với con người (lấy một số tấm gương học tập, rèn luyện của các nhà khoa học, nhà văn hoá, nhà văn nổi tiếng để làm lời vào bài cho sinh động)

- Nêu câu ngạn ngữ.

II. Thân bài

1. Giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu ngạn ngữ.

Từ "chùm rể đáng ghét" đến "hoa quả ngọt ngào" là con đường gian nan. Học vấn có vai trò hết sức quan trọng đối với mỗi con người và xã hội.

2. Đánh giá vấn đề:

- Con đường học vấn rất khó khăn, nhiều chông gai, là "chùm rể đáng ghét". Bởi:

- + Tri thức nhân loại thì rộng vô cùng, khả năng của con người thì có hạn, liệu con người có đủ kiên nhẫn để chiếm lĩnh nó?

- + Trên con đường học vấn có nhiều thử thách, con người có vượt qua trở ngại và vượt qua chính mình?

- Muốn có học vấn, con người không chỉ vượt qua khó khăn còn phải:

- + Cần cù, nhẫn nại,

- + Biết cách tích lũy kiến thức.

- + Có thể phải học cả đời.

- Có học vấn - có cái gốc - tức là có thành quả - "hoa quả ngọt ngào"

- + Kiến thức ta thu được sau bao năm học tập, dù chỉ là hạt cát trong sa mạc,

giọt nước giữa đại dương nhưng giúp ta đảm bảo cuộc sống của mình và góp phần xây dựng xã hội.

+ Vì thế con người phải ra sức học tập, tục ngữ Việt Nam có câu: "Không thầy đố mày làm nên".

3. Mở rộng vấn đề:

- Hiểu sâu sắc vị đắng của "chùm rẽ đắng ngắt" ấy để mỗi người cố gắng hơn và tự hào về học vấn của mình.

- Những nhà bác học lỗi lạc, những danh nhân nổi tiếng đều là những người giàu nghị lực vượt qua bao khó khăn, thiếu thốn để học tập và gặt hái vinh quang.

- Trong cuộc sống hiện đại, quan niệm về học vấn được mở rộng. Mỗi người phải luôn luôn tự học để làm giàu vốn hiểu biết của mình.

III. Kết bài

Khẳng định ý nghĩa vấn đề, rút ra bài học đối với bản thân:

- Xác định quan niệm học tập đúng đắn;

- Không ngừng bồi dưỡng nghị lực và rèn luyện quyết tâm đi tiếp con đường học vấn.

II. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Đề 1: Tác hại của thuốc lá.

Bài viết

Dịch hạch, thổ tả, hàng vạn hàng triệu người chết, nhờ tiến bộ y học, loài người hầu như đã diệt trừ được. Cả thế giới đang lo âu về nạn AIDS, chưa tìm ra giải pháp thì lại xuất hiện nạn thuốc lá. Có thể nói rằng bên cạnh các tệ nạn khác, thuốc lá đã gây ra tác hại rất lớn đối với đời sống con người.

Hút thuốc lá ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người. Hút thuốc lá có thể gây ra bệnh về phổi, gan, tim, khoa học và thực tế đã chứng minh rằng nếu một người hút thuốc lá thường xuyên trong vòng nhiều năm thì tuổi thọ sẽ giảm đi rất nhiều so với những người không hút thuốc lá. Vì sao vậy? Trong thuốc lá có côcain dễ gây nghiện, khi hút có thể nó kích thích sự hưng phấn cho người hút nhưng nó lại gây ra tác hại rất lớn. Nó làm thành màng đen bao lấy phổi, hút càng nhiều thì diện tích màng đen càng lớn gây bệnh cho người hút. Không chỉ cá nhân người hút mà hút thuốc thì người gần anh cũng hít phải khói độc. Vợ con, những người xung quanh... cũng bị nhiễm độc, cũng đau tim mạch, viêm phế quản, ung thư... đặc biệt người hít phải khói thuốc còn có khả năng bị bệnh cao gấp mười lần người hút thuốc. Hút thuốc cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác.

Nạn hút thuốc ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế mỗi người và nền kinh tế xã hội. Một người mới bắt đầu làm quen với thuốc lá có thể hút rất ít không tốn là bao nhưng thuốc lá rất dễ gây nghiện nên số lượng và số lần hút sẽ tăng lên một cách nhanh chóng. Vì vậy, số tiền đáng lẽ một người chồng cha mẫu mực phải lo cho gia đình, một cậu thanh niên dành quyền góp đồng bào lũ lụt... thì lại nung vào hút thuốc lá. Thật tai hại! Đặc biệt trên phong bì ngoài bao thuốc nào cũng có ghi

"hút thuốc lá có hại cho sức khỏe" nên việc nhập khẩu thuốc lá với thuế quan rất đắt ảnh hưởng đến nền kinh tế cả nước. Do vậy có thể nói thuốc lá làm nền kinh tế cá nhân, cả nước và cả thế giới thiệt hại.

Nhiều thanh niên (trong đó có cả nữ) ngày nay muốn tỏ vẻ ta đây là người lớn, lên mặt đàn anh đàn chị bèn tìm đến thuốc lá. Họ coi lúc nào cũng phì phèo điếu thuốc lá trên tay mới là dân sành điệu. Suy nghĩ vậy thực là nguy hiểm! Quả thuốc lá đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhân cách con người. Bố và anh hút, chú bác hút... không những đầu độc con em mà còn nêu gương xấu. Một điều đáng chê trách của nền điện ảnh Việt Nam và cả thế giới là những chiến sĩ cảnh sát mẫu mực nhất, những cán bộ được yêu kính nhất... trước một vấn đề đau đầu cần suy nghĩ để tìm hướng giải quyết thì lại trầm ngâm cùng điếu thuốc. Điều đó càng khuyến khích việc hút thuốc lá. Tệ nạn thuốc lá không chỉ giới hạn trong phạm vi của nó. Từ điếu thuốc đến cốc bia, đến ma túy thực là khoảng cách không xa mấy. Mọi tệ nạn dường như đều có thể mở đầu bằng điếu thuốc.

Thuốc lá - Môi trường ngổ không liên quan đến nhau nhưng thực ra có liên quan mật thiết đến nhau. Hút thuốc lá, khói thuốc lá làm ô nhiễm môi trường. Bên cạnh khói nhà máy, khói xe cộ... khói thuốc lá hủy hoại môi trường sống, ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Vì những tác hại ảnh hưởng đến sức khỏe kinh tế, nhân cách, đời sống con người như vậy nên mỗi cá nhân cộng đồng, toàn thế giới cần phải tích cực chống việc hút thuốc lá. Không chỉ là lời nói, khẩu hiệu suông mà ai cũng phải tự ý thức thực hiện bằng hành động. Người người nhắc nhở nhau, nhà nhà nhắc nhở nhau... nếu tất cả cùng đồng tâm hiệp lực không hút - không mua - không bán thuốc lá thì tốt biết mấy.

Ở nước ta thật đáng quý thay có một quán cà phê sinh viên nghiêm cấm hút thuốc. Nếu ai cũng có ý thức như vậy thì tệ nạn thuốc lá sẽ không còn cơ hội hoành hành nữa.

Bài viết về tác hại của thuốc lá này còn rất nhiều thiếu sót, tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện nó trong quá trình tìm hiểu tác hại của thuốc lá cũng như việc nêu ra các biện pháp phòng chống hữu hiệu.

LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG

Đề 2: Vai trò của cây cối (hoặc của rừng, của các loài động vật) hoang dã, nguyên liệu sạch... trong môi trường sống

Bài viết

Con người sống, tồn tại, làm việc, giải trí hàng ngày trong một môi trường sống trong sạch. Một trong những yếu tố tạo nên sự trong sạch đó chính là "rừng".

Không phải dĩ nhiên mà trái đất được gọi là hành tinh xanh. Với diện tích lớn là biển, rừng và tầng ôzôn bao quanh, trái đất với điều kiện lý tưởng ấy là nơi bắt nguồn cho sự sống - một điều mà chưa hành tinh nào có. Đặc biệt là rừng - một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người.

Rừng là gì? Đó là một quần lạc sinh địa, trong đó sinh vật rừng, đất và khí hậu tạo thành một thể thống nhất, có quan hệ tương hỗ chặt chẽ với nhau. Nó được tạo nên bởi nhiều thành phần mà cây là thành phần chính. Vậy thì tại sao rừng lại có một ảnh hưởng lớn như vậy đến cuộc sống con người?

Như chúng ta đã biết, thành phần chính của rừng là cây xanh. Mà cây xanh lại có tác dụng rất lớn đối với môi trường sống. Không đơn thuần là tạo bóng mát, làm đẹp phố phường mà hơn hết cây xanh điều hòa khí hậu giúp cho không khí trong lành, làm sạch bầu khí quyển. Hãy thử tưởng tượng xem nếu như trái đất này không có cây xanh thì chắc chắn xung quanh ta sẽ chỉ là một bầu không khí bụi bặm, ô nhiễm nặng, nóng hoặc mưa lạnh giá, hạn hán ngập lụt sẽ giày xéo lên cuộc sống của người dân. Nói cách khác không có cây xanh sự sống của con người sẽ chấm dứt.

Cuộc sống con người không chỉ được quyết định ở yếu tố vật chất mà nó còn bị ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên khách quan. Trong đó xói mòn đất là một hiện tượng tự nhiên thường xảy ra nơi những vùng đồi dào, đất trọc ít cây bao phủ. Xói mòn làm cho lớp đất mặt bị rửa trôi, tạo thành khe rãnh gây lũ lụt, đất trôi lở... ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất và đời sống con người. Rồi hiện tượng gió, gió mạnh ảnh hưởng lớn đến cây rừng làm giảm 30 - 90% sự đồng hóa thực vật, gió nóng làm giảm khả năng thụ phấn của cây, dèm cát vùi lấp đồng ruộng, nhà cửa... Tất cả những thiên tai khủng khiếp đó đều có thể được ngăn chặn hoặc giảm bớt bằng cách trồng cây xanh. Rừng điều hòa khí hậu, điều tiết dòng chảy trên mặt đất, bảo vệ, cải tạo làm tơi xốp đất, giữ nước cho sản xuất, hạn chế sức phá hoại của gió ngăn sự di chuyển của cát vào sâu đất liền, ngăn chặn gió, bão, mùa màng, làng xóm. Không chỉ thế rừng còn là nguồn cung cấp cho con người gỗ, củi, hoa quả và làm phân xanh. Có thể nói rừng đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của mỗi con người.

Không chỉ là yếu tố, thành phần chính trong hoàn cảnh sống của con người mà rừng còn là môi trường sống của rất nhiều động vật quý hiếm. Rừng có các loại cây từ thấp lên cao. Ở mỗi tầng là một môi trường hoàn cảnh thích nghi riêng biệt với từng loài vật. Nào thỏ, hươu, nai, hổ đến khỉ, vượn, sóc, chim... đó là những loài động vật rất quý hiếm mà môi trường sống duy nhất của chúng chính là rừng - thiên nhiên hoang dã.

Trong rừng có rất nhiều loài gỗ quý hiếm như đinh, lim, sến, táu,... rồi các loại thuốc quý. Có những khu rừng được con người trồng lên để phục vụ cho chế biến công nghiệp như rừng cao su, rừng tre, nứa, keo tai tượng,....

Bên cạnh đó rừng còn là môi trường sinh thái trong lành - một địa điểm du lịch lý thú, một danh lam thắng cảnh tuyệt vời đầy bí ẩn, hoang dã và tràn đầy hấp dẫn, lôi cuốn.

Ảnh hưởng lớn và có tính chất quyết định đến sự sống con người rừng còn rất có ích với các lĩnh vực khác như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ... hiểu rõ được những lợi ích và ảnh hưởng của rừng ta mới thấy rõ vị trí và tầm quan trọng của nó như thế nào?

Đất nước ta với ba phần tư diện tích là rừng, đồi núi - một điều kiện thiên nhiên tuyệt vời. Vậy mà giờ đây diện tích rừng đó còn lại bao nhiêu? Không hiểu rõ tầm quan trọng của rừng rất nhiều người đã chặt phá cây bừa bãi nhất là những người dân thiếu hiểu biết "đốt nương làm rẫy" khai phá rừng một cách vô ý thức. Nhưng cũng có những người biết được lợi ích của rừng hiểu được sự sai trái trong hành động của mình nhưng vẫn chặt trộm, khai thác rừng trái phép để kiếm lợi về mình. Hậu quả của những việc chặt phá, khai thác thiếu quy củ, đốt rừng, phá rừng ấy thật không thể tưởng tượng được. Từng tự hào với cánh rừng U Minh rộng lớn, phong phú thì nhưng chỉ vì thiếu ý thức, công tác quản lý kém mà hàng trăm, hàng nghìn hecta rừng bị phá hủy, thiêu rụi trong ngọn lửa làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường người dân và thiệt hại hàng trăm tỷ đồng của nhà nước. Những vùng đồi xanh đẹp đẽ xưa kia những cánh rừng nguyên sinh xưa kia giờ đây chỉ còn là những quả đồi trọc, những khu rừng thứ sinh. Tiếp theo đó là những thảm họa thiên nhiên liên tục xảy ra nào hạn hán, nào lũ lụt, nào sụt lở đất... làm thiệt hại bao tiền của và đau đớn hơn là tính mạng của những người dân vô tội. Không có rừng thì lấy cái gì để ngăn chặn lũ lụt, điều hòa không khí, để chống xói mòn, để bảo vệ làng mạc. Những tai hại to lớn và khủng khiếp ấy đều chỉ vì một sự vô ý thức, sự thiếu hiểu biết và hám lợi của một số cá nhân gây ra.

Mất rừng đồng nghĩa với việc môi trường sống của con người đang dần dần bị tàn phá, hủy hoại. Những loại động vật hoang dã cũng mất đi môi trường sống của mình. Đã bao loài động vật bị tuyệt chủng, bị đem vào danh sách đỏ. Nguy cơ tuyệt chủng tất cả cũng vì chặt phá rừng.

Hiểu rõ tầm quan trọng, thấy rõ những hậu quả của việc tàn phá rừng, chúng ta thêm phần yêu quý và biết bảo vệ rừng hơn.

Hiện nay Đảng và chính quyền nhà nước ta đã có những biện pháp thích hợp và quản lý chặt chẽ trong việc khai thác rừng. Bằng cách khai thác hợp lý kết hợp với việc tái tạo rừng, nhiều khu rừng đã được phục hồi "phủ xanh đồi trọc".

Tác động của con người tới tái sinh tự nhiên là rất lớn bởi trong tái sinh tự nhiên thường gặp hoàn cảnh bất lợi, ảnh hưởng đến sự nảy mầm của hạt, sự sinh trưởng của cây con. Để khắc phục người sản xuất phải chủ động tạo hoàn cảnh sống thích hợp bằng cách chặt phá những cây, cành mọc quá rậm, phát bớt bụi để hạt tiếp xúc nảy mầm dễ và xới đất tơi xung quanh gốc. Là học sinh, sinh viên chúng ta có thể góp sức nhỏ của mình trong công cuộc cải tạo rừng bằng cách tuyên truyền tầm quan trọng của rừng, hậu quả của việc khai thác trái phép và có thể trồng cây quanh nhà để góp phần làm trong sạch không khí, môi trường sống trong xóm làng.

Hãy yêu quý và bảo vệ rừng để trái đất của chúng ta mãi là "hành tinh xanh" "Tổ quốc Việt Nam yêu dấu, có sạch đẹp mãi được không. Điều đó tùy thuộc hành động của bạn, chỉ thuộc vào bạn mà thôi".

THÁI THỊ VÂN ANH

Đề 3: Ngạn ngữ Hi Lạp có câu: "Học vấn có chùm rễ đắng ngắt nhưng hoa quả lại rất ngọt ngào". Anh (chị) hiểu như thế nào về ý kiến trên.

Bài viết

Hơn một ngàn năm trước, ở nước Trung Quốc xuất hiện Tôn Ngộ Không - con khỉ đá ngộ nghịch nhưng dám quì suốt ba mùa đông trong mưa tuyết để "tâm sự học đạo". Là Tôn Hành Giả hay chính con người ngộ ra sự cần thiết của học vấn với bản thân mình? Với Tôn Ngộ Không ba năm quỳ trong mưa tuyết và mấy chục năm học tập, vất vả kia là cái giá phải trả cho sự bất tử của "Tề Thiên Đại Thánh". Còn ở nước Anh xa xôi có anh chàng Rôbinxơn Cruxô nhờ có tri thức về các môn khoa học, về trồng trọt, chăn nuôi đã sống được trên đảo hoang suốt hai mươi tám năm trời để rồi trở về trong sự ngạc nhiên, khâm phục của mọi người... Dù học vấn ở dạng nào thì Tôn Ngộ Không hay Rôbinxơn đều nhờ có học vấn mà sống sót được. Ở Hi Lạp, xứ sở của những vị thần thông minh, nhân bản đã đúc kết một câu nói rất đơn giản nhưng chính xác chứa đầy một sự thực về học vấn: "Học vấn có chùm rễ đắng ngắt nhưng hoa quả lại rất ngọt ngào".

Từ "đắng ngắt" cho đến "ngọt ngào" là cả một quá trình vất vả. "Chùm rễ" kia là cái gốc, là bước khởi đầu cho cả một con đường gian nan vất vả đi tìm học vấn, đi tìm tri thức nhân loại. "Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học", trên trái đất này mấy nghìn năm qua, từ nền văn minh cổ đại cho đến nay, không một vĩ nhân nào thành danh mà lại không có học vấn cả. Một nhà bác học được người ta kính phục vì đầu óc anh ta chứa đựng nhiều kiến thức hơn người bình thường, cái đầu của anh ta có khả năng cải tạo thế giới, cải tạo và làm biến đổi xã hội. Chính học vấn và tri thức đã giúp con người tiến xa hơn trong nấc thang tiến hóa tránh xa hơn với lối sống động vật, cuộc sống của con người ngày một được cải thiện hơn. Như vậy có thể nói học vấn có vai trò hết sức quan trọng đối với con người, một xã hội văn minh và hiện đại.

Nhưng học tập là một con đường rất khó khăn đó là "tẩu lộ nan" mà kẻ nào không có đủ ý chí và nghị lực để vượt qua sẽ ngã quì và bị tụt lại phía sau mãi mãi. Bởi tri thức thì vô cùng mà sức lực và trí tuệ của con người thì có hạn. Trước một vấn đề khó khăn nan giải liệu anh có đủ kiên nhẫn để giải tỏa vướng mắc hay không?

Mà trên con đường học vấn sẽ xuất hiện không ít những hòn đá to, những vực sâu mà chỉ có những kiến thức anh mới vượt qua được nhưng biết đâu anh sẽ nản lòng? Thu nhận kiến thức là một quá trình lâu dài và vất vả. Với học vấn sự quyết tâm và chiến thắng những ham muốn cá nhân của mình là rất quan trọng. Điều đó thật khó bởi những con số tính toán những con chữ chắc gì có đủ sức giữ được chân ta, tâm trí ta trước những trò vui, những tiếng còi đang hấp dẫn, gọi mời? Chỉ cần buông thả mình một chút, anh sẽ bị bỏ xa biết bao nhiêu và anh sẽ trở thành một kẻ bại trận trước học vấn.

Bể học vô cùng, ta không thể một sớm, một chiều mà có thể thu nhận tất cả, học vấn cũng như góp nhặt, tích trữ cần phải cần mẫn thu nhặt từng tí một làm đầy thêm kiến thức của mình. Nếu bắt anh đếm chính xác hàng trăm con cá đang bơi qua lại trong cái bể kia anh không thể chỉ đứng nhìn và đếm mà phải nhẫn nại, phải

vớt từng con một sang bể khác như vậy mới đếm đúng được. Học vấn cũng như vậy, mỗi ngày học một ít dần dần tích lũy lại cứ thế mà học vấn sẽ cao lên. Học không phải chỉ mấy ngày, mấy năm mà có thể sẽ phải học cả đời. Quả thật học vấn là một "chùm rễ đắng ngắt" mà chúng ta phải nếm trải dù nhọc nhằn, ta có quyền phủ nhận, có quyền từ chối không tiếp nhận học thức nhưng rồi ta sẽ là kẻ vô học, kẻ lạc hậu và vô dụng mà thôi. Cho nên dù đắng ngắt tới đâu nhưng nếu muốn có hoa quả ngọt ngào ta phải nếm trải cái chùm rễ ấy, nó là cái gốc, là điều kiện đầu tiên để ta có thể thành công và vững bước trên đường đời. Cuối cùng, sau bao nhiêu năm học tập miệt mài vất vả những kiến thức mà ta thu nhận được dù chỉ như một hạt cát trong sa mạc, một giọt nước trong đại dương học thức, nhưng điều quan trọng là với vốn kiến thức ấy, chúng ta có khả năng đảm bảo cho cuộc sống của chính mình, có khả năng xây dựng hay tái tạo xã hội... và đặc biệt có quyền tự hào mình là người có học, là kẻ hiểu biết. Tục ngữ Việt Nam có câu "không thầy đố mày làm nên", vâng, một người dù có tài năng thiên bẩm nhưng nếu không có người thầy dạy dỗ cung cấp cho những hiểu biết cơ bản thì anh ta cũng không thể thành công được. Xã hội đang phát triển từng ngày, con người hiện đại càng phải luôn luôn có ý thức nâng cao học vấn để theo kịp tốc độ phát triển của thế giới. Học tập vì tương lai của mình và vì công cuộc xây dựng đất nước không chỉ là một khẩu hiệu.

Đã hơn mười năm em ngồi trên ghế nhà trường, trải qua thực tế, em cũng đã thấu hiểu phần nào vị đắng của chùm rễ ấy, nhưng không chỉ em mà hàng triệu học sinh khác cố gắng và luôn tự hào vì chùm rễ ấy bởi chỉ có học vấn mới đảm bảo tương lai của các em.

Ngày nay chất radium và tia X có nhiều ứng dụng quan trọng trong đời sống và khoa học kỹ thuật, chính những phát minh đó đã đưa Marie Curie trở thành nhà nữ bác học đạt giải Nobel đầu tiên thế giới. Để đạt được thành tựu ấy, người phụ nữ Balan này đã phải vượt qua bao sóng gió tới Vương quốc Anh xa xôi để có thêm điều kiện nghiên cứu và tự học. Bà đã hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì khoa học. Đó là Marie Curie người đạt giải Nobel hóa học. Còn ở đất nước Việt Nam chúng ta, hẳn không ai quên "bông sen trong giếng ngọc" Mạc Đĩnh Chi - chú bé nghèo bắt đom đóm làm đèn học sinh, vượt qua bao nỗi mệt mỏi học tập kinh sử để có ngày đỗ bảng vàng vinh quy bái tổ, để có ngày trở thành "Lượng quốc trạng nguyên"... và nơi nơi trên đất nước Việt Nam ta, trên thế giới này có biết bao nhiêu tấm gương nghèo hiếu học và cuối cùng họ đặt chân được vào đỉnh vinh quang của thành công.

Thế giới hiện đại, quan niệm học vấn được mở rộng ra, học vấn không phải chỉ là văn thơ, là kinh sử, là tri thức khoa học mà học vấn bao gồm nhiều vấn đề văn hóa, xã hội... học vấn là vô cùng nhưng để đạt thành công trong một lĩnh vực nào đó, ta nên am hiểu kiến thức về lĩnh vực ấy. Một diễn viên muốn nổi tiếng ngoài tài năng vốn có thì buộc anh ta phải có nhiều kiến thức về kỹ năng, kĩ xảo diễn xuất, một họa sĩ cần thành thục về kỹ thuật phối màu và pha màu hay sắp đặt... mà điều ấy hầu như chỉ học tập mới đạt được.

"Trên bước đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng", nhờ có

học vấn mà một kẻ vô danh sẽ trở thành một vĩ nhân, chỉ có chùm rễ đắng ấy mới giúp ta có được những hoa trái ngọt ngào. Câu nói trên đã đúc kết nên một quan niệm thật đúng đắn về học tập nó giúp em có thêm nghị lực, quyết tâm để đi tiếp con đường học vấn đầy vất vả chông gai, đầy đắng chát để rồi trong cuộc đời các mà em nhận được là những hoa trái ngọt ngào của chiến thắng và thành công.

LƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG

Đề 4: Ma túy - chủ nhân của những con rối.

Bài viết

Ma túy là một chất gây nghiện và gây kích thích mạnh đối với hệ thần kinh. Khi sử dụng ma túy, con người sẽ cảm thấy hưng phấn, rơi vào trạng thái mê mẩn thậm chí là ảo giác, và nguy hiểm hơn là sẽ bị nghiện, để rồi sau đó gắn chặt lấy nó và phục tùng nó như những con rối.

Tác hại về mặt sinh học của ma túy là ở chỗ đó nhưng tác hại về mặt đời sống, xã hội của ma túy thì có lẽ còn khủng khiếp hơn nhiều. Nó như một ông chủ toàn năng đối với những con rối của mình, những kẻ dính vào ma túy. Và những con rối ấy sẽ là những hiểm họa đối với một xã hội tiến bộ.

1. Con rối thứ nhất: Con nghiện

Hiện nay số người nghiện ma túy là không thể kể hết, và ở mọi tầng lớp. Nhưng điều đáng lo nhất, phần lớn những con nghiện ở độ tuổi thanh niên. Họ là những chủ nhân tương lai của xã hội, sẽ tiếp bước những người đi trước để xây dựng đất nước ngày một giàu mạnh. Thế nhưng một bộ phận không ít trong số họ, đã không đủ bản lĩnh để vượt qua sự cám dỗ của năng tiên nâu, đã rơi vào con đường nghiện ngập cùng một cuộc sống vô nghĩa lí. Tác hại của ma túy đối với những con nghiện gần như là toàn diện, cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần.

a. Đời sống vật chất

Ma túy là kẻ phá hoại kinh tế gia đình con nghiện một cách nhanh chóng nhất. Để thỏa mãn cơn nghiện, con nghiện sẵn sàng lấy trộm tiền trong nhà, hay thậm chí là đi trộm cắp, gây tội lỗi. Hiện nay, ma túy đã len lỏi vào cả chốn học đường, nơi đào tạo những chủ nhân tương lai cho xã hội, để phá hoại những gì tốt đẹp nhất của người học sinh, lôi kéo họ vào con đường tăm tối của khói thuốc phiện. Và nhất là những người có điều kiện kinh tế gia đình thuận lợi, thì ma túy luôn là nỗi đe dọa thường trực, bởi vì những kẻ buôn ma túy luôn chú ý tới điều này. Vì vậy khi u mê chạy theo ma túy, đời sống vật chất của con nghiện sẽ ngày càng cạn kiệt, thậm chí là trắng tay nếu không kịp thời ngăn chặn. Con nghiện vì vậy sẽ là những con rối trong tay ma túy, những kẻ buôn ma túy, làm theo mọi điều kiện của chúng để thỏa mãn cơn nghiện.

b. Đời sống tinh thần

Tác hại của ma túy về mặt này lại càng nguy hiểm.

Ma túy sẽ khiến con nghiện trở nên ngày càng tha hóa về đạo đức, làm băng hoại giá trị tinh thần tốt đẹp. Rơi vào bàn tay của thuốc phiện, cần sa, con nghiện

sẽ bị lạc vào một thế giới của ảo giác, sau đó là những cơn vật vã đau đớn về thể xác, sự mệt mỏi của trí lực, tinh thần, dần dà sẽ càng trở nên chai sạn tâm hồn, và thậm chí sẽ trở nên xấu xa, độc ác, chỉ để thỏa mãn cơn nghiện.

Nếu là một con người lành mạnh, chúng ta biết phụng sự những giá trị đạo đức, lí tưởng tốt đẹp. Nhưng nếu là một con nghiện, thì sẽ chỉ biết tuân theo một ông chủ duy nhất: ma túy, và là một chủ nhân quý dũ, ma túy sẽ gieo rắc vào tâm hồn con nghiện những mầm mống của tội ác. Đó chính là mầm mống, của tệ nạn xã hội như trộm cắp, đâm thuê chém mướn... gây ra sự rối loạn của xã hội.

Và nếu rơi vào bàn tay của ma túy, tức là đã trở nên một kẻ có cuộc sống vô lý tưởng, vô nghĩa, nói cách khác là một kẻ thừa, hay thậm chí, là cận bã của xã hội. Đó là tác hại về mặt tinh thần của ma túy.

Chưa hết, có những vận động viên thể thao sử dụng ma túy trong khi thi đấu, phá hoại tính nghiêm túc và công bằng của thể thao chân chính.

Tóm lại, tác hại về tinh thần của ma túy đối với con người là đáng sợ nhất. Mầm mống của tệ nạn xã hội phần lớn do đó mà ra.

Nhưng một vấn đề nhức nhối đặt ra là, tại sao ngày nay nhiều người dù biết rõ về tác hại của ma túy vẫn lao vào con đường nghiện ngập?

Thứ nhất, là do lối sống thiếu bản lĩnh. Nhiều người chỉ một thoáng bốc đồng mà hại cả đời mình, nghe theo lời bạn bè rủ rê thử cho biết "mùi đời", rằng "nếu không thử thì không đáng mặt đàn ông" và nhiều lí do khác, mà do thiếu bản lĩnh nhiều người đã rơi vào sự cám dỗ của cần sa, thuốc phiện.

Thứ hai, là do lối sống vô lí tưởng, do quá chán chường trước một thất bại lớn, hoặc do cuộc sống vật chất quá đầy đủ, thừa thãi mà lao vào cuộc sống ăn chơi trác táng, và từ đó dẫn đến ma túy không phải là khó hiểu. Họ đến những chốn quán bar, vũ trường... nơi tiêu thụ các loại ma túy tổng hợp như: Hoàng hậu, hồng phiến, bạch phiến... khiến họ chìm đắm vào cuộc sống của sự cuồng loạn, ảo giác, vô nghĩa lí, làm hư hại cả một thế hệ của xã hội và còn rất nhiều lí do khác nữa.

Nguy hiểm hơn, tiêm chích ma túy là một trong những con đường ngắn nhất dẫn đến HIV, AIDS, đại dịch thế kỉ, gieo rắc cái chết, nỗi kinh hoàng cho xã hội, nạn nhân chính là con nghiện và từ đó có thể lây bệnh cho rất nhiều người khác.

2. Con rối thứ hai: Những kẻ buôn ma túy

Những kẻ theo tiếng lóng gọi là mafia đây là một con rối tay sai tích cực để ma túy vươn bàn tay xương xẩu găm ghိếc của mình len lỏi vào mọi hang cùng ngõ hẻm.

Vì sao ma túy lại có một kẻ tay sai đặc lực như vậy?

Chính là vì ma túy đem lại cho chúng cái ma lực lớn nhất: đồng tiền. Ma túy là cái cần câu cơm, là cái máy in tiền cho chúng, và đổi lại chúng sẵn sàng làm bất cứ điều gì để lấy được cái ma lực ấy của ma túy.

Bây giờ trong giới xã hội đen, ma túy là món có ăn nhất. Do đặc điểm về mặt sinh học là gây nghiện của mình, thị trường tiêu thụ ma túy rất lớn. Mà bọn chúng kẻ nào chẳng háms tiền? Chạy theo ma túy là chạy theo tiền. Chúng phục tùng ma túy, chủ nhân đây quyền lực của mình, để ma túy có cơ hội vươn những xúc tu ra

dài hơn, ngày càng quán lấy nhiều con mồi, âm thầm tiêu diệt những hi vọng tương lai của xã hội.

Từ đó chúng ngày càng trở nên mờ mắt vì đồng tiền, tâm hồn chai sạn đi, trở nên những kẻ máu lạnh, những tên tội phạm nguy hiểm, trực tiếp gieo rắc "cái chết trắng" cho mọi người.

Loại con rối thứ hai này là những tên đồ tể đắc lực trong cái mạch sống của ma túy. Ma túy sẽ không thể gây được tác hại cho đời sống con người nếu không có những con rối này. Vì vậy chúng luôn là mục tiêu cần loại trừ của xã hội, của luật pháp. Một trong những tội ác lớn nhất là tàng trữ, vận chuyển và buôn bán trái phép chất ma túy.

Thế nhưng trong thời buổi kinh tế thị trường đồng tiền có sức mạnh vạn năng, thì những thế lực tạo ra đồng tiền, dù là phi pháp, thì vẫn có rất nhiều kẻ sẵn sàng bán rẻ lương tâm để chạy theo mà trong những thế lực ấy, lớn nhất vẫn là ma túy. Vì vậy ma túy thực sự là chủ nhân của những con rối, những kẻ buôn ma túy. Để diệt được hoàn toàn chủ nhân quỷ dữ ấy, có lẽ chúng ta phải chờ đến một sự thay đổi về căn bản của xã hội, của phương thức sản xuất mới và một nền kinh tế mới có thể thay thế được nền kinh tế thị trường (nền kinh tế mới ấy, tất nhiên phải tiên tiến hơn kinh tế thị trường mà cụ thể là kinh tế của xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa). Hiện nay chúng ta chỉ có thể hạn chế được phần nào tác hại của ma túy chứ chưa thể tiêu diệt hoàn toàn.

Vì vậy thúc đẩy tiến bộ xã hội cũng là một bước không thể thiếu trong việc loại bỏ hoàn toàn tác hại của ma túy.

3. Con rối thứ ba: Những kẻ bao che, dung túng cho hành động buôn bán trái phép chất ma túy.

Trong số những kẻ ấy có cả những người cầm cân nảy mực trong pháp luật. Những kẻ ấy chịu ảnh hưởng gián tiếp của ma túy, đồng tiền thông qua tác nhân trực tiếp là con rối thứ hai: những kẻ buôn ma túy.

Loại rối thứ ba này nguy hiểm cho bộ máy cầm quyền của nhà nước, của xã hội, là nguồn gốc cho tệ tham nhũng, quan liêu... và dung túng để ma túy dễ dàng hơn trong việc xâm nhập ngày một sâu hơn vào xã hội.

Tôi không muốn nói nhiều về loại rối thứ ba này, vì chưa có nhiều hiểu biết. Và tôi mong các nhà lãnh đạo ngày càng để tâm hơn đến những kẻ ấy, để làm cho bộ máy, tổ chức Đảng được trong sạch vững mạnh, trước mắt để hạn chế tác hại của ma túy với con người và xã hội và về mặt lâu dài từng bước đưa xã hội phát triển đi lên, dẫn đến loại bỏ hoàn toàn tác hại của ma túy.

Ma túy như một cái khách sạn thu hút con người bởi cái vẻ ngoài hào nhoáng đầy ma lực của nó. Ta bước vào vì ngỡ đó là chốn thiên đường. Nhưng bước vào ta mới biết đó là địa ngục, là một nhà thương điên được nguy trang. Nó thu hút, mời gọi ta bởi những tiếp viên niềm nở, nhưng vào trong là những sự vất vả, dữ dội, khủng khiếp. Và nguy hiểm hơn, ta có thể bước vào đó, nhưng cũng có thì không bao giờ bước ra được nữa.

PHAN LÊ HOÀNG LINH

Đề 5: Có ý kiến cho rằng: "Những thói xấu ban đầu là người khách qua đường, sau trở nên bạn thân ở chung nhà, và kết thúc là ông chủ khó tính". Anh (chị) hiểu thế nào về ý kiến trên?

Bài viết

Giữa dòng chảy của cuộc đời, xã hội, có rất nhiều điều tiêu cực mà con người khó tránh khỏi. Nói về sự lây lan và ảnh hưởng nhanh chóng của thói xấu đến con người, có ý kiến cho rằng:

"Những thói xấu ban đầu là người khách lạ qua đường, sau đó là người bạn thân ở chung nhà và kết cục trở thành ông chủ khó tính".

Quả thật trong bất cứ chế độ nào, bất kì thời kì nào đều tồn tại những điều xấu. Đó là những lễ thói, những đức tính không tốt, có hại cho bản thân, cho mọi người xung quanh và cao hơn nữa là cho cả cộng đồng. Nếu những điều xấu ấy được tồn tại, phát triển lâu dần sẽ thành thói xấu, khó mà thay đổi được.

"Những thói xấu ban đầu là người khách lạ qua đường". Con người ta sinh ra vốn trong sáng, thánh thiện, không mắc phải tội tình gì cả. Những tiêu cực ấy đến với ta một cách vô tình và bất ngờ, không gì báo hiệu sự xuất hiện của kẻ xa lạ ấy. Cũng không ai nghi ngờ về nó. Một học trò ngoan ngoãn, lễ phép được sống trong môi trường gia đình lành mạnh, hạnh phúc sẽ thấy lạ lẫm với những thói xấu của xã hội, học đường: ma túy, trộm cắp, nghiện ngập. Ban đầu đó chỉ là sự tiếp xúc cho biết, sau đó ngày càng lún sâu, ảnh hưởng. Đúng là nếu như một con người bản chất nhân hậu, lương thiện khó mà nghĩ được những chuyện đó và càng không nghĩ tới biện pháp đề phòng, loại bỏ "người khách lạ" nguy hiểm đó. Dù thế điều tất yếu sẽ đến: "Sau trở thành người bạn thân ở chung nhà". Từ người khách băng quơ, không quen biết nó đã trở thành "người bạn thân". Nghĩa là từng giờ, từng phút, từng khoảnh khắc con người sẽ chịu sự tác động lớn của thói xấu. Nó đánh vào điểm yếu của người đó, hiểu thấu và len lỏi vào trong suy nghĩ, hành động của họ. Nó trở thành kẻ song hành đáng ghét mà chủ nhân không nhận ra. Bạn thân là một phần con người ta, chia sẻ, thấu hiểu mình. Ngược lại, bản ta mình cũng yêu mến, sẵn sàng hi sinh vì bạn. Cũng vậy, một khi thói xấu là bạn thân thì ta sẽ làm nhiều việc để thỏa mãn thói xấu đó. Dần dần con người sẽ bị tha hóa, xấu xa.

Nhưng đó chưa phải là điều nguy hiểm nhất. Từ lúc cái xấu bắt rễ đến lúc nó ngự trong tâm hồn ta là một quá trình dễ dàng, nhanh chóng. Qua những bước ban đầu, nó trở thành kẻ chi phối hoàn toàn, tác oai tác quái ghê gớm. Lúc ấy con người chỉ như một kẻ nô lệ, phụ thuộc chuyên hành động những việc bị xã hội và mọi người lên án. Con người ta sẽ chỉ là kẻ phục tùng, không có khả năng chống cự hoặc chống lại rất yếu ớt vì nó đã "kết cục là thành ông chủ khó tính".

Người khách qua đường, tới người bạn thân và cuối cùng là ông chủ khó tính. Đó là quá trình bao chiếm và xâm nhập của cái xấu. Tưởng không thể mà có thể, tưởng khó mà dễ. Một khi con người không giữ được thiên lương, nhân phẩm trước sự cám dỗ của vật chất, hưởng thụ... thì rất dễ mất đi nhân phẩm. Thói xấu như kẻ xảo quyệt, ranh ma đội lốt người khách để thực hiện ý đồ của mình. Đó là sứ giả của ác quỷ, của bóng tối, của những tiêu cực đi ngược lại với con người, xã hội.

Trong cuộc sống có rất nhiều trường hợp như vậy. Một sinh viên đại học có tương lai sáng sủa, có tất cả các điều kiện để trở thành công dân tốt. Nhưng vì bị cám dỗ, mê hoặc mà dính vào ma túy, nghiện ngập. Ban đầu thấy xa lạ, bình thường nhưng càng ngày càng gần bó, thân thiết với nó. Bị chi phối, trở thành kẻ trộm cắp, luôn có suy nghĩ xấu trong đầu. Tồn tại song hành với con người đó là những mưu toan, tâm tính để thỏa mãn nhu cầu của mình. Cuối cùng, người ấy trở nên là kẻ nhẫn tâm, mang tâm tính của kẻ thú tính. Ấy là khi thói xấu trở thành "ông chủ khó tính" - kẻ sai khiến tàn nhẫn.

Trong kho tàng tục ngữ Việt Nam cũng từng có những câu thể hiện sự tác động của hoàn cảnh tới nhân phẩm: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" hay "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài".

Và thêm một lần câu nói trên khẳng định đúng đắn về sức mạnh ghê gớm của cái ác, cái dễ tiện, một thứ virus có sức lây lan khủng khiếp. Nhưng qua đó, tác giả cũng mang đến cho ta những bài học phải có sự lựa chọn, lập trường chín chắn trước hoàn cảnh. Không ai trong đời là không gặp cái xấu, vấn đề là bản thân con người phải tìm cho mình một con đường sống, đề phòng và loại bỏ suy nghĩ xấu. Làm được vậy con người sẽ thấy thanh thản.

Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là bất cứ ai cũng bị tác oai, tác quái bởi cái xấu. Ông cha ta từng nói: "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Giữa những bĩ ối, dễ tiện của quân địch, những chiến sĩ của ta vẫn kiên trung sống trong lòng địch và khẳng định sáng ngời phẩm chất trung thành, tốt đẹp, hướng đến nhân dân, Tổ quốc.

Tố Hữu từng ngợi ca những chiến sĩ giải phóng sáng ngời tâm hồn:

Chúng muốn ta hóa thành tro bụi

Ta hóa vàng nhân phẩm lương tâm

Một con người biết chiến thắng hoàn cảnh là con người có lập trường. Con người đó sẽ không để thói xấu thành người bạn thân và ông chủ nhà.

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

Đề 6. Dân tộc ta có truyền thống "tôn sư trọng đạo". Theo anh (chị), truyền thống ấy còn đáng tiếp nối hay không trong thực tế cuộc sống xã hội ta hiện nay?

Bài viết

"Tôn sư trọng đạo" không chỉ còn là vấn đề đạo đức mà còn là một truyền thống văn hoá vô cùng tốt đẹp của nhân dân ta. Khi nào cuộc sống còn cần kiến thức, con người còn văn minh thì người thầy còn được tôn trọng. Mà chắc chắn rằng, con người không thể quay trở về với điểm xuất phát với cảnh sống ăn lông ở lỗ được. Vì thế, dù thời kì lịch sử nào, dù xã hội nào "tôn sư trọng đạo" vẫn là truyền thống vô cùng tốt đẹp, và vô cùng cần thiết, cần được tiếp tục phát huy và gìn giữ. Đó là yếu tố quan trọng làm nên nền tảng đạo đức của xã hội văn minh.

Nhân dân ta từng có những câu nói vô cùng giản dị mà chứa đựng những ý

nghĩa rất sâu sắc về vấn đề Đạo và Thầy. Những câu nói ấy vừa tôn vinh người Thầy, vừa nhắc nhở con người phải biết sống cho phải đạo làm người. Thầy là người vạch đường chỉ lối cho mỗi người "Không thầy đố mày làm nên". Vì thế vị trí của người thầy được đặt ngang hàng với vị trí của cha mẹ, "Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy". Chúng ta vẫn luôn tự nhắc mình:

Muốn sang thì bắc cầu Kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy

Người làm thầy trong bất cứ xã hội nào luôn được xã hội tôn trọng "nhất tự vi sư, bán tự vi sư". Bởi vậy, "tôn sư trọng đạo" không còn là một vấn đề quan niệm sống hay quan niệm về cách cư xử mà đã trở thành một phạm trù đạo đức. Thời xưa Platon, Aritxtôt, Khổng Tử... từ người thầy đã trở thành những bậc thánh trong lòng học trò. Ngày nay, người thầy tuy không có vị trí tuyệt đối như thế song thầy vẫn là người được xã hội tôn trọng và "nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý". Dù ở phương Đông hay phương Tây, dù mối quan hệ thầy trò có bình đẳng đến đâu, gần gũi đến đâu thì danh giới thầy trò, vị trí đáng kính của người thầy vẫn không hề bị mai một.

Trên thực tế, vấn đề "tôn sư trọng đạo" ngày nay đã có nhiều điều đáng phải bàn. Các thầy cô giáo dù phải đứng trước bao nhiêu khó khăn của cuộc sống vẫn đang ngày đêm lo lắng, nghiền ngẫm để truyền thụ cho học sinh những tri thức quý giá nhất. Còn học sinh, bên cạnh những học sinh chăm chỉ ngoan ngoãn, thực hiện đúng đạo làm trò, kính yêu và tôn trọng thầy cô giáo, đã có không ít bạn chót quên đi đạo nghĩa thầy trò. Những học sinh ấy đã vô tình hoặc cố ý vi phạm đạo làm trò, làm đau lòng các thầy cô giáo. Đã có những câu chuyện đau lòng mà chúng ta không muốn nhắc đến như hiện tượng học trò xúc phạm thầy cô giáo, vô lễ với những người đang ngày đêm dạy bảo mình những điều hay lẽ phải, truyền đạt cho mình những tinh hoa tri thức nhân loại. Xã hội đã, đang và sẽ tiếp tục lên án những học sinh đó.

"Tôn sư trọng đạo" là một truyền thống văn hoá vô cùng tốt đẹp của loài người. Nếu trẻ em là tờ giấy trắng thì người cầm cây bút viết lên những tờ giấy trắng ấy những trảng thẳng hàng, rõ nét, rõ chữ nhất chính là thầy cô giáo. Tôn trọng những người giữ vai trò truyền đạt tri thức nhân loại cho thế hệ sau là biểu hiện của tình yêu tri thức, của lòng ham học hỏi, của ý chí và khát vọng vươn lên cuộc sống tốt đẹp hơn. Vì thế "tôn sư" không chỉ là vấn đề tôn trọng, kính yêu người làm nghề dạy học mà còn là biểu hiện của tình yêu tri thức, biểu hiện của văn minh, tiến bộ. "Đạo" cũng không chỉ dừng lại ở đạo làm trò, ở những hình thức, thái độ ứng xử với người thầy mà còn là cả vấn đề đạo đức xã hội. Đó là đạo làm người, là đạo học ở đời. Trọng đạo là coi trọng sự hiểu biết, coi trọng tinh thần ham học hỏi, đề cao truyền thống ham học.

Để xã hội ngày càng văn minh con người ngày càng phải chú ý đến chuyện học hành, tiếp thu tri thức. Vì thế, vai trò của người thầy trong xã hội hiện đại đã thay đổi, từ người truyền đạt tri thức đã chuyển thành người dẫn dắt học sinh tìm ra con đường đến với tri thức. Vai trò của người thầy ít nhiều thay đổi nhưng vị trí của người thầy thì không hề suy giảm. Thầy vẫn là thầy và ngày càng quan trọng hơn.

Vì vậy, dù xã hội có đi đến đâu, xã hội ấy vẫn có những người muốn học và vẫn có những người thực hiện nhiệm vụ dạy bảo người đi sau. Trong cuộc sống ngày nay, khi mà vấn đề học hành ngày càng phức tạp và sự xuống cấp về đạo đức xã hội đang khiến nhiều người có lương tâm trách nhiệm phải quan tâm suy nghĩ thì vấn đề "tôn sư trọng đạo" càng phải tiếp tục được kế thừa và phát huy hơn nữa.

Tôn sư trọng đạo là một truyền thống đạo đức vô cùng tốt đẹp của dân tộc ta. Đứng trước những hiện tượng đáng suy nghĩ hiện nay về vấn đề đạo đức học đường, chúng ta cần phải có những hoạt động cần thiết để nhắc nhở mỗi người nhìn lại thái độ và cách ứng xử của mình đối với những người làm thầy trong xã hội này. Tôn sư trọng đạo cần phải được quan tâm hơn nữa.

HỒNG MAI

Đề 7. Có ý kiến cho rằng: "Những thói xấu ban đầu là người khách qua đường, sau trở nên người bạn thân ở chung nhà và kết cục biến thành ông chủ nhà khó tính". Anh (chị) thấy ý kiến này như thế nào?

Bài viết

Nhà Phật lời răn dạy con người rằng "Kẻ thù lớn nhất đời người là chính mình". Đúng vậy, trong cuộc sống con người phải đấu tranh với rất nhiều thứ để có thể là một con người theo đúng nghĩa. Trong đó, đấu tranh với chính bản thân mình là cuộc đấu tranh cam go và quyết liệt nhất. Đó là cuộc đấu tranh không bao giờ ngừng nghỉ. Điều nguy hiểm nhất của con người là có thể chiến đấu một mất một còn với người khác song lại dễ dàng thoả hiệp với chính mình. Mà suốt cả cuộc đời, mỗi người đều luôn phải không ngừng đối diện với cuộc đấu tranh giữa khát vọng và khả năng, ước mơ và hiện thực. Khát vọng, ham muốn của con người không bao giờ có điểm dừng mà khả năng lại có hạn. Cuộc đấu tranh trong mỗi người đã dẫn đến những con đường khác nhau của mỗi người. Người chiến thắng được những ham muốn cá nhân, biết dừng lại đúng lúc, người lại dễ dàng đầu hàng, buông thả mình theo những ham muốn cá nhân. Và kết quả là con người có những tính tốt và tính xấu.

Danh giới giữa đức tính tốt và thói xấu không phải lúc nào cũng rõ ràng. Biểu hiện của tính tốt và thói xấu được thể hiện trong mối quan hệ của mỗi người đối với những người xung quanh. Tính tốt là kết quả sự điều hoà hợp lí giữa quyền lợi cá nhân và quyền lợi cộng đồng. Nó trở thành thói xấu khi quyền lợi của cá nhân làm ảnh hưởng đến quyền lợi cộng đồng. Chẳng hạn như thói ích kỉ, sự tham lam, lười biếng, trốn tránh trách nhiệm, ham chơi, tự thoả mãn... Trước khi gây nên những hậu quả không tốt đối với cộng đồng, thói xấu ấy đã gây ra những điều tai hại cho chính người "sở hữu" nó. Vì thế mới có câu "Những thói xấu ban đầu là người khách qua đường, sau trở nên người bạn thân ở chung nhà và kết cục biến thành ông chủ nhà khó tính".

Đây là một câu nói rất đúng, đã hình tượng hoá ảnh hưởng của những thói xấu đối với bản thân mỗi con người.

Người xưa nói "Nhân chi sơ tính bản thiện", (bản tính con người vốn thiện), do

điều kiện sống, vì nhu cầu sinh tồn, vì những mối quan hệ phức tạp và sự khắc nghiệt của cuộc sống mà con người dần dần có những thói xấu. Không phải ngay từ khi sinh ra con người đã mang sẵn những thói xấu. Thói xấu dần dần hình thành và ngự trị trong mỗi người. Người nào có bản lĩnh cứng cỏi, chiến thắng được chính mình thì những thói xấu ấy ít có cơ hội bộc lộ.

Ban đầu, vì những lí do khách quan nào đó, vì cuộc sống của bản thân mình, con người muốn dành lấy cho mình cái lợi. Đó là nguyên nhân của sự ích kỉ. Lần đầu, sự ích kỉ, lòng ham muốn dành lấy cái lợi cho mình ấy có thể chỉ là bản năng, chỉ thoáng qua như người khách qua đường. Người có bản lĩnh, biết dừng lại đúng lúc, sớm thức tỉnh thì thói xấu sẽ bị hạn chế. Cụ thể hơn, là hiện tượng nghiện hút trong xã hội ngày nay chẳng hạn. Lúc đầu chỉ là do tò mò hoặc bị rủ rê. Lúc đó, ma túy mới chỉ là người khách qua đường. Người có bản lĩnh sớm từ chối nó thì sẽ không bị nó điều khiển. Khi thói xấu mới sinh ra, chúng ta rất dễ tiêu diệt nó. Song nếu không nhận thức được đó là thói xấu, tiếp tục "sở hữu", tiếp tục ham hố cái lợi của riêng mình, quên đi lợi ích cộng đồng, thì thói xấu ngày càng ăn sâu vào ý thức. Cũng như người nghiện hút, nếu không sớm giã từ ma túy, hút nhiều sẽ dần dần quen với nó, rồi thèm nó và cũng sẽ đến lúc không xa được nó. Không xa được sẽ dẫn đến phụ thuộc, phụ thuộc rồi sẽ bị điều khiển. Lúc đầu nó phục vụ ta, rồi đến lúc ta sẽ trở thành nô lệ của nó. Lúc ấy, địa vị chủ khách sẽ bị đảo ngược, người khách qua đường sẽ trở thành chủ nhà và chủ nhà sẽ trở thành kẻ bị sai khiến.

Mỗi người nếu không tự nhận thức và phân biệt được đâu là tính tốt và đâu là thói xấu thì sẽ rất dễ đánh mất mình, dễ biến mình thành nô lệ của những thói xấu. Lúc đầu những hành động không tốt có thể chỉ bắt nguồn từ sự vô tình giống như người qua đường ta vô tình gặp. Nhưng nếu lặp lại lần thứ hai, sẽ rất dễ có lần thứ ba và những lần khác nữa (người bạn thân chung nhà). Và khi đã trở thành hệ thống, thành một thói quen, lặp lại nhiều lần nó sẽ điều khiển ta (người chủ nhà khó tính). Một học sinh, lần kiểm tra đầu tiên không thuộc bài, hé vờ nhìn một vài lần. Nếu không tự đấu tranh với mình, lặp lại lần hai rồi lần ba và dần trở thành thói quen. Thói quen ấy sẽ khiến bạn trở nên lười học. Và như vậy bạn đã để thói xấu điều khiển mình.

Thói xấu sẽ làm cho con người trở nên nhỏ nhen, ích kỷ, làm cho ta luôn phải tranh giành, ganh đua, tính toán. Cuộc sống của chính chúng ta sẽ mất đi sự thanh thản. Thói xấu sẽ là nguyên nhân để những người xung quanh có những hành động đối xử không mấy dễ dãi vô tư và độ lượng với ta. Và như thế, vì thói xấu, ta trở nên cô độc, ta sẽ luôn luôn bị dẫn dắt bởi những ham muốn cá nhân. Và cuộc đấu tranh để giành giật, để thoả mãn những thói xấu sẽ biến cuộc sống của chúng ta thành địa ngục. Thói xấu là con dao phản chủ, nó làm đau bất cứ ai có ý định sử dụng nó thường xuyên. Thói xấu làm mất sự trong sạch và thanh thản của lương tâm, nó khiến cho con người luôn cảm thấy bất ổn. Vì thế thói xấu không chỉ tạo nên những tác động xấu đối với những người xung quanh mà thói xấu còn khiến cho chính người sở hữu nó những tai hoạ. "Lương tâm trong sạch gìn giữ sự thanh thản trong tâm hồn. Hơn thế nữa, nó còn là đối trọng với mọi tai hoạ và khổ đau".

HỒNG MAI

Đề 8. Hướng ứng đợt thi đua xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp do Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát động, chi đoàn lớp 10A tổ chức hội thảo với chủ đề: "Vì một mái trường xanh, sạch, đẹp". Hãy viết bài tham gia hội thảo đó.

Bài viết

Môi trường có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự sống của loài người. Mỗi chúng ta cần phải có ý thức trách nhiệm, cùng nhau xây dựng một môi trường sống ngày càng trong sạch hơn.

Môi trường mà hàng ngày chúng ta đang sống chính là ngôi nhà, làng quê và mái trường. Trong đó mái trường là nơi chúng ta cùng nhau học tập, vui chơi. Để việc học tập đạt kết quả cao, chúng ta phải xây dựng một môi trường học tập trong lành, để mái trường của chúng ta đúng là ngôi nhà thứ hai, ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

Vậy chúng ta cần phải làm những gì để có được một mái trường xanh, sạch, đẹp. Mái trường của chúng mình đã đẹp, đã sạch rồi, chúng ta cần phải gìn giữ để ngày càng đẹp hơn, sạch hơn.

Trước hết, để giữ được màu xanh cho ngôi trường, chúng ta phải cùng nhau trồng và chăm sóc cây xanh trong trường. Hàng năm, chúng ta phải tham gia đầy đủ các đợt trồng cây của Đoàn trường. Chúng ta sẽ cùng chăm sóc và bảo vệ những hàng cây nơi sân trường. Cây xanh phải được bảo vệ và chăm sóc, không nên hái hoa, bẻ cành. Nhất là các bạn nam, không nên trèo lên cây cối trong trường. Các bạn cũng không nên trèo lên bẻ hoa trên cây phượng, cây bằng lăng... Mái trường thân yêu của chúng ta sẽ ngày càng xanh hơn nếu tất cả chúng ta đều có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây xanh. Lớp mình sẽ phải có những buổi lao động trồng cây và chăm sóc cây xanh trong vườn trường, sân trường.

Môi trường xanh chưa đủ, để có bầu không khí thật sự trong lành, chúng ta cần phải giữ gìn cho sân trường, lớp học, khuôn viên nhà trường luôn sạch sẽ gọn gàng. Ông cha ta đã dạy "nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm". Để sân trường sạch sẽ, mỗi chúng ta đều phải có ý thức giữ gìn vệ sinh chung như không vứt rác bừa bãi, vệ sinh sạch sẽ lớp học, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Hàng tuần chúng ta phải tham gia nghiêm túc, đầy đủ các buổi vệ sinh chung. Sân trường, lớp học không có rác, không có bụi bẩn là chúng ta đã có một môi trường trong lành.

Xanh, sạch chưa đủ, ngôi trường của chúng ta còn phải đẹp. Bởi đây là nơi chúng ta được học cái hay, cái đẹp, được học những điều tốt, lẽ phải. Để trường đẹp, trước hết mỗi chúng ta cũng phải đẹp. Đẹp quần, đẹp áo, đẹp người đều cần thiết song chưa đủ. Chúng ta cần phải đẹp trong từng hành động, cử chỉ, lời ăn tiếng nói. Hãy làm sao để mái trường thân yêu của chúng ta không có những lời nói thô tục, những hành động vô lễ, mất lịch sự với bạn bè, thầy cô. Đẹp cho mỗi người rồi đến làm đẹp cho cả ngôi trường. Chúng ta phải biết sắp xếp mọi thứ cho gọn gàng, trang trí lớp sáng sủa đầy đủ... Chúng ta hãy chăm sóc vườn hoa của lớp mình để hoa luôn khoe sắc trước sân trường.

Để mái trường của chúng ta được gọi là ngôi trường xanh, sạch, đẹp không

phải là chuyện đơn giản. Chúng ta phải luôn cố gắng hết sức và không ngừng vươn lên, phải luôn có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng thì mới có thể xây dựng được ngôi trường xanh, sạch, đẹp. Nhưng chúng ta cũng không nên chỉ chú ý làm đẹp trường, đẹp lớp mà quên rằng để trường đẹp thì con đường đến trường, ngôi nhà chúng ta đang sống cũng phải xanh - sạch - đẹp.

Chúng ta hãy cùng nhau, chăm sóc, bảo vệ cây xanh, cùng có ý thức để tạo nên một môi trường sống ngày càng trong sạch và tốt đẹp hơn.

HỒNG MAI

Đề 9. Học bài thơ *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão, có bạn cho rằng: Sự hổ thẹn của tác giả là quá đáng, kiêu kì. Ngược lại, có bạn ngợi ca và cho rằng đó là biểu hiện một hoài bão lớn lao của người thanh niên yêu nước. Hãy cho biết ý kiến của anh (chị).

Bài viết

Nhà Trần đã ghi vào cuốn Việt sử những trang sử vô cùng chói lọi với ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông và một sự phát triển thịnh vượng của đất nước. Nền văn minh của dân tộc Việt đã có một bước tiến dài dưới các triều đại nhà Trần. Những trang sử hào hùng đó của nhà Trần có được là nhờ tinh thần vua tôi một lòng vì dân vì nước. Vì nhà Trần có những tướng lĩnh tài năng như Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão... Những tướng lĩnh tài ba ấy đã góp phần làm nên cái "hào khí Đông A" trong văn học thời Trần.

Sau những tháng năm chinh chiến và đã có được rất nhiều công ao đối với cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, Phạm Ngũ Lão - một tướng lĩnh tài ba của Trần Hưng Đạo - đã tổng kết lại cuộc đời chinh chiến của mình:

Múa giáo non sông trải mấy thâu

Ba quân hùng khí át sao Ngưu

Công danh nam tử còn vương nợ

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

Trên thực tế, những gì nhà Trần đã làm được cho lịch sử dân tộc Việt Nam là một điều rất đáng tự hào, không chỉ của riêng những tướng lĩnh nhà Trần mà còn là của cả dân tộc. Theo quan niệm công danh của Nho giáo thì việc "Múa giáo non sông trải mấy thâu" ấy cũng đã là một sự nghiệp công danh đáng tự hào, người quân tử đã thực hiện đủ nghĩa vụ "tề gia trị quốc bình thiên hạ". Thế nhưng, người tướng lĩnh trong bài thơ này lại có tâm sự "Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu". Công lao của Vũ hầu (Gia Cát Lượng) đối với nhà Thục là điều không thể tranh cãi. Sự nghiệp của Gia Cát Lượng đã trở thành lý tưởng sống của các bậc chính nhân quân tử theo tư tưởng Nho gia. Việc thua kém Vũ hầu về công lao bình nghiệp là lẽ đương nhiên, không có gì đáng hổ thẹn. Trong bài thơ này, tác giả cũng không có ý so sánh sự nghiệp của mình với Gia Cát Lượng. "Chuyện Vũ hầu" được nhắc đến không phải để so sánh mà nó có ý nghĩa tượng trưng cho lý tưởng về trách nhiệm của đấng nam nhi đối với xã hội. Vì thế sự hổ thẹn của tác giả trong

bài thơ này không phải "là quá đáng, kiêu kì". Đó là sự băn khoăn, trăn trở day dứt của một con người về trách nhiệm của mình đối với cộng đồng. Đó chính là biểu hiện sâu sắc nhất của tình yêu quê hương đất nước. Hướng đến sự nghiệp của Vũ hầu là hướng đến một lí tưởng sống cao đẹp, "đó là biểu hiện một hoài bão lớn lao của người thanh niên yêu nước".

Sống ở trên đời này, không phải ai cũng biết thẹn, thẹn với bản thân mình và thẹn với tất cả mọi người. Biết thẹn nghĩa là còn biết sống, còn biết thế nào là phải trái, tốt xấu. Nỗi "thẹn" của Phạm Ngũ Lão là nỗi thẹn của một con người có nhân cách cao cả. Đây không phải là sự xấu hổ của một người trót làm điều xấu, cũng không phải sự tự ti của một người vô tích sự, vô nghĩa trước cuộc đời. Người tướng lĩnh ấy đã "Múa giáo non sông trải mấy thâu" và đã góp nhiều công lớn, đã góp phần làm nên cái "hùng khí nuốt sao Ngưu", điều đó đã đủ làm nên sự vẻ vang cho một cuộc đời.

HỒNG MAI

Đề 10. Vai trò của sách đối với cuộc sống nhân loại.

Bài viết

M. Gorki từng nói "Mỗi cuốn sách là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để đi tới gần con người". Nhận xét này đã khái quát một cách chính xác vai trò của sách đối với cuộc sống nhân loại. Mỗi cuốn sách mở ra trước mắt con người những chân trời mới.

Sách là sản phẩm của xã hội văn minh, sự ra đời của sách chứng tỏ một bước tiến quan trọng của xã hội loài người. Trước đây khi chữ viết, giấy viết chưa ra đời, con người chỉ có thể giao tiếp với nhau bằng lời nói, cử chỉ và hành động. Hình thức giao tiếp ấy chỉ có thể diễn ra trong phạm vi hẹp, khoảng cách ngắn, hẹp về thời gian và không gian. Khi chữ viết, giấy viết và nhất là kỹ thuật in ra đời, xã hội loài người đã được tận hưởng một thành tựu vô cùng quý giá của khoa học kỹ thuật. Chúng ta có thể ghi lại những điều chúng ta nghĩ và có thể truyền nó đến cho rất nhiều người thuộc nhiều thế hệ khác nhau. Sách ra đời như vậy và đã mang đến nhiều lợi ích cho con người. Thử tưởng tượng thế giới chúng ta đang sống không có một cuốn sách nào. Chúng ta sẽ tìm hiểu và lưu giữ vốn kiến thức khổng lồ của loài người ở đâu? Có lẽ xã hội loài người sẽ lại chìm trong mông muội và u tối.

Tất nhiên, sách không phải là phương tiện duy nhất để ghi lại và truyền đạt thông tin từ người này sang người khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ngày xưa, cha ông ta đã dùng hình thức truyền miệng. Tuy "Trăm năm bia đá thì mòn, Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ" nhưng hình thức truyền miệng bao giờ cũng có dị bản theo quy luật "tam sao thất bản". Có thể đối với văn học dân gian, với những sáng tác của tập thể nhân dân thì không sao song với những tri thức khoa học, xã hội, tư tưởng... dị bản gây ra những tác động tiêu cực. Vì thế, các tri thức về lịch sử, thiên văn, khoa học tự nhiên và xã hội đều xảy ra sự mất mát, sai lệch, thiếu chính xác. Khi những tri thức ấy được ghi lại bằng văn bản và được gìn giữ một cách có ý thức thì người đời sau sẽ nhận được những tri thức chính xác do thế hệ

trước truyền lại. Ngày nay, chúng ta có truyền thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, song tất cả đều không thể thay thế được sách. Mỗi phương tiện truyền thông tin có những ưu, nhược điểm riêng và chúng không thể thay thế nhau. Cùng một nội dung cốt truyện nhưng xem phim và đọc tiểu thuyết lại mang lại hai kết quả cảm nhận khác nhau. Đối diện với trang sách, người đọc được hoàn toàn độc lập và tự do phát huy tưởng tượng và suy luận của mình. Sách giúp con người phát triển trí tưởng tượng, tư duy sáng tạo và độc lập suy nghĩ. Mỗi trang sách sẽ mang đến cho người đọc những tri thức thú vị. Ngồi trước trang sách là người đọc đang thực hiện cuộc đối thoại với tác giả. Với hình thức ngôn ngữ chữ viết - phương tiện giao tiếp quan trọng nhất - sách giúp người đọc có điều kiện nghiền ngẫm, suy nghĩ và tiếp nhận chính xác, đầy đủ nội dung thông tin. Hơn thế nữa, sách là phương tiện có khả năng truyền đạt thông tin rộng rãi và tiện lợi nhất bởi hình thức tiếp nhận thông tin đơn giản là đọc.

Dù xã hội có phát triển đến đâu, có thêm nhiều hơn nữa các phương tiện truyền đạt thông tin hiện đại, nhưng sách vẫn giữ vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống. Đọc sách là một hoạt động có tính chất văn hoá của người đọc. Đọc sách gì và đọc như thế nào cũng là một phương diện của văn hoá mà chúng ta vẫn gọi là văn hoá đọc. Ngày nay, vì có quá nhiều và quá sẵn những hình thức tiếp nhận thông tin tiện lợi và hiện đại dẫn đến việc nhiều người coi thường vai trò của sách. Đó là một thực tế đáng buồn. Thờ ơ với sách sẽ dẫn đến những lối sống thụ hưởng, buông thả, những tâm hồn nghèo nàn và cằn cỗi. Lạm dụng các phương tiện tiếp nhận thông tin quá tiện dụng như băng hình, phim ảnh... con người dễ rơi vào tình trạng tiếp nhận thông tin thụ động.

Ai cũng có thể dễ dàng nhận thấy vai trò vô cùng quan trọng và không thể thay thế của sách đối với đời sống hiện đại. Vì vậy, mỗi chúng ta cần phải biết quý trọng những trang sách, bởi đó là nơi kết tụ tâm hồn, trí tuệ và tâm huyết của bao người thuộc bao thế hệ. Khi viết lên mỗi trang sách, người viết đã gửi gắm vào đó tất cả tình cảm và trí tuệ của mình. Hãy trân trọng những trang sách "mệnh môn trí tuệ" của nhân loại, sách sẽ mang đến cho các bạn những món quà vô giá.

HỒNG MAI

Đề 11. Anh (chị) hãy trình bày những suy nghĩ của mình về lòng dũng cảm.

Bài viết

Lòng dũng cảm là một trong những đức tính vô cùng cần thiết và đáng quý trọng ở mỗi con người. Dù ở nơi đâu, khi làm bất cứ một việc gì, con người đều cần lòng dũng cảm. Trong những cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc chúng ta đã có rất nhiều những tấm gương dũng cảm, vì nước quên thân, luôn sẵn sàng đối mặt với kẻ thù, với khó khăn gian khổ, thậm chí cả hy sinh mất mát. Những anh vệ quốc quân, giải phóng quân đã trở thành những biểu tượng đẹp về lòng dũng cảm.

Lòng dũng cảm là một trong những phẩm chất vô cùng quan trọng của con người. Bởi trong cuộc đời mình, chúng ta luôn phải đối diện với khó khăn, thử thách. Lòng dũng cảm là nghị lực, là sức mạnh, là ý chí kiên cường để con người

có thể vượt lên mọi gian nan thử thách, để có được sức mạnh chế ngự thiên nhiên, chiến thắng kẻ thù... và nhiều khi là để chiến thắng chính bản thân mình. Người chiến sĩ ung dung, bình thản, không hề run sợ trước mũi súng quân thù, đó là dũng cảm. Chú bé thoăn thoắt bước đi dưới làn đạn quân thù để đưa cho được bức thư đề "thượng khẩn". Chị Trần Thị Lý không hề run sợ và không chịu khuất phục trước những đòn tra tấn dã man của giặc. Trước những khó khăn, hiểm nguy, con người vẫn quyết tâm làm việc, hoàn thành nhiệm vụ, đó là dũng cảm. Dũng cảm là sẵn sàng đối diện với gian khó để thực hiện cho được mục đích đề ra.

Trong cuộc sống hoà bình, chúng ta vẫn hàng ngày hàng giờ chứng kiến những hành động dũng cảm. Dũng cảm vạch trần những việc làm sai trái của người khác dù đó là những kẻ có chức có quyền, những chiến sĩ công an dũng cảm bắt tội phạm để giữ cho nhân dân có cuộc sống thanh bình, một bạn học sinh sẵn sàng lao xuống dòng nước chảy xiết để cứu bạn... Những con người dũng cảm ấy đã góp phần làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Chiến thắng được người khác đã rất khó khăn, nhưng chiến thắng được chính bản thân mình còn khó khăn hơn nhiều. Dũng cảm để nhìn ra và công nhận những sai lầm khuyết điểm của mình. Dũng cảm để chiến thắng những ham muốn cá nhân, những tham vọng và những nhu cầu vô tận của mình. Không đủ nghị lực để vượt qua khó khăn đã bao người rơi vào cạm bẫy của những cám dỗ, để rồi trở nên nghiện ngập, trộm cắp... Không đủ dũng cảm để nhìn thẳng vào sự thật, để sửa chữa sai lầm mà bao người ngày càng dần sâu vào con đường tội lỗi để rồi khi có đủ dũng khí nhìn lại thì đã quá muộn.

Chúng ta đã nghe nói rất nhiều đến lòng dũng cảm. Đó là một phẩm chất của những người anh hùng, làm nên những tấm gương anh dũng, song đó cũng là phẩm chất không thể thiếu trong mỗi con người. Cuộc sống ngày càng khó khăn, để tồn tại con người phải đối diện với bao nhiêu thử thách, gian nan. Nếu không có đủ nghị lực và nếu không có lòng dũng cảm, chúng ta sẽ rất khó có được sự thành công trong cuộc sống. Dũng cảm là một phẩm chất mà chúng ta có thể bồi dưỡng thông qua rèn luyện. Cùng với lòng trung thực, dũng cảm sẽ là tố chất để mỗi người có thể là một người tốt.

HỒNG MAI

Đề 12. Quan niệm của anh (chị) về một bài thơ hay.

Bài viết

Thơ là một khái niệm vô cùng quen thuộc đối với tất cả mọi người. Nếu yêu cầu đọc một bài thơ yêu thích chắc chắn ai cũng có thể đọc được ít nhất một bài. Song nếu phải giải thích thế nào là thơ thì lại là chuyện không đơn giản. Còn thế nào là thơ hay lại càng khó.

Thơ là kết quả của sự thăng hoa cảm xúc, là sản phẩm tinh thần của nhà thơ. Mỗi bài thơ là sự kết tinh vốn văn hoá, thể hiện cái nhìn về cuộc đời và biểu hiện những trạng thái xúc cảm của người sáng tác. Sáng tạo bằng cảm xúc nên thường thức cũng phải bằng cảm xúc. Vì thế người ta mới nói "Thơ là tiếng nói từ trái tim

đập vào trái tim".

Trước hết, thơ hay phải là những vần thơ được sản sinh ra từ cuộc sống. Thơ phải là những cảm xúc chân thành về cuộc sống. Bài thơ là kết quả sự cộng hưởng nhịp đập trái tim nhà thơ với những "tiếng đời lẫn náo nức". Những vần thơ của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi trở thành những kiệt tác bất hủ bởi đó là nỗi lòng trần trở của nhà thơ trước cuộc đời lắm nỗi đau bề. Xuất phát từ cuộc đời, vì con người thì thơ mới có thể sống cùng cuộc đời. Sức sống của những thi phẩm như *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du), *Cung oán ngâm khúc* (Nguyễn Gia Thiều), thơ Hồ Xuân Hương, Xuân Diệu, thơ Lí Bạch, Đỗ Phủ sống mãi với thời gian cũng chính nhờ cái "tình đời tha thiết" luôn pháp phùng sự sống trong mỗi dòng thơ. Tình đời là những giọt hồng câu nuôi sống thơ, như nhà thơ Tố Hữu từng nói về thơ Nguyễn Du:

Trải bao gió đập sóng đời

Tắm lòng thơ vẫn tình đời thiết tha.

Thơ hay phải được nhiều người đọc yêu thích, có được sự đồng điệu tâm hồn của nhiều người đọc, nói đến niềm vui nỗi buồn của nhiều người. Bởi "Thơ là những điệu hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu" (Tố Hữu). Mặc dù bài thơ xuất phát từ một trạng thái cảm xúc cá nhân của tác giả song đó phải là những cảm xúc chân thực, những cảm xúc trong sáng. *Tôi yêu em* (Pushkin), *Bài thơ số 28 - Người làm vườn* (R. Ta-go) *Tự hát* (Xuân Quỳnh)... là khát vọng tình yêu của triệu triệu trái tim nhân loại. Nhà thơ với khả năng trực giác đặc biệt nhạy cảm và vốn ngôn ngữ tinh tế của mình đã nói hộ chúng ta những khao khát, những đam mê, những rung động chân thành trước cuộc sống.... *Vội vàng* (Xuân Diệu) *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử) là tình yêu tha thiết cuộc đời và khát vọng sống cháy bỏng của tất cả chúng ta. Người đọc đến với thơ không phải đơn giản là đến với nguồn thông tin mà là đi tìm những tâm sự, những nỗi niềm trầm ẩn của chính trái tim mình. Với tất cả mọi người, bài thơ hay trước hết phải là bài thơ có chứa đựng nỗi niềm suy tư của chính họ.

Thơ hay phải thể hiện những tình cảm tinh tế, phải làm cho tâm hồn người đọc phong phú hơn. Nhà thơ là người có khả năng cảm nhận những biến thái tinh tế của cuộc sống mà không phải người bình thường nào cũng có khả năng khám phá. Vì thế, thơ sẽ là nơi để người đọc thông qua nhà thơ, hiểu thêm về cuộc sống xung quanh. Mùa thu với những bước đi nhẹ nhàng của nó chỉ có thể được cảm nhận và diễn tả một cách chính xác và tinh tế với khả năng ngôn ngữ của thi ca những thi nhân như Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư...

Hơn một loài hoa đã rụng cành

Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh

Những luồng run rẩy rung rinh lá

Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

(Đây mùa thu tới)

Thơ là nghệ thuật ngôn từ nên bài thơ hay ngôn từ phải đẹp, phong phú, mới mẻ, vừa thể hiện được vẻ đẹp của ngôn ngữ dân tộc, vừa làm giàu có ngôn ngữ dân

tộc. Những thi nhân như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du là những người đã có công lớn trong việc làm nên sự phong phú của ngôn ngữ dân gian Việt Nam.

Thơ phải hàm súc, phải gợi mở cho người đọc những ngẫm nghĩ, suy tư, làm giàu có đời sống nội tâm của con người, kích thích con người suy nghĩ về cuộc sống để con người sống có tâm hồn hơn. *Hoàng Hạc lâu* khiến người đọc nghĩ đến những vấn đề về giá trị của cuộc sống, *Tôi yêu em* khiến người đọc nghĩ đến tình yêu đích thực, Thơ mới thổi vào không khí ảm đạm, bế tắc của xã hội cũ một khát khao sống, khát khao tìm lí tưởng....

Một bài thơ hay phải là bài thơ có sự kết hợp hài hoà tất cả các yếu tố từ cấu tứ, thi tứ đến ngôn ngữ, cảm xúc, như nhà thơ Xuân Diệu từng nói "Thơ hay như con gà ngon, ngon từ phao câu, đầu cánh, lật lẻo khúc xương".

Bài thơ hay là bài thơ có khả năng mang đến cho người đọc những rung động tinh tế và chân thành. Khi đọc bài thơ hay, người đọc có thể tìm thấy ở đó những cảm xúc, suy tư, trăn trở của chính mình. Thơ không chỉ là một loại hình nghệ thuật giải trí, đọc để vui, để thư giãn, thơ phải là tấm gương để con người nhìn thấy tâm hồn mình, đến với bài thơ hay nghĩa là tìm đến nơi ta có thể lắng nghe trái tim mình nói. Dù thế nào thơ hay vẫn phải là bài thơ chứa đựng những giá trị nhân văn cao cả.

HỒNG MAI

Đề 13. Bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ qua một số tác phẩm văn học trung đại đã học: *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du), *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm), *Cung oán ngâm* (Nguyễn Gia Thiều).

Bài viết

Khi nói về số phận nàng Kiều, Nguyễn Du đau xót viết rằng:

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

Tư tưởng có vẻ thật bi quan, nhưng thực tế là như vậy. Dưới chế độ phong kiến, người phụ nữ phải chịu nhiều thiệt thòi, họ là nạn nhân của một số tư tưởng phong kiến. Tư tưởng "trọng nam khinh nữ" là nguyên nhân sâu xa dẫn đến những bi kịch số phận của phụ nữ. Người phụ nữ không được quyền quyết định số phận mình, không được học hành, họ phải chấp nhận sống phụ thuộc. Cảm thông và thấu hiểu nỗi đau đớn của thân phận đàn bà trong xã hội cũ, các thi nhân xưa đã ghi lại những bi kịch ấy qua số phận của một số người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Mỗi con người một nỗi đau riêng nhưng nỗi đau chung nhất vẫn là những bất hạnh trong cuộc sống tình duyên.

Phụ nữ vốn là những người nhạy cảm. Chỉ riêng điều ấy thôi cũng đủ để họ phải chịu nhiều bất hạnh hơn đàn ông. Mềm yếu, đa sầu, đa cảm và cả đa đoan đã khiến người phụ nữ luôn rất nhạy cảm với những bất hạnh của mình dù họ sống trong xã hội nào. Trong xã hội cũ, khi người đàn ông có quyền được lấy "năm thê bảy thiếp", thì những bất hạnh mà người phụ nữ phải gánh chịu lại càng lớn hơn.

Người phụ nữ phải sống trong cảnh “Chồng chung đâu dễ ai nhường cho ai”, họ phải chịu những nỗi niềm cay đắng xót xa. Những khao khát hạnh phúc lứa đôi trọn vẹn luôn day dứt họ. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương - người phụ nữ đầy bản lĩnh - đã phải thốt lên đầy uất ức khi phải sống trong nỗi tủi hờn ấy:

Kẻ đắp chăn hồng kẻ lạnh lòng

Chém cho cái kiếp lấy chồng chung

Cũng cảnh lấy chồng chung, cơn ghen tuông quý tộc của Hoạn Thư đã đẩy Thuý Kiều - Thúc Sinh vào cảnh ngộ éo le:

Cùng trong một tiếng tơ đồng

Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm

Nàng Tiểu Thanh trong *Độc Tiểu thanh kí* của Nguyễn Du và người cung nữ trong *Cung oán ngâm* cũng chịu chung nỗi đau như thế. Nhưng tấn bi kịch của họ xót xa hơn nhiều. Nàng Tiểu Thanh tài sắc vẹn toàn lại đa sầu đa cảm phải lấy lẽ người đàn ông họ Phùng, nàng bị người vợ cả của chồng hành hạ đến phải chết trong cảnh cô đơn. Còn những người cung nữ vốn là những trang quốc sắc thiên hương thì phải sống mỗi mòn trong cảnh cô đơn buồn tủi vì bị vua chúa bỏ quên giữa chốn thâm cung. Họ đều là nạn nhân của chế độ đa thê.

May mắn hơn nàng Tiểu Thanh và người cung nữ, người chinh phụ được sống những năm tháng hạnh phúc lứa đôi mặn nồng. Nhưng bi kịch của nàng lại bắt đầu từ chiến tranh. Nàng tiễn chồng ra đi với mong muốn chồng lập công để lấy ấn phong hầu. Người chinh phụ phải chờ chồng trong cảnh cô đơn. Phong hầu đâu chưa thấy, nàng phải chờ đợi mỗi mòn trong cô độc, lặng lẽ nhìn tuổi xuân của mình trôi đi trong vô vọng. Niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi và sự cô đơn đã khiến người chinh phụ nhận ra rằng ấn phong hầu, công danh là phù phiếm và vô nghĩa. Trong cảnh cô đơn, người chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn cũng có tâm trạng giống như người chinh phụ trong *Khuê oán* của Vương Xương Linh:

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc

Hối giao phu tế mịch phong hầu

(Chợt thấy màu dương liễu đầu đường

Hối hận đã để chồng đi tòng quân để tìm kiếm ấn phong hầu)

Tấn bi kịch chung nhất của nàng Tiểu Thanh, người cung nữ và người chinh phụ cũng chính là bi kịch của đa số phụ nữ trong xã hội cũ. Đó là tấn bi kịch hạnh phúc lứa đôi không trọn vẹn. Khi người phụ nữ không được quyền quyết định hạnh phúc của mình thì họ không thể có được hạnh phúc, nếu có thì cũng rất mong manh. Hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội cũ phụ thuộc vào sự may mắn mà thôi:

Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày

Bi kịch của nàng Tiểu Thanh là tấn bi kịch của phận lẽ mọn. Trong chế độ đa thê, người vợ cả có quyền hành hơn cả, nếu người chồng nhu nhược, thì quyền sinh

quyền sát sẽ thuộc về bà cả hoặc một người đàn bà ghê gớm nhất trong số các bà vợ. Và những người vợ khác chỉ còn biết sống trong dần cay tủi hờn. Nàng Tiểu Thanh tài sắc như thế nhưng đã chết yếu bởi sự hành hạ trong ghen tuông của người vợ cả. Bi kịch thảm thương của nàng đã khiến bao người phải rơi nước mắt cùng Tố Như:

Chi phần hữu thân liên tử hậu

Văn chương vô mệnh luy phần dư

Những người phụ nữ như Tiểu Thanh thường nhạy cảm, đa sầu. Chồng chung đã khổ lại còn bị hành hạ thì còn có bi kịch nào đau đớn hơn. Và kể cả khi đã chết đi, những tâm sự tủi hờn gửi gắm trong những trang thơ văn cũng bị hành hạ, bị đốt bỏ. Bi kịch của Tiểu Thanh là tấn bi kịch chung của nhiều người phụ nữ trong xã hội cũ. Họ không được hưởng trọn hạnh phúc lứa đôi mà còn phải sống trong cô đơn ê chề nhục nhã.

Bi kịch của người cung nữ chốn thâm cung cũng vậy. Phải có tuổi trẻ, có nhan sắc họ mới được tuyển vào cung để hầu hạ nhà vua. Vào chốn thâm cung, hàng ngàn cung tần Mĩ nữ chỉ có duy nhất một người để ngóng trông, đó là nhà vua. Họ phải sống trong hi vọng, trong mỗi mòn chờ đợi. Nhưng tất cả đều rất mong manh. Có những người cung nữ cả đời bị chôn vùi trong chốn thâm cung, cả cuộc đời không một lần được nhìn thấy mặt vua. Khi tóc đã ngả màu hoặc khi được về quê họ vẫn là một cô gái. Có người may mắn được một đôi lần nhà vua ngó ngang tới thì cũng chẳng hơn gì. Sau đó lại là chuỗi ngày sống trong đau khổ, trong mỗi mòn chờ đợi, để rồi bị những nỗi khao khát hạnh phúc vò xé cõi lòng. Sống cuộc đời cung nữ, không chỉ cô đơn, tủi hờn mà họ còn phải tranh giành nhau bằng tiền, bằng thế lực và bằng thủ đoạn để có thể được gần vua. Khi bị thất sủng, trong chốn thâm cung, họ chỉ còn biết sống trong vô vọng, sống trong cô độc, buồn tủi. Thật chua xót khi người con gái trẻ tuổi tràn đầy sức sống và khát vọng ngày nào nay đã trở thành người phụ nữ cô độc, để rồi họ phải cất lên lời than đầy uất ức:

Đêm năm canh lẫn nường vách quế

Cái buồn này ai để giết nhau

Giết nhau chẳng cái lưu cầu

Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa.

Bi kịch của người cung nữ đã chứng tỏ rằng chế độ cung tần là nơi thể hiện rõ nhất bản chất vô nhân đạo của chế độ phong kiến. Chế độ ấy đã cướp đi của người phụ nữ quyền được sống, được hưởng hạnh phúc của một con người bình thường. Chốn thâm cung là nấm mồ chôn sống bao người con gái tài sắc. Đó cũng là bãi chiến địa của những người đàn bà. Họ tranh giành, ganh đua để có được một chút hạnh phúc, một chút quan tâm của người chồng chung quyền quý.

Người cung nữ mỗi mòn trong cô độc vì phận cung nữ chốn thâm cung còn người chinh phụ lại mỗi mòn trông đợi người chồng đi chiến trận. Mong chồng mang ấn phong hầu trở về để rạng danh dòng họ nhưng sự trông đợi của họ là vô vọng. Người chinh phụ cô độc trong sự mỗi mòn. Niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi đã gãy vò nàng. Bi kịch của nàng chính là nỗi cô đơn. Người chinh phụ ra đi

không hẹn ngày trở lại. Những cuộc chiến tranh phong kiến đã cướp đi của nàng hạnh phúc và tuổi trẻ.

Mỗi người phụ nữ một số phận khác nhau những họ đều rơi vào bi kịch. Bi kịch chung nhất của họ là hạnh phúc lứa đôi bị dang dở. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự dang dở ấy chính là tính chất phi nhân đạo của chế độ phong kiến. Đó là chế độ nằm thê bầy thiếp, là chiến tranh phi nghĩa, là mộng công hầu. Các thi nhân xưa với niềm cảm thông sâu sắc của mình đã cất lên tiếng nói đòi quyền sống, quyền được hạnh phúc cho những người phụ nữ. Niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi là niềm khát khao chính đáng của người phụ nữ nói riêng và của con người nói chung.

HỒNG MAI

Đề 14. Bài học về nhân cách và lối sống mà anh chị rút ra từ các câu chuyện về Thái phó Tô Hiến Thành và Thái sư Trần Thủ Độ.

Bài viết

Thái phó Tô Hiến Thành và Thái sư Trần Thủ Độ là hai danh nhân văn hoá đất Việt, hai người có công rất lớn đối với sự thịnh vượng của hai triều đại phong kiến Việt Nam. Họ là những tấm gương sáng về lối sống và nhân cách. Qua câu chuyện về Tô Hiến Thành và Trần Thủ Độ, người viết sử hướng đến mục đích đề cao lòng trung thực, ca ngợi tấm lòng luôn vì dân vì nước của họ. Cả hai vị tướng đầu triều này đều luôn đặt quyền lợi của dân tộc, đất nước lên trên quyền lợi gia đình và cộng đồng. Câu chuyện về hai vị tướng này mang đến cho chúng ta những bài học nhân sinh vô cùng quý giá.

Trung thực là phẩm chất vô cùng đáng quý ở mỗi người. Trung thực với mọi người xung quanh, trung thực với chính mình chúng ta sẽ không làm điều gì khuất tất. Tô Hiến Thành và Trần Thủ Độ đều là những con người rất trung thực và thẳng thắn. Là những người đứng đầu triều, mỗi lời nói, mỗi cách ứng xử đều ảnh hưởng đến vương pháp, vì thế họ luôn trung thực và công bằng khi giải quyết công việc.

Thế nhưng điều đáng trân trọng và đáng để chúng ta học tập ở hai con người ấy chính là tấm lòng mình vì mọi người. Điểm chung giữa Tô Hiến Thành và Trần Thủ Độ chính là tấm lòng luôn vì nước vì dân, biết đặt quyền lợi của tập thể lên trên quyền lợi cá nhân. Đó là biểu hiện của tinh thần trách nhiệm đối với dân tộc, đối với cộng đồng. Trần Thủ Độ ban thưởng cho người lính canh vì anh ta đã giữ nghiêm phép nước, mặc dù anh ta làm trái ý của Linh Từ Quốc mẫu. Ông ban thưởng cho người dám nói thẳng nói thật với đức vua dù người đó nói không tốt về mình. Dù việc nhỏ hay việc lớn, Trần Thủ Độ đều vì mục đích giữ nghiêm phép nước. Một chức câu đương nhỏ dành cho người họ hàng của Linh Từ Quốc mẫu - vợ ông - là việc không khó. Nhưng ông không làm theo ý của vợ. Bởi vì, ông không muốn một chút lợi lộc nhỏ của người thân làm phép nước không nghiêm, sử việc không công bằng. Vì trách nhiệm nặng nề mà triều đình đã đặt lên vai, Thái sư Trần Thủ Độ đã sẵn sàng hy sinh những quyền lợi riêng tư để giữ nguyên phép nước.

Thái phó Tô Hiến Thành cũng không vì miếng mồi danh vọng, tiền bạc mà làm trái đạo trời. Ông cũng không sợ cả những lời dọa nạt. Ông đã dũng cảm bảo

vệ di chúc của nhà vua. Vì quyền lợi của dân tộc, ông đã tiến cử người thực sự có tài chứ không tiến cử người ngày đêm hại mình.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta vẫn phải thường xuyên đối phó với những mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Nhiều khi một chút lợi của riêng mình lại gây nên những thiệt hại cho tập thể, cho mọi người xung quanh. Những tấm gương sáng về nhân cách và lối sống của người xưa nhắc nhở chúng ta phải sống sao cho phải đạo, phải biết điều hoà mối quan hệ giữa quyền lợi của bản thân và lợi ích của tập thể, của những người xung quanh, không nên chỉ lo cho bản thân mình. Có nhiều người, vì cái lợi trước mắt của bản thân đã sẵn sàng gây nên tai hoạ hoặc những mầm hoạ cho cả xã hội. Khi làm việc gì chúng ta cũng phải cân nhắc cái lợi và cái hại nó gây nên cho xã hội.

Để trở thành những con người có ích cho xã hội, chúng ta còn phải biết nhìn xa trông rộng, phải biết sống đúng đạo làm người. Xã hội sẽ tốt đẹp hơn nếu mỗi người đều có trách nhiệm, đều có ý thức xây dựng tập thể. Sự ích kỷ, chỉ bo bo quyền lợi của riêng mình sẽ khiến cho con người sống nhỏ nhen và tính toán. Mà những tính toán nhỏ nhen bao giờ cũng gây nên những điều không tốt cho người khác và cho cả bản thân người ích kỷ. Thái phó Tô Hiến Thành và Thái sư Trần Thủ Độ là những tấm gương sáng ngời về nhân cách. Họ mang những trách nhiệm vô cùng nặng nề đối với triều đình, cách ứng xử của họ liên quan đến lợi ích, sự sống còn của cả một triều đình nên họ phải cân nhắc, phải thận trọng. Chúng ta chỉ là những con người bình thường song cũng vẫn là một cá nhân của xã hội. Hành động của chúng ta cũng liên quan đến những người xung quanh nên chúng ta cũng phải biết xử sự sao cho đúng, cho hợp lẽ phải, lẽ đời.

Biết sống vì mọi người, sẵn sàng hy sinh lợi ích của bản thân để củng cố lợi ích của dân tộc là truyền thống, lối sống vô cùng tốt đẹp của nhân dân ta. Và những anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá là những tấm gương sáng ngời, là biểu tượng đẹp đẽ cho tinh thần ấy. Lòng trung thực, tinh thần tập thể và trách nhiệm đối với nhân dân, với đất nước là những điểm sáng trong nhân cách và lối sống của những người như Tô Hiến Thành và Trần Thủ Độ, là những tấm gương để chúng ta soi mình và sửa mình sao cho hợp lẽ đời.

HỒNG MAI

III. THAM KHẢO

Trong thế giới AIDS, im lặng là chết

Lời cảnh báo trên của Tổng thư ký LHQ Ko-phi An-nan mang nhiều thông điệp đáng quan tâm. Sự phân biệt đối xử, kỳ thị và thái độ thờ ơ của cộng đồng lẫn chính phủ các quốc gia đang mang lại nhiều cái chết thương tâm không đáng có vì căn bệnh này.

Nhấn nhủ với báo giới bên lề Hội nghị Quốc tế AIDS lần thứ 15 được tổ chức tại Băng-cốc, Thái Lan, Tổng thư ký Liên hợp quốc Ko-phi An-nan nói: "Nếu có điều chúng tôi đã học được qua hai thập kỷ AIDS hoành hành, thì đó là trong thế giới của AIDS, im lặng là chết... Là những người thuộc giới truyền thông, các bạn

hãy đem căn bệnh này ra khỏi bóng tối và hãy để mọi người nói về nó một cách cởi mở và có hiểu biết".

Đối với giới lãnh đạo các nước, Tổng thư ký Liên hợp quốc Ko-phí An-nan nhấn mạnh: cần nói về AIDS với quan điểm tự hào, không phải là điều đáng xấu hổ. Các nước nghèo cần nhận thức rõ thảm họa AIDS và công khai thông báo thực trạng lây nhiễm HIV/AIDS ở nước mình, từ đó có được sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế. Thực chất, đối với các nước nghèo, vấn đề lớn chưa hẳn là thiếu nguồn tài chính quốc tế hỗ trợ cho chương trình phòng chống AIDS mà là thiếu các điều kiện cơ sở hạ tầng để thực hiện tốt các chương trình điều trị và phòng bệnh. Còn ở các nước giàu, điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ cũng chưa đảm bảo thành công trong cuộc đấu tranh với AIDS, mà chính là cần sự quan tâm không phân biệt đối xử với mọi tầng lớp, thành phần nhiễm bệnh. Đơn cử ngay tại nước Mĩ, xã hội vẫn tự hào về những giá trị nhân quyền và văn minh, tình trạng phân biệt chủng tộc và thái độ thờ ơ của giới lãnh đạo cũng gây ảnh hưởng đến cuộc chiến chống AIDS. Vấn đề người Mĩ gốc Phi nhiễm HIV tại nước này đang ngày càng gia tăng khi có hơn 50% số người nhiễm HIV ở Mĩ là người da màu. Nhưng trong 5323 áp phích tuyên truyền và 445 bài phát biểu tại Hội nghị Quốc tế lần thứ 15 về AIDS, trong đó có nhiều bài phát biểu của Mĩ, không có một dòng nào nhắc đến tình trạng lây nhiễm HIV/AIDS của người Mĩ gốc Phi.

Đối với cộng đồng xã hội, để tạo được bầu không khí cởi mở cho những bệnh nhân AIDS tự tâm sự và trao đổi, cũng như để mọi người dân có kiến thức hồng chống lây nhiễm, cần xoá bỏ những tư tưởng kỳ thị và phân biệt. Tổ chức lao động quốc tế mới đây kêu gọi mọi người lao động nên tự nguyện thử HIV, xem đây là hoạt động thường kỳ. Một quan chức hoạt động trong lĩnh vực phòng chống AIDS cấp độ toàn cầu từng nhận định, nếu 90% số người nhiễm HIV không biết mình nhiễm bệnh, coi như sự nghiệp phòng chống HIV/AIDS đã thất bại, một hiện trạng đang xảy ra ngay tại các nước đang phát triển. Hội nghị về AIDS tại Thái Lan cũng đề cập đến vấn đề này và khuyến khích thử nghiệm HIV thường kỳ, áp dụng đối với các bệnh nhân đến khám chữa bệnh tại các bệnh viện, trung tâm y tế. Những người này nếu được yêu cầu thử luôn cả virus HIV nhưng họ có thể từ chối nếu không muốn.

Theo đánh giá của Tổng thư ký Liên hợp quốc Kô-phí An-nan, thảm họa AIDS không chỉ là vấn đề sức khỏe mà còn đe dọa trực tiếp đến tiến trình phát triển của nhân loại. Nhưng kể từ hội nghị quốc tế cuối cùng về AIDS được tổ chức năm 2002 đến nay, tốc độ hoành hành của dịch bệnh đã gia tăng chóng mặt khi có đến 6 triệu người thiệt mạng so với tổng số 20 triệu bệnh nhân đã chết vì AIDS kể từ khi phát hiện ca đầu tiên vào năm 1981. Trên thế giới hiện có 38 triệu người nhiễm AIDS, riêng trong năm 2003 có đến 4,8 triệu ca nhiễm mới. Căn bệnh cũng đang đe dọa ngày càng lớn đến phụ nữ và trẻ em khi có đến hơn nửa số người nhiễm bệnh ở độ tuổi trưởng thành là phụ nữ, còn số trẻ em bị mồ côi vì mất cha, mẹ do AIDS đang ngày càng tăng. Trẻ em cũng khó có cơ hội được chữa trị AIDS do thiếu thuốc riêng thích hợp.

(Theo Tạp chí *Những vấn đề chính trị - xã hội*, số 8/2004, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh)

Suy nghĩ về mẹ

1. Mẹ tôi người mẹ Việt Nam. Hy sinh chịu đựng muôn vàn khó khăn. Mẹ tôi là người mẹ đáng kính trọng nhất. Đừng có ai tranh cãi với tôi về điều đó. Bởi mẹ là người tôi yêu nhất trên đời.

2. Cha mẹ sinh thành ra tôi nhưng xác thân tôi được trích ra từ một phần của mẹ. Máu thịt tôi là một phần máu thịt cơ thể mẹ. Mẹ nuôi nấng tôi từ trong bụng mẹ, rồi từ nguồn sữa mẹ. Trong bài học từ ngữ Hán Việt của người xưa gửi gắm, tôi đọc và hiểu được rằng tử số là số con, mẫu số là số mẹ. Trong phân số cuộc đời ta luôn là một phần của mẹ.

Mẫu là tiền vốn. Tử là tiền lãi. Dẫu mai này tôi sức dài vai rộng. Dẫu mai này tôi là tỉ phú, tôi vẫn nhớ rằng tôi đi ra từ mẹ, tôi cũng chỉ là phần lãi từ mẹ mà thôi. Và tôi hiểu như thế nào là "Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con".

3. Trong Kinh Báo ân Lễ Vu Lan rằm tháng bảy có câu: "Chỗ ướt mẹ nằm chỗ ráo con lăn". Ngày còn nhỏ tôi hiểu đó là tình mẫu tử của người mẹ nghèo trong ngôi nhà mái dột mẹ nhường cho con chỗ khô. Sau này tôi hiểu đó là tình mẫu tử của tất cả mọi người mẹ nuôi con. Khi con còn đỏ hỏn, mỗi đêm ngày con tè dầm hàng mấy chục lần. Ngày xưa không tiện nghỉ như bây giờ, những manh chiếu không kịp khô mà luôn tím bầm nước giải. Mẹ phải nằm lên đó cho chóng ráo để lượt khác chuyển chỗ con nằm. Một tình mẹ mộc mạc đơn sơ mà sao đi hết nửa đời người câu văn kia tôi mới hiểu.

4. Ấy thế mà, nếu phải nằm trong số những người nghèo thì người mẹ là người nghèo nhất vì ngoài bản thân mình ra, mẹ còn mang gánh nặng chi tiêu chợ búa cho cả gia đình.

5. Khi ta yếu đuối trong thân xác bé bỏng hay khi ta trong phút sức tàn lực kiệt, nếu như chỉ một từ cuối cùng ta còn có thể gọi được thì đó phải là từ Mẹ. Bởi Mẹ là từ có cấu âm dễ phát âm nhất và ít tốn sức nhất. Đó là phụ âm môi - môi cộng với một nguyên âm đơn, khép. Chỉ cần bạn mấp máy môi là có ngay mẹ.

6. Than ôi, không hiểu sao trên đời này vẫn còn những người con bất hiếu. Những đứa con làm mẹ đau. Tôi cũng đã có lần làm mẹ đau. Tôi đã đập vào bụng mẹ từ bên trong. Cũng chỉ vì ngày đó tôi mới là phôi, là thai, tôi đâu được là Người. Ngày ấy tôi còn nằm trong bụng mẹ. Và tôi biết, và hơi những người con đều nên biết, đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng ta đáng được tha thứ khi làm cho mẹ ta đau.

ĐOÀN CÔNG LÊ HUY

Suy nghĩ về việc học nhân mùa tựu trường

Đã lại thêm một mùa tựu trường, mùa của những đám mây bàng bạc trôi trên không và lá ngoài đường rụng nhiều. Lòng ta lại như chú bé ngày đầu đi học trong vãn của Thanh Tịnh.

Có bao giờ ta tự hỏi vì sao đoạn văn *Tôi đi học* lại sống lâu như vậy trong ký ức của ai đã từng là học trò? Có phải vì nó đã được in vào sách Tập đọc cấp một?

Có phải vì mùa đến trường lặp lại hàng năm nên dễ nhớ? Hay vì đó là tâm trạng quá điển hình của một chú bé ngày đầu làm "sinh viên" lớp 1?

Sớm mai hôm ấy, sớm mai đây sương thu và giá lạnh, chú bé được mẹ âu yếm dắt tay đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này chú đã quen đi lại lắm lần nhưng lần này bỗng lạ. Cảnh vật chung quanh như có nhiều thay đổi lớn. Tất cả thực ra chỉ vì hôm nay "tôi đi học". Ý nghĩa sâu sắc làm nên sự điển hình bất hủ của một tâm trạng nằm trong ba chữ *Tôi đi học*.

Sự học là chiếc bản lề mở ra phía sáng, khép lại giữa bóng tối.

Sự học là nhịp cầu bắc bên này bờ mộng muội sang bên bờ chân lý.

Học cho nên người, học để không chỉ sống phần "con".

Học để biết chung sống cùng nhau trong cộng đồng, trong một thế giới ngày càng chật hẹp khi mà ranh giới của địa hạt thông tin ngày càng nhoà đi.

Học để biết uống nước đun sôi để nguội.

Học để biết không ai có thể suy nghĩ hộ và quyết định cho hiểu biết của chính ta.

Học để biết ơn Đắc-uyn, Men-đen, những Niu-tơn, Anh-xtanh,... Biết ơn những nhà bác học dám cấy lên cơ thể của chính mình những vi trùng thí nghiệm... Và vô cùng nhiều những ngọn đuốc khác đã dẫn đường cho tương lai nhân loại.

Học để biết ơn con người có 200 ngàn năm cam lạng trước 300 ngàn năm biết nói. Học để biết một Cổ đại loé sáng, một *Đêm trường Trung cổ* tối tăm, một *Phục hưng* xanh lại màu nhân bản, một *Cổ điển mực thước*, một *Ánh sáng* bùng lên lý trí và một *Hiện đại* đầy quyền rũ mà còn đó bao ngổn ngang gò đống...

Để biết chớp mắt là một chiều dài thời gian niên đại.

Học để thấy trong một giọt nước có phân tử, có nguyên tử, có $1H\ 2O$. Học để biết giọt nước ở Việt Nam cũng giống như giọt nước ở bên kia bờ đại dương, ở Nga, ở Đức. Giọt nước có thể soi bóng mọi gương mặt người.

Và như vậy cũng chỉ có học mới giúp em làm *một - con - người* mang tâm vóc nhân loại.

Chính ý nghĩa lớn lao của sự học đã khiến chú bé mơ hồ dự cảm về những đổi thay kỳ diệu kể từ khi con người bước chân đến lớp. Có thể nói mọi con đường đi lên của nhân loại đều bắt đầu từ nhà trường.

Chú bé của Thanh Tịnh náo nức mà cũng "hoang mang", là bởi chú đang gánh trách nhiệm quá lớn lao được làm người tiếp nhận và kế thừa cả kho trí thức vĩ đại của nhân loại. Sứ mạng của kẻ sĩ là vậy.

Dẫu còn nhiều trần trở, dẫu còn nhiều thiệt thòi, dẫu còn khó khăn, dẫu "hoang mang" thì cũng xin hãy "náo nức" mà nói rằng xin cảm ơn đời được còn làm một bông hoa phượng trong sân trường và hạnh phúc thay nếu được viết 3 chữ *Tôi đi học* mãi mãi ở thì hiện tại.

ĐOÀN CÔNG LÊ HUY

Sự dũng cảm của khát vọng

Khi nhà thơ Lưu Quang Vũ viết câu thơ "Tôi chán cả bạn bè tôi, mấy năm rồi họ chẳng nói được câu gì mới" thì hẳn là Vũ buồn. Nhưng nỗi buồn đó chắc hẳn sẽ là lớn hơn rất nhiều nếu không xảy ra với thi ca mà xảy ra với kiến thức đời sống, với khoa học kỹ thuật và công nghệ, bởi ở đó người ta luôn chờ đợi những tiến bộ tính theo từng phút từng giờ.

Thơ đời sau có thể không bằng được thơ Đường, thơ Tống. Một nhà văn hôm nay có thể nói không "vật" nổi một nhà văn thời Cổ điển hay Phục hưng. Cũng như một Nguyễn Du của Trung đại bóng rợp trùm lên cả đương đại là chuyện dễ chấp nhận. Nhưng thật bất hạnh nếu chiếc máy hơi nước của thế kỷ XV đến hôm nay vẫn tiếp tục bò lê bò càng trên phố xá đông đúc. Thật bất hạnh nếu vi trùng lao cho đến hôm nay vẫn chưa có tên gọi là vi trùng Cốc. Thật bất hạnh nếu trong vốn từ vựng của loài người hôm nay chưa biết đến từ vắc-xin và thật bất hạnh khi con quỷ đạu mùa vẫn tiếp tục thò bàn tay gớm ghiếc lên những gương mặt thiên thần của các em bé ngày nay. Muốn có được sự tiến bộ để vượt lên, để cho hôm nay khác hôm qua như vậy phải bắt đầu từ khát vọng.

Trước hết là khát vọng của con người vượt qua tâm tối của nhận thức để tìm đến sự thật - sự thật của kiến thức, của chân lý khoa học.

Đó cũng là khát vọng tự do của con người, bởi người ta chỉ thực sự tự do khi có đủ hiểu biết. "Tự do là tất yếu được nhận thức" (Các Mác).

Đó còn là khát vọng của lòng yêu nước, yêu thương con người, muốn thay đổi cách nghĩ cách làm, sao cho xã hội tốt hơn, đưa cuộc sống con người tiến lên một bước phát triển mới. Ông Nguyễn Trường Tộ thuở còn bé thơ đã bỏ thời gian đi dọc con đê sông Hồng suốt hai ba ngày, để quan sát, để ước lượng những đồng cát trong lòng sông cao hơn mặt ruộng bên ngoài đê đến một hai trượng thì hẳn là không phải vì để vui chơi mà vì ông thương người dân châu thổ sông Hồng thường xuyên trong cảnh lụt lội. Đê Văn Giang ở Hưng Yên hồi đó vỡ 18 năm liền. Để rồi lớn lên, bằng những nghiên cứu thực nghiệm, ông đề xuất giải pháp trị thủy sông Hồng bằng ý kiến trái ngược và mới lạ, không phải đắp đê mà là đào kênh giảm lưu lượng để vừa tránh họa vỡ đê lại tận dụng được phù sa cho cả một vùng đất châu thổ của ông cha để lại. Đây chỉ là một ý kiến nhỏ trong vô số những luận điểm đề xuất để canh tân đất nước của ông Nguyễn Trường Tộ.

Nhưng tại sao khát vọng lại cần có lòng dũng cảm?

Bởi con người không dám phủ định những tri thức của chính mình. Nghiệp chương này người ta gọi là sở tri chương. Trong lịch sử dằng dặc gần 20 thế kỷ, chỉ vì người ta lỗ tin theo A-ri-xtốt rằng vật nặng rơi nhanh hơn vật nhẹ mà đến cuối thế kỷ XVI, khi Ga-li-lê trèo lên đỉnh tháp nghiêng Pi-sa để thả hai viên bi nặng nhẹ khác nhau rơi xuống đất để làm thực nghiệm cho mọi người thấy tận mắt rằng vận tốc hai viên bi đó giống nhau thì lập tức ông đã bị cho thôi việc và khởi đầu của bao nỗi đọa đầy danh dự, kéo dài cho đến tận cuối thế kỷ XX. Cuộc đời của Nguyễn Trường Tộ phần nào đó, cũng như vậy.

Em muốn tập sống tự lập, cần lòng dũng cảm... Suy cho cùng, chính nhờ ngược gió mà những cánh diều đã bay lên.

ĐOÀN CÔNG LÊ HUY

Suy nghĩ về tình yêu đất nước

Truyện *Cậu bé đánh trống người Xác-đê-nha* đã làm cho con cảm động sâu sắc, thế thì sáng hôm nay chắc là con phải làm đề bài văn đầu đề: Tại sao cậu yêu đất nước của cậu?

"Tại sao tôi yêu đất nước của tôi?". Câu hỏi ấy chẳng đã gọi lên ngay trong ý nghĩ của con vô số câu trả lời hay sao? Tôi yêu đất nước của tôi là vì mẹ tôi sinh ra ở đó; vì dòng máu chảy trong huyết quản của tôi là hoàn toàn thuộc về đất nước tôi, vì dưới mảnh đất thiêng liêng ấy đã chôn những người mà mẹ tôi thương xót và cha tôi tôn kính; vì thành phố mà tôi đã sinh ra, cái tiếng mà tôi nói, những quyển sách dạy tôi học, vì em trai tôi, em gái tôi, bạn bè tôi và cả dân tộc vĩ đại mà tôi đang sống trong đó, thiên nhiên tươi đẹp bao quanh tôi; tóm lại, tất cả những gì tôi thấy, tất cả những gì tôi yêu mến, tôi kính phục, tất cả đều là những bộ phận hợp thành đất nước tôi. Ôi! Giờ thì con chưa thể hiểu hết tình yêu nước ấy được. Sau này, khi khôn lớn, con sẽ cảm thấy rõ hơn; sau một cuộc đi xa trở về, một buổi sáng nọ, tựa vào bao lơn của con tàu, con trông thấy ở chân trời những dãy núi xanh biếc của đất nước con; bấy giờ con sẽ không tài nào cầm nổi những giọt lệ cảm kích và một tiếng kêu vui mừng.

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước, khi ở nơi xa lạ, giữa đám đông người dừng đứng với con, con chợt nghe tâm hồn con đẩy con lại phía một người công nhân không quen biết, khi đi qua đã nói một vài tiếng bằng ngôn ngữ của con. Con sẽ cảm thấy qua con phần nộ đau đớn làm con đỏ mặt tía tai, khi con nghe một người nước ngoài thoá mạ đất nước của con. Con sẽ cảm thấy lòng yêu nước mãnh liệt hơn, và tự hào hơn, khi sự đe dọa của một nước thù địch làm nổi lên một cơn bão lửa trên Tổ quốc, và con thấy khắp nơi những thanh niên giương cao vũ khí, những người cha ôm hôn con và nói: "Dừng cảm lên", và những bà mẹ vui vẻ tiễn đưa quân đội lên đường với lời chúc: "Hãy chiến thắng!". Con sẽ cảm thấy lòng yêu nước như một niềm vui thiêng liêng nếu con được hạnh phúc trông thấy những trung đoàn trở về thành phố, quân số tiêu hao, quân sĩ kiệt lực, nhưng khoe mất chói lọi vẻ rực rỡ của chiến thắng, con sẽ cảm thấy lòng yêu nước khi trông thấy lá cờ ba màu lỗ chỗ vết đạn; theo sau là một đoàn dài những chiến sĩ ngẩng cao đầu quần băng cánh tay buộc chéo vì thương tật; họ đi giữa một rừng người nhiệt liệt tung hoa như mưa vào họ, gửi đến họ nào lời cầu chúc, nào những cái hôn. En-ri-cô ạ, lúc đó con sẽ hiểu thế nào là tình yêu đất nước. Đó là một tình cảm vĩ đại và thiêng liêng đến mức như thế này, con ạ. Giá một ngày nào đó bố thấy con từ một trận chiến đấu vì Tổ quốc mà trở về, bình yên vô sự, nhưng lại biết rằng con, dòng máu và là đứa con thân yêu của bố, để bảo toàn tính mạng đã trốn tránh nguy hiểm... thì bố của con ngày nay mỗi lần con đi học về bố đón con với một tiếng reo vui, lúc ấy bố sẽ đón con với một tiếng nấc đau đớn; bố sẽ không còn có thể yêu con được nữa, và bố sẽ chết với nhát dao găm ấy đâm vào tim.

Bố của con.

ÉT-MÔN-ĐÔ ĐƠ A-MI-XI

Luận về nguyên lý văn chương

Phàm việc gì cũng có nguyên lý. Nguyên lý tức là cái lẽ căn nguyên của việc ấy. Văn chương cũng vậy. Đặt nên câu thơ câu hát, viết ra bài luận, bài văn, thì gọi là văn chương. Song thử xem căn nguyên của văn chương ấy, bởi lẽ gì mà có, vì ở đâu mà sinh ra thì gọi là nguyên lý văn chương.

Cha mẹ dạy con, giảng giải điều hơn lẽ thiệt, rạch ròi kể tóc chân tơ. Hai người tự tình biệt ly với nhau, ấm lạnh ngọt bùi, kể hết nỗi này kể sang nỗi khác. Người đàn bà lỡ bước, thở dài than vắn, phàn nàn những số phận hẩm hiu. Đứa mục đồng đi chăn trâu, nhân khi thích chí nghêu ngao vài tiếng giữa đồng, đó toàn là cái mầm của văn chương cả. Nói cho cùng thì một tiếng cười một tiếng khóc của đứa trẻ thơ, cũng là cái gốc văn chương.

Người ta có tính tình, có tư tưởng, có ngôn ngữ văn tự, thì tự nhiên phải có văn chương. Tính tình người ta cảm xúc với ngoại vật, sinh ra khi mừng, khi giận, khi vui, khi buồn, khi xót xa, khi ham muốn. Các mối tình ấy chứa ở trong bụng, tất phải phát tiết ra nhờ nói: đó tức là nguyên lý văn chương.

Tư tưởng cái suy nghĩ tự trong óc biết phân biệt lẽ phải lẽ trái, biết phán đoán điều dở điều hay, biết suy xét đến những lý cao xa, mắt không trông thấy tai không nghe tiếng. Những điều nghĩ ra được lại muốn tỏ cho người khác biết, đó cũng là nguyên lý văn chương.

Có tính tình, có tư tưởng, mà nếu không có ngôn ngữ văn tự thì cũng không thành văn chương được. Xem như giống súc vật có cảm giác, có tri thức, mà không có văn chương là bởi vì không có ngôn ngữ văn tự. Vậy ta phải nhờ có ngôn ngữ văn tự mới đạt được tính tình tư tưởng của ta, thì ngôn ngữ văn tự cũng là cái nguyên lý của văn chương.

Nói rút lại thì sở dĩ có văn chương, một là bởi ở tính tình, hai là bởi ở tư tưởng, ba là bởi ở ngôn ngữ văn tự, đó là ba cái căn nguyên trước nhất. Có ba cái căn nguyên ấy, rồi những sự quan cảm ở bề ngoài đưa đến mới thành ra văn chương vậy.

Quan cảm bề ngoài, thì lại do ở cảnh tượng của tạo hoá, do ở công việc của cuộc đời và ở cảnh ngộ của một mình.

Cảnh tượng của tạo hoá hiển hiện ra trước mắt ta, nghìn hình muôn trạng, làm cho ta phải nhìn phải ngắm, phải nghĩ ngợi ngẩn ngơ. Ta cứ theo cái cảnh tượng ấy mà tả ra thì gọi là văn chương tả cảnh.

Công việc của cuộc đời, xảy qua đến mắt ta, chạm đến tai ta, việc gần việc xa, việc nhớn việc nhỏ, có việc ta ghét, có việc ta ưa, làm cho ta phải khen phải chê, phải cười phải khóc. Ta cứ theo công việc đó mà ghi chép lại thì gọi là văn chương tự sự hay là nghị luận.

Cảnh ngộ của một mình, khi gặp được cảnh sung sướng, khi gặp phải cảnh chua cay. Ta nhân cái cảnh ngộ đó, ta muốn giải tỏ cái tình của ta thì gọi văn chương tự tình hay là thuật hoài.

Văn chương tuy nhiều, nhưng đại ý thì bất ngoại ba điều ấy.

Cứ như vậy thì văn chương cũng là một cái lẽ tự nhiên, phải có của trời phú

bẩm cho người ta. Song người ta tuy có sẵn cái phú bẩm ấy, nhưng phi có tài cũng không tả được, mà có tài phi có học thì văn chương cũng không sao hay được.

Văn chương khác nhau với nhờ nói thường. Nhờ nói thường thì gặp đâu nói đấy, miễn là nói cho xuôi nhờ, cho người ta hiểu được ý mình thôi. Chớ văn chương thì phải nói cho có ý nhị, có văn hoa, phải xếp đặt cho ra nhờ óng chuốt, ý tứ đầu đuôi phải quán xuyên với nhau, mới thành được văn chương.

Người làm văn chương, cũng như một tay hoạ công. Hoạ công có khéo tay thì mới vẽ đúng được hình tượng, văn chương có tài tình mới tả đúng được tinh thần.

Người có văn chương, lại như cây có hoa. Cây có bồi dưỡng được nhiều khí lực thì nở ra hoa mới được phồng phập. Người có hàm súc được nhiều kiến thức tư tưởng thì tả ra văn mới được dồi dào.

Bởi các lẽ ấy mà tài văn chương là tài hiếm có, mà khoa văn chương là khoa tối cao vậy.

PHAN KẾ BÌNH

Suy nghĩ về việc học

Học để làm gì? Câu hỏi ấy nghe ra thật là tầm thường cũ rích, tưởng như không ai để ý đến; nhưng cứ như những câu trả lời của các nhà học giả xưa nay thì có một câu vấn tất mà có thể bao quát được toàn thể và công dụng sự học là:

Học để làm người

Theo câu nói ấy, có kẻ lại cãi rằng: Vậy thì không học không làm người được sao? Kìa như ông Hán Cao Tổ không học mà làm một ông vua anh hùng; ông Hoắc Quang không học mà làm được công nghiệp lớn. Bên Âu Tây, nhiều nhà đại chính trị đại sáng tạo, hoặc trọn đời ở trong các mỏ, các công xưởng mà làm được công việc to đó thì sao? Còn ở trên đời biết bao nhiêu người vào trường nọ, đậu bằng kia, đào mãi trong trăm ngàn bộ sách, miệng nói ra rành là chuyện văn hào đông tây, mà xét đến phẩm cách tính chất, có điều mất cả tư cách làm người nữa. Thế thì câu nói "học để làm người" không phải là không đúng sao?

Phải, chỉ nói trống không là "học", thì có hơi không rõ ràng mà lẫn lộn như trên, nên trước phải hiểu cái "học làm người" này không phải như người mình thường gọi là "đi học". Theo lối thông thường người mình thì có ôm sách tới trường, có thầy dạy, có thi có đỗ, mới gọi là học. Nhưng cái học làm người này thì khác hẳn thế. Sao vậy? Cái học làm người này, nói về học khoá cần thiết thì người thông thường ai cũng có thể theo sức lực cùng bản năng của mình mà làm hết phận sự; mà nói đến chỗ cao diệu thì đầu thánh hiền hào kiệt cũng không ai dám tự phụ, rằng đã làm được hoàn toàn cực điểm. Bởi vì, đã là "người" thì ai cũng là người, mà nói đến sự làm người thì rất là mệnh mông mà không có hạn lượng. Trăm năm ngắn ngủi, trẻ, lớn, già, chết không cái gì mới lạ. Song kẻ thì thánh hiền hào kiệt, kẻ thì ngu tiện dung phạm; người thì có công với nhân loại, muôn đời ai cũng hình hương, người lại hại giống hại nòi, trăm miệng cũng đều thoá mạ. Không những thế mà thôi, làm một người về thời đại cổ, và làm một người ở thời đại nay khác nhau;

làm người ở nước giàu mạnh với làm người ở nước hèn yếu khác nhau, suy ra đối với nước nhà mình và đối với thế giới nhân loại chung, nên làm người thế nào. Cảnh địa của người trăm chiều không đồng nhau thì cái cách làm người cho xứng đáng thích hợp cũng không phải cùng một cách. Những chuyện mấy bậc vĩ nhân đông tây xưa nay, biết bao nhiêu điều đủ làm gương cho người sau học theo mà người nào có chân tướng người nấy, mỗi người dạy cho người sau một việc; bất chước được một việc thì dầu ai đọc thuộc trăm nghìn quyển sách cũng chẳng hơn chi.

Cái trường học để "làm người" đó tức là cái cõi đời ta ở vậy. Bao nhiêu sự khốn khó ở đời, bao nhiêu sự kinh nghiệm người trước để lại đều là những bài dạy cho ta. "Làm người" ở đời đã khó như trên đã nói thì "học làm người" chắc không phải chuyện dễ.

Trong cái trường học mông mênh kia, trắng vàng chen lộn, sự lành sự ác, điều dở điều hay không thiếu thứ gì; nên ai đã đem thân tòng học ở cái trường ấy thì cần phải có cặp mắt biết quan sát và cái não biết phán đoán để lựa những chuyện đáng làm theo, cùng những chuyện đáng chữa cải.

Cái mục đích chân chính của sự học là thế đó. Học như thế mới mong bổ ích cho đời, làm được một phần việc trong xã hội. Trái lại, nếu mới cắp sách đến trường mà trong não đã mơ tưởng đến chức kia hàm nọ, thấy người ta xuống ngựa lên xe, mà cũng ao ước cho được cửa cao nhà rộng, thì cái bả hư vinh, cái môi phú quý ấy chắc không sao nhắc ta lên cái địa vị làm một người chân chính ở đời được. Vậy ai muốn khỏi cái tiếng hư sinh thì cần phải "học để làm người"; mà học để làm người không phải nhất định có cắp sách đến trường và thi đỗ bằng này bằng nọ, nhưng chính là noi gương kim cổ mà học theo, làm cho hết nghĩa vụ một người đối với nhân quần xã hội vậy.

PHAN KẾ BÌNH

Hồn chữ Y Phương

Nhà thơ Y Phương (tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước). Anh tự giới thiệu về quê mình:

Bước đá

Bước mây

Bước mùa đông

Bước mùa hè

Cây đàn tính dây trong dây đục...

Hoa cháy đỏ miền rừng Phja hjooc

Dòng Khuổi Slao con gái tắm cùng trăng

Miền quê ấy trong thơ anh thật đẹp, thật hiếu khách, thật phóng túng kiêu vùng cao:

Lên Cao Bằng xin đừng làm lạ

Mời rượu cả chum mời quả cả cây...

*Đi qua hẳn không vào nhà là người già trách đấy
Tết tháng giêng hẹn từ tháng bảy
Tin nhau không nói nhiều lời*

(Lên Cao Bằng)

Y Phương từng nhận giải A cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ quân đội, hai lần giải thưởng văn học (loại A) của Hội Nhà văn Việt Nam. Anh tự giới thiệu về mình trong trường ca *Chín tháng*:

*Tôi
Trán dô
Mũi thô
Môi dày
Chân đi dép bốn hai vẫn thừa năm ngón...*

Ai đó viết thế thì dễ được coi là cường điệu, nhưng với Y Phương, dẫu biết anh đã nói quá lên, người đọc vẫn nhận thấy trong đó một chất giọng chân thành! Sở dĩ nói vậy bởi trong thơ, anh đã không ít lần găm vào trí nhớ người đọc những "tiền giả định" đáng tin cậy làm "khế ước" cho điều đó. Nhiều người thích những câu thơ này của anh:

*Nhà em tận miền đông
Nhà anh mãi miền tây
Từ anh sang em
Đi hồng đôi giày*

(Đi tìm)

Chẳng mấy ai để ý đây là giày cỏ, giày vải hay giày da, nhưng lại rất ấn tượng về cái khoảng cách *Từ anh sang em* không thể đếm bằng bao quả núi, không thể đếm qua mấy con khe, không thể tính theo khoảng cách đường chim bay hay số ngày cuộc bộ ấy. "Đơn vị tính" *Đi hồng đôi giày* có lẽ ngành khoa học đo lường chưa từng công nhận, nên cũng có thể tạm gọi đây là hệ đo (hoặc cách tính) kiểu Y Phương. Cố nhiên, đây là cách tính của thơ, cũng như định nghĩa "Mùa hoa", anh viết:

*Mùa hoa
Người đàn bà
Mặt đỏ phừng
Đủ sức vác ông chồng
Chạy phăm phăm
Lên núi
Mùa hoa
Người đàn ông
Mệt như chiếc áo rũ
Vừa vịn rào đi vừa ngái ngủ*

Viết về mùa hoa mà đâu thấy bóng dáng một loài hoa, đến một bông hoa cũng không có nốt. Mùa hoa, mùa xuân, tuổi xuân hay sức xuân? Rất nhiều tung bừa tiền tàng sau lời kể xen trong lời tả làm cho bài thơ có vẻ đẹp ý nhị và sâu sắc bởi cái tứ được xác lập kín đáo trên cơ sở chuyển nghĩa giữa tiêu đề và sự phát triển một tuyến song hành những yếu tố phân ly của biểu tượng.

Y Phương triệt để khai thác những khả năng tạo nghĩa của cấu trúc ngôn từ, miễn sao lời ăn tiếng nói đời thường trở nên hồn vía. Chẳng hạn: về hành tung của sông Hồng, anh cảm nhận bằng phép nhân hoá rất tự nhiên:

Em vô đến chân trời xa tấp

Em vừa đi vừa sinh ra đất

Diễn tả hiện tượng sông Hồng bồi đắp phù sa như thế vừa thật vừa gợi đến bất ngờ. Với một người bạn *Tuổi ba mươi vẫn gái - Một mình*, anh mua nón làm quà mà khi trao tặng bỗng lặng người suy ngẫm:

Chưa có quai

Biết đội

Hay cầm

(Nón mùa thu)

Dân gian nói: "Chồng chành như nón không quai - Như thuyền không lái như ai không chồng". Cứ ngỡ vui vì tặng được bạn một món quà nhỏ, mà tặng xong lại thấy áy náy thế nào! Một chiếc nón nặng trĩu tâm tình của cả người tặng và người được tặng, một chiếc nón "nỗi niềm", "thân phận". Hoặc một trường hợp khác, anh viết về tâm trạng của người con trai khi yêu:

Vàng bạc với đá quý

Anh cất vào trong rương hòm khoá kĩ

Nhưng em, anh biết cất giấu vào đâu

Thôi đành - Nuốt em vào trong bụng

(Cất giấu)

Lời thơ có vẻ khẩu khí chất chứa một tình cảm mãnh liệt, và cách cất giấu người yêu, cất giấu tình yêu... vào trong bụng này thuộc diện "có một không hai". Có khi anh viết nhẹ như không, chẳng thấy dấu vết lao tâm khổ tứ gì mà giàu tính biểu cảm. Thơ sau một lần được về thăm con chóc lát:

Thức dậy đi nào hòn đất thó

Con hãy đãi cho cha một bãi thật to

Để cha hôi lem lên hàng râu rậm

Không cầu kì mà ấn tượng, mong ước cũng như tình cảm của người cha giản dị mà cảm động, thấm đẫm nhân văn.

Đã có không ít câu thơ hay về đất nước, nhưng khi nghe Y Phương cất nghĩa:

Ấm ấm một bên vú phì nhiêu - Đất,

Nóng nóng một bên vú mọng căng - Nước,

Đất Nước sinh ra từ ngực người đàn bà

Chín tháng)

vẫn thấy anh góp được cho thi ca một tiếng nói riêng: cội nguồn đất nước gắn liền với sự hoá thân vĩ đại và thiêng liêng của tượng hình người mẹ. Trường hợp khác, sau kì nghỉ tết, các con lần lượt đi trả phép, anh viết về sự trống trải, vắng lặng đến tê tái:

Gió, lửa, than, nắng

Thì nhau rét

(Vắng con)

Đến cả những thứ dường như sinh ra đã mang thuộc tính nóng cũng thì nhau rét, hỏi còn có gì lạnh hơn? Còn đây là vẻ đẹp mát dịu, mịn màng, tinh khiết của làn da một cô gái:

Khi mặt trăng lặn

Nó thoát vào da thịt em

(Da thịt em)...

Nhìn chung, thơ Y Phương kiệm lời mà hàm súc:

Anh đi không vung tay

Cởi áo vắt vai

Phăm phăm bước

(Đi tìm)

Lẽ thường, đi không vung tay phải đi chậm, đây lại *phăm phăm bước*, thật không dễ hình dung. Thơ Y Phương có khi thể hiện sức nén căng của chữ nghĩa:

Có người đàn bà bị phụ tình

Không kể ai biết

Cả chính mình

Người bị phụ tình thường khó giấu, giấu người khác đã khó, giấu chính mình còn khó gấp nhiều lần. Biết bao giông bão trong những con chữ có bề ngoài bình lặng.

Không chỉ ý tại ngôn ngoại, anh còn sáng tạo ra những từ ngữ, hình ảnh so sánh ẩn dụ. Đó là hình ảnh một em bé: *ngấu nghiêng ăn - nừng nực nuốt* (*nừng nực* chứ không phải *ừng ực*; *nừng nực* cũng là nội động từ, nhưng miêu tả động thái nuốt nguồn sữa liên tục khi em bé bú mẹ). Đó là hình ảnh các ông bà già miền núi: *phì phà cười như lửa* (*phì phà* chứ không phải *hì hà*, *phì phà* thể hiện âm vực tiếng cười của người có tuổi, cũng có nét nghĩa tiếng cười lẫn tiếng lửa reo). Đó là hình ảnh:

Chợ Lồng Tồng

người đông

người nhiều

người dài

(*người dài*: nghĩa trong câu chỉ đoàn người nối nhau đi chợ). Đó là hình ảnh: *cháu*

bé vừa đầy tháng - non nớt như vành trăng... Có thể nói: các chữ nùng nực, phì phà, người dài, non nớt trong các câu thơ trên; hoặc chữ khe khẽ rất tinh tế trong câu thơ Cỏ lấp lánh - Khe khẽ ướt, sự hợp nghĩa tài tình giữa các chữ long lanh hơi hơi trong câu thơ Tiếng trẻ trâu long lanh hơi hơi như đồng cỏ là những gợi ý thú vị đối với các nhà nghiên cứu từ vựng, phong cách, ngôn ngữ học.

Y Phương không thiên về thơ lục bát. Tuyển thơ Y Phương (NXB Hội Nhà văn, 2002) gồm một trường ca và 113 bài thơ chỉ có vài bài lục bát (mà tất cả đều là "lục bát biến thể"). Bài *Tên em là sông* anh viết trong ngày thi vào trường viết văn Nguyễn Du (1982). Người ta đi thi thường hồi hộp, lo lắng chuyện bài vở, nhưng chàng trai trong bài thơ lại hồi hộp vì một... cái tên bạn gái! Không biết có phải vì vừa gặp, và cũng chỉ là những dạt dào chọn rộn "đầu mây cuối mắt" chưa đầu vào đầu mà anh mới để bài thơ "biến thể" và ngắt dòng theo đồ hình tự do:

*Tên em là sông
Dòng sông nhỏ chảy quanh đồng của anh
Dòng sông vừa trắng vừa xanh
Tên em là bến
Cho anh đợi chờ?*

"Tên em là sông" - câu thơ ngắn gọn, bất chấp sự thiếu hụt khuôn âm (lục) để xác định "đối tượng" của mình. Bài *Lời ru* (1986) anh kể lại những hoài niệm đau đáu về người bà. Như những tiếng nấc ngắt quãng, tâm trạng ăn năn của người cháu đã tạo nên hiệu quả biểu niệm của câu lục bát biến thể:

*Bà ru
Tôi không ngủ
Nằm nghe
Tiếng ru hóm hém
Lập loè
Bà trông*

Ba chữ "Tôi không ngủ" như thể trời ra trong khuôn âm lục bát, có tác dụng nhấn mạnh, cuốn hút sự chú ý về phía chủ thể (trong khi mạch chính của bài thơ là hướng về đối tượng: người bà). Một kỉ niệm ấu thơ, bà ru trưa không chịu ngủ (hay không ngủ được vì mãi ngẫm nghĩ về bà) mà tập trung để ý vào sắc thái tiếng ru và hình dung sự quan sát của bà. Mạch thơ của Y Phương thường được cắt ra như thế, chỉ một hoặc vài chữ một dòng, dài ngắn trải ra không đều (đọc tuyển thơ kể trên, chỉ thấy đúng một lần anh viết dòng thơ 12 chữ, trong khi đó có rất nhiều dòng một chữ). Nhìn khối chữ nhấp nhô, trôi thụt dễ liên tưởng đến mấy câu trong bài thơ *Thăng cố và thổ cẩm* với đề từ E Sun gửi Y Phương của nhà thơ Lò Ngân Sủn:

*Có người bảo
Thơ này
Như thổ cẩm*

Lượn muôn sắc hoa văn

Phăm phăm

Đèo dốc

Điều đó đối với Y Phương đúng cả ở nghĩa đen và nghĩa bóng. Thơ Y Phương đậm đà hương sắc vùng cao, ý thơ khoáng đạt và biến hoá bất ngờ. Anh sở trường diễn đạt những dòng thơ ngắn, thậm chí có những bài rất ngắn. Các bài *Con hổ*, *Con người*, *Người đàn bà*,... gồm có ba dòng; cá biệt bài *Chén nước* gồm mười chữ, đuổi hết cỡ cũng chỉ đúng hai dòng:

Anh biết mình như chén nước

Chớ rót đầy

Bài thơ cô đúc như một triết lí. Triết lí tưởng chừng giản đơn thế nhưng thấp thoáng phía sau của hai dòng chữ ấy là ngồn ngán nỗi đời từng trải.

Y Phương đã thổi vào thơ một điệu hồn tha thiết sương núi hương rừng; một điệu hồn quán quện tình quả, tình cây, tình hoa, tình đá; một điệu hồn nghiêng ngả câu hát Hà Lầu, đắm men đàn tính, đàn then...

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Nhà thơ Định Hải

Nói tới Định Hải, dường như ai cũng nghĩ ngay đến một nhà thơ chuyên viết cho lứa tuổi thiếu nhi. Điều đó đúng - bởi Định Hải đã dành *phần quỹ thời gian và niềm quan tâm lớn nhất của đời mình để sáng tác văn học cho đối tượng bạn đọc nhỏ tuổi*, nhưng nếu chỉ có thế hẳn chưa đầy đủ. Sinh ngày 6-6-1937 tại làng Sét, xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa - được thừa hưởng tử sách quý như một di huấn tinh thần do người cha để lại sau khi "nhà thơ tương lai" chào đời được 7 ngày; được tiếp xúc với bầu "khí quyển" văn chương từ nhỏ vì làng Sét khi đó là nơi tụ hội của nhiều nhà thơ viết trong kháng chiến như Vũ Cao, Vũ Tú Nam, Vũ Ngọc Bình, Quang Dũng, Minh Huệ... Thêm nữa, sự khích lệ bởi những người bạn thân của anh ruột như Hà Minh Đức, Mai Cát, Hồ Quang Bình... đã lôi cuốn ông vào sự đam mê "bất chước" công việc của anh (sau này là nhà thơ Nguyễn Bao).

Ông bắt đầu sáng tác từ những năm đang còn học cấp hai trường Lam Sơn (Thanh Hóa) và được đăng thơ trên báo từ năm 1954 với bút danh Nguyễn Biểu. Với bút danh này, Nguyễn Biểu đã được nhiều người biết đến - đúng hơn có thể xem như đã "thành danh" với những bài thơ: *Quê ta một dải Bắc - Nam* (giải khuyến khích báo *Tiến Phong* 1955), *Trồng cây xanh* (giải nhì - không có giải nhất - báo *Người giáo viên nhân dân* 1960), *Cây sáo trúc* (giải B - *Bộ Lao động Thương binh xã hội* 1962), *Ngày xuân đi đón người yêu* và *Giữa mùa lúa chín* (in trong tập *Thơ tình yêu* - NXB Thanh niên 1959)... Cứ ngỡ thế là Nguyễn Biểu bằng lòng hoặc ít ra cũng thuận đà tung hoành ngang dọc trong cõi thơ tình mà không ai dám chắc rồi sẽ đến đâu. Một bạn đọc của ông đã: "gặp Định Hải trong văn học đầu tiên với thơ tình. Những bài thơ *Ngày xuân đi đón người yêu*, *Giữa mùa lúa chín*... từng làm xôn xao trái tim bao bạn trẻ. Chính chúng tôi, những thanh niên nông thôn,

đến bây giờ vẫn còn thuộc lòng những vần thơ của ông viết cách đây đã gần bốn thập kỉ..." - thậm chí, cũng bạn đọc này cao hứng - đã ngỡ ông "sẽ là một Xuân Diệu mới hay một Ê-xê-nhìn của Việt Nam"^(*).

Nhưng không giống với dự đoán (hoặc ít ra cũng là sự mong muốn) của bạn đọc nói trên, bởi từ năm 1960, Nguyễn Biểu thơ tình tự chuyển hướng thành Định Hải - nhà thơ chuyên viết cho thiếu nhi. Và từ đấy, liên tiếp các tác phẩm viết cho các thế hệ tuổi thơ lần lượt chào đời. Từ *Chồng nụ chồng hoa* đến *Hươu cao cổ*, từ *én hát - du quay* đến *Những câu tục ngữ gặp nhau*, từ *Bao nhiêu điều lạ* đến *Bài ca trái đất*, từ *Nhành hoa trong vườn sớm* đến *Nắng xuân trên rẻo cao*... Từ phong cách trữ tình da diết trong những bài thơ viết cho đối tượng lớn tuổi được nhiều người một thời mến mộ, Định Hải "vào cuộc" thật ngoạn mục và dẻo dai trong những sáng tác viết cho các em. Nếu tính từ chùm thơ in trong tập đầu tay có tên *Đèn kéo quân* (cùng với Nguyễn Bao, Ngô Quân Miện, Lữ Huy Nguyên, Thanh Hào) đến nay, Định Hải đã đi gần nửa thế kỉ cùng hành trang tâm hồn của hàng chục thế hệ thiếu nhi. Hàng vạn người đọc thơ ông đã trở thành những bậc phụ huynh của tuổi học trò, khi lựa sách cho con cháu mình bắt gặp những bài thơ của Định Hải từng có mặt trong tập thơ *Chồng nụ chồng hoa* (Nhà xuất bản Kim Đồng, 1970) đã bất ngờ xúc động ngỡ như được sống lại kí ức tuổi hoa niên... Theo thời gian, bạn đọc thì lớn lên, có ai nghĩ tác giả của những vần thơ ấy vẫn nguyên vẹn thuỷ chung với "nghiep dĩ" văn chương và mặc dầu đã trải qua nhiều công việc, từ dạy học đến biên tập sách, viết báo, làm báo; đã cho in trên 40 đầu sách gồm văn, thơ, truyện thơ, hoạt cảnh thơ, biên soạn, dịch thuật, tuyển chọn; đã cho đăng hàng trăm bài tiểu luận văn học... nhưng khát vọng hướng tới tuổi thơ vẫn trong trẻo nồng nàn từ "cái thuở ban đầu lưu luyến ấy". Sách của ông có cuốn được in đi in lại nhiều lần, có cuốn được nhiều nhà xuất bản cùng in... tính ra tất cả cũng tới hàng trăm ngàn bản, nhưng viết cho thiếu nhi luôn luôn là nỗi đam mê thôi thúc, nói đúng hơn là đối tượng này luôn luôn đem đến cho ông mạch nguồn dạt dào cảm xúc. Ông tâm sự trong lần tập thơ *Bài ca trái đất* (giải thưởng *Hội Nhà văn Việt Nam*, 1984) được in với số lượng lớn trong *Tủ sách vàng* của Nhà xuất bản Kim Đồng (1997): "Được suốt đời làm thơ cho các em - đó là niềm hạnh phúc to lớn nhất mà tôi ao ước". Nghĩ được điều đó, và nhất là điều đó đã được kiểm nghiệm qua thực tế thật không dễ dàng. Phải chăng yếu tố chi phối và quyết định đối với sáng tác của Định Hải là do ông chọn được cho mình một lẽ sống phù hợp. Gặp ông, ít ai nghĩ đó là một người đã từng là đại biểu dự thính Đại hội thành lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), tham dự *Hội nghị viết văn trẻ* lần thứ nhất (1959), tham gia nhiều khóa bồi dưỡng các cây bút trẻ trong các trại sáng tác, bồi dưỡng các mầm non văn học ở Hà Nội, Hà Tây và nhiều địa phương, từng nhận hàng chục giải thưởng văn học của các cơ quan: Hội Nhà văn Việt Nam, Trung ương Đoàn, Hội Văn nghệ Hà Nội, Nhà xuất bản Kim Đồng, Báo Thiếu niên tiền phong; từng nhiều lần tham gia các Hội đồng giám khảo các cuộc thi sáng tác văn học, có tới 10 bài thơ được tuyển chọn vào sách giáo khoa và hơn 20 bài thơ được phổ nhạc...

^(*) Nhiều tác giả: *Cây đèn thần*. NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1999.

Không ít người có một chút danh rồi sinh ra khệnh khạng, hoặc làm ra vẻ ngạo đời. Định Hải không thế, cứ nhìn những lúc cái dáng kềnh càng tội nghiệp của ông lọt thỏm giữa khung cảnh khói thuốc mịt mù và sừng sừng bia rượu thì biết. Chúng kiến những cảnh tượng ấy, không hiểu sao, tôi hay chợt nhớ tới câu thơ của ông: "Khói hình nấm là tai hoạ đấy. Bom H, bom A không phải là bạn ta"! Gặp Định Hải, hình như ai có ý muốn nói to cũng ngại - ấy là bởi tính ông ưa nhỏ nhẹ, khiêm nhường. Ông vốn vãi, cởi mở, chu đáo và cẩn trọng - nhất là với lớp trẻ. Tiếp xúc hoặc làm việc với ông, nhiều bạn trẻ thấy tự tin hơn khi được ông quan tâm như một người anh, người bạn gần gũi. Phải đó chính là "khế ước" cho những trang viết của ông cứ tươi rói trẻ trung và thiết tha nhân hậu!

Cùng với một số tên tuổi trứ danh khác, Định Hải không chỉ được các bạn đọc nhỏ tuổi yêu mến - thậm chí có bạn đọc lớn tuổi còn cao hứng tôn ông là một trong những "lãnh tụ" thơ cho thiếu nhi của Việt Nam. Được suy tôn, nhưng ông vẫn luôn luôn là một người cần mẫn học hỏi và chịu khó lắng nghe. Năm 1978, dự trại hè thiếu nhi quốc tế ở Cộng hoà Dân chủ Đức, thấy thiếu nhi các nước nắm tay nhau nhảy múa thật tự nhiên và thân mật, còn các em thiếu nhi Việt Nam thì xem chừng e dè ngần ngại... Ông day dứt, đem chuyện này tâm sự với nhà thơ Xuân Diệu và được nhà thơ Xuân Diệu trả lời: với thiếu nhi, cần phải hướng dẫn các em lối sống văn hóa, kể cả việc phải biết cầm đũa như thế nào! Đó cũng là lí do Định Hải nung nấu suốt bốn năm, mạnh dạn vượt qua định kiến, cho ra mắt hai tập thơ có tên là *Nụ hôn học trò* mà một số người lớn thì xét nét cầm chừng, còn các em lại thích thú đón nhận - nhất là những câu:

- Ra đường con có nhìn ai
Mà sao con cứ vấp hoài mẹ ơi!
- Gối mềm cho giấc ngủ say
Những lời dịu ngọt dễ lay lòng người.
- Bỗng dưng trời đổ cơn mưa
Để cho hai đứa mình thừa cái ô...

Cảm hứng trùmlọt lên nội dung các tác phẩm viết cho thiếu nhi của nhà thơ Định Hải là tình yêu thương con người, tình yêu thiên nhiên và tình yêu loài vật. Trong thơ ông, khát vọng lớn nhất của tuổi thơ là khát vọng hòa bình, là tình hữu nghị:

Nếu chúng mình có phép lạ
Hoá trái bom thành trái ngon
Trong ruột không còn thuốc nổ
Chỉ toàn kẹo với hi tròn...

Chính cảm hứng trùmlọt ấy giúp Định Hải có một bút pháp linh hoạt, tinh tế, thích ứng với nhiều thể loại văn học viết cho thiếu nhi. Riêng về thơ, ông có những bài để đời, nhưng nếu chọn ba bài xuất sắc nhất của Định Hải thì nhiều người đề cử: *Đánh trận giả*, *Tiếng chim buổi sáng* và *Bài ca về trái đất*. Quả thật đấy là ba bài tiêu biểu cho ba phương diện phong cách thơ viết cho thiếu nhi của ông. Đọc *Đánh trận giả*, gặp một Định Hải thật hồn nhiên, ngộ nghĩnh:

*Trận đánh đã bắt đầu
Quân ta ào lên trước
Một tên giặc ngã nhào
"Chết" rồi không dậy được!
"Chết" là không nhúc nhích
Sao nó cứ lồm cồm?
Tính ăn gian, chẳng thích
Chơi thật thà vui hơn
Thằng giặc cuống cả chân
Nhăn nhó kêu rối rít:
- Đồng ý là tao "chết"
Nhưng đây... ổ kiến vàng!*

Bài thơ nói chuyện của trẻ em, bao hàm cả không khí hào hùng của dân tộc những năm kháng chiến, cuộc kháng chiến trong ánh mắt trẻ thơ đầy mang sắc thái của "cờ lau tập trận" vẫn đòi hỏi "chơi thật thà vui hơn". Đặc biệt, cái kết thúc hóm hỉnh bất ngờ có lẽ đã đưa bài thơ vượt qua sự thử thách của thời gian, giúp cho bài thơ đứng ra khỏi hàng ngũ những tác phẩm "viết về các em" mà cứ ngỡ "viết cho các em".

Đọc *Tiếng chim buổi sáng*, gặp một Định Hải tâm hồn nhạy cảm, sáng tạo hóa thân trong một họa sĩ, một nhạc trưởng và một đàn nhạc tài hoa:

*Sáng ra trời rộng đến đâu
Trời xanh như mới lần đầu biết xanh
Tiếng chim lay động lá cành
Tiếng chim đánh thức chồi xanh dậy cùng
Tiếng chim vỗ cánh bầy ong
Tiếng chim tha nắng rải đồng vàng thơm...*

Còn đọc *Bài ca về trái đất*, lại gặp một Định Hải thật hồn hậu, trong sáng, nhân văn:

*Trái đất này là của chúng mình
Quả bóng xanh bay giữa trời xanh
Bồ câu ơi, tiếng chim gù thương mến
Hải âu ơi, cánh chim vờn sóng biển
Cùng bay nào, cho trái đất quay...*

Cùng với *Biết bao điều lạ* và một số bài thơ khác, *Bài ca về trái đất* được phổ nhạc, và hầu như ngày nào, không ở nơi này thì nơi khác trên mọi miền đất nước, các em thiếu nhi vẫn hát lên khát vọng: *Trái đất này là của chúng mình...* Chắc chắn, khát vọng ấy không riêng chỉ của các em thiếu nhi Việt Nam.

Thiết nghĩ, đối với người viết, để tạo dựng được một cái tên trong bại đọc là một vấn đề không đơn giản, và có lẽ không phải ai cũng làm được. Bởi thế, có người cả đời chỉ làm được một việc duy nhất là đuổi theo một cái bóng. Nếu nhìn lại gần nửa thế kỷ miệt mài trên hành trình sáng tác, có thể thấy Định Hải đạt được ba điều quan trọng: *một là*, ông từng làm nên một Nguyễn Biểu thơ tình; *hai là*, ông thuộc trong số những người nổi tiếng nhất về thơ viết cho thiếu nhi; và *ba là*, thơ ông có những bài đã và đang được âm nhạc chấp cánh thành tiếng hát yêu thương kết nối tình người...

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

***Lời giới thiệu "Tuyên ngôn độc lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"
của Hồ Chí Minh¹***

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* long trọng tuyên bố sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng đồng bào cả nước và nhân dân thế giới.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* bắt đầu bằng lời khẳng định một nguyên lý cơ bản: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".

Tiếp theo đó, bản *Tuyên ngôn* điểm lại quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta cho đến cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại và kết luận: "Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa".

Và cuối cùng, bản *Tuyên ngôn* kết thúc bằng lời khẳng định vô cùng sâu sắc và mạnh mẽ: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Năm nay, 1975, 30 năm sau kể từ ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cũng là năm kỷ niệm lần thứ 30 bản *Tuyên ngôn Độc lập*, nhân dân Việt Nam ta vừa làm nên một sự tích tuyệt vời, một chiến thắng huy hoàng bậc nhất trong lịch sử nước ta: chúng ta đã giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc chống Mỹ, cứu nước và đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh đập tan một triệu quân địch trong 55 ngày, hoàn toàn giải phóng miền Nam của Tổ quốc thân yêu, khôi phục hoàn toàn nền độc lập của nước nhà, tiến lên xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Ôn lại những chặng đường oanh liệt và vẻ vang của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm giữ nước và dựng nước, chúng ta càng thấy rõ mối quan hệ mật thiết giữa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới trong suốt thời gian

¹ Nxb Sự thật, 1975.

lịch sử từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, chúng ta càng thấy nổi bật những dòng chữ bất diệt, những tư tưởng lớn của bản *Tuyên ngôn Độc lập*, những tư tưởng lớn của dân tộc Việt Nam ta, những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đó cũng là những tư tưởng lớn của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới.

Là người hiểu sâu sắc cái giá phải trả trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do cho Tổ quốc, nhân dân Việt Nam càng quyết tâm ra sức giữ vững nền độc lập và tự do của Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần xứng đáng của mình vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đó cũng là mục tiêu cao cả của bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Cuộc đấu tranh đó còn rất gian khổ và phức tạp, nhưng thắng lợi của nó là tất yếu bởi vì đó là quy luật phát triển của lịch sử, là nguyện vọng và ý chí của nhân dân thế giới.

PHẠM VĂN ĐỒNG

(Dàn bài tập làm văn 12, Nxb Giáo dục, 1999)

Lời nói đầu tuyển tập "Tình bạn, tình yêu - Thơ" ⁽¹⁾

Trong tình cảm riêng tư của mỗi một con người, còn có gì đẹp hơn tình bạn, tình yêu?

Đó là thứ tình cảm da diết, gắn bó hai tâm hồn với nhau, để lại dấu ấn trong suốt cuộc đời, có khi quyết định cả số phận.

Ở một độ tuổi nào đó và trong những tình huống nhất định, tình bạn trở nên thiêng liêng và sâu sắc đến mức lấn át mọi thứ tình cảm khác. Không phải chỉ có tình bạn vững bền ở lứa tuổi cấp sách đến trường, của thời thiếu niên và thanh niên, mà nhiều tình bạn lớn đã nảy sinh trong quá trình trưởng thành của con người: trong công tác, trong hoạt động cách mạng, trong chiến đấu. Đó là tình đồng chí, tình đồng đội. Cũng có cả những mối tình bạn già rất thiết tha, đầy xúc động. Tập thơ này quan niệm tình bạn rộng rãi như thế, như nó vốn tồn tại ở trong đời.

Còn tình yêu? Khó mà nói quá đi về chiều sâu và sức mạnh của nó đối với tâm hồn con người. Có thể tìm thấy trong tập này mọi sắc độ của tình cảm, mọi trạng thái tâm hồn nảy sinh từ mọi tình huống có thể xảy ra giữa hai người yêu nhau: tình yêu trai gái và tình yêu vợ chồng, tình yêu khi vừa chớm nở và tình yêu giữa độ tròn hạnh phúc, tình yêu khi gần gũi và tình yêu lúc chia xa, tình yêu thành đôi lứa và tình yêu bất hạnh lỡ làng, tình yêu thoáng qua và tình yêu số phận, tình yêu thời trẻ và tình yêu muộn màng, tình yêu mặn nồng từ hai phía và tình yêu khi người yêu không yêu, tình yêu trong cảnh thanh bình và tình yêu giữa khói lửa chiến tranh, tình yêu của người đang còn đối với người đã khuất...

Và tất cả, tất cả những rung động của tình bạn và tình yêu đó, trong tập này, đều trải qua sự sàng lọc của những tâm hồn nghệ sĩ, của những ngòi bút tinh tế và

⁽¹⁾ NXB Giáo dục, 1987.

tài hoa. Cũng như trong bất cứ sự cảm thụ nghệ thuật nào, đầu cho bản thân chúng ta có hay không trải qua những tình huống tương tự thì sự tiếp xúc với những vần thơ này, với những biểu hiện tình cảm hết sức tinh vi và mãnh liệt, cũng mở rộng và nâng cao tâm hồn chúng ta, làm cho nó giàu có hơn lên, cao đẹp hơn lên. Chúng ta sống gấp bội, nhân lên nhiều lần cuộc đời của mỗi một chúng ta. Qua sự thanh lọc của nghệ thuật, chúng ta trở nên người hơn, tăng thêm phẩm chất người trong mỗi một chúng ta. "Không có gì thuộc về con người lại xa lạ đối với tôi", người sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Lênin đã nhiều lần nhắc lại câu nói đó. Cuốn sách này là một thử nghiệm, một cố gắng nhằm vào cái mục đích cuối cùng mang tính nhân văn ấy.

*

* *

Hướng theo ý tưởng trên, chúng tôi đã tuyển chọn thơ về tình bạn, tình yêu từ ba nguồn:

1. Thơ ca dân gian
2. Thơ cổ điển
3. Thơ hiện đại

Khởi phải nhắc lại ở đây về tính trữ tình hết sức đậm đà, sâu sắc của ca dao, dân ca Việt Nam. Trong kho tàng văn chương truyền miệng, tự ngàn xưa để lại, tình yêu nam nữ, tình yêu vợ chồng tạo ra một mảng lớn, sáng ngời, đầy sức lay động cho mãi đến bây giờ. Người đọc hôm nay vẫn có thể sững sờ trước vẻ đẹp của mảng thơ này, như trở về nguồn mà tìm lại được chính mình. Hồn nhiên mà dữ dội, trong sáng mà quyết liệt, lành mạnh mà đầy sức bùng nổ, số phận càng éo le, ước mơ càng táo bạo, cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình của người dân lao động ngày xưa, hình như, đã bắt đầu từ đó, trong lĩnh vực tình cảm tự nhiên nhất của con người, khi mà, giữa những ràng buộc khe khắt của xã hội cũ, con người muốn được sống như những con người...

Tình bạn và tình yêu trong thơ cổ điển lại hiện ra dưới những dạng vẻ khác. Quy phạm trong cuộc đời và quy tắc trong nghệ thuật - hãy hiểu là nghệ thuật phong kiến kéo dài hàng chục thế kỷ trong lịch sử Việt Nam - đã gò bó cách diễn đạt nguyên khôi, tươi mát, chân thực của tình cảm con người. Tính ước lệ của nghệ thuật (tình huống không từ cuộc sống thực, tình cảm phải tuân theo đạo đức, thể loại cứng nhắc với những niêm luật phức tạp, điển cố văn học và ngôn từ vay mượn...) khiến cho mảng thơ này không dễ dàng đi vào thế giới tinh thần của con người hiện đại. Đối với bạn trẻ ngày nay, để thưởng thức văn thơ cổ điển, cần có một sự dẫn dắt đặc biệt, một sự giải mã thích hợp.

Thế nhưng, trong bất cứ thời đại nào, đã là nghệ sĩ chân chính thì, cuối cùng, mình vẫn cứ phải là mình, không thể là ai khác, không thể là một tư tưởng hay một ý niệm. Thành ra đằng sau vô vàn những ước lệ sáo mòn, những công thức xưa cũ, trong văn chương cổ điển Việt Nam vẫn hiện ra những nhân cách độc đáo, những cá tính sáng tạo: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tú Xương, Nguyễn Khuyến,

Tản Đà... Tình yêu, thứ cảm kị trong đạo đức phong kiến, vẫn lộ ra trong thơ của họ thường là kín đáo tinh vi, nhưng cũng có khi bùng bùng mãnh liệt.

Không ai chối cãi rằng đỉnh cao của thơ ca cổ điển Việt Nam là *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc* và *Truyện Kiều*. Nhưng đó là những tác phẩm như thế nào? Sẽ là một sai lầm đáng tiếc trong tiếp nhận nghệ thuật nếu hiểu rằng hai tác phẩm đầu chỉ là lời than khóc của một người chinh phụ xa chồng và lời oán trách của một người cung nữ bị nhà vua ruồng bỏ, nghĩa là những thứ tình cảm nặng màu sắc phong kiến hoặc nhi nữ thường tình đáng phê phán. Không có những rung động thực do tình yêu đem lại - một tình yêu đậm thắm khát khao hạnh phúc -, không thể viết những vần thơ lay động như thế. Còn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, như chúng ta biết, trước hết là một bản tình ca lớn mà về nghệ thuật sau này không có ai vượt nổi.

Đối với các khúc ngâm và truyện thơ, dĩ nhiên, chúng tôi phải dùng biện pháp trích tuyển. Chúng tôi cố chọn những đoạn hay nhất mà người đọc ngày nay có thể thưởng thức dễ dàng, không nhất thiết phải gắn liền với những tình huống cụ thể trong câu chuyện và không cần kèm theo những chú thích rườm rà.

Trong giai đoạn này còn có khá nhiều truyện thơ khác về tình bạn, tình yêu, nhưng chuyện hay mà thơ không hay, thành ra chúng tôi cũng đành phải để lại.

*

* *

Phần lớn nhất trong cuốn sách này dành cho đề tài tình bạn và tình yêu trong thơ hiện đại. Điều này dễ hiểu về mặt lịch sử và về mặt nghệ thuật. Từ sau 1930, văn chương Việt Nam trải qua một thời đại "Phục hưng" thực sự, theo kiểu riêng của mình. Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng cá nhân là những dòng thác khác nhau, nhưng ào ạt chảy về một phía, chụm lại thành sức mạnh, lật nhào chế độ cũ và đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa của xã hội Việt Nam. Trải qua mấy chục năm chiến đấu ngoan cường, chúng ta đi vào thế giới ngày nay: thời đại của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Cùng nhịp bước theo lịch sử, thơ Việt Nam nở rộ. Trong vườn thơ rực rỡ đó, những bài thơ về tình bạn, tình yêu là những đóa hoa đậm sắc, bền hương, không thể bỏ qua. Vì đây chính là thời đại mà chúng ta đang sống nên xin miễn cho chúng tôi những lời bình không cần thiết. Xin hãy tự mình đọc lấy phần hiện đại trong tập thơ này. Thật phong phú và đa dạng. Thật đa diết và khỏe mạnh. Thật sôi nổi và lắng sâu.

*

* *

Về cấu trúc, sách này chia ra làm ba phần, theo ba nguồn tuyển chọn như trên kia đã trình bày.

Trong phần Thơ cổ điển, sau các bài thơ riêng lẻ là các đoạn trích từ các khúc ngâm và truyện thơ. Cách sắp xếp ở đây tuân theo trình tự thời gian.

Các tác giả trong phần Thơ hiện đại được sắp xếp theo thứ tự vần chữ cái tiếng

Việt căn cứ vào tên người hoặc bút danh quen thuộc. Ở đây có sự phân chia ra hai thời kỳ (1930 - 1945 và 1945 - 1985), vì tuy cùng viết về một đề tài, nhưng hơi thơ lại khác, nên không thể nào xếp chen nhau.

Trong quá trình làm sách, nhận lời của Nhà xuất bản Giáo dục, nhiều nhà thơ đã gửi bài cho nhóm biên soạn. Sự hưởng ứng nhiệt tình này đã đóng góp vào thành công của tập thơ. Nhân đây chúng tôi xin gửi tới các bạn lời cảm ơn chân thành.

Chúng tôi thực sự bối rối khi phải chọn bài để đưa vào tuyển tập. Rất tiếc là vì khuôn khổ của sách, chúng tôi không thể quá tham lam. Nhiều bài thơ hay và nhiều tác giả khác phải tạm gác lại. Chúng tôi rất mong được các nhà thơ lượng thứ và bạn đọc thông cảm.

*

* *

Sau một thời gian ấp ủ, tập *Tình bạn, tình yêu - Thơ* của Nhà xuất bản Giáo dục đã ra đời và đang nằm trong tay bạn. Nó dành riêng cho lứa tuổi thanh niên đang học ở các trường khác nhau, khi mà tình bạn và tình yêu đang có thể là tâm tư sôi động của từng người. Nó cũng có thể gây hứng thú cho bạn đọc rộng rãi, thuộc các lứa tuổi khác nhau. Mong rằng nó sẽ đem lại cho bạn một niềm vui. Lớn hay nhỏ, tùy người. Nhưng chắc chắn phải là niềm vui và sức mạnh. Hãy tự nghiệm ra điều đó khi đọc cuốn sách này. Và xin chúc bạn thành công trên con đường đi đến với Tình bạn và Tình yêu...

NGUYỄN ĐỨC NAM

***Từ cô Kiều đời thường trong nguyên tác
đến nàng Kiều khuê các của Nguyễn Du***

Ai cũng biết cô Kiều từ *Kim Vân Kiều truyện* bằng văn xuôi của Thanh Tâm Tài Nhân tái sinh thành nàng Kiều trong *Truyện Kiều* bằng thơ của Nguyễn Du, nhưng ít ai để ý đến tính cách khác nhau giữa hai nhân vật ấy - có thể gọi như thế qua sự gia công biến cải của thi hào Nguyễn Du, người tiếp thu và chuyển thể.

Ở *Kim Vân Kiều truyện*, cô Kiều tuy là con gái một viên ngoại nơi đế đô Bắc Kinh, "thông thi thư, thích âm nhạc, nghiện hồ cầm" nhưng gia cảnh không dư dật, càng không phải một tiểu thư khuê các. Cô là con gái đầu lòng với đầy đủ những nét đảm đang, tháo vát, quán xuyến mọi việc nhà thay cha mẹ. Gặp cơn gia biến, chính cô nhanh chóng quyết định bán mình chuộc cha. Cô là người chủ chốt lo đối phó với bọn công sai, biết nhờ người lo liệu giấy tờ chu toàn, ổn thỏa cho cha và em trai thoát khỏi gông cùm tù ngục. Cô biết thu xếp việc nhà là việc riêng đạt tình, thấu lý: trong lúc gia đình khốn đốn, cô còn đủ tỉnh táo, khôn ngoan, sành sỏi, nhờ viên lại già họ Chung mượn cân về cân lại số bạc mua người của Mã Giám Sinh: "Người khách họ Mã xem xong (Giấy tờ tình nguyện bán Kiều của Vương ông Vương bà, Vương Quan), liền gọi người hầu lấy bạc ra trả 450 lạng. Thúy Kiều nhờ công sai họ Chung đến tiệm bán tơ lụa mượn một cái cân, cân từng gói một, thấy thiếu mất năm lạng, Thúy Kiều nói:

"- Mấy lạng này lẽ ra tôi không nên đòi thêm cho đủ, nhưng tôi bán mình vì cha, không thể không rõ ràng minh bạch như vậy được.

Người họ Mã phải bù thêm cho đủ số" (*Kim Vân Kiều truyện*, hồi 5, Nxb Văn nghệ gió xuân, Liêu Ninh, 1986). Cũng ở *Kim Vân Kiều truyện*, giờ tuất ngày hai mươi mốt, khi để cho Sở Khanh bắc thang trèo qua cửa sổ vào phòng, Kiều đã bị hấn vùi vĩnh trước khi đưa cô "đi trốn"...

Chẳng chỉ riêng Thúy Kiều mà Kim Trọng cũng là một chàng trai "đời thường" với tâm lí muôn thuở "hoa thơm hái cả cụm". Ngay lần đầu gặp hai nàng, chàng mất hồn vì nhan sắc của cả hai đến nỗi thề rằng: "Ta mà không lấy được cả hai nàng làm vợ thì suốt đời chẳng lấy ai nữa".

Những tình huống, sự việc, tâm trạng diễn biến phù hợp với logic đời thường, của những con người bằng da bằng thịt trong xã hội như một vài trích đoạn trên đây, Nguyễn Du đều lược bỏ khi chuyển thể, nhất là nhân vật chính, khi bước vào trang thơ ông họ đều trở thành khuê các, hào hoa phong nhã. Cảnh, vật, nhất là ngôn ngữ thuật truyện cũng được tác giả bỏ nhiều công sức trau chuốt để tôn thêm vẻ đẹp cho nhân vật. Trong văn xuôi, Kim Trọng là "một thư sinh khăn bay áo mầu cưỡi ngựa xa xa tiến lại. Vương Quan nhận ra là bạn đồng môn Kim Trọng nhưng không biết bạn cố ý theo tìm đến đây. Sợ hai bên chạm mặt, Vương Quan vội bảo:

- Anh Kim đến kìa, mau lánh đi!

Thúy Kiều nghe nói ngược mắt nhìn lên, thấy Kim Trọng phong lưu phóng khoáng, nho nhã, linh lợi, cưỡi ngựa tới trước mộ bèn cùng Thúy Vân lảng ra sau mộ" (hồi 1).

Tới Nguyễn Du, cũng cảnh cũng người ấy nhưng được thêm thắt để trở thành cảnh thơ mộng biết bao!

... Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần
Trông chừng thấy một văn nhân,
Lỏng huông tay khấu bước lần dậm bằng,
Đề huê lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con con,
Tuyết in sắc ngựa câu dòn,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
Hài văn lần bước dậm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao,
Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa.

Sự biến cải, lựa chọn, sáng tạo nên trên đây tất nhiên do quan điểm nghệ thuật thẩm Mĩ của Nguyễn Du, của thời đại Nguyễn Du. Nhà thơ cũng như nhiều tác giả

chuyển thể tiểu thuyết Trung Quốc khác, từ Nguyễn Hữu Hào (? - 1713) với *Song Tinh Bất Dạ*, Nguyễn Huy Tụ (1743 - 1790) với *Truyện Hoa tiên*, tới Lý Văn Phức (1785 - 1849) với *Ngọc Kiều Lê*, *Truyện Tây Sương* v.v... đều có chung mạch cảm hứng về loại đề tài thường gọi là "tài tử giai nhân", cốt truyện chủ yếu là tình yêu đầy trắc trở của những trai tài gái sắc "trương rủ màn che, hào hoa phong nhã", song cuối cùng trúc mai vẫn sum họp trong đạo lý hiếu trung trọn vẹn. Sự biến cải và lựa chọn đó còn do đặc điểm thể loại quyết định. Thơ dù là tự sự, phản ánh cuộc đời song không cần và không bao giờ miêu tả trần trụi, đầy đủ, chi tiết... như văn xuôi.

Con tim nhức nhối của Nguyễn Du cũng đã thổ lộ tình cảm nồng nàn với nàng Kiều của ông. Ngôn ngữ thơ và những biến cải đầy sáng tạo của ông khiến cho nàng Kiều khuê các khờ dại, cả tin giành được mối đồng cảm sâu sắc nơi bạn đọc hơn một cô Kiều sắc sảo, khôn ngoan trong nguyên tác văn xuôi rất nhiều. Đó chính là thành công lớn của Nguyễn Du, là nguyên nhân cắt nghĩa tại sao bạn đọc Việt Nam khi đã đọc *Truyện Kiều* rồi thì không muốn được *Kim Vân Kiều truyện* nữa, trừ phi là người nghiên cứu.

PHẠM TÚ CHÂU

Độc văn chương

Độc văn chương là một vấn đề đang được đặt ra và thảo luận sôi nổi trong giới phê bình, nghiên cứu văn học trên thế giới. Lúc này, trên Trái Đất, cũng có hàng triệu người đọc văn chương, đọc ở nhà trường, trong nhà, ngoài đường, trong thư viện, trên xe hoa, métorô... Từ xưa, người ta đã đọc; đặc biệt từ giữa thế kỷ XV, với việc phát minh máy in của Gutenberg, số người đọc văn chương tăng gấp bội; và đến thế kỷ XX, nhất là từ sau Đại chiến II, trên hành tinh chúng ta, ở các nước tiên tiến, hầu như ai cũng đọc văn chương. Thế nhưng, chỉ cách đây vài chục năm, *độc văn chương* mới trở thành một khoa học được bàn luận triệt để. Vào những năm 70 và 80 của thế kỷ này, các nhà nghiên cứu tổ chức nhiều hội nghị quốc tế về vấn đề này (ở Pháp, đáng chú ý, là Hội nghị Ceresy - la Salle và hội nghị Reims). Các vấn đề lớn được thảo luận, nhiều khi gay gắt: *Độc văn chương là gì? Ai đọc? Đọc gì? Đọc thế nào?*

Từ những năm 60 vừa qua, phê bình, nghiên cứu văn học ở Pháp (và ở phương Tây nói chung) trải qua nhiều biến động và những biến đổi lớn. Ba mươi năm đã qua, kể từ ngày khởi đầu cuộc "tranh cãi" văn chương lớn nhất thế kỷ, giữa Roland Barthes và Raymond Picard; ngày nay, có thể khẳng định *Phê bình Mới* là một trong những thành tựu văn học lớn nhất của thế kỷ XX ở thế giới phương Tây. Phê bình, nghiên cứu trở thành một bộ môn khoa học tự chủ, độc lập (độc lập với triết học, Mĩ học, xã hội học, đạo đức học, ngôn ngữ học...), với một kho từ ngữ riêng biệt với những sáng tạo phong phú, thuyết phục, những "siêu văn bản" có giá trị đã ra đời. Văn bản (hay tác phẩm được nghiên cứu dưới dạng cấu trúc), là một đối tượng nghiên cứu chủ yếu của *Phê bình Mới*. Cái trục *Tác giả - Tác phẩm - Người đọc* được soi rọi dưới nhiều góc độ. Sau khi tranh luận về tác giả (tiểu sử, con người xã hội và con người bên trong cảm hứng; tác giả và người kể chuyện v.v...),

và tác phẩm (văn bản, loại thể, phong cách, liên văn bản, tính đa âm, ý nghĩa chìm v.v...), mối quan hệ đích thực giữa tác giả và tác phẩm khâu *người đọc* đặt ra và bàn cãi sôi nổi. Đến nay, nói chung *Phê bình Mới* đã được công chúng, các trường Đại học, các trung tâm, các trường Trung học chấp nhận, một cách hợp lý (gạt bỏ, qua tranh luận, qua thời gian mấy chục năm mọi ý kiến cực đoan, như phủ nhận tuyệt đối nghiên cứu, phê bình "truyền thống", như ứng dụng nhiều công thức toán học cao cấp vào kết cấu tác phẩm văn học...).

Nói *Đọc văn chương* (hoặc *Đọc tác phẩm văn chương*) là nói mối quan hệ văn bản/người đọc. Có thể nói nhà văn bao giờ cũng muốn gửi sáng tác của mình đến người đọc (tác giả hướng tới người đọc), người đọc cụ thể, đồng thời, hoặc người đọc trừu tượng, người đọc "có thể", người đọc tương lai: Nguyễn Du nghĩ đến người đọc ba trăm năm sau; Stendhal chờ người đọc của mình nửa thế kỷ sau; một nhà văn Việt Nam muốn "gửi thông điệp" (nghệ thuật) của mình, tức tiểu thuyết, đến người đọc. *Đọc* là một khâu của sáng tạo nghệ thuật, hoặc, như một số người nó, của "sản xuất" nghệ thuật. Tác phẩm văn chương gắn bó chặt chẽ với *đọc văn chương* (Đến nay, nhiều sách *Lịch sử văn học* bỏ qua khâu "Người đọc", là một thiếu sót). Từ đó mối quan hệ Tác phẩm/người đọc sẽ là Văn bản - *Đọc* siêu văn bản. Có những mối quan hệ chặt chẽ giữa Viết và *Đọc*, những quan hệ triết học, Mĩ học, đạo đức học, xã hội học, tâm lý học v.v... Có thể có sự hài hòa hoặc sự xộc xệch giữa văn bản và người đọc, giữa người gửi thông báo và người tiếp nhận.

Đọc văn chương có nghĩa là tháo gỡ mã của các ký hiệu văn chương trong văn bản, là tìm hiểu ý nghĩa của tác phẩm thông qua các cấu trúc của văn bản (cốt truyện, kết cấu, nhân vật, đối thoại, không gian, thời gian v.v...). *Đọc* là mã hóa cách *đọc*, là tổng hợp các khâu của việc *đọc*, - cảm tưởng, phân tích, đối chiếu, tổng hợp, đánh giá v.v... là phát hiện và sáng tạo. *Đọc*, trước hết, là phát hiện, trong văn bản và từ văn bản, một thế giới khác, những con người khác. Người *đọc* sống trong thế giới tưởng tượng của mình, xây dựng cho mình, thông qua tác phẩm, một xứ sở riêng. *Đọc* là một hoạt động tích cực; người *đọc* "nhập cuộc", "hóa thân", với những cảm xúc riêng của mình, những kỷ niệm, ký ức, khát vọng riêng. *Đọc* có nghĩa là chuyển đổi tác phẩm nghệ thuật thành một vũ trụ tình cảm, cảm xúc, tư duy, hình tượng riêng của người *đọc*. *Đọc văn chương* là một khoa học mà đối tượng là người *đọc*, người tiếp nhận văn bản. Người phê bình xây dựng, từ thế giới này, một bản văn thứ hai, một bản viết thứ hai. Người phê bình là người sáng tạo.

Người phê bình là một loại người *đọc* đặc biệt, có trách nhiệm trước xã hội; người phê bình cần có cảm xúc nhanh nhạy và có năng lực hiểu biết con người, xã hội, có kiến thức về nhiều ngành khoa học, nhất là khoa học nhân văn, và đặc biệt là triết học. Không phải ai cũng *đọc* như người phê bình, nghiên cứu. *Loại hình học* người *đọc văn chương* thường phân người *đọc* thành các lớp sau đây: thứ nhất "người *đọc* tiêu thụ", thường "ngấu nghiến" cốt truyện, ham thích truyện éo le, nhiều khúc mắc, nhiều cạm bẫy. Những người *đọc* này *đọc* lướt nhanh, vào những giờ rảnh rỗi, tìm thú giải trí dễ dãi với những cuộc phiêu lưu đến xứ sở xa lạ, hoặc những tình cảm rắc rối, và có đánh giá thô thiển ("Chán phê", hoặc "Tuyệt, tuyệt", *Tiên sư thắng Tào Tháo* - Nam Cao). Thứ hai, những người tìm ở văn chương

những thông tin mới về cuộc sống, suy nghĩ đôi chút về thế sự, đạo đức, từ tác phẩm văn chương. Có thể xếp vào loại người đọc này, nhà báo có trách nhiệm "điểm sách" hàng tuần, hoặc hàng tháng, với ít lời giới thiệu sơ sài, đơn giản, thường vô thưởng vô phạt, nhằm mục đích thông báo để độc giả của báo tìm đọc tác phẩm, nếu ưa thích. *Thứ ba*, những người đọc chuyên nghiệp, người giảng dạy văn học, người phê bình nghiên cứu ở các Viện, các Trung tâm nghiên cứu văn học, gọi là "siêu độc giả". Nếu loại người đọc thứ nhất đọc nhanh, đọc lướt, thì loại người đọc chuyên nghiệp đọc chậm, đọc nhiều lần, có những thao tác nghề nghiệp riêng, như ghi chép, thống kê, đối chiếu, suy nghĩ về cái biểu đạt (ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp, các mối liên kết...), cái được biểu đạt (ý nghĩa triết học, xã hội học, đạo đức học...) (Có thể có loại người đọc thứ tư, những nghệ sĩ sáng tạo (nhà văn, nhà thơ), khi bất chợt, nhân một cảm hứng nào đó, viết những dòng hoặc những trang phê bình đặc sắc, bằng trực giác, tài năng và dự cảm của mình; có thể kể Baudelaire, Veléry, Proust, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài...).

Độc văn chương là một bộ phận của *xã hội học văn chương*. Ngày nay, đã hình thành cách đọc mang nhiều hiệu quả nhất; đọc thâm và đọc một mình, ở nơi yên tĩnh. Đọc có lịch sử của nó. Trước đây nhiều thế kỷ, khi dân chúng không biết đọc, biết viết, một người có học vấn đọc một truyện viết, mọi người xúm quanh nghe, vừa nghe vừa bình luận. Hình thức đọc tập thể này còn di tích ở việc giảng Kinh ở nhà thờ, ở nhà chùa và ở những nước lạc hậu, còn tồn tại hình thức đọc cổ lỗ này (không kể Radio "Kể truyện đêm khuya"). Đọc cá nhân, bằng mắt và thẩm lẫm gây cho người đọc những hứng thú nhiều dạng; người đọc cảm thụ sâu những cái hay, cái đẹp, suy tư và phán đoán. Sự hình thành phương pháp đọc văn chương được một số nhà lý luận tổng hợp thành "Tu từ học đọc văn chương". Kinh nghiệm những tri thức loài người cho biết cần *đào tạo người đọc* - phương pháp đọc, thói quen đọc, dẫn đến "cái biết đọc" (savoir - lire). Có thể thấy bốn bước sau đây:

1) Trước hết lựa chọn sách đọc, - những sách cổ điển hay hiện đại phù hợp với khát vọng của con người; hòa bình, tự do, chống bạo lực, độc tài.

2) Định hướng: Tìm thú phiêu lưu, cảm tưởng lạ lùng, hoặc tìm hiểu con người, "một ẩn số", và xã hội, tìm tòi những tài năng mới, những sáng tạo mới. Khâu "định hướng" có tầm quan trọng của nó: *Độc để làm gì?* Nó liên quan chặt chẽ với câu hỏi mà loài người đã đặt ra từ nhiều thế kỷ: *Viết để làm gì?* Chức năng chủ yếu của văn học là làm đẹp trái tim, tâm hồn con người, là mở rộng mãi mãi tình cảm phong phú của con người, cởi mở hay tiềm ẩn, là nâng cao đến vô cùng tận những xúc cảm tế nhị hay mãnh liệt của con người, vươn tới tự do, dân chủ, tình thương yêu, tức là khát vọng ngàn đời của nhân loại. Như vậy, thông qua ngôn từ văn chương, ngôn từ sống động, sinh sôi nảy nở, ngôn từ chứa đựng ký ức, gợi mở tương lai, ngôn từ vạn năng, bao gồm khả năng nhận thức, giáo dục, giải trí và nhiều khả năng khác, song bao giờ cũng phải thông qua cái đẹp của tình cảm chứa đựng trong ngôn từ văn chương hàm chứa nhiều ý nghĩa.

3) Đi tìm các mã của văn bản, giải các mã đó, các mã đặc trưng của phong cách mỗi nhà văn. Các thao tác phân tích, thống kê, đối chiếu liên văn bản, tra cứu

tiểu sử, lịch sử v.v... là cần thiết, song không đủ. Người phê bình phải có sức mạnh cảm thụ của trực giác và tâm linh. Người đọc càng có kiến thức rộng và mở, sức cảm thụ càng nhạy bén, thì việc đọc càng có hiệu quả.

4) Cuối cùng, đọc văn chương là một hoạt động sáng tạo người đọc đánh giá tác phẩm theo định hướng của mình.

Vì vậy, đào tạo phương pháp, rèn luyện thói quen đọc văn chương là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

Một câu hỏi được nhiều hội nghị quốc tế về *Đọc văn chương* đặt ra là: *Trách nhiệm đào tạo người đọc thuộc về ai?* Tôi nghĩ trước hết, đó là trách nhiệm của nhà trường; tiếp sau thời gian đào tạo ở trường (hoặc song song với thời gian này) là trách nhiệm của báo chí văn học, của các nhà phê bình, nghiên cứu văn học, những người viết sách lý luận, phê bình, chân dung lịch sử văn học.

Văn học, nghệ thuật là những nhu cầu không thể thiếu của bất cứ ai, gọi là con người. Yêu văn chương là một bản chất của người. Từ thuở ấu thơ, con người đã say mê truyện, thơ. Với truyền thuyết *Nghìn lẻ một đêm* loài người từ xưa không ngớt kể truyện, dùng kể là chết! Nhà trường có trách nhiệm đào tạo người đọc văn chương. *Ai đọc?* Từ trường mẫu giáo đến trường đại học, người đọc là các cô bé, các chú bé, các thiếu niên, thanh niên. *Đọc gì?* Đó là chương trình bộ môn Văn nhà trường. *Đọc thế nào?* Đó là phương pháp giảng dạy, phương pháp tiếp cận văn chương. Đồng thời, người đọc được rèn luyện qua báo chí và sách văn học.

Đánh giá việc đào tạo người đọc hiện nay ở nước ta, là một vấn đề "khổng lồ"; có thể dự đoán có bao nhiêu người bàn luận là có bấy nhiêu ý kiến khác nhau, có thể mâu thuẫn nhau, xung đột nhau. Riêng tôi, tôi thoáng nghĩ một cách khái quát và sơ bộ: Việc đào tạo người đọc ở nhà trường của báo và sách văn học đã đạt những thành tựu to lớn (xem những bộ sách giáo khoa văn học, những sách báo văn học đồ sộ trong các thư viện lớn thì rõ). Song, nhìn chung, hình như những tiếng nói ấy đơn điệu, không phong phú nhiều giọng. Không nhiều phong cách. Cho nên việc đào tạo nghèo nàn, có thể bị đe dọa trở thành xơ cứng, máy móc. Việc cần làm hiện nay là sử dụng nhiều phong cách tiếp cận văn chương để giảng bài và viết báo, viết sách. Có như vậy, giảng văn, sách báo mới đa dạng, nhiều sức sống, mới có khả năng phát huy tinh thần dân chủ, óc sáng tạo của người đọc.

Đọc văn chương là một khoa học xứng đáng được các thầy giáo, cô giáo quan tâm, các nhà phê bình, nghiên cứu hội thảo.

ĐỖ ĐỨC HIẾU

(*Thi pháp hiện đại* - NXB Hội Nhà văn, 2000)

Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc

Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, văn võ song toàn; văn là chính trị; chính trị cứu nước, cứu dân, nội trị, ngoại giao, "mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn nghìn thu" (*Bình Ngô đại cáo*); võ là quân sự: chiến lược và chiến thuật, "yếu đánh mạnh, ít địch nhiều,... thắng hung tàn bằng đại nghĩa" (*Bình Ngô đại*

cáo), văn và võ đều là võ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao: "viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời" (Lê Quý Đôn), "văn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế" (Phan Huy Chú). Thật là một con người vĩ đại về nhiều mặt trong lịch sử nước ta!

Chúng ta thường nói: ôn cũ biết mới. Phải nói thêm: từ mới hiểu cũ. Chỉ có chúng ta, những người đã đập đổ chế độ cũ và dựng lên chế độ mới, chế độ người dân làm chủ, chỉ có chúng ta, những người vũ trang bằng quan điểm duy vật lịch sử, mới nhìn thấy một cách đúng đắn những sự kiện của lịch sử và đánh giá một cách công minh người và việc. Dưới con mắt sáng suốt đầy nhiệt tình của chúng ta, Nguyễn Trãi, đời sống và hoạt động, tâm tư và chí hướng, thơ và văn, tóm lại toàn bộ sự nghiệp và con người của Nguyễn Trãi sống dậy, lớn lên, và hướng tới chúng ta. Đối với người và việc của lịch sử, thời gian trôi qua dần dần làm lu mờ cái gì còn đục, chưa thật trong, ngược lại, làm thêm sáng tỏ những giá trị chân chính, những cống hiến thật quý cho thời đại và con người. Nguyễn Trãi không sợ thời gian. Nguyễn Trãi sẽ sống mãi mãi trong trí nhớ và tình cảm của người Việt Nam ta. Và chúng ta còn phải làm cho tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Trãi rạng rỡ ra ngoài bờ cõi nước ta.

Nhớ Nguyễn Trãi, chúng ta nhớ người anh hùng cứu nước, người cùng Lê Lợi làm nên sự nghiệp "Bình Ngô" người thảo *Bình Ngô đại cáo*. Nguyễn Trãi là một người yêu nước, yêu nước sâu sắc, mạnh mẽ, thiết tha, với tâm hồn và khí phách của người anh hùng. Đối với Nguyễn Trãi, yêu nước là thương dân, để cứu nước phải dựa vào dân, đem lại thái bình cho dân, cho mọi người. Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước thương dân: cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân.

Nguyễn Trãi suốt đời mang một hoài bão lớn: làm gì cho dân, người dân lâm than cực khổ. Bắt đầu *Bình Ngô đại cáo* có câu: "Việc nhân nghĩa cốt ở an dân", chữ "an" ở đây có nghĩa an cư lạc nghiệp, cùng một ý với câu cuối của *Bình Ngô đại cáo*: "nền thái bình muôn thuở". Nguyễn Trãi là tác giả của *Dư địa chí*, một cuốn sách có giá trị về địa lý, lịch sử, kinh tế, chính trị của nước ta thời bấy giờ. Đáng tiếc Nguyễn Trãi không có đủ cơ hội đem tất cả chí hướng và tài năng của mình cống hiến cho nước, cho dân, cho người đời. Nhưng nghĩ cho cùng, không thể khác được. Đối với triều đình nhà Lê lúc bấy giờ, sau khi "bốn biển đã yên lặng", Nguyễn Trãi nhân nghĩa quá, trung thực quá, thanh liêm quá. Nguồn gốc sâu xa của thảm án vô cùng đau thương của Nguyễn Trãi bị "tru di" ba họ là ở đó.

Chúng ta hãy ngắm nghĩ hai câu thơ (chữ Hán) dưới đây của Nguyễn Trãi:

*Họa phúc hữu môi phi nhất nhật,
Anh hùng di hận kỷ thiên niên.*

tạm dịch tiếng Việt:

*Họa phúc có nguồn, phải đâu một buổi,
Anh hùng để hận hàng mấy nghìn năm.*

Hình như Nguyễn Trãi muốn trối mối hận của mình cho đời sau!

Nhớ Nguyễn Trãi là nhớ người anh hùng cứu nước, đồng thời là nhớ nhà văn lớn, nhà thơ lớn của nước ta.

PHẠM VĂN ĐỒNG

(Tuyển tập văn học, NXB Văn học, 1996)

Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc

Bình sinh Hồ Chủ tịch là người rất giản dị, lão thực. Vĩ nhân, thật vĩ nhân bao giờ cũng giản dị, lão thực. Đã cầu kỳ là thiếu bản lĩnh, cố làm trò để đánh lừa thiên hạ và hậu thế. Vua Nghiêu, vua Thuấn, chúa Giêdu là những người giản dị, lão thực. Ông Lenin, ông Tôn Văn, thánh Găngđi cũng là những người giản dị, lão thực. Bậc đại khoa học, đại văn hào cũng vậy. Trái lại Hítle là một kẻ gian hùng. Còn bên cạnh Hítle, Mút-xô-lini chỉ là một thằng hề.

Xem một đôi bức ảnh Hồ Chủ tịch, có người nói mắt Người có hai con ngươi, và tin rằng vì chỗ đó, Người là một ông thánh. Làm gì có chuyện hoang đường như thế! Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lắm đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy những cái mọi người không nhìn thấy: hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to.

Hồ Chủ tịch là người Việt Nam. Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết. Ngót ba mươi năm bốn tẩu bốn phương trời, Người vẫn giữ thuần túy phong độ, ngôn ngữ, tính tình của một người Việt Nam. Ngôn ngữ của Người phong phú, ý vị như ngôn ngữ người dân quê Việt Nam; Người khéo dùng tục ngữ, hay nói ví, thường có lối châm biếm kín đáo và thú vị. Làm thơ, Người thích lối ca dao vì ca dao là Việt Nam cũng như núi Trường Sơn, hồ Hoàn Kiếm hay Đồng Tháp Mười vậy. Mấy mươi năm xa cách quê hương, Người không quên mùi vị những thức ăn đặc biệt Việt Nam như cà muối, dưa chua, tương ớt, và ngày thường bây giờ, Người vẫn ưa thích những thứ ấy. Ngay sau khi về nước, gặp Tết, Người không quên mừng tuổi đồng bào hàng xóm và quà bánh cho trẻ em, tuy chỉ có mấy đồng xu, nhưng cũng bọc giấy hồng đơn cẩn thận, tiêm tất. Bình sinh như thế, đứng địa vị Chủ tịch Chính phủ kháng chiến kêu gọi quốc dân, Người dùng những lời nói thống thiết đi sâu vào tâm hồn Việt Nam: "Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng".

Lối ăn ở của Hồ Chủ tịch giản dị như thế nào, chúng ta đã từng biết. Lúc ở chiến khu, Người sống chung với anh em trong một cơ quan, làm việc, học tập, ăn ở, sinh hoạt nhất nhất như anh em. Có những lúc vì gạo thiếu hay khí hậu nặng, cần ăn ít một chút, Người cũng vui vẻ chịu đựng cùng anh em. Kể ra, Người có chỗ được biệt đãi: đó là bát nước cơm mà anh Lộc, đồng chí cấp dưỡng lành nghề và thân mến của chúng tôi lúc ấy, bao giờ cũng để dành riêng cho Người, từ biên giới Cao Bằng cho đến Tân Trào, trước khi về Hà Nội. Ở Hà Nội, Chủ tịch Chính phủ có phòng làm việc, phòng tiếp khách, nhiều khi chủ tọa những bữa tiệc long trọng, nhưng bình thường ngày hai bữa, Chủ tịch Chính phủ cùng nhân viên đều ăn chung.

Người vẫn thích đi bộ, tắm sông, hút thuốc lá và thỉnh thoảng uống một ly rượu thuốc trong bữa cơm. Trước đây, Người đi một ngày 50 cây số là thường và có

thể đi như thế ngày nọ qua ngày kia. Lúc ở Côn Minh, sáng nào Người cũng đi bộ một vòng quanh thành phố. Ở Liễu Châu, mùa đông, một hôm tướng Trương Phát Khuê đi ngựa dạo buổi sớm gặp Người tắm trên sông, Trương tướng quân lấy làm lạ một người ở phương Nam châu Á chịu rét giỏi đến thế. Ở Cao Bằng, có lúc cơ quan đóng tại một cái suối lớn vừa ở trong hang đá chảy ra, nước trong xanh biếc dưới bóng mát của rừng cây; Hồ Chủ tịch suốt ngày làm việc ở đó với cái máy chữ "Hétmét" luôn luôn đi theo Người từ năm 1938 đến khi về Hà Nội.

Ở rừng, Hồ Chủ tịch chủ trương tránh ăn no, không ngủ trưa; hoạt động thân thể, buổi sáng thể dục, buổi chiều làm vườn, lúc cần đi vác củi cho đồng bào. Suốt trong thời gian ở thượng du Bắc Bộ, trước cuộc khởi nghĩa, nhiều ngày Người luôn tay nắm một hòn đá tròn bầu dục, cốt để luyện gân tay và hoạt động cơ thể. Người ít ưa dùng thuốc, chỉ lúc nào sức cơ thể không chống nổi bệnh thì mới dùng. Ở Hà Nội, bác sĩ Tùng, bác sĩ Cẩn chuyên lo sức khỏe của Người, nhưng không mấy khi Người phiền đến. Ở Pháp, anh em buộc bác sĩ Cưu ở bên cạnh Người, nhưng rồi bác sĩ làm việc văn phòng nhiều hơn việc thầy thuốc. Sinh hoạt chiến khu thường cực lắm. Có lần suốt mấy tháng mùa mưa, Hồ Chủ tịch ở trong một cái hang chật hẹp, ẩm thấp, ban đêm sâu bọ ở ngoài tràn vào. Lúc ấy vì cơ sở quân chúng kém, nên phải ẩn nấp trong hang cùng, và cũng vì cơ sở quân chúng kém, nên dẫu ẩn nấp trong hang cùng, mà cũng không yên, thường vẫn phải chạy "cảnh báo". Hễ có "cảnh báo" là phải mang hết đồ đạc chạy lánh đến một chỗ an toàn hơn. Lúc ấy Hồ Chủ tịch yếu, nhưng bất kỳ đêm ngày, hễ có tin địch là mấy phút sau Người đã sẵn sàng trước anh em, tay xách máy chữ.

Lúc đến Pháp, ngay hôm gặp đầu tiên, lối ăn ở giản dị của Hồ Chủ tịch làm cho kiều bào rất cảm động. Hôm ấy, tại Biarít, đại biểu kiều bào đến thăm Người, hồi hộp và sung sướng. Khách đông, phòng khách không đủ ghế ngồi; giản dị, Hồ Chủ tịch ngồi xuống sàn và mời mọi người ngồi thế nói chuyện. Đây không phải vị Chủ tịch Chính phủ, đây là người cha già ân cần và thân mật hỏi thăm đàn con bao năm lưu lạc ở quê người.

Hồ Chủ tịch, người giản dị ấy, cũng là người lịch sử một cách thanh tao cao quý và mọi người ngoại quốc có dịp tiếp chuyện Người đều ca ngợi cái phong độ thanh tao cao quý mà họ cho là đặc sắc của người phương Đông. Ở chiến khu, trong cơ quan, Hồ Chủ tịch thường mặc bộ đồ xanh, chân đi đất; về Hà Nội, người mặc bộ đồ ka-ki, chân đi giày vải. Nhưng sang Pháp thì Người mang giày da và mặc một bộ đồ nỉ, cổ đứng. Ở Pari, có ngày Hồ Chủ tịch tiếp luôn ba bữa cơm khách, bữa sáng với bạn thân, bữa trưa với khách thường, bữa tối với khách đặc biệt, mỗi bữa có khi kéo dài ba tiếng đồng hồ, nhưng Hồ Chủ tịch thủy chung vẫn ân cần niềm nở.

Hồ Chủ tịch rất vui tính, vì vốn có cái tính lạc quan của những người quyết chiến quyết thắng ngày nay và quyết xây đắp đời sống tốt đẹp cho dân tộc ngày mai. Trong những bữa cơm, tiệc trà thân mật giữa nhân viên cao cấp Chính phủ, Hồ Chủ tịch vui thú, nói chuyện, làm thơ, khôi hài. Một đôi khi Người thoát đến những buổi dạ hội tung bừng ở nhà hát lớn Hà Nội, các cháu thiếu nhi quây quần lại,

nhưng một lát sau, Người nhẹ bước biến đi đâu mất. Người thích hoa và có kể câu chuyện ở Nga cũng như ở các nước Âu, Mĩ, người ta dùng máy bay chở các thứ hoa ở xa về để trang điểm đời sống hàng ngày ở các đô thị lớn. Nhưng trong vườn hoa Chủ tịch phủ, hoa ngày càng nhường chỗ cho khoai, bắp. Gần Côn Minh có núi Tây Sơn, một thắng cảnh có tiếng; một hôm anh em muốn đi xem, Hồ Chủ tịch bảo: "Nếu tiện lắm sẽ hay; chúng ta là người cách mạng chứ không phải kẻ du lịch".

Đời sống của Hồ Chủ tịch là một đời sống khắc khổ, cần lao và tranh đấu. Người lãnh tụ của một dân tộc mất nước không thể có một đời sống khác. Phải khắc khổ, cần lao và tranh đấu để mưu cầu hạnh phúc ngày mai. Có người em đời sống nghiêm khắc ấy không còn chỗ cho tình cảm. Nhưng chính Hồ Chủ tịch thường nói: người cách mạng là người rất giàu tình cảm, và vì giàu tình cảm nên làm cách mạng. Người mà cả dân tộc tôn làm vị cha già của mình phải có lòng thương mến mong xúc động đến tâm can của mọi người. Trong thời kỳ bí mật, phút mặc niệm chiến sĩ cách mạng là lúc Hồ Chủ tịch rơi nước mắt. Tại Quốc hội, Hồ Chủ tịch vừa khóc vừa ôm hôn anh Nguyễn Văn Tạo sau khi anh đọc một bài diễn văn thống thiết về Nam Bộ.

Người xưa nói: Có việc phải lo, lo trước thiên hạ, có việc đáng vui, vui sau thiên hạ. Hồ Chủ tịch nói một cách giản dị và thống thiết hơn: "Một ngày đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên".

Câu nói đó đã bộc lộ tâm trạng Người, mối tình cảm ruột thịt bao bọc trăm họ của đại gia đình Việt Nam.

Đối với người giản dị và lão thực ấy, một câu nói là một việc làm và có làm thì mới nói. Giản dị và lão thực trong sự ăn ở, tính tình, trong lời nói, viết, Người cũng giản dị và lão thực trong chủ trương chính trị nữa. Dân tộc Việt Nam bây giờ muốn gì? Muốn thống nhất, độc lập, muốn ấm no, muốn biết chữ, muốn đời sống bớt tối tăm. Cho nên Hồ Chủ tịch chủ trương: đoàn kết kháng chiến, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, đời sống mới. Dân tộc Việt Nam quyết tâm và mỗi ngày tiến mạnh trên con đường sống còn sau lưng Hồ Chủ tịch.

Hồ Chủ tịch thật là hiện thân của dân tộc Việt Nam và mọi người Việt Nam đều thấy mình trong Hồ Chủ tịch.

Sức mạnh của Hồ Chủ tịch và sức mạnh của dân tộc Việt Nam là ở chỗ đoàn kết thống nhất ấy.

PHẠM VĂN ĐỒNG

(*Tuyển tập văn học*, NXB Văn học, 1996)

Làm cho tiếng nói trong sáng, giàu và phát triển

Ta đặt vấn đề này trong lúc nào đây? Trong tình trạng văn học, ngôn ngữ đang tiến lên, chứ không phải đang lùi lại. So với xưa, chúng ta rất biết ơn cha ông, nhưng thế hệ, thời đại chúng ta có những công trình không hổ thẹn với quá khứ. Cha ông không được trông thấy một nền văn xuôi phong phú như ngày nay. Về thơ

chẳng hạn, còn lâu ta mới có được một viên ngọc trọn vẹn như *Truyện Kiều*, nhưng phải đâu thời đại chúng ta từng lúc, từng mảng đã không đạt được những cái đẹp mới mà Nguyễn Du không thể đạt được.

Nhìn như vậy để chúng ta đặt vấn đề một cách bình tĩnh hơn, thoải mái hơn: Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Vâng, giữ gìn sự trong sáng và phát triển của nó. Nhưng vấn đề hiện nay là ở chỗ nào? Ở chỗ trong sáng? Không trong sáng? Hay ở những chỗ khác?

Thực vậy, cái nguy bây giờ không phải chỉ ở chỗ ta vay mượn quá nhiều nên làm cho tiếng Việt kém trong sáng. Cái nguy là ở chỗ ta vừa không trong sáng, lại vừa nghèo đi, vì bỏ mất, đánh rơi nhiều tiếng nói, cách nói phong phú của dân tộc. Chỉ một truyện cây lúa thôi, mà biết bao sáng tạo về ngôn ngữ trong dân gian:

- Gió đông là chồng lúa chiêm

Gió bắc là duyên lúa mùa.

- Được mùa lúa, úa mùa cau

Được mùa cau, đau mùa lúa.

Bởi thế, tôi muốn đồng thời với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải giữ gìn sự giàu có, muôn vàn giàu có của nó. Chúng ta vốn có thói quen tự ti, khẳng định lại một lần nữa sự giàu có của tiếng nói dân tộc, cũng là một điều quan trọng chứ sao.

Bây giờ tôi sẽ nói qua vấn đề trong sáng. Quan niệm về sự trong sáng cũng như quan niệm về dân tộc, không phải là một cái gì tuyệt đối cố định. Có sự trong sáng quay lại sau, lấy cha ông làm mẫu mực tuyệt đối, nhưng có sự trong sáng nhìn ra trước, mở đường đi cho con cháu mai sau. Có sự trong sáng dân tộc hẹp hòi, chỉ biết say mê ngắm nhìn dân tộc mình, nhưng có sự trong sáng đặt dân tộc mình là một bộ phận của nhân loại. Có trong sáng động và trong sáng tĩnh, trong sáng giàu và trong sáng nghèo.

So với lời văn cộc lốc của Nguyễn Công Hoan, xô bồ hỗn độn của Nguyên Hồng, phức tạp đến rối rắm của Nguyễn Tuân thời trước Cách mạng thì văn nhà Tự lực có vẻ trong sáng đấy. Nhưng mà sao trong sáng một cách nhẩn nhai, bảnh bao, diêm dúa, trơn tru làm vậy. Đây là hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng của một khu vườn nhàn nhã hơn là cái um tùm sâm uất của một khu rừng! Tôi không bênh vực cho ai lấy cớ mình là "rừng" để mà viết ẩu! Nhưng vấn đề tôi muốn đặt ra là ta sẽ bảo vệ một sự trong sáng nào vậy? Ngày nay, trong văn học ta, bên cạnh cái hiện tượng làm xấu tiếng Việt văn học đi, không phải không có cái khuynh hướng làm đẹp, làm đẹp nó một cách đáng sợ. Một bên lấy cớ là để cho thực, cho có tính thời đại, họ đã dung tục hóa thơ ca, làm cho bài thơ không khác lời nói thường, không khác một bản báo cáo là mấy chút. Họ sẵn sàng viết:

Lúa trọng điểm này là tốt nhất

Bởi ta đã thảo luận ba lần thâm canh tăng năng suất.

Một bên khác thì lại lấy cớ để cho đẹp, cho dân tộc, nên họ đã thi vị hóa thi ca, làm những bài thơ "nên thơ", xa rời ngôn ngữ của đời. Trong thơ các bạn này,

hoa mạn, hoa đào, hoa ban nở dễ hơn hoa dong riềng hay hoa râm bụt. Họ thích con hải âu, con én, và không dám viết con cóc hay con ếch ương. Bởi thế chúng ta cần định rõ quan điểm trong sáng của chúng ta cho thật chính xác thì mới kết đoàn được mọi người và mở rộng lối đi.

Chúng ta đang ở trong một thời đại mà từ vựng ta, thậm chí cả ngữ pháp ta, chịu nhiều biến động. Một mặt chúng ta giữ gìn sự trong sáng của từ vựng, của ngữ pháp dân tộc, nhưng một mặt chúng ta phải làm giàu thêm cho ta nhiều từ vựng mới, nhiều quy luật mới về ngữ pháp mà thời đại đem đến cho ta.

Không lý gì Nguyễn Du cách đây hơn trăm năm đã có những cách nói:

Đoạn trường số rút tên ra

Đoạn trường thơ, phải đưa mà trả nhau

mà bây giờ ta còn nệ cổ hơn cả Nguyễn Du.

Không có lý gì các dân tộc anh em ở Tây Nguyên viết: Mái nhà dài bằng tiếng ngân của một cái chiêng, hiên trước dài như hơi thở của con ngựa,... thế mà ta vẫn bảo thủ, thủ cựu trong cách nói của mình. Có những cách cày bừa tăng năng suất cho cây trồng. Có những cách dùng chữ, viết văn tăng năng suất cho ý. Ta phải dùng các cách ấy.

Người Việt Nam dù ở thời đại nào cũng phải nói tiếng Việt Nam theo ngữ pháp Việt Nam. Nhưng người Việt Nam ở thế kỷ xét xử không viết và nói giống hệt như thế kỷ XVIII, XIX nữa.

Phải bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Nhưng ở đây là ta bảo vệ một cái gì đang sinh sôi, nảy nở, chứ không bảo vệ cái đã phát triển hết sức và nay đã ổn định rồi.

Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận dọc đường đi của mình những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy, một mặt nó phải giữ gìn bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại mang lại, và các dân tộc khác đem lại.

CHẾ LAN VIÊN

(Suy nghĩ và bình luận, NXB Văn học, 1997)

Thái độ của người yêu nước Việt Nam trước cái chết

Mỗi ai nghiên cứu chủ nghĩa anh hùng Việt Nam đều tỏ lòng khâm phục đặc biệt đối với thái độ của người Việt Nam yêu nước trước cái chết vì nước; Hai Bà Trưng nhờ dòng sông Hát mà về với Lạc Long Quân, không chịu để Mã Viện bắt.

Trần Bình Trọng "thà làm quỷ nước Nam, không làm vương đất Bắc".

Sa cơ, vua tôi nhà Hậu Trần (Quý Khoáng, Đặng Dung, Nguyễn Sứ) đều tự tìm cái chết ở dọc đường, không chịu làm hàng thần lơ lảo ở kinh đô nhà Minh. Trong lịch sử Việt Nam, loại gương ấy đã nhiều lại rất sáng. Thời chiến, vấn đề sống chết được tiếp tục bàn như một nguồn cảm hứng của thi văn. Biết bao thế hệ Việt Nam đã bước qua cái chết để tìm đường sống? Lời nói: "Thà chết trong miệng sài lang còn hơn sống trong tay quân xâm lược", "Chết vinh còn hơn sống nhục",

những châm ngôn đó là cho tất cả những chân thành yêu nước bất kỳ xứ nào, nhưng ở Việt Nam, người yêu nước thấm nhuần cả một triết lý đặc sắc về sống chết và đã biểu hiện ra bằng những sáng văn bất hủ, những cử chỉ đầy khí phách bi hùng, có tác dụng giáo dục tư tưởng cho người đương thời và cho các thế hệ sau.

Sắp bị đem ra chém mà Hồ Huân Nghiệp, người Gia Định thừa bình tĩnh, rửa mặt, sửa sáo, khăn, ung dung ngâm bốn câu thơ, mới nghe thì tưởng như Nghiệp sắp đi vào vấn an mẹ già buổi sáng hay vào lớp giảng bài cho học trò:

*Thấy nghĩa lòng đâu dám hững hờ
Làm trai ngay thảo quyết tôn thờ
Thân này sống chết không màng nhắc
Thương bấy mẹ già tóc bạc phơ.*

Trước khi bị hành hình, Nguyễn Duy Cung, người Quảng Ngãi, cắn ngón tay lấy máu viết cả một bài hịch dài, tự xác định:

*... Thà làm ma có hồn trung vía nghĩa
Không làm người đeo mặt ngựa đầu trâu
Chín phần chết thà quyết chẳng từ
Sống dầu nấu vạc xanh không nản chí.*

Và kêu gọi đồng bào: "Xin trong tay sắp sẵn qua mâu, lòng địch khái hay còn chưa mất. Hãy cùng nhau gọn gàng giáp trụ, chí cần vương còn mạnh chưa quên".

Khí phách y như người chuẩn bị một trận đánh. Bài hịch của Nguyễn Duy Cung quả là một trận đánh, trận cuối cùng, trong đó người viết hịch chỉ có thể thắng.

Biết bao nhiêu người khác cũng vậy: bình tĩnh trước cái chết. Chết mà còn nghĩ đến chiến đấu và chiến thắng sau này. Nguyễn Cao, người Bắc Ninh:

*Nào gươm sóc, nào thơ trên trời, nào cọc Bạch Đằng
Khí thiêng lên xuống chín tầng mây
Hãy hóa thành mưa, sấm, sét,
Rửa tanh hôi cho dòng nước trôi đi.*

Hoàng Trọng Mậu, người Nghệ An, làm câu đối tuyệt mệnh, đặt hy vọng vào đàn em:

*Yêu nước tội gì, chỉ có tinh thần là không chết,
Ra quân chưa được, nguyện đem tâm sự gửi về sau.*

Bị giam ở nhà lao Thừa Thiên, bà ấu Triệu cắn tay lấy máu làm thơ trước khi tự vẫn:

*Suối vàng gạt lệ gặp Bà Trưng
Máu thấm hồn quên khóc thảm thương
Lạy Phật, thân này còn hóa kiếp,
Tay xin nghìn cánh, cánh nghìn thương.*

Bình luận sẽ làm giảm tứ thơ.

Chủ nghĩa anh hùng Việt Nam thật là tuyệt diệu ngay cả ở lúc người anh hùng sắp bị hành hình. Tinh thần người chết tiếp sức cho người sống nối chí mình. Trong ý nghĩa đó, cái chết anh hùng là bất tử.

TRẦN VĂN GIÀU

(Triết học và tư tưởng, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1988)

Khan hiếm nước ngọt

Nhìn vào bản đồ thế giới, đâu đâu ta cũng thấy mênh mông là nước. Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ lớn nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì biển cả. Cảm giác đó khiến nhiều người trong chúng ta tin rằng thiếu gì thì thiếu chứ con người và muôn loài trên quả đất không bao giờ thiếu nước. Xin được nói ngay rằng nghĩ như vậy là nhầm to. Đúng là bề mặt quả đất mênh mông là nước, nhưng đó là nước mặn chứ đâu phải là nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được. Hai phần ba nước trên hành tinh mà chúng ta đang sống là nước mặn. Trong số nước ngọt còn lại thì hầu hết bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực và trên dãy núi Hi-ma-lay-a. Vậy thì con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ở sông, suối, đầm, ao, hồ và nguồn nước ngầm. Số nước ngọt như vậy không phải là vô tận, cứ dùng hết lại có mà đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người. Đủ thứ rác thải, từ rác thải vô cơ, hữu cơ, những thứ rác có thể tiêu hủy được tới cả những thứ hàng chục năm sau chưa chắc đã phân hủy, cả những chất độc hại được vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối. Như vậy là nguồn nước sạch lại càng khan hiếm hơn nữa.

Theo tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh có khoảng hai tỉ người đang sống trong cảnh thiếu nước ngọt để dùng trong sinh hoạt hàng ngày. Dự báo tới năm 2015 một nửa dân số trên hành tinh sẽ rơi vào hoàn cảnh không đủ nước để dùng. Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ, con người ngày càng sử dụng nước nhiều hơn cho mọi nhu cầu của mình, trong khi dân số thì ngày mỗi tăng lên. Người ta đã tính được những phép tính đơn giản rằng để có một tấn ngũ cốc cần phải sử dụng 1.000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500 đến 1.500 tấn nước. Để có một tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3.500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghe gớm hơn: từ 15.000 đến 70.000 tấn. Rồi còn bao thứ con vật nuôi, cây trồng khác để phục vụ nhu cầu của con người, mà chả có thứ gì mà lại không cần có nước. Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi.

Mà nguồn nước ngọt lại phân bố rất không đều, nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm. Ở nhiều nơi, chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, để có chút nước ngọt, bà con phải đi xa vài cây số để lấy nước. Các nhà khoa học mới phát hiện ra rằng ở vùng núi đá này đang có nguồn nước ngầm chảy sâu dưới lòng đất. Để có thể khai thác được nguồn nước này sẽ vô cùng gian khổ và tốn kém vì khắp mọi nơi đều trập trùng núi đá.

Chớ nghĩ rằng nơi nào không có sông suối chảy qua thì cứ khoan sâu, khoan

thật sâu xuống lòng đất là có thể lấy được nước. Do việc sử dụng bất hợp lý và rất lãng phí, các nguồn nước ngầm cũng đang cạn kiệt dần. Thì ở khu vực Tây Nguyên, mấy năm nay, vào mùa khô, bà con ta phải khoan thêm rất nhiều giếng mới có thể có nước để dùng hằng ngày đấy thôi. Vùng Ca-ta-lô-nhi-a của Tây Ban Nha bao đời nay, mấy triệu người dân ở đây vẫn sống nhờ vào nước ngầm. Nay nguồn nước này đang cạn kiệt tới mức Nhà nước phải đàm phán với Pháp để dẫn nước ngọt từ sông Rôn sang nước mình. Nói như vậy để thấy mục tiêu mà nhà nước ta đề ra trong chiến lược quốc gia về cấp nước và vệ sinh nông thôn là phấn đấu để đến năm 2010 sẽ có 85% dân cư sống ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (60 lít/người mỗi ngày), và tới năm 2020 thì tất cả người dân sống ở nông thôn đều được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc gia. Để đạt được mục tiêu này cần một cuộc phấn đấu gian khổ, để có nước ngọt để dùng ở các vùng rộng lớn như vùng cao, vùng sâu, vùng xa - nơi địa hình phức tạp, mức sống của người dân còn rất thấp, đã rất khó huống chi phải có nước sạch, hợp vệ sinh cho sinh hoạt hằng ngày của người dân.

Nước ngọt đang ngày càng khan hiếm và để có nước sạch, hợp vệ sinh để dùng rất tốn kém. Vì vậy, cùng với việc khai thác các nguồn nước ngọt để dùng, con người ngày càng phải sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.

TRINH VĂN

(Báo Nhân dân, số ra ngày 15-6-2003)

Đạo đức cách mạng

Quyết tâm giúp đỡ loài người ngày càng tiến bộ và thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, luôn luôn giữ vững tinh thần chí công vô tư - đó là đạo đức cách mạng.

Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ; nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng.

Đại đa số chiến sĩ cách mạng đều là người có đạo đức: Cả đời hết lòng phục vụ nhân dân, sinh hoạt ngày thường thì làm gương mẫu: gian khổ, chất phác, kính trọng của công,... Đạo đức ấy có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp đổi xã hội cũ thành xã hội mới, và xây dựng Mĩ tục thuần phong.

Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bản cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hi sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng. Nhưng chúng ta biết rằng: Muốn cải thiện đời sống, thì trước phải ra sức thi đua phát triển sản xuất; và trước phải nâng cao mức sống của nhân dân, rồi mới nâng cao mức sống của cá nhân mình. Tức là: "Lo, thì trước thiên hạ; hưởng, thì sau thiên hạ".

Nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng: ảnh hưởng xấu của xã hội cũ làm cho một số đảng viên và cán bộ (trong Đảng và ngoài Đảng) hủ hóa. Họ tưởng rằng cách mạng là nòng cốt để làm cho họ có địa vị, được hưởng thụ. Do đó mà họ mắc những sai lầm: kiêu ngạo, chùng diện, hưởng lạc, lãng phí của công, tự tư tự lợi, không tiết kiệm đồng tiền bát gạo là mồ hôi nước mắt của nhân dân. Họ quên mất tác phong gian khổ phấn đấu, lạt lẽo với công việc cách mạng, xa rời Đảng, xa rời

quần chúng. Dần dần họ mất cả tư cách và đạo đức người cách mạng, sa vào tham ô, hủ bại và biến thành người có tội với Đảng, với Chính phủ, với nhân dân.

Để ngăn ngừa cái xấu ấy, Đảng ta từ trên đến dưới phải chú trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng, tăng cường tinh thần cảnh giác, mở rộng phê bình và tự phê bình.

HỒ CHÍ MINH

(*Tuyển tập văn chính luận*, NXB Giáo dục, 1997)

Thiếu sức tưởng tượng, tri thức không có tiềm năng phát triển

Dân ta thông minh, hiểu học, chuộng tri thức, nhưng còn nghèo trí tưởng tượng. Hãy bình tĩnh nhìn qua các kiểu nhà biệt thự mới mọc ở thành phố thời mở cửa và dạo qua các cửa hiệu, các chợ đầy ắp hàng nước ngoài. Từ quần áo đến đồ chơi trẻ em, từ đồ dùng văn phòng cho đến xe đạp, quạt máy. Nhiều hàng nội của ta không cạnh tranh được vì thua kém cả phẩm chất, hình dáng lẫn mẫu mã. Thật ra đã từ lâu chúng ta quen sao chép, ít chịu khó nghĩ ra ý tưởng mới. Nhìn lại cái giường, cái bàn cho đến cây bút, cái cặp... có thể nói 50 năm không hề thay đổi! Có lẽ do truyền thống học tập từ chương, khoa cử, ông bà ta bị gò bó quá nhiều, cho nên ta ít có những nhà tư tưởng lớn, ít có những công trình đồ sộ với sức tưởng tượng phóng khoáng, diệu kỳ. Ngay cả những tác phẩm văn học hay nhất cũng chủ yếu làm ta say đắm bởi văn chương mượt mà, gợi những tình cảm sâu sắc tha thiết, nhưng ít có hoặc không có những pho truyện lớn với tình tiết phức tạp, ý tưởng kỳ lạ tằm cỡ như *Tam quốc*, *Thủy Hử*, *Hồng lâu mộng* hay tiểu thuyết của V.Huy-gô, L. Tôn-xtôi, Ph. Đốt-xtôi-ép-xki.

Hơn bất cứ lúc nào, câu nói của Anh-xtanh cần được khẳng định: "Tri thức mà thiếu sức tưởng tượng dễ biến thành tri thức chết, tri thức không có tiềm năng phát triển". Biết và hiểu là cần để làm theo, đi theo, chứ hoàn toàn chưa đủ để sáng tạo, khám phá. Phải có trí tưởng tượng mới chấp cánh cho tri thức làm ra cái mới, mới tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh.

Ước mong một ngày trí tuệ Việt Nam chứng tỏ cho thế giới thấy sức tưởng tượng sáng tạo của mình trong xây dựng cũng không kém gì trong chiến đấu.

HOÀNG TỤY

Đam mê

Mỗi người trước sau phải rước một đam mê.

Đam mê phát nguyên từ bản chất con người vốn chất chứa nửa lý nửa tình, thường khởi đầu bằng lý và được nuôi dưỡng bằng tình. Thường là như vậy, vì lý trí vượt lên đầu để cân nhắc, chọn lựa. Trường hợp ngược lại, nếu đam mê được chọn trước tiên bằng tình, đam mê ấy có nguy cơ sa lầy.

Người không ham thích một cái gì cả là một người bệnh, một người không bình thường, hay là một người chuẩn bị đi tu, vì đã diệt dục. Nhưng ai dám bảo

người tu hành là người không đam mê? Vẫn là một người sống xuất thân trong một cảnh giới khác với vạn vật không còn nguyên hình tướng. Và đam mê một ý niệm thường mãnh liệt hơn đam mê một cái gì cụ thể.

Trong tình yêu, con người thường đòi hỏi hình ảnh bằng chứng và giá trị cụ thể, nhưng chính những cái cụ thể này, suy cho cùng, làm suy giảm tình yêu. Tình yêu lý tưởng vẫn là tình yêu suốt đời vươn tới và suốt đời không đạt.

Các bậc cha mẹ thường hay đón đường đam mê của con cái bằng cách mớm cho chúng nó một đam mê đầu đời: tập cho con thích vẽ, thích đàn và nhất là thích đọc. Đam mê học hỏi là đam mê không bao giờ phản bội con người.

Ngày nay, bởi có lắm cám dỗ châu chực ngay ngưỡng cửa gia đình và trường học, muốn cho con mình khỏi rơi vào một đam mê tội lỗi đen, cha mẹ nào cũng dốc sức làm lụng kiếm tiền cho con cái đầu tư vào một cuộc chơi có ích (chơi tem...) hay một môn thể dục thể thao (võ thuật...), mong sao cột buộc sinh lực và năng khiếu vào cỗ xe đam mê cho đưa trẻ trên con đường đời.

Đó cũng là đầu tư vào một đam mê để tránh rơi vào những đam mê khác.

Bản thân tôi đến nay hãy còn vào ra lớp học với một nỗi cần cù say mê trẻ mãi, ngay cả trong những giờ giấc không thuận lợi hay những ngày mưa dầm, nắng rát. Ngồi nhăm lại, tôi làm công việc như thế này đã trên bốn mươi năm. Làm sao vẫn cần cù, làm sao vẫn say mê? Tôi xuất thân tự hỏi: Cái tôi năm xưa và cái tôi năm nay vẫn là một chăng? Hóa ra bộ máy người cũng bền như (hoặc hơn) một cái máy cơ khí. Dầu mỡ thường xuyên nhỏ vào chiếc máy người là một niềm khao khát biết thêm, biết hơn hoàn toàn phi vật chất và những tế bào não bộ sẵn lòng bổ sung cho nhau trong một trường luân vũ thường xuân.

Giả như, do một trớ trêu nào đó của hoàn cảnh, tôi đam mê cờ bạc bốn mươi năm thì giờ đây tôi ra sao? Rất có thể tôi đang mặc một chiếc áo ren vàng rua bạc và rùng rùng dây kim khí và bây giờ tôi đang co ro vì gió lùa qua lỗ rách.

May quá, tôi chỉ đam mê với nghề dạy học. Tài sản mà tôi để lại gồm toàn giấy trắng mực đen và xác chữ.

Đam mê là một ngọn lửa mà các thế hệ nối tiếp truyền trao cho nhau. Khổ nỗi, phần phạt bốc cao cùng một lúc là ngọn lửa sinh tồn và ngọn lửa hủy diệt, cả hai quần quýt nhau bao nhiêu là để sớm loại trừ nhau bấy nhiêu. Sống chết đều bằng một ngọn lửa do ta tự đốt lên thôi.

BỬU Ý

(Tạp chí *Tia sáng*, 9-1999)

MỤC LỤC

TT		Trang
	Lời nói đầu	3
	<i>Phần một</i> ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO KĨ NĂNG LÀM CÁC BÀI VĂN TỰ SỰ, BIỂU CẢM, THUYẾT MINH	
	A. Ôn tập và nâng cao kĩ năng làm bài văn tự sự	5
	I. Một số lưu ý khi viết bài văn tự sự	5
	II. Thực hành viết bài văn tự sự	9
	III. Tham khảo	29
	B. Ôn tập và nâng cao kĩ năng làm bài văn biểu cảm	38
	I. Một số lưu ý khi viết bài văn biểu cảm	38
	II. Thực hành viết bài văn biểu cảm	42
	III. Tham khảo	64
	C. Ôn tập và nâng cao kĩ năng làm bài văn thuyết minh	65
	I. Một số lưu ý khi viết bài văn thuyết minh	65
	II. Thực hành viết bài văn thuyết minh	67
	III. Tham khảo	84
	<i>Phần hai</i> RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN	
	I. Một số lưu ý khi viết bài văn nghị luận	90
	II. Thực hành viết bài văn nghị luận	93
	III. Tham khảo	117

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (04)9724852 (04)9724770 Fax: (04)9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập : TRẦN THỊ LY

Sửa bản in: TRẦN VĂN THẮNG

Trình bày bìa: QUỐC VIỆT

Đối tác liên kết xuất bản:

CÔNG TY SÁCH - THIẾT BỊ GIÁO DỤC ĐỨC TRÍ

SÁCH LIÊN KẾT

Những bài văn mẫu dành cho học sinh lớp 10

Mã số: 2L - 228 ĐH2009

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Trung tâm Mỹ thuật ứng dụng

Số xuất bản: 600-2009/CXB/06-98/ĐHQGHN, ngày 30/06/2009

Quyết định xuất bản số: 228 LK-XH/XB

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2009.